NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

I

vh

VĂN HỌC

LÊ-TH[illegible] LỆ-HẰNG

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC Ả-RẬP

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

TRUYỆN KỂ

(Mười tập)

I

PHAN QUANG
dịch và giới thiệu

(In lần thứ hai, có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội — 1982

Dịch theo bản dịch tiếng Pháp
CONTES DES MILLE ET UNE NUITS của Antoine Galland
Nhà xuất bản FRÈRES GARNIER — Paris, 1962

LỜI GIỚI THIỆU

I

Nghìn lẻ một đêm, tác phẩm vĩ đại nhất của nền văn học Ả-rập từ cổ chí kim, là một trong những công trình sáng tạo đồ sộ và tuyệt diệu của nền văn học thế giới.

Đề tựa bản dịch tiếng Nga xuất bản năm 1929 ở Lênin grát, Macxim Gorki viết : « Trong số các di tích tuyệt diệu của sáng tác truyền khẩu dân gian, các Truyện cổ tích của nàng Sêhêrazát là di tích đồ sộ nhất. Những Truyện cổ tích này thể hiện, với một mức hoàn hảo kỳ diệu, xu hướng của nhân dân lao động muốn buông mình theo « phép nhiệm màu của những ảo giác êm đẹp », theo sự kết hợp phóng khoáng của từ ngữ thể hiện sức mạnh vũ bão của trí tưởng tượng hoa mỹ của các dân tộc phương Đông — người Ả-rập, người Ba-tư người Ấn-độ. Công trình dệt gấm bằng từ ngữ này xuất hiện từ thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng». (1)

Truyện mở đầu tất cả các truyện, giải thích lý do ra đời của tất cả các truyện, cái khâu đầu tiên của sợi dây chuyền vàng xuyên qua mọi tình tiết, liên kết chúng lại thành một chuỗi ngọc tuyệt tác muôn vẻ muôn màu rồi vòng trở lại để làm thành đoạn kết thúc, là truyện của một người con gái tài sắc vẹn toàn, thông minh rất mực, đã không quản hiểm nguy

(1) *Gorki bàn về văn học*. Nhà xuất bản Văn học 1970. Trang 324.

dám hy sinh tấm thân ngà ngọc của mình để cứu các bạn gái khỏi cảnh ô nhục và cái chết bi thương.

Ngày xưa có hai anh em cũng làm vua. Anh là hoàng đế nước Đại Ba-tư choán một phần lớn trái đất. Em là vua nước Đại Tác-ta-ri, chư hầu của anh. Một hôm, được lệnh của anh triệu về, em vội vã lên đường. Xa giá vừa ra khỏi kinh thành, đã nghỉ lại : nhà vua nhớ hoàng hậu, một mình lén trở lại cấm cung định tự tình với người vợ quý yêu một lần nữa, nhưng hỡi ôi ! nhà vua không được gặp hoàng hậu như ở trong cảnh nhớ nhung thao thức mà lại thấy hoàng hậu đang ngủ say trong lòng một người đàn ông khác ngay trên giường ngự của mình. Nổi giận, nhà vua chém chết đôi gian phu dâm phụ, ném xác xuống hào rồi lặng lẽ trở lại hành cung và ra lệnh khởi hành mà tuyệt nhiên không hé răng cho một ai hay biết nỗi khổ riêng đang vò xé lòng mình.

Song cũng từ buổi tối bất hạnh ấy, một nỗi buồn ghê gớm xâm chiếm nhà vua và thường xuyên lộ ra nét mặt. Cảnh hoàng đế thân hành ra đón từ ngoài kinh thành, cảnh hội hè yến tiệc, nghi lễ linh đình cũng như sự săn sóc chân tình của vua anh đều không thể làm tiêu tan mối sầu u ẩn. Nhà vua tự cho mình là người đau khổ nhất trần gian. Nhưng một hôm tình cờ nhà vua bắt gặp hoàng hậu, chị dâu của mình, ngoại tình với một tên da đen trong khi hoàng đế mải đi săn, vua em thấy nhẹ hẳn người. « À, ra không phải chỉ có ta là người đau khổ duy nhất. Vinh hiển, phú quý, quyền uy chấn động thiên hạ đến như hoàng đế anh ta mà bị vợ lừa dối ; vậy thì việc gì ta phải tự dày vò cho khổ thân ! »

Khi được tự mình chứng kiến hành động dâm ô của hoàng hậu, đến lượt vua anh cũng chán ngán, rủ vua em cùng nhau từ bỏ ngai vàng, từ bỏ mọi phú quý vinh hoa trên trần thế, ra đi tìm chốn ẩn thân đến trọn đời ở một nơi chân trời góc bể nào đó cho khuây khỏa nỗi buồn, cho nguôi đi vết nhục. Nhưng tình cờ — vẫn là sự tình cờ — hai vua bắt gặp một thần linh từ dưới đáy biển nổi lên ghé vào bờ, trên đầu đội một chiếc hòm thủy tinh khóa chặt bằng bốn chiếc khóa : để phòng ngừa vợ có thể không chung thủy, thần đã nhốt ả vào trong đó và giấu tận đáy đại dương, chỉ mở cho ra những khi nào mình cần yêu đương tình tự. Ấy thế mà người đàn bà đẹp này đã từng ngoại tình với những chín mươi tám người đàn ông khác — mỗi người, sau phút ái ân, phải để lại cho ả một chiếc nhẫn

làm kỷ niệm. Và mỉa mai làm sao ! hai nhà vua, hai ông chồng đang buồn rầu ngao ngán về thế sự này lại chính là những kẻ bị ả ép buộc phải làm những tình nhân bất đắc dĩ thứ chín mươi chín và thứ một trăm.

Vậy ra đàn bà ở đâu cũng vậy và ai cũng như ai thôi ! Không thể có một cách nào khác đủ hiệu lực ngăn ngừa để cho họ giữ vẹn lòng chung thủy với chồng. Chỉ còn một cách — hoàng đế nước Đại Ba-tư rút ra kết luận—là giết chết ngay người con gái vừa chung chăn gối, không để cho sống đến ngày hôm sau. Đó chính là cách trả thù đời, trả thù đàn bà, trả thù vợ của những ông chồng bị cắm sừng có trong tay quyền lực tối cao.

Từ buổi đó, một luật lệ mới được ban hành ở nước Đại Ba-tư, một luật lệ vô cùng dã man, hết sức khắc nghiệt. Vua truyền cho tể tướng cứ mỗi đêm bắt vào cung một cô gái trinh để hầu hạ mình, rồi rạng sáng hôm sau, khi đêm vừa hết, thì hạ lệnh giết chết.

Thế là cứ đêm đêm một cô gái trinh đi lấy chồng và sáng sáng một người đàn bà thiệt mạng.

Cảnh tang tóc bao phủ khắp kinh thành. Cung đình tràn ngập máu. Nỗi đau đớn xé lòng mọi người mẹ, người cha, người yêu, người chồng chưa cưới... Giữa lúc ấy xuất hiện cứu tinh, nàng Sêhêrazát, con gái yêu của chính tể tướng, kẻ có trách nhiệm thi hành mệnh lệnh tàn bạo của vua.

Sêhêrazát khẩn khoản xin cha mang mình hiến cho hoàng đế.

— Con điên hay sao ? — tể tướng kinh hoàng.

— Không, thưa cha, con hiểu rõ nỗi hiểm nghèo mà con sẽ phải trải qua nhưng nó không làm cho con kinh sợ. Nếu con có phải bỏ mình, cái chết sẽ quang vinh ; nhưng nếu con thành công, con sẽ giúp cho đất nước một công việc quan trọng.

Sêhêrazát vào hầu hoàng đế, chỉ xin mỗi một đặc ân, cho phép em gái nhỏ của nàng được ngủ cùng buồng với chị một « đêm cuối cùng ». Vua bằng lòng. Tảng sáng hôm sau, một giờ trước khi mặt trời mọc, cô em gái nhỏ, được dặn trước, liền gọi chị và khẩn khoản xin chị kể cho nghe « một trong những câu chuyện hay hay mà chị rất thạo. »

Tên vua độc ác, lúc xác thịt đã thỏa thuê, cũng muốn nghe một câu chuyện hay hay chờ trời sáng để cho thi hành luật lệ dã man của hắn.

Nàng Sêhêrazát bắt đầu kể.

Trời sáng rồi mà chuyện hay còn đang dở. Nhà vua nửa cần đi thiết triều, nửa lại muốn nghe nốt, liền cho hoãn lệnh xử tử người con gái đến ngày hôm sau.

Một đêm nữa, rồi lại một đêm nữa... chuyện vẫn dở chừng vào đoạn hay nhất thì vừa lúc trời sáng, và bản án tử hình lại phải hoãn.

Cứ thế một nghìn lẻ một đêm trôi qua.

Cứ thế, truyện này nối tiếp truyện kia, truyện sau lồng vào truyện trước, truyện này chưa hết truyện khác đã bắt đầu dường như vô tận. Trước mắt chúng ta, hiện lên không biết bao nhiêu là nhân vật : từ hoàng đế, tể tướng, hoàng tử, vương tôn, quan coi ngục, viên hoạn nô, tên cướp biển, lão chủ nô, mụ mối, đứa du thủ du thực cho đến lão lái buôn, bác phó cạo, anh thợ may, người vác thuê, nhà hàng thịt, cô hầu gái, chú tiều phu, nhà hiền triết, bậc tu hành, và phúc thần, và phù thủy, và ma quỷ, và tiên nương . . . Khi là cảnh cung đình rực rỡ đèn hoa, lộng lẫy ngọc ngà châu báu, khi là cảnh giật tàu cướp miếng ăn của ma mà sống, lúc chuyện xảy ra trong thế giới thần tiên, lúc ở nơi trần tục mà ngày nay ta quen gọi là đầu đường xó chợ. Về tôn giáo, có những người theo đạo hồi, đạo thiên chúa, đạo do thái, người thờ thần lửa... Về không gian, các chuyện xảy ra ở những nơi nay được ghi trên bản đồ là Ấn-độ và Sơri Lanca, Liên Xô và Trung Quốc, Gióocđani và Irăng, và đương nhiên trước hết là vùng Tây Á và Bắc Phi với Ai-cập, Irắc, Xyri . . . Tóm lại, khung cảnh rất rộng lớn, chủ đề rất đa dạng, tình tiết hết sức bất ngờ, ngôn ngữ vô cùng phong phú, nhân vật rất thực và cũng rất hư, quả khó có cách nào diễn tả cho gãy gọn nếu không trở lại mượn hình tượng Gorki đã dùng : *« những sợi tơ muôn màu lan khắp bốn phương, một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng phủ trên mặt đất »*.

Câu chuyện—hay đúng hơn là bộ sưu tập, là kho tàng những câu chuyện—mở đầu bằng những tình tiết gây ấn tượng không lấy gì làm tốt đẹp đối với người phụ nữ, đối với đức hạnh của những người vợ : nhưng cái nút vừa thắt lại thì đã tháo ra ngay làm bật rõ phẩm chất cao quý của một người con gái, trí tuệ sáng ngời của một người đàn bà, chứ

không phải là ai khác. Sèhêrazát nói với cha : « Nếu con có phải bỏ mình, cái chết của con sẽ quang vinh, nhưng nếu con thành công, con sẽ giúp cho đất nước một công việc quan trọng ». Toàn bộ tác phẩm mở đầu với hành động cực kỳ hung bạo, hơn cả súc vật, của một tên vua — bởi vì ngay loài cầm thú cũng không bao giờ con đực cắn chết con cái, làm như vậy là trái với tự nhiên, là tự mình diệt chủng — và kết thúc bằng một cử chỉ hoàn toàn hợp với tính người : sau đêm một nghìn lẻ một, bạo chúa tha chết cho nàng Sêhêrazat và hủy bỏ luật pháp dã man của mình mà trên thực tế đã không có dịp thi hành suốt một nghìn ngày lẻ một. Độc giả lúc gấp sách lại, hay thính giả khi người kể ngừng lời — vì đây là những truyện kể — hoàn toàn thỏa mãn : vừa thú vị về nội dung đặc sắc của các câu chuyện, vừa hài lòng về cách kết thúc hợp lý hợp tình. Không ai còn nhớ đến các hoàng hậu kém đức hạnh nữa, trong trí nhớ mỗi người hiện lên rõ đậm hình dáng một nàng Sêhêrazát cao quý, dũng cảm, thông minh, xinh đẹp tuyệt trần và chắc chắn là có giọng nói cực kỳ đáng mến.

Ngay từ đêm đầu, chúng ta đã thấy được nghệ thuật đặc sắc của những truyện sẽ kể tiếp trong một nghìn đêm sau.

II

Theo các nhà nghiên cứu, *Nghìn lẻ một đêm* ít ra là bản lưu truyền đến với chúng ta ngày nay, được định hình hẳn và giữ nguyên dạng ấy cho tận bây giờ, vào khoảng cuối thế kỷ 14 đầu thế kỷ 15 ở Ai-cập, vào thời kỳ mà cả nước này đã hoàn toàn theo đạo hồi. Nhưng thật ra sự xuất hiện của nó còn ngược lên đến thời xa xưa, bắt nguồn từ những truyện Ba-tư rất cổ và đã trải qua một thời kỳ phát triển lâu dài trước khi được viết thành văn.

Cũng như ở tất cả mọi nơi, các truyện kể dân gian không bao giờ là công trình sáng tạo của một người và có hình dạng hoàn chỉnh ngay từ đầu hay trong một thời gian ngắn. Thông thường xoay quanh một chủ đề cơ bản, được quần chúng tham gia, thời gian nhào nặn, tình tiết của câu chuyện phong phú dần lên, có khi biến dạng đi, và tất nhiên thay đổi ít nhiều tùy theo địa điểm và thời gian, bố cục chặt chẽ hơn cho đến một lúc nào đấy nó được những tài năng kiệt xuất chỉnh lý, định hình lần cuối, hoặc được nhân dân chấp nhận coi như dạng bản cuối cùng.

Các truyện kể được tập hợp trong công trình đồ sộ với cái tên phổ cập toàn thế giới *Nghìn lẻ một đêm* có lẽ bắt nguồn từ truyền thống các truyện dân gian xuất xứ ở miền đông — Đế quốc của hoàng đế Ả-rập. Xoay quanh những truyện này, một số truyện khác còn cổ hơn, có nguồn gốc Ấn-độ. Ba-tư hoặc Ấn — Âu được bổ sung vào. Một loại nữa là những câu chuyện lưu truyền phản ánh sinh hoạt của xã hội hồi giáo buổi sơ khai của thời trung cổ, tức là thời đại các hoàng đế Abátxít (1), trong đó một phần quan trọng dành nói về những chuyện phiêu lưu trên biển cả của những thương nhân đầu tiên bắt đầu mở rộng buôn bán với nước ngoài qua đường biển. Tất nhiên nội dung nhiều truyện vay mượn từ kho tàng cổ tích của người Ấn-độ, của Tây Âu chẳng hạn có những điểm chung giống những truyện cổ ở Trung Quốc, ở Nam Á. « Vay mượn không phải bao giờ cũng là xuyên trạ, đôi khi việc vay mượn bổ sung cho truyện và làm cho nó đã hay càng hay hơn.» (2)

Những người kể chuyện rong mang những chuyện đó đi kể ở các nơi, và tất nhiên trong quá trình ấy họ gọt đẽo cách diễn tả cho thích hợp và hấp dẫn người nghe. Người ta cho rằng chính những người Ai-cập kể chuyện trong thế kỷ 12 và 13 đã làm cho các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm* thêm phong phú về nội dung, linh hoạt về hình thức và sáng sủa về từ ngữ. Ngôn ngữ dùng trong tập truyện này gần với tiếng nói của các tầng lớp bình dân Ả-rập hơn là ngôn ngữ kinh viện dùng trong sách vở thời bấy giờ.

Cũng có thể *Nghìn lẻ một đêm* thành hình — với tư cách là một tác phẩm hoàn chỉnh—còn sớm hơn. Theo R. Nicônxơn trong cuốn *Lịch sử văn học Ảrập*, năm 956 một học giả Ả-rập là Maxudi (Masudi) đã nói tới một cuốn sách cổ của người Ba-tư nhan đề *Một nghìn truyện*, « thường được gọi là *Nghìn lẻ một đêm*, đó là chuyện một quốc vương và tể tướng cùng với tiểu thư và người hầu gái của nàng Sêhêrazát và Đináczát».

Năm 988, Môhanết Isác (Mohammed Ishaq), tác giả một tập thư mục những tác phẩm văn học Ảrập và nước ngoài, đã

---

(1) Thời đại Abátxít kéo dài từ giữa thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ 13 (750—1258).

(2) Macxim Gorki, sách đã dẫn, tr. 315.

nói đến việc người Ảrập soạn lại tập truyện cổ Ba-tư đó : (Tác giả tập *Truyện các tể tướng* là Apđu An Jasiyari (Abdus Al Jahshiyari) bắt tay soạn một cuốn sách trong đó ông chọn một nghìn truyện của người Ảrập, người Ba-tư, người Hy-lạp và nhiều dân tộc khác, các truyện đều riêng biệt, không có quan hệ gì với nhau. Ông tập hợp một số người làm nghề kể chuyện lại, mời họ kể cho nghe rồi chọn những chuyện hay nhất, những ngụ ngôn, cổ tích mà ông thích nhất. Là một người có tài, ông đúc những câu chuyện đó thành bốn trăm tám mươi đêm, mỗi đêm là một truyện trọn vẹn dài trên dưới năm chục trang. Nhưng ông chết bất ngờ trước khi hoàn thành một nghìn truyện như dự định. » (1)

Nghìn lẻ một đêm (2) như ta biết hiện nay, lần đầu tiên được giới thiệu với Châu Âu rồi từ đó phổ cập rộng khắp hầu như toàn thế giới là nhờ công lao của một học giả người Pháp, Ăngtoan Galăng (Antoine Galland) mà bản dịch từ khi ra đời cách đây gần ba thế kỷ đã mau chóng thành kinh điển.

Ăngtoan Galăng sinh năm 1646 tại một thị trấn nhỏ ở tỉnh Picácđi, miền Bắc nước Pháp. Ông mồ côi cha từ sớm. Bà mẹ phải làm lụng vất vả cho con ăn học. Mười bốn tuổi đã phải đi làm ; một năm sau tìm cách đến Pari tiếp tục trau dồi kiến thức. Sau đó, giúp việc cho sứ thần Pháp ở Côngxtăng-tinốp (nay là Xtămbun, thuộc Thổ-nhĩ-kỳ), nhờ vậy ông có điều kiện đi lại nhiều lần ở các nước Tây Á. Trở về Pari, một hôm tình cờ đọc được một bản chép tay bảy truyện cổ Ảrập, ông có ý định dịch và cho xuất bản. Sách sắp đưa in thì dịch giả được biết những truyện này thật ra rút từ « một pho đồ sộ gồm nhiều truyện tương tự, chia thành nhiều tập, đề là *Nghìn lẻ một đêm*». (3).

Ông nhờ người tìm kiếm hộ. Từ Xyri, người ta chỉ gửi đến cho ông được có bốn tập. Ông dịch ngay tập đầu tiên và cho

---

(1) Trích theo La Côn, tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 1-1961, trang 59-60.

(2) Thật ra, nguyên tác chỉ có 265 đêm (theo lời giới thiệu *Nghìn lẻ một đêm*, bản của Nhà xuất bản Đơlagơravơ, Pari, 1950).

(3) Theo thư của A-Ga-lăng gửi phu nhân hầu tước O, in ở đầu bản dịch tiếng Pháp.

xuất bản năm 1704 (1). « Món quà nhỏ mọn », như lời ông viết trong thư gửi tặng hầu tước phu nhân O, lập tức được hoan nghênh nhiệt liệt. Thành công hết sức to lớn. Cùng với hầu tước phu nhân O, cả triều đình, nghị viện và từ giai cấp tư sản cho đến các tầng lớp nghèo hèn, tóm lại là tất cả những ai biết đọc ở Pháp hồi đó đều đổ xô vào giành nhau tập sách. Trong bốn năm, từ 1704 đến 1708, mười hai tập lần lượt ra đời. Năm 1709, Ăngtoan Galăng được một người bạn Ảrập đến Pari trao thêm cho một số truyện nữa, ông lại dịch và cho in tiếp. Từ 1704 đến 1782, trong vòng bảy mươi tám năm, bản dịch của Galăng được in lại hơn bảy mươi lần. Trong những điều kiện của thời bấy giờ, với phương tiện và kỹ thuật ấn loát thô sơ, công nghiệp giấy chưa phát triển, sự thành công ấy vượt qua mức tưởng tượng và sự mong ước của mọi người. Từ bản dịch của Ăngtoan Galăng, *Nghìn lẻ một đêm* được dịch lại và xuất bản ở nhiều nước Châu Âu : Anh, Hà-lan, Đức, Ý, Tây-ban-nha và một số nước khác.

Chừng hai thế kỷ sau Ăngtoan Galăng, một bản dịch tiếng Pháp của *Nghìn lẻ một đêm* ra đời. Dịch giả là bác sĩ J.C. Mácđruýtx (J.C. Mardrus). Thật ra đây là một bản dịch theo một quan niệm và phong cách hoàn toàn khác : Mácđruýtx không bỏ sót một chi tiết nào, kể cả những đoạn rườm rà đượm màu dâm tục và tất cả những thơ ca rải rác trong các truyện.

Người ta đã bàn cãi khá nhiều về hai bản dịch đó. Các nhà nghiên cứu văn học đều nhất trí đánh giá rất cao bản dịch của Ăngtoan Galăng. Người dịch đã cố tình tước bớt, để tránh cho người đọc đỡ phải ngượng ngùng, một số chi tiết tả tỉ mỉ những cảnh sinh hoạt mà cho dù có in ra «cũng không cho biết thêm một điều gì mới mẻ về phong tục của những người theo đạo hồi» bởi vì những cảnh ấy « diễn tả con người đang sống trong những giây phút bản năng thấp hèn nhất mà bất cứ người sống ở vĩ tuyến nào cũng đều có», như lời nhận xét của E. Blôsê (E. Blochet) trong *Tạp chí Bách khoa* số tháng giêng năm 1900. Tạp chí này còn viết : «Bản dịch của Ăngtoan Galăng cho chúng ta một ý niệm rất trung thành về tinh

---

(1) Trong *Lời nói đầu*, A. Galăng nói đây chỉ là bản dịch phần đầu từ bộ *Nghìn lẻ một đêm* nguyên bản bằng tiếng Ảrập gồm ba mươi sáu phần.

cách và hồi văn bộ *Nghìn lẻ một đêm* cũng như về sinh hoạt của người Ả-rập.»

Sáclơ Nôdiê, một nhà văn Pháp cũng chuyện viết truyện cổ tích đầu thế kỷ 19, đã đánh giá bản dịch của Ăngtoan Galăng như sau : « Bản dịch của Galăng là một tác phẩm có thể coi là kinh điển trong thể loại văn học này : và nếu nó có phải chịu một vài điều chê trách của những nhà đông phương học nào đó mà tin các nguyên bản, ấy là vì những vị này coi trọng lợi ích của ngành học thuật chuộng màu sắc xa lạ của họ hơn là tinh thần của ngôn ngữ và những yêu cầu của nền văn học dân tộc chúng *ta*... Chúng tôi quả quyết rằng lẽ ra người ta phải thông cảm hơn với trí thông minh và sự tinh tế của người dịch đã gạt bỏ ra khỏi các truyện « xinh xắn » ấy những hình tượng chói chang, những chi tiết nhạt nhẽo, những sự trùng lặp vô bổ nó chỉ có thể làm giảm sút hứng thú trong một ngôn ngữ bóng bẩy nhưng chính xác, bất kỳ ở đâu cũng muốn kết hợp tính gợi cảm và tính chuẩn xác.»

Nhà văn Gaxtông Picar (Gaston Picard) gần đây khi soát lại bản dịch của Galăng để cho in lại (bản in năm 1962), sau khi trích dẫn ý kiến của *Tạp chí Bách khoa* đã hóm hỉnh nhận xét thêm : Ăngtoan Galăng ý tứ hơn nhiều so với tiểu thư Sêhêrazát, người mới hôm qua đây còn là trinh nữ ; ông sợ làm chối tai bạn đọc tuy không còn thơ dại như Đinaedát song cũng không có đôi tai ưa nghe những chuyện sỗ sàng như đôi tai bạo chúa Saria.»

Khác với Mácđruytx, Ăngtoan Galăng không quan tâm dịch các vần thơ. Có lẽ ông không muốn để người đọc phải sốt ruột : với những truyện hấp dẫn thế này, ai chẳng nóng lòng muốn biết kết cục rồi sẽ ra sao. Vả chăng, chẳng phải là chất thơ đã thấm đượm mọi dòng, mọi trang của các truyện Árập đó sao, cho dù nó có hay không xen các đoạn văn vần ? Hơn nữa, đây là một thể loại văn học dân gian. Tuy gửi tặng một hầu tước phu nhân, song thật ra Ăngtoan Galăng khi dịch đã nghĩ tới những độc giả bình thường, các tầng lớp đông đảo — và chính điều đó quyết định một phần rất lớn thành công của ông — làm cho tập truyện mau chóng phổ cập rộng rãi, sau những phần cắt xén, lược dịch và chọn lọc, vẫn còn dài tới hai nghìn trang.

Còn J. C Mácđruytx thì xuất phát từ một quan điểm khác. Không phải ngẫu nhiên mà toàn bộ bản dịch của ông đề tặng

Xtêphan Manlacmê (Stéphane Mallarmé) và tập 1 để tặng Pôn Valéry (Paul Valéry), hai nhà thơ bí hiểm. Vì những lẽ đó, một số người thường có xu hướng coi bản dịch của Mác đruytx nặng tính chất một công trình nghiên cứu hơn. Cũng chính vì những lẽ đó, Nhà xuất bản Văn học lần này giới thiệu chủ yếu *Nghìn lẻ một đêm* qua bản dịch của Ăngtoan Ga làng...

III

Nghìn lẻ một đêm không chỉ là một tập truyện cổ tích, đó là cả một thế giới : thế giới của người Ả-rập trong cuộc đời thực tại cũng như trong cảnh thần tiên ma quái, thế giới của đạo hồi từ khi có lịch sử thành văn và đạo hồi qua các truyền thuyết dân gian.

Người Ả-rập vẫn cho pho sách này là một tấm gương vĩ đại ai nấy có thể nhìn vào đấy mà suy ngẫm, soi xét bản thân mình. *Lời nói đầu* trong nguyên bản viết : «Chuyện người xưa là bài học cho người đời nay», và ca ngợi : « Vinh quang thay cho những ai đã góp chuyện người đời xưa để làm bài học dạy người đời nay !»

« Chính từ trong những bài học ấy, nay kể chuyện *Nghìn lẻ một đêm* với tất cả những điều màu nhiệm và những châm ngôn chứa đựng trong đó. ».

Khó mà thưởng thức đầy đủ một tác phẩm văn học của một dân tộc nếu không có những hiểu biết nhất định về thế giới quan, lịch sử và sinh hoạt của dân tộc ấy. Người đọc sẽ không khỏi bỡ ngỡ về nhiều tình tiết trong bộ *Tam quốc* chẳng hạn nếu không có ít nhiều tri thức về tam cương, ngũ thường, về những quan điểm triết học, xã hội và các thể chế chính trị phong kiến ở phương đông ; hoặc có thể sẽ ngạc nhiên về chủ đề của *Tây du ký* nếu chưa từng hay biết chút gì về giáo lý của đạo Phật. Rất nhiều chuyện trong *Nghìn lẻ một đêm* xoay quanh những câu chuyện xảy ra dưới triều đại một nhà vua nổi tiếng ở Bátđa vào cuối thế kỷ thứ 8 và đầu thế kỷ thứ 9 : Harun An-Rasit (786 — 809) ; mặt khác, mọi tiêu chuẩn về đạo đức, pháp lý... của người Ả-rập ngay đến bây giờ vẫn dựa trên kinh *Côran*. Bởi vậy chúng tôi tưởng cũng nên

giới thiệu qua với bạn đọc Việt Nam chúng ta một vài nét về thế giới Ả-rập và tổ chức chính trị — xã hội của đế quốc Ả-rập xưa kia, về đạo hồi và người sáng lập ra nó, Môhamết, cùng với kinh *Côran*, kinh thánh tối thiêng liêng của đạo này.

Đạo hồi (Ixlam) ra đời vào thế kỷ thứ 7 tại Arabi. Người sáng lập là Môhamết (hoặc Mahômết như nhiều nước vẫn quen gọi xưa nay (1), người thuộc bộ lạc Côraisít, sinh ở La Mếchcơ thủ phủ nước Hết-gia-đơ ở Arabi vào năm 570 (hoặc 580) và mất ở Mêđin ngày tám tháng sáu năm 632.

Mồ côi cha từ bé, lúc đầu Môhamết được ông nội nuôi, sau ở với chú. Lúc còn trẻ, chuyên giúp việc hướng dẫn các đoàn du hành sa mạc, về sau vào làm công cho một người đàn bà góa giàu có, chủ một hiệu buôn ở La Mếchcơ tên là Khađítgia. Người phụ nữ này sau đó kết hôn với Môhamết tuy bà lớn hơn ông nhiều tuổi. Nhờ đi đó đi đây nhiều, ông dần dần am tường giáo lý các đạo do thái và cơ đốc, và ngày càng say mê việc tu hành. Ông thường lánh ở một nơi để suy ngẫm, đặc biệt về sự phán xét cuối cùng cũng như sự xuất hiện của các nhà tiên tri, sứ giả do thái. Một hôm, ông nghe được như có tiếng nói thiêng liêng từ trên trời vọng xuống giao sứ mệnh cho mình, và từ đó tự cho là một đấng sứ giả như nhiều đấng khác xưa kia, được thượng đế (2) tuyển chọn và giao cho sứ mệnh răn bảo dân lành lòng kính sợ đấng Ala và chăm lo sửa mình để chuẩn bị cho ngày phán xét. Việc này xảy ra vào khoảng năm 610. Môhamết tự cho là được các thiên thần truyền đạt những lời phán bảo của thượng đế để phổ cập trong nhân dân.

Lúc đầu số người tin theo ông rất ít ; đã thế một phần các tín đồ của ông bị dân thành La Mếchcơ chống đối, phải di cư sang Abyxini, một nước hồi bấy giờ theo đạo thiên chúa.

Được nhân dân thị trấn Yathôrip vốn gồm nhiều người theo đạo do thái khuyến khích — những người này dễ tiếp thụ giáo lý của ông hơn — Môhamết rời đến đây ngày mười sáu tháng bảy năm 622, Yathôrip từ đấy lấy tên là Mêđin có nghĩa là *Thành*

---

(1) Chính tên của ông là Môhamết Abun Caxim. Ben Apđala. Ben Apđen — Mốttalít. En Hasimi (Mohamed Aboul Qasim. Ben Abdallâh. Ben Abd-el—Mottalid, El Hachimi).

(2) Tiếng Ả-rập gọi Thượng đế là Ala (đấng thiêng liêng).

phố (của đấng tiên tri) và ngày hôm ấy, ngày 16 tháng 7 năm 622 trở thành ngày Nguyên đán của lịch hồi giáo, lịch này dựa theo sự chuyển động của mặt trăng như âm lịch của ta.

Ở Mêđin, Môhamết không chỉ là « đấng tiên tri » mà còn là một nhà chính trị nắm trong tay vận mệnh của thành phố này. Quyền lực của ông một mặt dựa vào số tín đồ đã cùng ông rời bỏ La Mécheo đến, một mặt dựa vào số người địa phương tin theo ngày càng đông. Một cuộc chiến tranh dai dẳng diễn ra tám năm ròng, và kết thúc bằng thắng lợi của Môhamết khải hoàn về La Mécheo (năm 630).

Ngoài chiến thắng rực rỡ ở Bêtrơ năm 2 theo lịch hồi, Môhamết còn tiến hành nhiều cuộc chiến tranh chinh phục các nước khác, nhất là các nước ở Arabi, và tiến đánh Xyri, tạo tiền đề cho những cuộc chinh phạt lớn của người Ảrập về sau, khi ông đã qua đời, để mở rộng đế quốc của họ.

Môhamết không bao giờ tự cho mình là người sáng tác ra kinh Coran, nền tảng giáo lý đạo hồi, cơ sở luật pháp và các mối quan hệ xã hội của người Ảrập và người hồi giáo : ông chỉ nhận là người phát hiện ra kinh thánh. Ngoài chức năng kỳ diệu đó ra, ông chỉ là một người như mọi người trần thế khác. Ông lấy bốn vợ chính thức—như Kinh Côran cho phép—lại thêm cả một đoàn tì thiếp song vẫn không có con trai kế nghiệp.

Sau khi Môhamết qua đời, những người kế vị ông tiếp tục các cuộc chiến tranh chinh phạt, lập lên một đế quốc rộng lớn trải từ bờ sông Ấn ở tây bắc Ấn-độ đến tận Đại tây dương men theo bờ bắc Địa trung hải, với những thể chế của một nhà nước phong kiến—tôn giáo. Đạo hồi cũng theo đó mà lan truyền rộng rãi, được một thời gian, đế quốc Ảrập bị chia năm sẻ bảy song đạo hồi vẫn giữ được tính thống nhất và tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Ngoài các nước Ả-rập hiện nay đông hơn một trăm triệu người, đạo hồi còn thịnh hành ở nhiều vùng rộng lớn, từ Inđônêxia qua Pakixtăng đến Tây-ban-nha, từ Châu Phi da đen cho tới các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết Trung Á : Kazăctăng, Kirghixt, Udơbêkixtăng Tazikixtang, Tuốcmêni, và vùng Tân cương của Trung Quốc.

Những lời giáo huấn của Môhamết được các học trò và tín đồ gần gũi nhất của ông ghi lại và lưu truyền qua các bản chép trên xương lạc đà, trên đá hoặc trên lá cọ — để

tránh tình trạng có thể nhiều bản khác nhau, vị *calip* (1) đầu tiên nối ngôi Môhamết là Abu Bêke (632 — 634) cho chỉnh lý thành một bản kinh duy nhất. Đến thời hoàng đế Otman (644—656), đại thể vào khoảng năm 650, một tiểu ban được cử ra có trách nhiệm chỉnh lý và xác định lần cuối cùng bản kinh chính thức. Như vậy, chỉ hai mươi năm sau ngày giáo chủ qua đời, kinh thánh của đạo hồi đã không còn dị bản và cứ vậy được lưu truyền cho đến tận bây giờ.

Tuy vậy, do đặc điểm lối viết chữ Ảrập thường gây nhiều cách hiểu khác nhau về văn phạm, lại trải qua mười ba thế kỷ lưu truyền, kể cả ở nhiều nước không nói tiếng Ảrập, cho nên không tránh khỏi tình trạng nảy sinh một số điểm dị biệt. Để khắc phục nhược điểm đó, năm 1923 chính phủ Ai-Cập cho ấn hành một bản kinh chính thức có chú thích rất đầy đủ nhằm tránh mọi sự hiểu lầm và những cách giải thích khác nhau (2).

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét : Kinh Côran là một hiện tượng rất đặc biệt. Jêxu Crit, người vẫn được coi là kẻ sáng lập đạo thiên chúa không để lại tác phẩm hoặc di huấn nào. Những cộng đồng thiên chúa giáo đầu tiên tách ra từ đạo do thái, thừa nhận *Cựu ước* vốn của đạo do thái và biến nó thành Kinh thánh của mình, còn *Tân ước* là một tập hợp nhiều văn phẩm khác nhau mãi đến cuối thế kỷ thứ tư sau kỷ nguyên thiên chúa giáo (thường gọi là công nguyên) mới thật sự định hình. Ngược lại, kinh của đạo hồi là tác phẩm của một người, và chỉ hai mươi năm sau khi người đó qua đời, đã trở thành hoàn chỉnh. Đó là một điều hiếm thấy, nói lên tài lỗi lạc của Môhamết.

Kinh Côran về thực chất phản ánh các hoạt động tôn giáo của Môhamết với tư cách là một đấng «sứ giả». Bởi vậy, nội dung của nó rất phong phú và phong cách diễn đạt cũng không đồng nhất. Những đoạn ra đời sớm nhất và tương đối ngắn hơn cả mang nhiều chất thơ (kinh Côran vốn được viết bằng văn xuôi có vần). Một phần quan trọng gồm những truyện

---

(1) *Calip* vừa là vua vừa là giáo chủ của người Ảrập theo đạo hồi. Trong các truyện, chúng tôi dịch là *hoàng đế*.

(2) Theo G.H. Buxkê trong Lời giới thiệu Kinh Côran, Nhà xuất bản Phaxker, Pari.

kể vay mượn từ những truyền thuyết Do thái giáo hoặc thiên chúa giáo, nhất là những truyền thuyết được ghi trong *Cựu ước*. Và cuối cùng là những qui định nhằm tổ chức cộng đồng tín đồ ở Mêđin, đây cũng là cơ sở cho luật lệ hồi giáo cả về pháp lý và về lễ nghi.

Đạo hồi khẳng định sự tồn tại của một Thượng đế duy nhất (tiếng Árập gọi là Ala), mà sứ giả cuối cùng là Môhamét, có thiên đường và địa ngục, có phục sinh và phán xét cuối cùng, có thiên thần và ma quỷ. Tính thiêng liêng của kinh Côran là một nguyên lý cơ bản của đạo hồi. Về nghi tiết, tín đồ hồi giáo phải cầu kinh năm lần mỗi ngày. Lúc cầu kinh, mặt phải hướng về La Mếchcơ, phải đi hành khất, phải ăn chay trong tháng *ramadan* (tháng chín theo lịch hồi) và hành hương về La-Mếchcơ (chỉ cần làm một lần trong suốt đời người). Đạo hồi không có thầy tu chuyên nghiệp, chỉ có người rao giờ cầu kinh, người trông nom công việc đó, và một vài người chuyên trách một số việc khác về tôn giáo và xã hội, cả phần xác lẫn phần hồn ; nói chung không gò bó lắm về tổ chức và lễ nghi.

Về mặt xã hội, sự xuất hiện của Đạo hồi mang một số yếu tố tiến bộ so với hồi đó. Đạo hồi chủ trương đoàn kết mọi người, trước hết là đoàn kết các dân tộc Árập, bỏ tệ chôn sống con gái đầu lòng mới đẻ, chống việc hành hạ phụ nữ, khuyến khích cứu giúp người nghèo, giải phóng cá nhân người nô lệ. Lúc ra đời, nó phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp nghèo hèn, nhờ vậy mau chóng lan truyền rộng rãi và trở thành chỗ dựa vững chắc cho chế độ chính trị thời bấy giờ, góp phần quyết định sự thành lập và bành trướng của đế quốc các *ca-líp* từ thế kỷ thứ 7 trở về sau.

VI

Hình thành từ những cổ tích và truyện dân gian, sau khi vay mượn của dân tộc này và dân tộc khác một số truyện,

rả Ảrập nào chúng đi để bồi bổ kho tàng của mình, đến lượt *Nghìn lẻ một đêm* lại ảnh hưởng sâu sắc trở lại đến văn học thế giới. Từ năm, sáu trăm năm nay, biết bao nhiêu tác phẩm bằng văn xuôi, thơ ca, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, kịch nói, kịch múa, kịch ca... lấy đề tài, chất liệu hay nguồn cảm hứng từ tập truyện tuyệt tác này.

Có một thời, ở phương Tây, viết những truyện mà khung cảnh là phương Đông huyền bí và giàu màu sắc trở thành một cái mốt. Sau thành công vang dội của Ăngtoan Galăng, năm 1788 ở Pháp một nhà văn cho xuất bản một loạt truyện kể in thành bốn tập « dịch từ tiếng Ảrập », nhan đề là *Còn buồng các nàng tiên*. Những nhà văn và nhà tư tưởng lớn như Vônte, Môngtexkiơ (Pháp) cũng không thoát ra ngoài cái thời thượng đó. Những «truyện triết lý» của Vônte như *Zađich*, *Nàng công chúa thành Babylôn*, *Babúc*, và tập *Thư Ba-tư* của Môngtexkiơ, nhân vật và khung cảnh đều ở phương Đông. Thi hào Gơtơ (Đức), đọc *Nghìn lẻ một đêm* qua bản dịch của Galăng, xúc cảm mạnh đến nỗi cũng phải nói : « Chính tôi cũng bắt buộc phải sáng tác, nếu không sẽ không thể nào chịu đựng nổi cái ấn tượng mãnh liệt dường ấy. »

Khó mà kể hết tên những tác phẩm phỏng theo hoặc lấy đề tài và cảm hứng từ *Nghìn lẻ một đêm*, cho dù chỉ dừng lại ở những cuốn nổi tiếng nhất. Nó cũng phong phú và muôn màu muôn vẻ như tập truyện cổ,

Ở nước ta, bản dịch *Nghìn lẻ một đêm* đầu tiên có lẽ là bản của Đinh Thái Sơn, chủ nhiệm Nam kỳ thư xã, ấn hành thành 24 tập, mỗi tập khoảng 50 trang khổ rộng, và ra đời vào khoảng năm 1910 và những năm sau. Những tập đầu được in ở Nhà in Phát Toán, đường Dormây (d'Ormay) Sàigòn ; những tập cuối ở nhà in Liên hiệp (Union) đường Luyxiêng Môtxar (Lucien Mossard) cũng ở Sàigòn. Bản dịch này mang tên *Dạ đàm dị sử* với đầu đề phụ đóng trong ngoặc đơn : *Chuyện Ảrập một nghìn lẻ một đêm*.

Năm 1918, Trần Thái Nguyên lại dịch đăng vào mục tiểu thuyết trên tờ báo hàng ngày *Nam Trung nhật báo*. Bản dịch này lấy đề là *Một ngàn lẻ một đêm*.

Ở Thư viện Quốc gia (Hà nội) hiện nay có lưu trữ một bản dịch xuất bản khoảng năm 1930 trở về sau. Hiện còn tám tập, mỗi tập dày 16 hoặc 20 trang khổ nhỏ, nhan đề là *Sách giải trí — Một ngàn lẻ một đêm*. Đây là một bản phỏng dịch và tóm tắt khá sơ sài. Truyện mở đầu — truyện nàng Sêhêrazát — chẳng hạn, chỉ tóm gọn vào hai trang nhỏ và đề là *Tựa*. Bìa cách tập nào cũng có hai câu lục bát làm tiêu đề :

Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời nay mấy người.

Tập I, sau lời tựa, mở đầu với « *Chuyện người hùng hải Linh Ba* », không có tên người dịch. Nhưng các tập 5, 6 và 7 với truyện « *Con phi mã của chàng Rahoana* » có ghi rõ : Miss Louise Ngọc Trang biên dịch, và tập 8 « *Thương gia với hung thần* » thì do Hồng Liên dịch soạn. Những bản này do Huỳnh Thị Tuyết Hoa ở Cầu Kho Sàigòn « xuất bản và giữ nguyên bản quyền», không đề rõ năm in, nhưng dấu đăng ký lưu trữ của Thư viện Quốc gia cho biết tập 2 nộp lưu chiểu ngày 7-10-1930, tập 3 ngày 29-11-1930,v.v... Số lượng in mỗi tập là 1.000 cuốn.

Năm 1935, tuần báo *Hoàn cầu tân văn* của Nguyễn Háo Vĩnh chủ nhà in Xưa nay đường Bónar (Bornard) Sàigòn, lại đăng một bản dịch khác, ký tên Dương Quang Nhiễu. Tên truyện vẫn là *Một nghìn lẻ một đêm*. Tuần báo đăng truyện này chỉ được ít lâu thì đình bản. Nhà in Xưa Nay trích một vài đoạn ngắn in thành sách khổ nhỏ, chữ to, có minh họa, dành cho trẻ em.

Ở Hà Nội, năm 1939, nhà xuất bản Tân Dân ở phố hàng Bông cho ra đời trên *Phổ thông bán nguyệt san*, tạp chí nửa tháng một kỳ, bản dịch của La Sơn, rồi sau đó của Hoàng Cầm. Mỗi tập dày 160 trang, đăng trọn một hoặc hai truyện cách năm, sáu tháng hay một năm ra một tập. Đề sách lần này là *Một nghìn lẻ một đêm*.

Tất cả các bản dịch nói trên đều dịch hoặc phỏng theo bản tiếng Pháp của Ăngtoan Galăng.

Năm 1960 trở về sau, nhà xuất bản Tân Việt, Sàigòn lần lượt phát hành bản dịch Trần Văn Lai có chia thành từng đêm, với đầu đề *Ngàn lẻ một đêm*. Tập I dày 184 trang khổ 13 × 19 từ «chuyện mở đầu đến đêm thứ chín». Trần Văn Lai dựa theo bản của J. C. Macdruytx, và mặc dù có ghi rõ đầu sách «dịch đầy đủ và sát kề theo nguyên văn» nhưng người dịch «cũng phải loại bớt mấy đoạn văn khiêu dâm của các nam nữ nhân vật trong truyện» (trích lời tựa).

Ở Hà Nội, từ 1952 và những năm sau, nhà xuất bản Vĩnh Thịnh ở phố Lò Sũ cho in *Một nghìn một đêm lẻ*, bản dịch của Trần Duy Đức. Bản này cũng ghi : «dịch đầy đủ đúng nguyên bản Ả-rập», tuy vậy không những nó không tạo được không khí Ả-rập mà còn gây cho người đọc cảm giác như đang xem những tiểu thuyết Trung Quốc cổ. Nàng Sêhêrazát trở thành Giáng Nga, vua Harun An-Rasit là hoàng đế Hạ Luân An Giafa được mệnh danh là thừa tướng Giả Hoa, Mêrua là tổng binh Mạnh Lực ở thành Bátđa...

Sau ngày miền Bắc giải phóng, nhà xuất bản Phổ Thông, Hà Nội cho in *Một nghìn một đêm lẻ*, bản dịch của La Côn (1963). Đây là hai tập sách mỏng 130 trang khổ nhỏ. Gần đây hơn (1973). Nhà xuất bản Kim Đồng cho xuất bản *Cây đèn thần* gồm hai truyện tóm tắt và có minh họa dành cho thiếu nhi : *Cây đèn thần*, *Ali Baba và bốn mươi tên cướp* do Đỗ Đức Khang dịch.

Bản dịch lần này của Nhà xuất bản Văn học dựa chủ yếu vào bản do Nhà xuất bản *Anh em Gácniê*, Pari, in năm 1962 được Gaxtông Picar soát lại và đề tựa. Việc tuyển chọn các chuyện dựa vào tuyển tập của Nhà xuất bản *Bôđơle*, Pari, 1965, nhưng trật tự sắp xếp các truyện của tuyển tập này có phần hơi tùy tiện, bởi vậy chúng tôi căn cứ vào toàn tập của Ăngtoan Galăng để xếp lại thứ tự các truyện. Ngoài ra, có thêm truyện đầu, truyện mang tên *Nghìn lẻ một đêm* không

và trong tuyển tập của Nhà xuất bản *Bôđơle*. Chúng tôi cho rằng làm như vậy là thỏa đáng và cần thiết cho việc hiểu rõ tác phẩm và cũng thuận tiện cho việc dịch và xuất bản toàn tập sau này, khi có điều kiện.

Đối chiếu bản in năm 1962 của Nhà xuất bản *Anh em Gacniê* « được Gaxtông Picar soát lại và đề tựa », với một bản khác cũng của Nhà xuất bản này phát hành hơn bốn mươi năm trước đó (1921) cũng có ghi chú : « được soát lại cẩn thận dựa vào những văn bản tốt nhất », chúng tôi thấy về cơ bản không có gì khác nhau. Một đôi chỗ G. Picar đã ngắt câu hoặc đặt lại các dấu chấm câu cho gẫy gọn, sáng sủa, dễ đọc hơn. Một vài trường hợp, đã thay đổi một vài từ cổ hoặc chưa thật chuẩn xác để cho câu văn khỏi tối nghĩa. Những trường hợp này tuy ít ỏi nhưng rất bổ ích vì đỡ cho người dịch những phút băn khoăn khi gặp những câu tối nghĩa thậm chí có khi gần như bao hàm mâu thuẫn nữa. Một vài truyện, nhà xuất bản có cùng chúng tôi tham khảo bản tiếng Anh của Nhà xuất bản *Neuxơn và các con*, Luân Đôn.

Giọng văn kể chuyện màu sắc Ả-rập, với nhiều chi tiết cụ thể đôi khi trùng lặp. Chúng tôi cố gắng tôn trọng phong cách đó mặc dù nghe hơi lạ tai, có khi không được trong sáng như ta hiểu ngày nay, trừ một số ít trường hợp phải dịch thoát để khỏi tối nghĩa hoặc trở thành ngô nghê. Chúng tôi cũng có tước bớt một vài câu hoặc để lẩn đi một vài chi tiết xét ra quá sỗ sàng so với phong tục thuần nhị của dân tộc ta trong mối quan hệ nam nữ. Một đôi chỗ, chúng tôi dựa vào các văn bản và tài liệu khác để chú thích thêm cho người đọc đỡ mất công tìm hiểu (những chú thích này, bản của Nhà xuất bản *Bôđơle* không có).

Một khó khăn thường gặp khi dịch là cách xưng hô. Phần lớn các truyện bắt đầu bằng « Tâu bệ hạ », vì nếu không phải là nàng Sêhêrazát đang kể cho vua Ba-tư Saria nghe thì cũng là lời của một nhân vật trong truyện, hoặc là tể

tướng Giuđa hoặc nàng Dôbêit. Khi thì bác phó may lúc là người thợ cạo nói với hoàng đế giáo chủ Á-rập Ha run An-Rasit, có khi lại là một nhân vật mới xuất hiện từ câu chuyện của một nhân vật vừa nói ở trên đây kể cho một ông vua nào đấy cũng vừa mới được tạo nên. Theo cách hiểu thông thường đã «tâu bệ hạ» thì phải xưng « thần », nhưng nếu cứ như vậy qua suốt hàng trăm truyện thì khó tránh khỏi gò bó. Hơn nữa, xét cho cùng bệ hạ đây chính là công chúng đang chăm chú nghe những người kể chuyện rong trình bày. Phải chăng cách chia truyện kể Á-rập ra thành từng đêm theo kiểu : *Nàng Sêhêrazát ngừng lại và nói ; «Nhưng trời đã sáng rồi, thế mà phần còn lại lại là đoạn hay nhất của câu chuyện ». Hoàng đế quyết nghe cho đến hết, liền để cho nàng sống thêm ngày hôm đó* (1), không cách gì chuyền tiếp « hạ hồi phân giải » trong tiểu thuyết cổ Trung quốc, cách chia đề về thực chất phản ánh lúc người kể chuyện cần nghỉ để lấy hơi và cũng là lúc người nghe cần thiết phải giải lao, mặc dù câu chuyện đang giữa lúc hấp dẫn nhất — và đồng thời để thu hút thêm sự chú ý của thính giả ? Nghĩ như vậy, trong bản dịch này, trừ một vài trường hợp, còn nói chung, các ngôi thứ nhất đều xưng là «tôi» một cách thoải mái. Thật ra, chỉ cần qua mươi dòng thôi, người đọc sẽ quên bẵng triều đình mà bị cuốn theo câu chuyện, không còn ai nhớ đến vua, chỉ biết có người kể.

* * *

Một nhà văn đã viết : Một bài tựa không phải là một cuốn sách, cũng không phải là một công trình nghiên cứu. Có thể nói thêm : càng không thể là một bài bình giảng văn học, nhất là đối với một tác phẩm dân gian có qui mô rộng lớn, nội dung phong phú và thời điểm hình thành kéo dài đến sáu

---

(1) Những câu đưa chuyện, trong tập này đều lược (N.D)

thế kỷ như *Nghìn lẻ một đêm* (1). Làm như vậy khác nào đập vỡ các đồ chơi mà chẳng mong gì sau đó ghép lại nguyên hình như cũ. Tốt hơn hết là để cho các truyện tự nó nói lên, và mỗi người đọc chúng ta sẽ thưởng thức theo cảm xúc của mình.

Nghĩ như vậy cho nên chúng tôi chỉ dám trình bày một vài tư liệu về xuất xứ, quá trình hình thành và bối cảnh lịch sử chung của các truyện, rồi nhường cho nàng Sêhêrazát và những nhân vật của nàng nói lên với chúng ta những gì cần nói.

PHAN QUANG

---

(1) Phân tích nội dung, các nhà nghiên cứu cho rằng nếu phần lớn các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm* ra đời vào thế kỷ 10 thì cũng có những truyện muộn hơn nhiều, như *Truyện Ca-ma-rac-da-man* xuất hiện vào thế kỷ 16. Như vậy tuyệt đại đa số các truyện có thể định hình vào khoảng giữa thế kỷ 10 và thế kỷ 16.

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

Sử ký triều đại Xátxaniên, triều đại những nhà vua nước Ba-tư cổ đã từng mở rộng biên cương sang đất Ấn-độ và những đảo lớn đảo nhỏ phụ thuộc nước này và đến tận xa mãi bên kia bờ sông Hằng cho tới nước Trung Hoa, chép rằng ngày xưa dòng họ hùng cường này có một nhà vua từng nổi danh một thời là đấng quân vương tuyệt vời. Muôn dân yêu quý nhà vua về đức anh minh và tính thận trọng ; các nước lân bang tôn kính nhà vua về uy danh lỗi lạc, kiêng nể Nhà vua vì có đạo quân thiện chiến và kỷ luật nghiêm minh. Nhà Vua có hai hoàng tử : người con cả tên là Saria, xứng đáng được kế thừa ngôi báu của vua cha ; người con thứ tên là Sadơnăng, tài đức cũng không thua kém anh về một mặt nào.

Sau một đời trị vì lâu dài và vinh hiển, nhà vua băng hà. Hoàng tử Saria lên nối ngôi. Theo luật pháp nước nhà, Sadơnăng không được chia quyền và phải sống như một người dân thường. Tuy nhiên, chàng không những không ganh tị hạnh phúc của anh mà lại còn hết sức tìm cách để được lòng anh. Việc đó cũng chẳng có gì khó khăn lắm. Saria vốn yêu mến em trai rất lấy làm hài lòng về thái độ đó, nên muốn chia sẻ sơn hà với em. Vua cắt đất phong cho chàng làm vua nước Đại Táctari. Sadơnăng đi nhậm chức ngay và đóng đô ở Xamáccăng, thủ phủ của xứ này.

Đã mười năm qua, kể từ khi hai vua xa cách, Jarin bỗng một hôm thiết tha muốn gặp em trai, nên quyết định cử một sứ bộ đi với chàng về thăm mình. Vua chọn chính tể tướng của mình cầm đầu sứ bộ ấy. Vị đại thần này, có một đoàn tùy tòng xứng đáng với phẩm trật của ông đi theo, lập tức lên đường. Khi ông đến gần Xamáccăng, vua Sadơnăng, đã được báo trước, liền cùng các vị đại thần trong triều ra ngoài kinh thành nghênh tiếp; các quan đều ăn mặc rất lộng lẫy để tỏ lòng kính trọng vị quan đầu triều của hoàng đế. Quốc vương Tactari vô cùng mừng rỡ đón tể tướng và trước hết hỏi thăm tin tức của vua anh. Tể tướng đáp xong, liền trình bày lý do chuyến đi sứ của mình. Sadơnăng rất lấy làm cảm động: « Tể tướng công minh ạ, — vua nói, — hoàng đế anh ta ban cho ta vinh dự lớn quá, thật không có lời đòi hỏi nào làm cho ta thú vị hơn. Nếu anh ta muốn gặp ta, thì ta cũng hết sức nôn nóng muốn thăm Người. Thời gian không chút phai nhạt tình thân yêu của anh em ta. Bờ cõi ta đang thanh bình, ta chỉ cần mươi ngày là kịp chuẩn bị lên đường cùng với ông. Bởi vậy không cần ông phải vào kinh thành một thời gian quá ngắn như vậy. Xin ông hãy dừng lại đây và cho dựng trại ở chốn này. Ta sẽ ra lệnh mang đến ngay cho ông và những người tùy tòng của ông rất nhiều hoa quả tươi ». Lệnh đó được thực hiện ngay tức khắc. Nhà vua vừa mới trở lại Xamáccăng, tể tướng đã thấy có người đưa đến cho mình cơ man thức ăn nước uống, kèm theo nhiều cao lương mỹ vị và tặng phẩm quý báu.

Trong lúc đó, vua Sadơnăng sửa soạn khởi hành, xử lý những công việc cấp bách nhất, lập một hội đồng cai trị đất nước trong thời gian vua vắng mặt, và cử một vị đại thần mà vua hiểu rõ tài đức và hoàn toàn tín nhiệm đứng đầu hội đồng ấy. Sau mười ngày, khi đoàn hộ giá đã sửa soạn xong xuôi, vua từ biệt hoàng

hậu, rời kinh đô vào buổi chiều, tới nghỉ ở hành cung mà vua đã cho dựng sẵn bên cạnh trại của tể tướng. Vua đàm đạo với viên sứ thần đến tận nửa đêm. Lúc ấy, muốn gặp lại một lần nữa hoàng hậu mà vua rất yêu quý, vua một mình trở lại hoàng cung. Vua đi thẳng đến hậu cung. Hoàng hậu, không ngờ vua quay trở lại, vừa làm việc bất chính với một viên quan hầu mạt hạng trong nội phủ : Hai người nằm với nhau đã lâu lắm và bây giờ đang ngủ say sưa.

Vua rón rén đi vào, tưởng dành cho hoàng hậu — mà vua vẫn ngỡ là yêu mình tha thiết — một sự bất ngờ lý thú được gặp chồng quay lại. Nhưng vua xiết bao kinh ngạc khi trông thấy, dưới ánh đèn không bao giờ tắt trong các cung vua phủ chúa, một người đàn ông được nàng ôm ấp trong đôi tay ! Vua lặng người, không biết có nên tin vào mắt mình hay không. Nhưng còn nghi ngờ gì nữa ! Vua tự bảo : « Quái lạ ! Ta chưa ra khỏi hoàng cung, ta còn ở dưới chân thành Xamác-căng, thế mà chúng nó đã dám làm nhục ta ! À, con khốn nạn ! Tội ác của mày không thể không bị trừng phạt. Là vua, ta phải trừng trị những điều sai trái xảy ra trong nước : là người chồng bị xúc phạm, ta có quyền chính đáng được trả thù». Trong cơn tức giận, nhà vua đáng thương ấy rút gươm, tiến đến gần giường, và chém một nhát kết liễu cuộc đời hai tên gian phu dâm phụ, và túm từng xác một ném qua cửa sổ xuống chiếc hào bao quanh hoàng cung.

Trả thù xong, vua ra khỏi kinh thành cũng lặng lẽ như lúc trở lại hậu cung. Không hề cho ai biết việc mình vừa làm, vua ra lệnh nhổ trại lên đường. Mọi việc xong ngay tức khắc. Trời chưa sáng hẳn, xa giá đã lên đường trong tiếng trống tiếng chiêng inh ỏi, đem lại niềm vui cho tất cả mọi người, trừ nhà vua, cái bản

khoản về sự thất tiết của hoàng hậu. Suốt thời gian đi đường, nhà vua lúc nào cũng buồn rầu ảo não.

Gần tới kinh đô nước Ấn-độ, vua được hoàng đế thân dẫn toàn bộ triều đình ra nghênh tiếp. Hai bậc quân vương vui mừng xiết bao! Họ cùng xuống ngựa ôm hôn nhau, và, sau khi biểu lộ tình cảm bằng những cử chỉ cực kỳ thân thiết, họ cùng lên ngựa sóng cương đi vào thành phố giữa tiếng hoan hô của nhân dân. Hoàng đế thân hành dẫn vua em đến tận cung điện được sửa soạn để đón chàng. Cung điện này, thông với nơi ở của hoàng đế qua một cái vườn chung, vốn đã rất tráng lệ, thường dùng làm nơi hành lễ và mở hội trong triều, nay càng lộng lẫy vì được sắm thêm nhiều đồ đạc mới...

Hoàng đế Saria từ giã quốc vương Táctari để cho chàng có thời giờ tắm gội và thay đổi y phục. Nhưng chàng vừa ra khỏi nơi thay áo, hoàng đế đã trở lại. Hai anh ngồi lên một chiếc sập, còn triều thần kính cẩn đứng hầu ở đằng xa. Hai vua bắt đầu hàn huyên với nhau về bao điều gắn bó thân thương vì chung dòng máu. Rồi họ cùng nhau ăn cơm chiều. Ăn xong, họ lại tiếp tục chuyện trò mãi cho đến khi Saria, thấy đêm đã khuya, phải ra về để cho em nghỉ.

Chàng Sađơnáng bất hạnh đi nằm: nhưng nếu sự có mặt của vua anh có thể làm cho chàng tạm thời lãng quên phiền muộn, thì giờ đây nỗi niềm kia lại càng xốn xang trong dạ. Đáng lẽ ra cầu phải nghỉ ngơi thì chàng lại nhớ đến những điều đau đớn nhất. Những việc làm thất tiết của hoàng hậu lại hiện rõ mồn một trong trí, chàng không thể nào chịu nổi. Cuối cùng, không thể ngủ được, chàng đứng lên, lòng nặng trĩu buồn vì những ý nghĩ bi ai. Trên mặt chàng hiện lên một vẻ sầu não khiến cho hoàng đế lúc tiếp em, không thể nào không nhận thấy. Hoàng đế tự hỏi: «Quốc

vương Tactari làm sao thế nhỉ ? Ai đã có thể gây nên nỗi buồn lộ ra nét mặt chú ? Chú ấy có điều gì phàn nàn về sự đón tiếp của ta chăng ? Không ! ta tiếp chú ấy như tiếp một đứa em thân yêu, về mặt này ta tự xét chẳng có gì đáng trách. Có lẽ chú ấy buồn vì xa nước hoặc vì xa vợ chăng ? Ồ ! nếu đúng là chú ấy buồn vì chuyện đó, thì ta phải cho chú ngay những tặng phẩm dành cho chú, để cho chú ấy muốn lên đường trở về Xamaccăng lúc nào tùy ý ». Nghĩ như vậy, ngay từ ngày hôm sau, hoàng đế sai đưa đến cho vua em một phần những tặng phẩm, gồm những vật gì hiếm có nhất, đắt tiền nhất, kỳ lạ nhất ở nước Ấn-Độ. Mỗi ngày, hoàng đế lại cho bày ra những trò vui mới để giải buồn cho vua em, nhưng những hội hè sảng khoái nhất không những đã chẳng làm cho chàng vui lên được chút nào lại còn khơi gợi thêm những nỗi buồn phiền.

Một hôm, hoàng đế Saria ra lệnh mở một cuộc đi săn lớn cách kinh đô hai ngày đường, ở một nơi đặc biệt có nhiều hươu nai. Nhưng Sadơnăng xin hoàng đế miễn cho chàng khỏi phải đi theo, viện cớ sức khỏe chàng không cho phép. Hoàng đế không ép, chàng nên cùng với tất cả triều đình lao ngay vào cuộc vui chơi giải trí. Hoàng đế đi khỏi, quốc vương nước Đại Tactari còn lại một mình, lui về khép kín buồng riêng. Chàng ngồi cạnh một cửa sổ nhìn ra vườn. Vườn ngự uyển đẹp đẽ cùng với tiếng hót của muôn ngàn chim chóc sống trong đó có lẽ đã đưa lại cho chàng niềm khoan khoái nếu chàng còn có khả năng cảm thụ ; nhưng vẫn luôn luôn bị day dứt về hành động xấu xa của hoàng hậu, chàng ít nhìn xuống vườn hơn là ngước mắt lên trời để than thở cho số phận không may của mình.

Tuy nhiên, dù phiền muộn đến thế nào đi nữa chàng vẫn không khỏi nhận thấy một điều làm cho chàng hết sức chú ý. Một cái cửa bí mật trong cung hoàng đế đột nhiên mở ra, và từ đó bước ra hai chục người đàn bà, đi chính giữa là hoàng hậu mà phong thái rất dễ phân biệt với những người khác. Hoàng hậu tưởng quốc vương nước Đại Táctari cũng đã đi săn, liền xăm xăm bước tới tận cửa buồng riêng của chàng; nhà vua vì tò mò muốn quan sát hoàng hậu cho nên ngồi nép vào bên trong để vẫn có thể nhìn ra mà không bị người ở ngoài trông thấy. Chàng để ý thấy những người đi theo hoàng hậu bỏ các tấm mạng cho đến lúc bấy giờ vẫn che mặt họ và cởi chiếc áo dài mặc trùm lên những bộ quần áo ngắn. Nhưng chàng cực kỳ kinh ngạc khi nhận ra trong số người mà chàng tưởng gồm toàn phụ nữ ấy có mười tên đàn ông da đen, mỗi tên ôm lấy một cô nhân tình. Hoàng hậu, về phần mình, cũng không chịu đứng lâu không có người yêu; nàng vỗ tay tay gọi: « Maxút! Maxút! »; lập tức một tên đàn ông da đen khác tụt từ trên một cây cao xuống, vội vã chạy đến với nàng.

Vì ngượng ngùng, tôi không thể thuật lại những việc gì xảy ra giữa những người đàn bà và bọn da đen ấy, đó là một chi tiết chẳng đáng phải quan tâm. Chỉ cần nói rằng điều Sađơnăng trông thấy đủ cho chàng nghĩ rằng anh trai chàng cũng đáng thương hại không kém gì chàng. Cuộc hoan lạc của đám người dâm loạn ấy kéo dài đến tận nửa đêm. Cả bọn cùng tắm chung trong một cái hồ rộng vốn là một nơi rất trang nhã trong vườn. Sau đó, họ mặc lại quần áo và trở lại cung hoàng đế bằng cái cửa bí mật; còn tên Maxút, vốn từ bên ngoài trèo qua thành vào vườn, lại trở ra bằng lối ấy.

Tất cả những sự việc đó diễn ra dưới mắt quốc vương nước Đại Táctari, gợi lên trong lòng chàng vô

vẫn suy nghĩ : « Thật ta đã nhầm lo khi nghĩ rằng điều bất hạnh của ta là cá biệt : Có lẽ đấy chẳng qua cũng là số kiếp không thể nào tránh khỏi của tất cả mọi ông chồng, bởi vì ngay đến hoàng đế anh ta, chúa tể của bao nhiêu các nước chư hầu, bậc đế vương vĩ đại nhất thế giới, cũng không tránh được. Đã vậy thì, ta héo hon vì buồn khổ chẳng hóa ra hèn yếu lắm sao ! Thôi thế từ nay, điều bất hạnh thông thường như vậy sẽ không còn đáng khuấy động sự yên tĩnh của đời ta nữa». Quả nhiên, ngay từ giờ phút ấy, chàng hết buồn phiền ; và giá mà không trông thấy cảnh diễn ra dưới cửa sổ, chàng đã không buồn ăn cơm, thì giờ đây chàng sai dọn cơm tối và ăn một bữa ngon lành nhất kể từ hôm từ giã Xamaccăng. Hơn nữa, chàng còn cảm thấy thú vị khi nghe những lời ca, tiếng nhạc du dương hòa tấu sau bữa ăn.

Những ngày tiếp đó, Sađơnăng rất vui vẻ ; và khi được tin hoàng đế đi săn trở về, chàng ra đón và tươi tỉnh chúc tụng vua anh. Hoàng đế Saria thoạt tiên không chú ý đến sự đổi thay đó, nhà vua còn mải nói tới chuyện tiếc rẻ cho em trai đã không theo mình dự cuộc săn, và cũng chẳng chờ cho em kịp trả lời, nhà vua đã vội khoe về số lớn những hươu nai và dã thú khác bắt được cùng với những thú vui trong chuyến đi săn. Sađơnăng, sau khi chăm chú lắng nghe, liền cất lời. Chàng nói bao nhiêu chuyện rất hay và thú vị vì giờ đây chàng không còn bị những nỗi u sầu ngăn trở chàng biểu lộ hết trí thông minh.

Hoàng đế cứ nghĩ là khi trở về sẽ gặp lại em trai vẫn trong trạng thái sầu não như lúc chia tay cho nên rất lấy làm khoái trí thấy em vui vẻ. Vua nói : « Chú ơi, anh cảm tạ trời đất đã làm cho chú có sự thay đổi đáng mừng trong thời gian anh đi vắng : anh thực sự vui lòng về việc đó, tuy nhiên anh có một lời yêu cầu đối với chú, anh rất mong chú đáp ứng đòi hỏi của anh»

— Em còn có gì dám từ chối anh ? — quốc vương nước Đại Táctari đáp — Đối với Sađơnăng này, anh hoàn toàn có mọi quyền lực. Xin anh nói đi, em đang nóng lòng muốn được biết anh cần gì ở em.

— Từ hôm chú đến triều đình ta, — Hoàng đế Saria nói tiếp — anh thấy chú luôn luôn buồn bã, và anh đã tìm đủ mọi cách bày ra các trò giải trí mà không kết quả. Anh nghĩ chú buồn chắc vì xa nước nhà : có khi anh lại ngỡ chắc là vì chú nhớ hoàng hậu ở Xamáccăng, một người mà chú đã chọn thì chắc có sắc đẹp tuyệt trần, cho nên mới sinh ra tư lự. Anh không biết anh đoán có đúng không ; song anh thú thật chính đặc biệt vì lý do đó mà anh không muốn gặng hỏi nhiều, e làm chú không bằng lòng. Tuy vậy, dù anh chẳng có góp phần gì vào đó, khi trở về anh thấy chú vui vẻ nhất đời, trí óc hoàn toàn thoát khỏi cái vẻ ưu tư nó đã làm cho chú mất hết mọi vui tươi. Chú hãy vui lòng nói cho anh rõ tại sao như vậy ».

Nghe hỏi, quốc vương nước Đại Táctari trầm ngâm một lát như để tìm cách trả lời. Cuối cùng, chàng đáp như sau : « Anh là hoàng đế, là chúa tể của em ; nhưng em van anh hãy miễn cho em không phải đáp ứng điều anh yêu cầu ».

— Không, chú ạ — hoàng đế nói — chú phải đáp ứng, ta thích như vậy, chú đừng từ chối.

Sađơnăng không thể khước từ trước sự gặng hỏi của hoàng đế Saria : « Nếu vậy thì thưa anh — Sađơnăng nói — anh đã ra lệnh, em xin thỏa mãn yêu cầu của anh ».

Thế rồi chàng thuật lại sự thất tiết của hoàng hậu Xamáccăng. Kể xong, chàng nói : « Đấy là nguyên nhân khiến cho em buồn bã, xin anh xét cho em làm như vậy có sai lầm chăng ».

— Ôi em ơi ! — hoàng đế thốt lên, giọng nói chứng tỏ nhà vua thông cảm xiết bao mối hận của quốc vương nước Đại Tactari — câu chuyện chú vừa kể cho anh nghe mới đáng ghê tởm làm sao ! Anh nghe mà sôi cả ruột ! Anh khen ngợi chú đã trừng trị những tên phản trắc dám láo xược xúc phạm đến chú như vậy. Không ai có thể trách cứ hành động của chú : chú làm như vậy là công minh ; riêng anh, anh thú thật vào địa vị của chú, có lẽ anh không tự kiềm chế được như chú đâu. Có lẽ anh sẽ không bằng lòng chỉ giết chết một con đàn bà mà thôi ; anh nghĩ rằng có thể anh giết chết hơn một nghìn đứa mới hả cơn điên. Anh không còn ngạc nhiên về sự buồn phiền của chú : nguyên nhân gây nên thật quá đắng cay, quá tủi nhục, làm sao mà tránh được ưu tư ! Trời ! Thật lạ lùng làm sao ! Không, anh tin rằng không bao giờ có thể xảy ra cho ai cái chuyện như vừa xảy ra cho chú. Nhưng rốt cuộc, phải tạ ơn Thượng đế đã đưa lại cho chú niềm an ủi ; và vì anh tin chắc là nó có căn cứ, chú hãy vui lòng nói cho anh rõ nhờ đâu mà được vậy ; chú hãy thật lòng tâm sự với anh. »

Sadơnăng thấy càng khó nghĩ đối với điều này hơn cả điều trên, bởi nó liên quan đến anh mình : nhưng chàng đành nhượng bộ trước những lời thúc giục khẩn khoản của hoàng đế Saria. Chàng tâu : « Vậy thì em sẽ tuân lời anh, vì anh đã khăng khăng muốn biết. Em sợ rằng sự phục tùng của em sẽ gây cho anh nhiều điều phiền não hơn cả em trước đây : nhưng anh chỉ nên tự trách mình, vì chính anh đã buộc em phải nói ra một điều mà lẽ ra em muốn chôn vùi trong lãng quên vĩnh viễn.

— Điều chú nói đó chỉ càng kích thích thêm sự tò mò của anh, — hoàng đế Saria ngắt lời — chú hãy mau mau nói ra điều bí mật ấy cho anh rõ, cho dù tính chất nó thế nào.

Quốc vương nước Đại Táctari không thể chối từ được nữa đành kể lại chi tiết tất cả những điều đã thấy về những tên da đen cải trang, về cách xử sự của hoàng hậu cùng các người hầu và không quên Maxút. Chàng nói tiếp : «Sau khi đã chứng kiến tất cả những việc xấu xa đó, em nghĩ rằng tất cả đàn bà đều là như vậy thôi, họ không thể nào cưỡng lại cái thiên hướng đó. Suy nghĩ như vậy rồi, em tỉnh ra sự yên tĩnh của tâm hồn một người đàn ông mà lại tùy thuộc vào đức hạnh của người đàn bà thì thật là quá yếu hèn. Ý kiến ấy lại đưa em đến những suy nghĩ khác, và cuối cùng em cho rằng không có cách nào tốt hơn là tự mình khuây khỏa. Cũng khó khăn đấy, nhưng cuối cùng em vượt qua được : và nếu anh tin lời em, xin hãy làm như em».

Mặc dù lời khuyên ấy đúng đắn, hoàng đế vẫn không thể nghe theo. Nhà vua còn nổi giận : « quái thật !, chánh cung hoàng hậu nước Ấn Độ ta mà lại có thể đồi bại một cách bỉ ổi như vậy ư ! Không, chú ơi !, anh không thể nào tin điều chú nói nếu anh chưa được nhìn thấy tận mắt. Có thể là chú trông nhầm ; vả chăng cái việc ấy cũng quan trọng đáng cho anh tự mình khẳng định.

— Thưa anh, nếu anh muốn chứng kiến việc đó thì chẳng có gì khó khăn : anh chỉ việc tổ chức một chuyến đi săn nữa, và khi cả anh và em đều ra ngoài kinh thành cùng với các quan hai triều, chúng ta sẽ nghỉ lại ở hành cung, và đêm đến riêng hai chúng ta sẽ trở lại buồng riêng của em. Em tin chắc rằng ngày hôm sau anh sẽ nhìn thấy việc em đã từng trông thấy».

Hoàng đế chấp thuận mưu kế ấy, và lập tức truyền sắp đặt một chuyến đi săn mới : thành thử ngay trong ngày hôm ấy các hành cung đã được cắt lều ở nơi qui định.

Ngày hôm sau, hai nhà vua lên đường cùng với tất cả hai đoàn tùy giá. Họ đến nơi cần hạ trại, ở lại đấy cho đến tối. Hoàng đế Saria liền triệu tể tướng đến. Không nói rõ ý đồ của mình, nhà vua ra lệnh cho tể tướng thay mình khi vắng mặt, và không được cho một ai ra khỏi trại dù với bất kỳ lý do gì. Xong đâu đấy, hoàng đế cùng quốc vương nước Đại Táctari lên ngựa trở lại kinh thành và đến cung điện Sadơnăng ở. Họ đi ngủ; sáng hôm sau họ dậy ngồi thật sớm bên cạnh cửa sổ mà quốc vương nước Đại Táctari đã từng trông thấy cảnh bọn người da đen. Hai người hưởng không khí mát lành một lúc vì mặt trời chưa mọc: và vừa trò chuyện thỉnh thoảng họ lại đưa mắt ngó về phía cánh cửa bí mật. Cuối cùng cánh cửa ấy mở ra; và xin kể vắn tắt trong mấy lời: hoàng hậu, xuất hiện cùng với các người hầu và mười tên da đen cải trang, cất tiếng gọi Maxút; và những điều hoàng đế trông thấy đủ cho hoàng đế hoàn toàn tin chắc vào nỗi nhục nhã và sự bất hạnh của mình. « Trời đất ơi! — hoàng đế kêu lên — bỉ ổi làm sao! Kinh tởm xiết bao! Vợ một bậc đế vương như ta đây lại có thể phạm điều xấu xa ấy ư? Sau việc này, còn có nhà vua nào dám khoe khoang là mình hoàn toàn hạnh phúc? Ôi em ơi, — hoàng đế ôm hôn quốc vương nước Đại Táctari và nói tiếp — thôi hai anh em ta hãy từ bỏ cuộc đời này. Nơi này mọi việc đều là giả dối; chẳng qua nịnh hót đấy rồi lại phản trắc đấy mà thôi. Chúng ta hãy từ bỏ hết sơn hà xã tắc và tất cả mọi hào nhoáng quanh ta. Anh em ta hãy đi đến những đất nước xa lạ, kéo lê cuộc đời tối tăm và che giấu điều không may của chúng ta ». Sadơnăng không tán thành quyết định ấy, nhưng chàng không dám cưỡng lại trong lúc hoàng đế Saria đang nóng giận. Chàng đáp: « Thưa anh, ý em cũng không khác ý anh: em sẵn sàng đi theo anh

đến bất cứ nơi nào anh muốn ; nhưng xin anh hãy hứa với em là chúng ta sẽ trở về nếu chúng ta gặp được một kẻ nào còn đau khổ hơn chúng ta. »

— Anh hứa với chú, — hoàng đế đáp — nhưng anh không tin là có thể có một người nào còn đau khổ hơn anh em ta.

— Em không đồng ý với anh về điểm này — quốc vương nước Đại Táctari nói — hơn nữa, em nghĩ rằng có lẽ chúng ta cũng chẳng phải đi xa lâu đâu. »

Nói xong hai người bí mật ra khỏi hoàng cung rồi theo một con đường khác con đường họ từ hành cung trở về hôm trước. Họ đi mãi đến tối cho đến khi không còn nhận ra đường nữa, và ngủ đêm đầu tiên dưới gốc cây. Tinh mơ hôm sau họ tiếp tục đi cho đến khi tới một bãi cỏ đẹp bên bờ biển, ở đây rải rác có những cây to rất um tùm. Hai anh em ngồi xuống dưới cái gốc cây ấy để nghỉ chân và hóng mát và đàm đạo về sự thất tiết của các hoàng hậu mình.

Hai người chuyện trò chưa lâu, bỗng nghe từ phía biển, cũng khá gần, một tiếng động khủng khiếp và một tiếng hét kinh hồn làm họ vô cùng hoảng sợ. Thế là mặt biển mở ra, một cột đen rất lớn dùn lên cao tận mây xanh. Cảnh tượng đó làm cho họ càng khủng khiếp ; hai anh em vội vàng đứng dậy leo lên một cây có vẻ dễ nấp kín nhất. Hai chàng vừa lên tới ngọn, nhìn về phía phát ra tiếng động, nơi mặt biển mở ra, thì thấy cái cột đen ấy rẽ nước tiến vào bờ ; lúc đầu chưa nhận ra vật gì nhưng chỉ lát sau họ sáng tỏ ngay.

Đấy là một trong những hung thần tinh ma, độc ác, kẻ thù không đội trời chung của loài người. Lão đen thui và xấu xí, hình dáng đúng là một tên khổng lồ cao lêu đêu, trên đầu lão đội một cái hòm thủy tinh lớn,

khóa chặt bằng bốn chiếc khóa thép ròng. Lão đội cái hòm ấy đi vào bãi cỏ và đặt nó xuống đúng ngay dưới gốc cây hai chàng đang nấp; họ biết mình đang trải qua một mối nguy ghê gớm và có thể sắp bị giết tới nơi.

Lão hung thần ngồi xuống cạnh cái hòm, lấy bốn chiếc chìa khóa đeo ở thắt lưng ra mở khóa, rồi nhấc ra một người đàn bà ăn mặc rất sang trọng, dáng dấp đường bệ và sắc đẹp tuyệt trần. Lão để nàng ngồi xuống bên cạnh và nhìn nàng say đắm : «Phu nhân ơi, người đẹp tuyệt vời trong tất cả mọi người đẹp ơi, con người đáng yêu mà ta đã bắt cóc trong ngày cưới của nàng, và từ ngày ấy đến nay ta luôn luôn yêu quý, nàng hãy cho ta được ngủ một lúc bên cạnh nàng; chính vì ta buồn ngủ cho nên mới định đến nơi đây để nghỉ ngơi chốc lát ». Nói xong, lão gối cái đầu to xù lên đầu gối người đàn bà, duỗi đôi chân dài ra tận biển, rồi chẳng mấy chốc ngủ say : tiếng ngáy vang động cả bờ biển.

Người đàn bà tình cờ ngước mắt nhìn lên, trông thấy hai nhà vua trên ngọn cây, liền ra hiệu bảo hai người se sẽ tụt xuống. Hai nhà vua cực kỳ khiếp đảm khi thấy mình bị phát hiện. Cũng bằng cách ra hiệu, hai nhà vua xin người đàn bà miễn cho họ phải tuân theo; nhưng ả ta sau khi nhẹ nhàng nhấc đầu lão hung thần khỏi chân mình đặt xuống đất, liền đứng lên nói với họ bằng một giọng nhỏ nhẹ nhưng sôi nổi : «Hãy xuống đây; nhất thiết hai chàng phải đến với em» Họ muốn ra hiệu cho ả hiểu là họ sợ lão hung thần nhưng vô ích, ả vẫn nói tiếp với giọng ấy : «Hãy xuống đây : nếu hai chàng không chịu nghe theo lời em, thì em sẽ đánh thức lão dậy ngay và chính em sẽ xui lão giết hai chàng».

Câu nói đó làm hai nhà vua lo sợ quá, đành phải tụt xuống một cách thận trọng hết sức để khỏi

kẻo lão hung thần thức dậy. Khi họ xuống đến đất rồi, ả ta cầm tay họ dẫn đến một nơi xa xa dưới hàng cây. Sau khi đạt được điều mong muốn, ả trông thấy mỗi chàng đeo một chiếc nhẫn ở ngón tay, liền hỏi xin. Vừa cầm được trong tay hai chiếc nhẫn, ả liền đi tìm một cái hộp để trong túi đựng đồ trang sức, lấy ra một sợi dây xâu nhiều chiếc nhẫn khác đủ kiểu đưa cho họ xem : «Hai chàng có biết những vật này có ý nghĩa gì không ?»

— Không — họ đáp — nhưng chắc nàng có thể cho chúng tôi rõ.

— Đây là những chiếc nhẫn của những người đàn ông đã từng ân ái với em. Đúng chín mươi tám chiếc, em giữ để làm kỷ niệm về họ. Em vừa xin hai chàng hai chiếc nhẫn kia, là để cho chẵn một trăm. Như vậy, — ả nói tiếp — là em có đúng một trăm tình nhân tính đến ngày hôm nay. Mặc mọi cách phòng ngừa của lão thần xấu xí bám riết lấy em này, nào nhốt em trong chiếc hòm thủy tinh nọ, nào giấu em tận đáy biển kia, tất thảy đều vô ích, em vẫn có cách đánh lừa được lão. Các chàng thấy đấy, một khi người đàn bà đã có sẵn một điều định bụng rồi, thì không có ông chồng hay người yêu nào có thể ngăn giữ nổi. Tốt hơn là đàn ông không nên ép buộc đàn bà, có lẽ đó là cách làm cho họ trở thành tiết hạnh.»

Người đàn bà nói xong, liền xâu hai chiếc nhẫn vào cùng một sợi dây với những chiếc kia. Ả lại trở về ngồi vào chỗ cũ như trước, bê đầu lão hung thần đặt gối trở lại lên đùi mình mà không làm cho lão thức giấc, và ra hiệu bảo hai nhà vua đi nơi khác.

Họ theo đường cũ quay trở về, và khi đã khuất người đàn bà và lão hung thần, Hoàng đế Saria hỏi quốc vương Sađơnăng : «Này chú, chú nghĩ gì về chuyện vừa xảy ra cho chúng ta ? Lão thần có một người yêu

khá chung thủy đấy chứ! Và chú có nhận thấy không, thật không có gì sánh được sự tai quái của đàn bà?»

— Thưa anh, có, — quốc vương nước Đại Táctari đáp, — và anh hẳn cũng phải đồng ý với em rằng lão thần còn đáng thương hại và còn đau khổ hơn anh em ta. Bởi vậy chúng ta hãy trở về nước nhà vì chúng ta đã gặp được điều chúng ta tìm kiếm, và chúng ta cũng chớ vì chuyện đó mà không lấy vợ. Về phần em, em biết cách làm sao giữ được cho lòng tin của mình trọn vẹn. Lúc này đây, em chưa muốn nói rõ điểm ấy; nhưng một ngày kia anh sẽ được tin tức về em, và em chắc rằng anh sẽ noi gương em.

Hoàng đế đồng tình với em. Hai người tiếp tục đi cho tới hết đêm của ngày thứ ba kể từ hôm xuất phát thì trở về đến nơi hạ trại.

Tin hoàng đế trở về được lan truyền. Từ sáng sớm các triều thần đã tề tựu trước hành cung. Nhà vua cho mời vào tiếp các quan với vẻ tươi cười hơn thường lệ, và ban thưởng cho tất cả mọi người. Sau đó, tuyên bố mình không muốn đi xa hơn nữa, vua truyền cho mọi người lên ngựa, và trở về ngay hoàng cung.

Vừa tới nơi, hoàng đế lập tức đến hậu cung, ra lệnh bắt trói hoàng hậu ngay trước mặt mình, rồi sai tể tướng cho đưa đi xử giảo. Viên đại thần này thi hành mà cũng chẳng hỏi xem hoàng hậu phạm tội gì. Nhà vua giận dữ không chỉ bằng lòng có thế, vua tự tay chặt đầu tất cả những nàng hầu của hoàng hậu. Sau sự trừng phạt nghiêm khắc ấy, tin chắc rằng trên đời không có một người đàn bà nào tiết hạnh. — Để ngăn ngừa không cho những người mà mình sẽ ăn nằm trong tương lai có cách gì thất tiết với mình, vua quyết định cứ mỗi đêm lấy một vợ rồi cho xử giảo người đàn bà ngay sáng hôm sau. Đặt ra cái luật lệ nghiệt ngã ấy rồi, hoàng đế thề sẽ thực hiện ngay lập tức sau

khi em trai về nước. Quốc vương nước Đại Táctari chẳng bao lâu cũng từ biệt lên đường, mang theo nhiều tặng phẩm quý.

Sadơnăng đi khỏi, hoàng đế Saria truyền cho tể tướng đưa đến cho mình con gái một viên tướng lĩnh quân đội. Tể tướng tuân lệnh. Hoàng đế ăn nằm với nàng, và sáng hôm sau khi đưa nàng trả lại tể tướng để mang đi hành quyết, vua lại truyền cho ông phải tìm một người con gái khác cho đêm tới. Dù tể tướng đau khổ biết bao khi phải thực hiện những mệnh lệnh như vậy, ông cũng bắt buộc phải làm vì nghĩa vụ của ông ta là nhắm mắt tuân theo mọi lời phán bảo của hoàng đế. Ông cho đưa đến người con gái của một võ quan cấp dưới, cô này sáng hôm sau bị xử giảo. Tiếp đó là ái nữ của một nhà giàu có trong kinh thành; tóm lại là cứ mỗi ngày có một người con gái lấy chồng và một người vợ bị giết chết.

Tiếng đồn về hành động vô nhân đạo không tiền khoáng hậu ấy gây nên một sự hoang mang trong khắp kinh thành. Ở đây, chỉ còn nghe thấy tiếng kêu gào khóc lóc. Chỗ này là một người cha nước mắt đầm đìa, tuyệt vọng vì vừa mất con; nơi kia là những bà mẹ thân yêu rên rỉ sợ con gái mình rồi cũng sẽ lâm vào cảnh ngộ ấy. Thế là, thay vào những lời ca ngợi và tạ ơn của trăm họ mà hoàng đế nhận được từ trước đến giờ, nay chỉ có lời nguyền rủa nhà vua.

Vị tể tướng, như đã nói ở trên, buộc lòng phải thực hiện một điều bất công khủng khiếp: ông có hai người con gái; người chị tên là Sêhêrazát (1); cô em tên là Đináczát(2). Cô em không kém người chị về tài hoa, đức hạnh. Song người chị dũng cảm hơn tất cả nữ nhi,

---

(1) *Sêhêrazát*, tiếng Ả-rập, có nghĩa là *con gái của Hồng nga*.

(2) *Đináczát* có nghĩa là *Quý như vàng*.

vô cùng thông minh và rất mực tài trí. Nàng đọc rất nhiều sách và có trí nhớ kỳ diệu đến nỗi không hề quên bất cứ một cái gì đã đọc qua. Nàng hiểu biết thành thạo các môn triết học, y học, lịch sử và mỹ thuật; nàng làm thơ hay hơn cả những nhà làm thơ nổi tiếng nhất đương thời. Ngoài ra, nàng lại có sắc đẹp tuyệt trần. Sáng ngời trên tất cả những mặt tài hoa ấy, là đức hạnh kiêm trinh.

Tể tướng yêu quý nàng nồng nhiệt, và nàng cũng thật xứng đáng với tình yêu thương ấy. Một hôm, hai cha con đang trò chuyện, nàng bảo cha: « Thưa cha, con có một điều van xin thiết tha mong được cha cho phép ».

— Cha sẽ không từ chối, — tể tướng đáp, — miễn là yêu cầu của con chính đáng và phải chăng.

— Gọi là chính đáng thì không thể có điều nào chính đáng hơn, — nàng Sêhêrazát nói, — cha có thể xét điều tâm niệm thúc đẩy con khẩn cầu cha: Con có ý định ngăn chặn những hành động dã man mà hoàng đế đang gây ra cho mọi gia đình trong kinh thành. Con muốn xua tan nỗi lo âu chính đáng của biết bao ba mẹ sợ mất con gái một cách thảm thương.

— Con ạ, ý định của con rất đáng khen, nhưng cha thấy cái tai họa mà con muốn ngăn chặn ấy hình như không có cách gì ngăn chặn. Làm sao sức con có thể thành công được cơ chứ!

— Thưa cha, — nàng Sêhêrazát lại nói, qua sự môi giới của cha, mỗi ngày hoàng đế cưới một người vợ mới. Con xin cha thương con, cho con được vinh dự nâng khăn sửa túi hoàng đế.

Tể tướng không thể không kinh hoàng khi nghe câu nói đó. «Trời! — ông giận dữ thốt lên — con mất trí rồi hở con? Con không biết là con vừa xin cha cho

con một điều rất nguy hiểm sao? Con đã biết rõ hoàng đế từng long trọng thề là chỉ ngủ một đêm với một người đàn bà rồi giết người ấy ngay sáng hôm sau, thế mà con lại muốn cha hiến dâng con cho nhà vua sao? Con có nghĩ rằng sự nông nổi của con đưa con đến tai họa không?

— Vâng, thưa cha, con biết tất cả mối nguy hiểm con sẽ trải qua, — người con gái đức hạnh ấy đáp, — nhưng nó không hề làm cho con sợ hãi. Nếu con chết, cái chết của con sẽ quang vinh; và nếu con thành công trong việc này, con sẽ giúp cho quê hương đất nước một công việc quan trọng.

— Không, không, cho dù con có nói thế nào đi nữa, con cũng chớ có tưởng rằng cha sẽ bằng lòng cho con lao vào nỗi hiểm nghèo ghê gớm ấy đâu. Khi hoàng đế sẽ truyền cho cha đâm lưỡi dao vào ngực con, than ôi! thế là cha phải tuân lệnh. Việc ấy mới đáng buồn làm sao cho một người cha! Ôi! nếu con không hề sợ chết, thì ít ra con cũng phải sợ gây nên cho cha nỗi đau khổ cùng cực là thấy tay mình phải nhuốm máu con chứ (1).

— Thưa cha, nàng Sêhêrazát nói, — con van cha chớ có cho con là xấu khi con vẫn giữ ý kiến của mình... Vả chăng, con xin cha tha lỗi cho nếu con dám nói điều này: cha đừng ngăn cản con vô ích, nếu tình phụ tử không cho cha chấp thuận lời khẩn cầu của con, thì tự con sẽ đến tâu xin thẳng với hoàng đế.

Cuối cùng người cha đuối lý trước quyết tâm của con gái, đành phải chiều ý con; và mặc dù rất buồn phiền vì không thuyết phục được con thay đổi quyết

---

(1) Đến đây, tể tướng kể cho con nghe một chuyện ngụ ngôn: *"con lừa, và con bò và người cày"*, để khuyên con gái bỏ ý định hiến thân cho hoàng đế (chú thích của người dịch).

định tai hại, ông vẫn đi ngay lúc ấy đến gặp hoàng đế Saria để báo tin rằng đêm tới ông sẽ dẫn nàng Sêhêrazát tới hầu nhà vua.

Hoàng đế hết sức ngạc nhiên về sự hy sinh của tể tướng : « Làm sao khanh co thể quyết định đưa chính con gái của khanh đến cho ta ? .»

— Tâu bệ hạ, chính cháu tự nguyện hiến thân — tể tướng đáp — Số phận đáng buồn chờ đợi cháu không làm cho cháu khiếp sợ ; cháu muốn được dựa mạn thuyền rồng một đêm thì dù chết cũng cam lòng.

— Nhưng tể tướng ạ. — hoàng đế lại nói, — khanh chớ hiểu nhầm, sáng mai khi ta đưa trả Sêhêrazát lại cho khanh, ta muốn khanh kết liễu đời nó. Nếu khanh không làm, ta thề ta sẽ xử tử khanh.

— Tâu bệ hạ, — tể tướng đáp — lòng thần chắc chắn sẽ kêu ca khi thần tuân lệnh ấy ; song mặc cho tình cảm cha con tha hồ van vỉ : cho dù là cha, cánh tay của thần vẫn trung thành với bệ hạ.

Hoàng đế Saria đồng ý sự hiến dâng của tể tướng, và bảo ông cứ việc mang con gái đến đây lúc nào tùy ý.

Tể tướng trở về báo tin ấy cho Sêhêrazát, nàng hết sức mừng vui như thể đấy là một tin tốt lành nhất trần đời. Nàng cảm ơn cha đã hết lòng giúp đỡ : ông lặng người vì đau đớn. Để an ủi cha, nàng nói nàng hy vọng ông sẽ không hối hận đã gả con gái cho hoàng đế, ngược lại ông có thể lấy đó làm điều vui mừng từ nay cho đến hết đời.

Nàng chỉ còn lo việc sửa soạn để ra mắt hoàng đế. Song trước khi lên đường, nàng gọi riêng Dináczát ra và bảo : Em thân yêu của chị ơi, chị cần có sự cứu giúp của em trong một công việc rất quan trọng ; chị van em chớ có khước từ. Cha sẽ dẫn chị vào cung để

làm vợ hoàng đế. Em chớ hoảng hốt vì tin đó, mà hãy kiên nhẫn nghe chị nói đây. Khi nào chị đến trước nhà vua, chị sẽ cầu khẩn người cho phép em được ngủ cùng với chị trong phòng tân hôn, để cho chị được ở cùng em thêm một tối nữa. Nếu nhà vua đồng ý, mà chị hy vọng là như vậy, thì em phải nhớ sáng sớm mai đánh thức chị dậy một giờ trước lúc mặt trời mọc, và nói với chị như sau : « Chị ơi, nếu chị không ngủ, em van chị, trong khi chờ đợi trời sắp sáng tới nơi, hãy kể cho em nghe một trong những chuyện rất hay mà chị biết ». Lập tức chị sẽ kể cho em nghe một chuyện, và chị mong rằng bằng cách ấy có thể giải thoát toàn thể nhân dân ta khỏi tình trạng hoang mang lo sợ hiện giờ ». Đináczát trả lời chị : em sẵn sàng làm mọi việc chị cầu đến em.

Đã đến giờ đi ngủ, tể tướng dẫn Sêhêrazát đến hoàng cung và ra về ngay sau khi đưa nàng vào buồng riêng của nhà vua. Hoàng đế vừa thấy chỉ còn có riêng mình với nàng, liền ra lệnh cho nàng cất tấm mạng che mặt. Vừa nhận ra nàng xinh đẹp đến nỗi thấy mình say đắm. Song thấy nàng đang đầm đìa nước mắt, vua liền hỏi vì sao. Sêhêrazát đáp : « Tâu bệ hạ, thiếp có một đứa em gái thiếp yêu rất tha thiết cũng như em nó yêu thiếp vậy. Thiếp muốn được có em ngủ đêm nay trong buồng này, để được trông thấy em và chào vĩnh biệt em một lần nữa. Bệ hạ có vui lòng ban cho thiếp niềm an ủi được biểu lộ, một lần cuối, tình cảm của thiếp đối với em không ? Hoàng đế Sari̇a chấp thuận. Người ta đi tìm Đináczát, nàng vội vàng đến ngay. Hoàng đế ngủ với Sêhêrazát trên một chiếc sập rất cao theo kiểu các nhà vua phương Đông, còn Đináczát thì nằm trên một cái giường thấp hơn kê kề chân sập.

Một giờ trước khi trời sáng, Đináczát thức dậy và không quên làm điều chị đã căn dặn. Nàng nói : « Chị

thân yêu của em ơi, nếu chị không ngủ, em van chị, trong khi chờ đợi trời sắp sáng tới nơi, hãy kể cho em nghe một trong những chuyện thú vị mà chị biết. Than ôi ! có lẽ đây là lần cuối cùng em được hưởng niềm vui ấy ».

Nàng Sêhêrazát không đáp lời em, mà nói với nhà vua :

— Tâu bệ hạ, bệ hạ có vui lòng cho phép thiếp được làm đúng như ý muốn của em thiếp không ?

— Rất vui lòng — hoàng đế đáp.

Thế là Sêhêrazát bảo em lắng nghe ; rồi hướng vào hoàng đế Saria, nàng bắt đầu kể :

CHUYỆN NGƯỜI ĐÁNH CÁ (1)

Tâu bệ hạ,

Ngày xưa có một lão đánh cá khá cao tuổi và nghèo túng đến nỗi không sao kiếm được đủ bữa để nuôi sống gia đình gồm một vợ và ba con. Ngày nào, lão cũng đi đánh cá từ sáng sớm, và tự đặt ra cái lệ là mỗi ngày chỉ buông lưới bốn lần.

Một buổi sáng, lão ra đi từ lúc còn ánh trăng. Đến bờ biển, lão cởi áo quần và buông lưới. Khi kéo lưới

(1) Đây là chuyện thứ năm trong bản dịch của Galang. Từ đây trở đi, chúng tôi dịch gọn các chuyện, lược bớt những câu dắt dẫn tức là những lời qua lại giữa Sêhêrazát và hoàng đế Saria, tiếp tục câu chuyện kể đêm sau từng đêm (N.D)

vào bờ, lúc đầu lão cảm thấy nặng tay. Những tưởng đánh được một mẻ khá, lão đã khấp khởi mừng thầm, nhưng một lát sau nhận ra không phải cá mà là một bộ xương lừa nằm trong lưới, lão rất đỗi buồn rầu.

Và lại xong tấm lưới bị bộ xương lừa làm rách nhiều chỗ, lão đánh cá, ngán ngẩm vì một mẻ đánh rủi ro như vậy, buông lưới lần thứ hai. Kéo thấy nặng tay hơn lần trước, lão chắc mẩm lần này lưới sẽ đầy những cá nhưng cũng lại chỉ thấy một cái thúng lớn đầy đá cuội và bùn. Vô cùng ngao ngán, lão đánh cá kêu lên, giọng đáng thương : « Hỡi số phận, xin thôi đừng giận lão, đừng hành hạ một con người đau khổ đang cầu khẩn mi buông tha ! Lão từ nhà đến đây kiếm cá để sống, còn mi thì lại báo cái chết của lão ! Lão chẳng có nghề ngỗng gì ngoài cái nghề này nhằm kiếm ăn qua bữa ; và mặc dù chăm chút biết bao nhiêu đến nghề nghiệp của mình, lão vẫn không làm sao chu cấp đủ cho gia đình những nhu cầu cần thiết nhất. Nhưng mà lão đã nhầm khi kêu vau mi ; mi vốn thích làm tình làm tội những con người trung hậu, mi thích để các vĩ nhân sống trong tối tăm ; trong lúc mi ưu đãi những kẻ ác, mi nâng cao những đứa không hề có chút đức hạnh nào đáng cho người ta tin cậy ».

Dứt lời than vãn, lão hất tung cái thúng, và sau khi rửa sạch tấm lưới bám đầy bùn, lão buông lưới lần thứ ba, nhưng lão chỉ kéo lên được đá, vỏ sò và rác rưởi. Không thể nào tả được sự thất vọng của lão : suýt nữa lão trở thành quẫn trí. Tuy vậy, vì trời bắt đầu sáng, lão không quên đọc kinh như một người hồi giáo ngoan đạo (1), và khấn thêm : « Hỡi thượng đế. Người biết rằng mỗi ngày con chỉ buông lưới có

(1) Đọc kinh cầu nguyện là một trong bốn điều răn chính của Kinh Cô ran, kinh thánh đạo hồi.

bốn lần mà thôi. Con đã ba lần tung lưới mà không thu được một chút kết quả nào. Con chỉ còn một lần nữa thôi: cầu xin Thượng đế làm cho biển cả thuận lợi cho con, như xưa kia Người đã khiến biển thuận lợi cho Môidơ (1) vậy.»

Cầu nguyện xong, lão đánh cá buông lưới lần thứ tư. Khi cho rằng chắc cá đã vào, lão kéo cái lưới lên cũng khá vất vả như những lần trước. Tuy vẫn không được gì, nhưng lão nhặt được một cái lọ bằng đồng thau mà, qua sức nặng của nó, hình như chứa đầy một thứ gì. Cái lọ nút kín và niêm phong bằng chì có mang dấu một cái ấn. Điều đó làm lão vui lên. Lão tự nhủ; « Ta sẽ mang bán cho thợ đúc, được tiền ta sẽ mua một đấu lúa mì.».

Lão xem xét cái lọ đủ mọi phía, lão lắc lắc để xem thử những thứ gì đựng bên trong có phát ra tiếng động hay không. Chẳng nghe thấy gì, lại thêm cái dấu ấn trên nắp chì, làm cho lão nghĩ rằng chắc hẳn cái lọ chứa đựng một vật gì quý báu lắm. Lão vớ lấy con dao, và chỉ cố bẩy một tí thôi, lão đã mở được cái nắp. Lão dốc ngược cái lọ song chẳng có gì rơi ra, điều đó làm cho lão hết sức ngạc nhiên. Lão đặt cái lọ xuống trước mặt, và trong khi lão đang chăm chú ngắm nghía, thì từ miệng lọ tuôn ra một luồng khói khá dày, buộc lão phải thụt lùi về sau vài ba bước.

Luồng khói ấy bốc cao lên tận mây xanh, trải dài ra mặt nước và ven bờ biển, tạo thành một đám sương mù lớn. Cảnh tượng đó làm cho lão cực kỳ kinh ngạc. Khi khói tuôn hết ra khỏi lọ thì tụ tập lại và trở thành một vật thể rắn, từ đó hình thành một vị thần cao lớn gấp đôi con người khổng lồ cao lớn nhất. Trước sự

---

(1) Theo tín ngưỡng của những người hồi giáo, Môidơ, cùng với Đavit, Jêsu Crít và Mahômét là bốn đấng đại tiên tri (còn gọi là thiên sứ.)

việc quái đản như vậy, lão muốn co giò chạy, nhưng vì quá luống cuống và khiếp đảm, lão không sao nhấc nổi chân lên.

Thoạt tiên, vị thần thốt lên : « Xalômông, hỡi Xalômông, đấng tiên tri vĩ đại của Thượng đế, xin tha thứ, xin tha thứ, không bao giờ con còn dám chống lại ý muốn của Người. Con xin phục tùng tất cả mệnh lệnh của người. »

Nghe được mấy lời ông thần vừa nói, lão liền bình tĩnh lại và nói : « Này vị thần linh cao lớn kia ơi, ngài nói gì vậy ? Xalômông, đấng tiên tri của thượng đế, qua đời đã hơn một nghìn tám trăm năm nay, và chúng ta hiện đang sống thời tận cùng các thế kỷ. Ngài hãy kể cho tôi nghe chuyện về ngài, nguyên do vì đâu ngài bị nhốt trong chiếc lọ này ? ».

Nghe hỏi, vị thần nhìn lão một cách kiêu ngạo và trả lời : « Mày hãy nói với ta cho có lễ độ hơn, mày to gan quá đấy, sao dám gọi ta là thần linh cao lớn ? »

Lão cãi :

— Phải chăng tôi nói với ngài có lễ độ hơn, nếu tôi gọi ngài là con cú gặp may ?

— Tao bảo mày phải ăn nói cho có lễ độ hơn trước khi tao giết.

— Ô hay ! sao ngài lại giết tôi ? — lão vặn lại — Tôi vừa giải thoát cho ngài, ngài đã quên rồi ư ?

— Không, ta nhớ, nhưng điều đó cũng không ngăn trở việc ta giết mày. Ta chỉ có mỗi một ân huệ ban cho mày mà thôi.

— Ân huệ gì vậy ? — lão hỏi.

— Ấy là cho phép mày được chọn lấy cách mày muốn chết như thế nào.

— Nhưng tôi đã làm điều gì xúc phạm đến ngài nào ? — Lão nói — Thế ra ngài thưởng công cho cái việc tốt lành tôi giúp ngài bằng cách ấy phải không ?

— Ta không thể đối xử với mày bằng cách nào khác được — vị thần nói — Mày muốn tin chắc thì hãy nghe câu chuyện ta kể đây :

«Ta vốn là một trong những thần linh nổi loạn chống lại quyền uy của Thượng đế. Tất cả các thần linh khác đều thừa nhận Xalômông vĩ đại, đấng tiên tri của Thượng đế, và đều thuần phục Người, chỉ có Xaca và ta là những kẻ duy nhất không chịu làm điều hèn hạ đó. Để trả thù, nhà vua hùng mạnh ấy sai Átxáp, con của Barakhia, tể tướng của người, đến bắt ta. Lệnh đó được thực hiện. Átxáp đến bắt ta, cưỡng bách ta đến trước ngai vàng chúa tể của ông ta. Xalômông con của Đavít, ra lệnh cho ta phải từ bỏ lối sống của mình, phải thừa nhận quyền lực của Người, và phục tùng mệnh lệnh của Người. Ta ngạo nghễ từ chối không tuân theo. Ta thà chịu đựng mọi sự thù ghét của Người còn hơn là thề trung thành và thần phục như Người buộc ta phải làm. Để trừng phạt ta, Người giam ta vào trong cái lọ đồng này ; và để cho ta không thể nào vượt ngục, Người tự tay đóng lên cái nắp bằng chì con ấn của Người có khắc tên Thượng đế. Xong đâu đấy, Người giao cái lọ cho một trong những thần linh chịu thần phục và truyền cho hắn ném ta xuống biển ; lệnh ấy đã được thi hành, mặc dù ta chẳng muốn chút nào. Trong thế kỷ tù đầy đầu tiên, ta thề nếu có ai đến giải thoát cho ta trước khi hết hạn một trăm năm, ta sẽ làm cho người đó trở nên giàu có, cho dù ngay cả sau khi đã qua đời. Nhưng một thế kỷ trôi qua, mà chẳng có ai làm giúp ta việc tốt lành ấy cả. Trong thế kỷ thứ hai, ta thề sẽ mở cửa tất cả các kho tàng trên trái đất cho bất kỳ kẻ nào

đem lại tự do cho ta, nhưng ta vẫn không được may mắn gì hơn. Trong thế kỷ thứ ba, ta hứa là sẽ làm cho người giải thoát ta trở thành một ông vua hùng mạnh, hồn thiêng của ta sẽ luôn luôn ở bên cạnh người đó, và cứ mỗi ngày thỏa mãn cho người đó ba điều ước, cho dù tính chất của những điều ước ấy như thế nào; nhưng thế kỷ này lại trôi qua như hai thế kỷ trước, mà ta thì vẫn cứ lâm vào tình trạng như xưa. Cuối cùng, chán ngán, hay đúng hơn là điên tiết vì thấy mình bị giam cầm quá lâu, ta thề nếu từ đây ai giải thoát ta, ta sẽ giết chết không chút xót thương và sẽ không ban cho một ơn huệ nào ngoài việc cho phép tự chọn lấy cách chết. Chính vì vậy mà ta cho phép mày tự chọn xem mày muốn được ta giết chết bằng cách nào».

Những lời nói ấy làm lão rất lo âu.

— Khốn nạn thân tôi, — lão kêu lên — sao lại đến chốn này làm ơn cho một kẻ bội bạc! Xin ngài hãy thương xót, hãy nhận ra sự bất công của ngài, và hãy xóa bỏ lời thề quá ư vô lý. Hãy tha tội cho lão, Thượng đế sẽ đại xá cho ngài; nếu ngài rộng lượng cho lão được sống, thì Thượng đế sẽ che chở ngài chống mọi mưu toan ám hại.

— Không! thần nói — mày nhất định phải chết, mày thích chết cách nào thì hãy chọn đi, để tao kết liễu đời mày.

Thấy thần khăng khăng muốn giết mình, lão đau đớn vô cùng, tiếc thân mình thì ít mà thương ba đứa con sẽ lâm vào cảnh khốn cùng sau khi mất bố thì nhiều. Lão lại cố gắng làm cho vị thần bớt giận: « Ngài ơi! xin ngài hãy nghĩ đến việc tôi đã làm cho ngài mà đoái thương tôi. »

— Thì ta đã bảo, chính vì việc làm của mày mà ta bắt buộc phải kết liễu đời mày mà.

— Thật lạ lùng làm sao, — lão đáp, — ai lại cứ khăng khăng lấy oán báo ân. Tục ngữ có câu : người nào làm điều lành cho kẻ không đáng hưởng thì bao giờ cũng bị đền đáp không hay. Thú thật, trước đây tôi cho rằng câu tục ngữ đó sai : không có gì xúc phạm lẽ phải và luật lệ xã hội hơn là câu nói đó. Thế nhưng giờ đây, tôi đau đớn mà nhận ra rằng nó quá ư đúng đắn.

Thần ngắt lời :

— Đừng để mất thời giờ, mọi lý lẽ đều không làm thay đổi được chủ định của ta đâu. Hãy nói nhanh lên, mày muốn được ta giết chết bằng cách nào ?

Sự bức bách làm nảy trí thông minh. Lão nghĩ ra một mẹo. Lão nói với thần : « Vì không có cách nào tránh khỏi chết, thôi thì tôi đành phục tùng ý trời vậy. Nhưng trước khi chọn cách chết, tôi cầu xin ngài, hãy vì uy danh vĩ đại của Thượng đế đã được khắc vào con ấn của đấng tiên tri Xalômông, con trai Đavit, mà trả lời thật thà cho tôi biết câu tôi hỏi ngài sau đây. »

Thấy mình lâm vào cái thế không thể nào khước từ lời cầu xin ấy được, hung thần run sợ trong lòng. Hắn bảo lão : « Nào, mày muốn hỏi gì ta thì hỏi nhanh lên ! »

Được thần hứa là sẽ nói sự thật, lão liền hỏi : « Tôi muốn biết có thật đúng là ngài đã ở trong cái lọ này không ? Ngài có dám thề trước Thượng đế rằng quả đúng là như vậy ? »

— Đúng, ta xin thề trước Thượng đế rằng ta đã ở trong cái lọ. Điều đó hoàn toàn không sai.

— Thật thà mà nói, tôi không sao tin được lời ngài. Cái lọ này một bàn chân của ngài thôi cũng không đút

lọ, làm sao có thể chứa đựng toàn bộ thân thể ngài cơ chứ !

— Nhưng ta đã thề độc với mày, đúng là với cái hình dạng như mày đang thấy ta đây, ta đã ở trong ấy. Như vậy, mày vẫn không tin ư ?

— Vâng, đúng thế — lão nói — tôi sẽ chẳng bao giờ tin trừ khi ngài cho tôi trông thấy tận mắt.

Thế là thân thể hung thần tự nhiên tan ra, biến thành khói trải dài trên mặt nước và ven bờ biển rồi sau đó tụ tập lại và chui trở vào trong lọ một cách chậm rãi và đều đều cho đến khi không còn gì sót lại ở bên ngoài.

Từ trong lọ vọng ra một tiếng nói : « Hỡi lão đánh cá hay hoài nghi kia, giờ ta đã vào trong lọ, mày tin rồi chứ ? »

Không trả lời, lão đánh cá vớ lấy cái nắp chụp nhanh lên miệng lọ rồi kêu to : « Này hung thần, giờ đến lượt mày van ta, và cho mày lựa chọn lấy, mày muốn ta cho mày chết bằng cách nào ? Nhưng mà thôi, tốt hơn là ta lại ném mày xuống biển ngay ở chỗ ta vớt mày lên : rồi ta sẽ làm một cái nhà trên bờ này, ta sẽ ở đây để báo cho tất cả những người đánh cá nào đến đây buông lưới, rằng hãy chú ý đừng có vớt lên một hung thần độc ác như mày, kẻ đã thề sẽ giết chết người nào cứu vớt, nó trở lại tự do. »

Nghe những lời xúc phạm đó, hung thần nổi xung, cố hết sức để thoát ra ngoài lọ, nhưng không sao được vì bị cái dấu ấn của đấng tiên tri Xalômông, con vua Đavít, cản lại.

Thấy lão đánh cá có lợi thế hơn mình, hắn buộc lòng phải giấu sự giận dữ. Hắn dịu giọng nói : « Hỡi

người ngư phủ, bác hãy cẩn thận, chớ có làm điều bác vừa nói đấy nhé. Những việc ta làm vừa rồi chẳng qua là để đùa chơi một tí thôi, bác chớ có nên coi là chuyện thật ».

— Này hung thần, — lão đáp, — cách đây một lát mày là đấng vĩ đại nhất, nhưng bây giờ là kẻ bé nhỏ nhất trong tất cả các thần linh, mày hãy biết rằng những lời lẽ giả dối của mày chẳng giúp ích gì cho mày đâu. Mày sẽ trở về với biển cả. Nếu mày đã từng ở dưới biển suốt thời gian như mày đã kể cho ta nghe thì mày cũng có thể ở đấy cho đến ngày phán xét. Ta đã nhân danh Thượng đế cầu xin mày chớ kết liễu đời ta, mày đã bác bỏ mọi lời cầu khẩn của ta thì giờ đây, đến lượt ta đối xử với mày như mày đã đối xử với ta vậy.

Hung thần tìm đủ mọi cách làm động lòng lão đánh cá «Bác hãy mở cái nắp lọ, hãy trả lại tự do cho ta, ta van bác đấy, ta xin hứa rằng ta sẽ làm hết sức mình cho bác bằng lòng về ta ».

— Mày chỉ là một tên phản trắc, — lão trả lời — Ta sẽ đáng chết, nếu ta còn bất cẩn mà tin ở mày. Rồi mày cũng đến giết ta như một ông vua Hy-lạp nào đó đã giết viên thầy thuốc Dubăng mà thôi (1). Nếu vừa rồi ta lay chuyển được mày, nếu mày ưng thuận cho điều ta cầu xin, thì giờ đây có lẽ ta sẽ thương hại cho tình cảnh của mày. Nhưng, bởi vì bất chấp cái ơn cực kỳ cao cả là được ta giải thoát cho, mày vẫn một mực đòi giết ta, vậy thì đến lượt ta, ta cũng phải không thương xót. Ta sẽ cứ để cho mày bị nhốt trong lọ này và ném mày xuống biển, để cho mày không được sống đến ngày tận thế : đó là sự trả thù mà ta định đối xử với mày đấy.

(1) Lão đánh cá kể chuyện vua Hy Lạp và thầy thuốc Dubăng (A.D)

— Hỡi người ngư phủ bạn của ta ơi, — hung thần đáp, — một lần nữa ta van bác chớ nên có một hành động tàn ác như vậy. Bác nên nghĩ rằng trả thù là không đôn hậu, ngược lại lấy ân báo oán mới thật là đáng khen.

— Không, ta sẽ không giải thoát mày đâu. Lý lẽ quá nhiều rồi : ta sắp tống mày xuống đáy biển đây, — lão nói.

— Bác đánh cá ơi, — hung thần kêu lên, — gượm, cho ta nói thêm một lời : ta hứa sẽ không làm gì hại đến bác : hơn nữa, khác xa điều đó, ta sẽ còn bày cho bác một cách để mà trở nên cực kỳ giàu có nữa.

Niềm hy vọng có thể thoát khỏi cảnh nghèo túng làm lão xiêu xiêu. Lão nói :

— Ta có thể nghe, thử xem lời mày nói có lọt tai ta không. Hãy thề trước Thượng đế rằng mày sẽ giữ lấy lời thì ta sẽ mở cái lọ cho mày ra : ta không tin rằng mày cả gan đến nỗi dám vi phạm một lời nguyền như vậy.

Hung thần chịu thề, người đánh cá liền mở nắp lọ. Lập tức khói tuôn ra, và hung thần, sau khi đã lấy lại nguyên hình vẫn theo như cách thức trước, việc đầu tiên là đưa chân đá tung cái lọ xuống biển. Hành động đó làm lão đánh cá phát hoảng : « Này thần linh, thế là thế nào ? ngài không muốn giữ trọn lời thề lúc nãy hay sao ? Tôi có cần nhắc lại câu mà thầy thuốc Đu-băng từng nói với nhà vua Hy-lạp xưa : « Hãy để cho tôi sống, Thượng đế sẽ kéo dài tuổi thọ của ngài » ?

Sự hoảng hốt của lão đánh cá làm hung thần bật cười : « Không, lão ạ, lão hãy yên tâm : ta hất cái lọ đi cho vui và để xem lão có hoảng lên không thôi. Để lão tin chắc là ta muốn giữ trọn lời hứa, lão hãy vác lưới đi theo ta ».

Hung thần vừa nói vừa đi lên phía trước, lão đánh cá vác lưới theo sau mà lòng vẫn nửa tin nửa ngờ. Họ đi ngang qua trước thành phố, trèo lên một ngọn núi rồi từ đấy đổ xuống một đồng bằng rộng dẫn tới một cái đầm lớn nằm giữa bốn quả đồi.

Đến bờ đầm, hung thần bảo lão: « Lão hãy buông lưới đi, rồi bắt lấy cá ». Người ngư phủ tin chắc mình sẽ đánh được cá bởi vì mắt nhìn thấy vô số cá trong đầm; song điều làm cho lão cực kỳ kinh ngạc là các con cá có bốn màu sắc khác nhau: trắng, đỏ, xanh, vàng. Lão tung lưới và bắt lên bốn con, mỗi con một màu. Chưa hề nhìn thấy những con cá như vậy bao giờ, lão ngắm nghía không biết chán; và cho rằng có thể bán được món tiền đáng kể, lão rất đỗi vui mừng. Hung thần nói: « Hãy mang những con cá này đến dâng hoàng đế, ngài sẽ cho lão nhiều tiền hơn số lão đã kiếm được suốt đời. Ngày nào, lão cũng có thể đến đánh cá ở đây, song ta báo cho biết trước, là mỗi ngày chỉ được buông lưới một lần thôi, làm khác đi là mang họa vào thân đấy; lão cần nhớ kỹ. Đấy là lời ta khuyên: nếu thực hiện đúng thì lão sẽ thấy nó nhiệm màu ». Nói xong câu đó, thần dậm chân, mặt đất liền nứt ra và đóng lại ngay sau khi nuốt chửng thần.

Lão quyết tâm thực hiện đúng mọi điều khuyên răn của hung thần, chú ý không buông lưới lần nữa. Lão quay trở lại kinh thành, khá bằng lòng với mẻ cá và suy nghĩ miên man về những việc vừa xảy ra cho mình. Lão đi thẳng đến hoàng cung để dâng cá lên hoàng đế...

* * *

Bệ hạ thử tưởng tượng (1) sự ngạc nhiên của nhà vua khi nhìn thấy bốn con cá mà người ngư phủ kính dâng.

* * *

... Hoàng đế bắt từng con lên xem xét một cách chăm chú. Và, sau khi ngắm nghía hồi lâu, nhà vua truyền cho tể tướng : « Khanh hãy mang những con cá này đến cho con đầu bếp khéo tay mà hoàng đế Hy-lạp gửi đến biếu ta ; ta cho rằng những con cá đẹp thế này ăn chắc sẽ ngon ». Tể tướng thân hành mang cá đến tận tay chị đầu bếp và nói « Đây là bốn con cá có người vừa mang đến dâng hoàng đế. Người ra lệnh cho mày nấu cho ngài dùng ».

Làm xong công việc được giao, tể tướng trở lại ; hoàng đế lại sai ông ta trao cho lão đánh cá bốn trăm đồng vàng. Vị đại thần làm ngay rất chu đáo. Lão đánh cá chưa bao giờ có một lúc trong tay một món tiền to như vậy, bàng hoàng trước niềm hạnh phúc và tưởng như mình đang trong giấc mơ. Nhưng lão hiểu ngay ra đây là cảnh thực, lão có thể dùng món tiền này để chi dụng trong gia đình. Lão ra về...

Còn người đầu bếp của vua, chị ta đang ở trong tình cảnh vô cùng bối rối. Thoạt tiên, chị cạo vảy những con cá tể tướng vừa mang lại, bỏ vào soong, cho dầu và đặt lên lò để rán ; đến chừng cho rằng cá đã chín một mặt, chị lật sang mặt kia. Nhưng, kỳ lạ xiết bao ! vừa lật những con cá lại thì lập tức tường nhà bếp tự dưng mở ra. Từ đó bước ra một cô nương trẻ tuổi, xinh đẹp tuyệt trần và hình dáng thanh tú ; nàng bận một chiếc áo xa-tanh hoa, kiểu Ai-cập, tai

(1) Bệ hạ đây là hoàng đế Sacia, người đang nghe nàng Shéhérazade kể chuyện.

hoa hoè, ở cổ là một chuỗi ngọc lớn và những vòng vàng nạm hồng ngọc, tay cầm một chiếc đũa bằng gỗ sim. Nàng đến cạnh cái soong, và trước sự ngạc nhiên của chị bếp đang đứng im như phỗng, nàng đưa đầu gậy gỗ vào một con cá mà nói : « Này cá, này cá, mi có làm phận sự không ? ». Cá không trả lời, nàng nhắc lại câu hỏi đó, thế là cùng một lúc bốn con cá cùng ngẩng đầu lên và cùng nói rất rành mạch : «Vâng, vâng, nếu các ngài đếm thì chúng tôi đếm ; nếu các ngài trả nợ các ngài thì chúng tôi trả nợ của chúng tôi ; nếu các ngài chạy trốn thì chúng tôi thắng, và chúng tôi lấy làm hài lòng ». Bốn con cá nói xong những lời đó, cô nương trẻ tuổi liền hất đổ cái soong và quay lại chỗ bức tường mở ra lúc nãy, tường đóng lại ngay trở về nguyên hình như cũ.

Khi chị bếp, khiếp đảm vì bấy nhiêu điều kỳ diệu, tỉnh ra khỏi nỗi kinh hoàng và đi nhặt những con cá rơi trên lửa thì tất cả đều đã cháy, đen hơn than, không còn có thể dâng lên nhà vua được nữa. Chị ta hết sức đau khổ và bắt đầu lớn tiếng khóc gào : « Than ôi : Thân tôi rồi sẽ ra sao ? Dù tôi kể lại cho hoàng đế nghe những điều tôi vừa thấy, cầm chắc Người cũng chẳng tin nào, và cơn thịnh nộ của Người đối với tôi sẽ ghê gớm đến đâu ! ».

Chị ta đang rầu rĩ như vậy thì tể tướng bước vào, hỏi cá đã nấu xong chưa. Chị thuật lại tất cả những gì vừa xảy ra, và chúng ta cũng có thể hiểu được. Câu chuyện ấy làm cho tể tướng hết sức ngạc nhiên ; nhưng ông không về tâu lại với hoàng đế mà lại đi bịa ra một lý do nào đó cũng lọt được tai Người. Đồng thời ông sai người đi gọi lão đánh cá đến ngay lập tức. Khi lão đến, ông bảo : « Này lão đánh cá kia, hãy mang đến cho ta bốn con cá khác giống như những con hôm qua lão mang tới đây, vì một việc không may

xảy ra làm cho những con cá hôm qua không dâng lên hoàng đế được ». Lão đánh cá không nói ra ngay điều hung thần căn dặn, nhưng để khỏi phải nộp cá ngay trong ngày hôm đó, lão tạ sự đường xá xa xôi để xin khất đến sáng sớm mai sẽ mang đến nộp đủ.

Lão đánh cá vội vã đi ngay trong đêm đến ven đầm. Lão buông lưới, kéo lên và lại bắt được đúng bốn con cá, mỗi con một màu khác nhau, đúng y như lần trước. Lão liền quay trở về và mang đến cho tể tướng ngay, kịp thời hạn đã hứa. Vị đại thần nhận cá và cũng lại thân hành mang đến cho nhà bếp; rồi một mình ông ở lại cùng chị bếp. Chị ta bắt đầu mổ cá ngay trước mặt tể tướng rồi đặt lên lò đúng như cách thức chị đã làm bốn con cá ngày hôm qua. Khi cá rán đã chín mặt này, chị lật để rán mặt kia, thì tường nhà bếp tự dưng lại mở ra, và cũng chính cô nương ấy xuất hiện, tay cầm chiếc đũa. Nàng đến cạnh cái soong, gõ vào một con cá và nói lên những lời y như ngày hôm trước; tất cả bốn con cá đều ngẩng đầu và trả lời đúng như câu đã nói.

Bốn con cá trả lời xong, cô nương trẻ lại dùng đũa hất đổ cái soong, rồi lại trở về đúng chỗ bức tường vừa mở ra để cho nàng xuất hiện. Tể tướng chứng kiến tất cả cảnh đó. « Kỳ dị quá, khác thường quá, không thể nào giấu hoàng đế được, — ông nói, — ta phải đến tâu ngay cho Người rõ điều kỳ lạ này ». Nói xong, ông đi tìm nhà vua ngay và kể lại cho vua nghe một cách trung thực câu chuyện vừa rồi.

Hoàng đế rất đỗi ngạc nhiên, và nôn nóng muốn tự mắt nhìn thấy ngay điều kỳ diệu đó. Vì vậy, nhà vua sai đi tìm lão đánh cá đến và phán: « Này lão kia, lão có thể lại mang đến cho ta thêm bốn con cá nữa màu sắc khác nhau không? » Lão đánh cá tâu: nếu hoàng đế rộng lòng cho hạn trong ba ngày thì lão

xin hứa là sẽ làm vừa lòng Người. Được nhà vua đồng ý, lão lại đi đến cái đầm lần thứ ba, và lần này cũng may mắn không kém hai lần trước, bởi vì ngay từ mẻ lưới đầu tiên, lão đã bắt được bốn con cá khác màu. Lão không quên mang đến ngay lập tức cho hoàng đế : Nhà vua càng hài lòng vì không nghĩ là chóng có được cá đến thế, liền hạ lệnh ban cho lão thêm bốn trăm đồng vàng.

Vừa có cá, lập tức nhà vua sai mang đến cung điện của mình tất cả những thứ cần thiết cho việc nấu nướng. Hoàng đế và tể tướng đóng chặt cửa lại. Vị đại thần làm cá, cho vào chảo bắc lên bếp, rồi khi cá chín mặt này, tể tướng lật sang rán mặt kia. Thế là tường cung điện nứt ra : nhưng lần này không phải là cô nương trẻ tuổi mà là một tên da đen bước ra. Tên da đen mặc áo quần nô lệ, người cực kỳ cao to, tay cầm một chiếc gậy lớn màu lục. Nó tiến đến cạnh cái chảo bắc trên bếp, đưa gậy gõ vào một con cá và nói giọng dữ tợn : « Này cá, này cá, mi có làm phận sự không ?» Nghe hỏi con cá ngẩng đầu lên và đáp : «Vâng, vâng chúng tôi đang làm phận sự ; nếu các ngài đếm thì chúng tôi cũng đếm : nếu các ngài trả nợ của các ngài thì chúng tôi trả nợ của chúng tôi ; nếu các ngài chạy trốn thì chúng tôi thắng, và chúng tôi lấy làm hài lòng. »

Các con cá chưa nói dứt lời, tên da đen đã đánh đổ cái chảo làm cho cá cháy thành than. Làm xong, nó ngạo nghễ rút lui, trở vào chỗ bức tường mở ra lúc nãy, và bức tường lại khép lại y nguyên như cũ. Nhà vua bảo tể tướng : «Sau khi đã nhìn thấy những việc vừa rồi, đầu óc ta không thể nào thanh thản được. Chắc chắn những con cá này nói lên một điều gì đó dị thường mà ta muốn làm sáng tỏ». Nhà vua sai tìm lão đánh cá, người ta dẫn lão đến. Nhà vua nói : «Này

lão đánh cá, những con cá ngươi mang đến gây cho ta thêm nỗi băn khoăn. Ngươi bắt những con cá ấy ở nơi đâu?»

— Tâu bệ hạ, thần đánh ở một cái đầm nằm giữa bốn quả đồi, phía bên kia quả núi mà ta thấy kia.

— Khanh có biết cái đầm ấy không? — nhà vua quay hỏi tể tướng.

— Tâu bệ hạ, không, và thần cũng chẳng nghe ai nói đến bao giờ, mặc dù từ sáu mươi năm nay thần vẫn đi săn quanh vùng này và từng sang bên kia quả núi ấy.

Hoàng đế hỏi từ hoàng cung đến cái đầm ấy bao xa: lão đánh cá quả quyết đi bộ không quá ba tiếng đồng hồ. Nghe lời quyết đoán ấy, và vì hãy còn đủ sớm để có thể đến nơi trước khi trời tối, nhà vua ra lệnh cho tất cả triều thần lên ngựa: lão đánh cá làm nhiệm vụ dẫn đường.

Họ leo lên núi, và khi đổ xuống sườn bên kia, mọi người hết sức ngạc nhiên thấy một cánh đồng rộng từ trước đến nay chưa từng ai để ý. Cuối cùng họ đến tận cái đầm nằm giữa bốn quả đồi, đúng như lão đánh cá đã thuật. Nước trong đầm trong leo lẻo đến nỗi có thể nhìn thấy rõ tất cả các con cá giống hệt như những con lão chài từng mang đến hoàng cung dâng vua.

Hoàng đế dừng lại bên bờ đầm, và sau một lúc say sưa ngắm đàn cá, nhà vua hỏi các quan thượng thư và tất cả triều thần, làm sao lại có thể chưa có hề ai trông thấy cái đầm chẳng cách thành phố bao xa này. Các quan đáp họ cũng chưa từng nghe nói đến bao giờ. Nhà vua phán: «Bởi tất cả các ngươi đều bảo là chưa một ai từng nghe nói đến, và ta cũng ngạc nhiên không kém trước sự mới lạ này, ta quyết định

sẽ không trở lại hoàng cung chừng nào chưa hiểu rõ vì sao cái đầm này có ở đây, và vì sao cá trong đầm lại có bốn màu». Nói xong, nhà vua ra lệnh hạ trại ; lập tức hành cung của nhà vua và các lều vải của triều thần được dựng lên ngay bên bờ đầm.

Chập tối, hoàng đế lui về hành cung, cho gọi riêng tể tướng đến bảo : Khanh này, đầu óc ta băn khoăn kỳ lạ : cái đầm chẳng biết từ đâu dời đến chốn này, tên da đen xuất hiện trong cung điện của ta, những con cá mà chúng ta đã nghe nói đến, tất cả những cái đó kích thích mạnh mẽ tính hiếu kỳ của ta đến nỗi ta không sao nén được lòng nôn nóng muốn biết cho tận tường. Ta sẽ một mình đi xa nơi hạ trại, ta ra lệnh cho khanh hãy giữ kín không cho ai biết là ta vắng mặt ; khanh hãy ở trong hành cung của ta ; và sáng sớm mai khi các thượng thư và quần thần đến chầu, khanh hãy cho họ lui về, bảo rằng ta hơi khó ở và không muốn tiếp ai. Những ngày sau đó, khanh cứ tiếp tục nói với họ như vậy cho đến khi ta trở về.»

Tể tướng trình bày nhiều lý do, cố làm cho nhà vua thay đổi ý kiến ; ông nói đến những điều nguy hiểm, những nỗi gian lao nhà vua sẽ phải trải qua một cách vô ích. Nhưng mặc cho ông dở hết tài hùng biện, hoàng đế vẫn không thay đổi ý định của mình, lại chuẩn bị thực hiện nó. Người mặc một bộ áo quần thuận tiện cho việc đi bộ, mang theo một thanh gươm, và khi thấy mọi nơi trong trại đều yên tĩnh, vua ra đi một mình không để cho ai theo hầu.

Nhà vua hướng theo một quả đồi mà đi, và leo lên sườn đồi cũng chẳng khó nhọc bao nhiêu. Đường xuống càng dễ đi hơn ; và khi đã tới đồng bằng, nhà vua tiếp tục đi mãi tới khi mặt trời mọc. Trông thấy đằng xa, trước mặt mình có một tòa nhà lớn, nhà vua

lấy làm mừng, hy vọng rằng đến đấy sẽ có thể biết rõ được điều đang muốn biết. Đến gần, nhà vua nhận ra đây là một cung điện tráng lệ, hay đúng hơn là một lâu đài rất kiên cố, xây bằng cẩm thạch đen nhánh, mặt ngoài bọc thép mịn và nhẵn bóng như gương. Thú vị vì đi chưa bao lâu đã gặp được một vật ít ra cũng xứng đáng với sự hiếu kỳ của mình, nhà vua dừng lại trước cửa lâu đài và ngắm nghía rất chăm chú.

Tiếp đó, nhà vua đến sát cái cổng có hai cánh cửa, một cánh bỏ ngỏ. Mặc dù có thể tự do bước vào, nhà vua vẫn cho là nên gõ cửa. Nhà vua gõ một tiếng nhè nhẹ và chờ ít lâu : không thấy ai ra, tưởng người ta chưa nghe, nhà vua lại gõ một tiếng nữa mạnh hơn nhưng vẫn chẳng thấy, chẳng nghe ai đến : nhà vua lại đập mạnh hơn nữa, và lần này cũng vẫn chẳng có ai xuất hiện. Điều đó làm cho nhà vua cực kỳ kinh ngạc, bởi vì không thể nghĩ rằng một tòa lâu đài được bảo quản tốt như thế này lại bị bỏ đi không có ai ở. « Nếu không có ai ở : — nhà vua tự nhủ — ta chẳng có gì mà sợ : nếu có người thì ta đã có cách để mà tự vệ ».

Cuối cùng, hoàng đế bước vào, và đi băng qua một cái tiền đình. Nhà vua cất tiếng nói to : « Không có ai ở đây sao, để mà tiếp một người khách lạ qua đường muốn xin ngụm nước ? ». Nhà vua nhắc lại câu đó hai ba lần : nhưng mặc dù nói khá to, vẫn không có tiếng trả lời. Sự im lặng càng làm cho nhà vua kinh lạ. Nhà vua đi ngang qua một cái sân rất rộng và đưa mắt nhìn bốn phía xem thử có tìm được ai chăng, nhưng vẫn không hề trông thấy một bóng người.

Không thấy có ai ở sân, hoàng đế bước vào các căn phòng rộng, ở đây những tấm thảm trải đều bằng lụa quý, các bục gỗ và sập ngồi đều bọc vải La Mếchcơ và rèm cửa thì bằng vải Ấn-độ loại đắt tiền nhất, dát vàng và bạc. Nhà vua bước tiếp sang một phòng khách

tuyệt diệu, chính giữa là một bể nước lớn có bốn con sư tử bằng vàng ròng, mỗi con chầu một góc. Miệng các con sư tử phun nước, nước rơi xuống trông chẳng khác gì kim cương và ngọc quý; cảnh tượng ấy hòa hợp nhịp nhàng với một tia nước vọt ra từ trung tâm bể, và lên cao cho tới chạm một cái vòm trang trí hoa văn theo lối Ả-rập.

Bao quanh lâu đài từ ba phía là một khoảnh vườn mà những bồn hoa, những hồ nước, những lùm cây và cơ man là vật trang hoàng đua nhau tô điểm; và cuối cùng, điều làm cho chốn ấy trở thành tuyệt diệu là muôn vàn chim chóc cất tiếng hót vang lừng không gian những khúc hát du dương; đàn chim thường xuyên sống ở đấy vì đã có những tấm lưới căng bên trên cây cối và trên cả tòa lâu đài, ngăn không cho chúng bay đi.

Nhà vua thơ thẩn dạo hồi lâu từ gian này sang gian khác, gian nào cũng đều rộng lớn, đều tráng lệ. Khi đi đã mệt, nhà vua ngồi nghỉ ở một phòng làm việc trống rỗng trông ra vườn, và miên man suy nghĩ về những vật đã nhìn và đang nhìn thấy, thì đột nhiên một giọng than vãn và những tiếng rên la ai oán dập vào tai Nhà vua nghe rành mạch những lời buồn thảm: « Hỡi định mệnh! mi đã không muốn cho ta hưởng thụ lâu một cuộc đời hạnh phúc, mi đã biến ta trở thành con người bất hạnh nhất loài người, xin thôi đừng hành hạ ta nữa, hãy cho ta chết nhanh để chấm dứt những nỗi đau khổ này. Hỡi ôi! làm sao ta vẫn còn sống đây sau khi đã trải qua bấy nhiêu khổ ải? »

Hoàng đế xúc động vì những lời than thở đáng thương, liền đứng dậy và đi về hướng tiếng nói phát ra. Đến trước cửa một căn phòng rộng, nhà vua vén rèm nhìn vào và trông thấy một chàng trai trẻ khôi ngô ăn mặc rất sang trọng ngồi trên một chiếc ngai

hơi cao hơn mặt đất. Một chàng ảo não. Nhà vua đến gần và chào. Chàng trai trẻ đáp lễ bằng cách cúi đầu rất thấp song không đứng lên : « Thưa ngài, — chàng nói với nhà vua, — tôi biết rằng lẽ ra tôi phải đứng lên hầu tiếp ngài với tất cả nghi lễ xứng đáng với cương vị ngài, nhưng vì vấp phải một trở ngại quá to lớn cho nên không thể làm được, mong ngài miễn lỗi cho. »

— Thưa ngài, — nhà vua đáp, — tôi rất biết ơn những lời tốt đẹp của ngài đối với tôi. Còn về cái việc ngài không tiện đứng lên, cho dù nguyên nhân thế nào đi chăng nữa, xin ngài chớ có bận tâm. Bị lôi cuốn bởi những lời than thở của ngài, xúc động sâu sắc trước nỗi khổ ải của ngài, tôi đến đây mong được giúp đỡ ngài. Nếu Thượng đế cho tôi được phép làm nhẹ bớt những sự đau đớn của ngài, thì tôi nguyện mang hết sức lực của mình ra làm cho bằng được. Tôi mong ngài hãy vui lòng kể cho tôi nghe những điều bất hạnh của ngài ; nhưng trước hết xin hãy nói cho tôi rõ cái đầm ở gần đây trong đó cá có bốn màu sắc khác nhau ý nghĩa ra làm sao, tòa lâu đài này là thế nào, tại sao ngài lại ở đây và vì đâu ngài chỉ có mỗi một mình ? »

Đáng lẽ trả lời những câu hỏi đó, chàng trai trẻ lại khóc lóc thảm thiết : « Định mệnh mới trớ trêu làm sao ! Nó thích hạ xuống thấp những người mà nó từng đưa lên cao. Đâu là những người được hưởng thụ một cách thanh bình hạnh phúc nó ban cho, đâu là những người có cuộc sống luôn luôn yên lành và trong sáng ? »

Cảm thương tình cảnh chàng trai trẻ, nhà vua khẩn khoản yêu cầu chàng nói rõ cái gì đã làm cho chàng đau khổ sâu sắc đường ấy. « Than ôi ! — chàng trai trẻ đáp, — làm sao tôi có thể không đau buồn, thưa ngài ?

Làm sao đôi mắt tôi có thể không là những suối lệ chẳng bao giờ khô cạn ? » Nói đến đây, chàng vén áo lên để nhà vua trông thấy chàng chỉ là người từ đầu đến thắt lưng, còn từ nửa người trở xuống là bằng cẩm thạch đen.

Hoàng đế hết sức kinh lạ khi trông thấy tình cảnh đáng thương của chàng trai trẻ. Nhà vua nói : « Điều ngài cho thấy đó làm cho tôi kinh rợn và kích thích sự hiếu kỳ của tôi ; tôi nóng lòng muốn biết câu chuyện của ngài mà tôi tin là rất kỳ lạ ; và tôi tin chắc rằng cái đầm và những con cá kia đều có dính líu vào ; bởi vậy xin ngài hãy kể cho tôi nghe ; ngài sẽ cảm thấy như được an ủi chừng nào, vì những kẻ đau khổ bao giờ cũng cảm thấy nhẹ nhõm chút ít khi thuật lại những điều đau khổ của mình với người khác. »

— Tôi không muốn từ chối những đòi hỏi đúng đắn của ngài — chàng trai trẻ đáp — mặc dù không thể thuật lại mà không khuấy động những nỗi đau như dao cắt ; nhưng xin báo trước để ngài chuẩn bị đôi tai, bộ óc và cả đôi mắt nữa, bởi vì những điều ngài sắp nghe đây vượt xa tất cả những gì mà trí tưởng tượng có thể hình dung là dị thường nhất.

CHUYỆN NHÀ VUA TRẺ NƯỚC CÁC ĐẢO ĐEN

Chàng trai trẻ nói tiếp :

— Thưa ngài, tôi xin nói để ngài biết rằng phụ thân tôi tên là Mátmút, vốn là quốc vương nước này. Đây là

Vương quốc các Đảo đen, lấy tên bốn ngọn núi nhỏ ở gần vì những ngọn núi này trước đây là đảo; và thành phố mà phụ thân tôi đóng đô chính là ở vào nơi hiện nay là cái đầm ngài đã trông thấy đấy. Đoạn tiếp của câu chuyện sau đây của tôi sẽ cho ngài rõ về tất cả những sự biến thiên đã xảy ra.

« Phụ vương tôi qua đời vào năm bảy mươi tuổi. Tôi vừa lên nối ngôi thì lấy vợ, và người tôi chọn để cùng tôi chia sẻ hạnh phúc ngai vàng là cô em họ của tôi. Tôi có đủ lý do để hài lòng về tình cảm của nàng đối với mình; và về phần tôi, tôi cũng yêu thương nàng rất mực, bởi vậy có thể nói không có gì sánh được cuộc tình duyên của chúng tôi kéo dài suốt năm năm. Cuối thời gian ấy, tôi nhận ra hoàng hậu -- em họ tôi không còn thích tôi như trước nữa.

Một hôm, trong khi nàng đang đi tắm sau bữa ăn trưa, tôi cảm thấy buồn ngủ và đặt mình xuống một chiếc sập. Hai trong số những nữ tì của nàng, lúc ấy có mặt trong phòng, đến ngồi đàng đầu tôi một ả, đàng chân tôi một ả, cầm quạt vừa quạt cho bớt nực vừa để xua ruồi khỏi quấy rầy giấc ngủ của tôi. Tưởng tôi ngủ say, họ thì thầm nói chuyện với nhau; nhưng tôi chỉ nhắm mắt thôi, không bỏ qua một lời nào trong câu chuyện của họ. Ả này bảo ả kia: « Có phải đúng là hoàng hậu đã sai lầm lớn khi không yêu một đấng quân vương đáng yêu như đức vua chúng ta? ».

— Đúng như vậy — ả kia đáp — Về phần tôi, tôi chẳng hiểu ra thế nào cả, tôi không biết tại sao đêm nào hoàng hậu cũng đi ra khỏi nhà để đức vua ngủ một mình. Có phải ngài không hay biết việc đó sao?

— Hừm! chị thử xem làm sao đức vua có thể hay biết được cơ chứ? Tối nào hoàng hậu cũng pha vào nước uống của ngài một thứ dược thảo nào đó làm cho ngài ngủ say đến nỗi hoàng hậu có đủ thời giờ muốn

đi đâu thì đi ; đến rạng sáng mới trở về nằm cạnh ngài ; lúc ấy bà mới đánh thức ngài dậy bằng cách cho ngài ngửi một thứ hương gì đấy.

Xin ngài hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên của tôi khi nghe những lời nói ấy, và cái cảm giác mà những lời đó gợi lên trong tôi. Tuy vậy, dù xúc động đến đâu, tôi cũng đủ bản lĩnh để che giấu ; tôi làm như vừa tỉnh giấc và không hề nghe biết gì.

Hoàng hậu tắm xong trở về, chúng tôi ăn tối với nhau. và trước khi đi ngủ, nàng tự tay đưa cho tôi cốc nước đầy tôi vẫn quen uống : nhưng tôi vừa vờ đưa lên miệng vừa đến gần một cửa sổ đã mở sẵn, rồi khéo léo hắt đi, không để nàng trông thấy. Sau đấy tôi đưa trả cốc nước tận tay nàng, để cho nàng khỏi ngờ rằng tôi chưa uống hết.

Chúng tôi đi nằm, và chỉ một lát sau, tưởng tôi đã ngủ say, mặc dù tôi vẫn còn thức, nàng đứng lên không cần giữ gìn ý tứ và nói khá to : « Hãy ngủ đi, và mong sao mãi mãi mày chẳng bao giờ tỉnh dậy ! ». Nàng nhanh nhẹn mặc quần áo và bước ra khỏi buồng.

Hoàng hậu vừa ra khỏi, lập tức tôi trở dậy mặc vội quần áo, cầm thanh gươm và đi then gấp đến nỗi chỉ lát sau tôi đã nghe tiếng chân nàng bước đằng trước mình. Thế là tôi rập theo bước chân nàng và bước rất khẽ, sợ nàng nghe tiếng động. Nàng đi qua nhiều cửa, những cánh cửa này tự mở ra khi nàng đọc những câu thần chú nào đấy; và cái cửa mở ra sau hết là cửa thông ra vườn. Nàng đi vào vườn. Tôi dừng lại ở cửa này để nàng khỏi trông thấy khi nàng đi qua một bồn hoa ; tôi hết sức dõi theo nàng qua đêm tối, và nhận thấy nàng đi vào một khu rừng nhỏ ở đây các lối đi đều có những bờ dậu khá dày chạy dọc hai bên. Tôi vào rừng bằng một lối khác, và rón rén men theo

bờ đậu trên một lối đi khá dài, tôi nhìn thấy nàng đi dạo cùng một người đàn ông.

Tôi lắng tai chăm chú nghe lời chuyện trò của họ. Và sau đây là những điều hoàng hậu nói với nhân tình: « Em không đáng cho anh trách móc vì sao không đến được sớm hơn. Anh biết rõ lý do tại sao rồi. Nhưng, nếu tất cả những hành động của em từ trước đến giờ vẫn chưa đủ để cho anh tin tấm lòng thành thật của em, thì em sẵn sàng làm những việc to tát nhất: anh chỉ việc ra lệnh, anh đã rõ quyền lực của em rồi đó. Nếu anh muốn, em sẽ biến cái thành phố lớn và những cung điện nguy nga này thành những đống hoang tàn kinh tởm chỉ có chó sói, cú và quạ ở, ngay trước khi mặt trời mọc. Anh có muốn cho em dời tất cả gạch đá của những bức thành xây dựng kiên cố này sang bên kia núi Côcadơ, đến những nơi tận cùng của thế giới con người không? Anh chỉ cần nói một tiếng, và tất cả những chốn này sẽ thay hình đổi dạng ».

Hoàng hậu nói xong những lời ấy vừa lúc nàng và tên nhân tình đến cuối lối đi; hai người quay lại để rẽ sang một lối khác vừa lúc đi ngang qua trước mặt tôi. Tôi đã rút gươm ra, và vì tên nhân tình đã ở ngay bên cạnh, tôi chém một nhát vào cổ nó, quật nó ngã lăn ra đất. Tưởng nó đã chết, tôi bỏ đi ngay không để cho hoàng hậu trông thấy; tôi không muốn giết nàng bởi vì nàng có họ với tôi.

Mặc dù tên nhân tình bị chém một nhát tử thương, nàng vẫn dùng ma thuật giữ cho nó không chết hẳn, nhưng mà là sống trong tình trạng có thể gọi là sống dở chết dở. Khi đi băng qua vườn để trở về cung, tôi nghe rõ tiếng hoàng hậu khóc lóc kêu gào; và hiểu được mức độ đau khổ của nàng qua những lời gào khóc ấy, tôi tự lấy làm hài lòng là đã không giết chết nàng.

Về đến cung, tôi đi nằm. Bằng lòng vì đã trừng trị được tên bao gan dám xúc phạm mình, tôi ngủ thiếp đi ngay. Sáng hôm sau thức giấc, tôi thấy hoàng hậu đã nằm bên cạnh.

Tôi không rõ là nàng ngủ hay thức, nhưng tôi cứ lặng lẽ dậy và sang phòng riêng thay áo. Sau đấy, tôi đi ngự việc triều đình. Khi trở về, tôi thấy hoàng hậu ăn mặc đại tang, đầu tóc rối bù bị giật đứt từng mảng. nàng thưa với tôi : «Tâu bệ hạ, thiếp đến cầu xin bệ hạ chớ lấy làm lạ khi nhìn thấy thiếp trong thảm trạng này : chả là thiếp vừa cùng một lúc nhận được ba tin buồn, đó là nguyên nhân gây nên nỗi đau đớn sâu sắc mà bệ hạ chỉ nhìn thấy ở đây những biểu hiện yếu ớt lộ ra bên ngoài ».

— Ủa, những tin buồn gì vậy, hoàng hậu ? — Tôi hỏi :

— Tin mẫu hậu thiếp qua đời, tin phụ vương thiếp hy sinh trong một trận chiến đấu, và tin một đứa em trai của thiếp ngã vào một vực thẳm.

Tôi cũng chẳng thèm bực mình về việc nàng bịa ra câu chuyện để che giấu nguyên nhân thực khiến cho nàng đau khổ, và tôi nghĩ có lẽ nàng không ngờ rằng chính tôi đã giết nhân tình nàng. Tôi đáp : «Hậu ạ, không những ta không chê trách mà ta còn quả quyết với hậu là ta có bổn phận chia xẻ nỗi đau khổ của nàng. Làm sao có thể không xúc động trước một tổn thất lớn lao như vậy ? Hậu cứ khóc đi ; nước mắt vốn là biểu hiện chân thật bản chất tuyệt diệu của hậu. Dù sao ta cũng mong thời gian và lý trí sẽ có thể xoa dịu dần những nỗi buồn đau.»

Nàng lui về phòng riêng, và suốt một năm ròng không hề gìn giữ, chỉ có khóc lóc và thở than. Hết thời gian ấy, nàng xin phép cho tôi xây lăng mộ của nàng

ngay trong hoàng thành, và bảo rằng nàng muốn sống trong nhà mồ cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay. Tôi đồng ý, nàng sai xây dựng một tòa lâu đài nguy nga, trên nóc có vòm cao, mà ngồi ở đây ta có thể trông thấy được, và đặt tên là Cung Nước Mắt.

Cung xây dựng xong, nàng cho đưa tên nhân tình đến ở; hắn đã được nàng cho chuyển đến một nơi nào đó ngay trong đêm bị tôi sát thương. Nhờ những thứ thuốc gì đấy, nàng giữ được cho hắn sống sót tới lúc bấy giờ; và sau khi hắn đã đến ở trong Cung rồi, ngày nào nàng cũng vẫn tiếp tục tự mình mang thuốc đến cho hắn uống.

Tuy nhiên, với tất cả bùa ma phép quỷ ấy, nàng vẫn không thể nào chữa cho tên khốn nạn ấy lành hẳn; không những hắn không thể đi lại hoặc ngồi lên được mà vẫn còn câm khẩu, chỉ có mỗi đôi mắt là sống mà thôi. Mặc dù hoàng hậu chỉ còn mỗi một niềm an ủi là được đến nhìn thấy hắn và nói với hắn tất cả những điều gì âu yếm nhất, đắm say nhất mà mối tình điên dại của nàng có thể khơi gợi, nàng vẫn chịu khó đến thăm nom đều đặn một ngày hai lần khá lâu. Tôi biết rõ tất cả những chuyện đó nhưng vờ làm như không hay tí gì.

Một hôm, vì tò mò tôi đến Cung Nước Mắt để xem cô ả làm trò gì; ở đấy, nấp vào một nơi không ai trông thấy, tôi lắng nghe nàng nói với tình nhân những lời như sau: « Em cực kỳ buồn khổ thấy anh vẫn trong tình cảnh này, tự em cũng cảm thấy đau đớn đứt ruột như chính mình đang chịu những nỗi đau của anh; nhưng, hỡi chàng yêu quý của lòng em, em vẫn nói chuyện với anh hoài mà anh vẫn không đáp lời cho em lấy một tiếng. Anh còn giữ im lặng cho đến bao giờ? Anh hãy nói lên chỉ một tiếng thôi. Hỡi ôi! những giờ phút êm đềm nhất của đời em chính là

những giờ phút em ở đây để chia xẻ nỗi đau đớn của anh. Em không thể sống xa anh, và em muốn thà được luôn luôn nhìn thấy anh hơn là làm chủ cả thế gian này. »

Nàng vừa nói vừa nức nở thở than ; nghe đến đấy tôi không chịu được nữa, liền bước ra khỏi chỗ nấp, tiến đến gần nàng mà bảo : « Thưa bà, bà khóc than như vậy là đủ lắm rồi ; đã đến lúc cần chấm dứt một nỗi đau khổ nó làm nhục cả hai ta ; bà đã quên mất hết nghĩa vụ của bà đối với tôi và đối với cả bản thân bà nữa. »

— Tâu bệ hạ, — nàng đáp, — nếu bệ hạ còn chút gì quý trọng thiếp hay đúng hơn, còn chút gì thương hại thiếp, thì cầu xin ngài chớ có ép buộc thiếp. Xin bệ hạ hãy để mặc thiếp với những nỗi buồn phiền có thể làm thiếp chết được ; thời gian cũng không thể nào khuây khỏa thiếp được đâu.

Thấy lời nói của mình đã không làm cho nàng hiểu ra bổn phận, lại càng kích thích thêm sự điên cuồng, tôi thôi không nói nữa và lui về. Nàng tiếp tục ngày nào cũng đến thăm tình nhân, và suốt hai năm ròng đắm đuối trong nỗi tuyệt vọng như vậy.

Tôi lại đến Cung Nước Mắt một lần nữa trong khi nàng đang có mặt ở đấy. Tôi lại nấp ở một nơi và lại nghe nàng nói với người yêu : « Đã ba năm rồi chàng không nói với em một lời nào, đã ba năm rồi chàng không đáp lại nỗi lòng của em qua bao lời em nói năng và than thở, ấy là tại chàng vô tình hay là chàng khinh bỉ ! Hỡi nấm mồ ! phải chăng mi đã hủy hoại tình yêu đương cuồng nhiệt của chàng đối với ta ngày trước ? Phải chăng mi đã khép kín đôi mắt đã từng nhìn ta âu yếm xiết bao, đôi mắt đã từng là tất cả niềm vui của ta ? Hay là, hãy nói cho ta rõ bằng sự

kỳ diệu nào mà mi trở thành nơi chôn giấu vật báu hiếm có nhất từ trước tới giờ? »

Thưa ngài, xin tin thú thật tôi quá bất bình vì những lời nói đó; bởi vì, rốt cuộc, tên tình nhân yêu quý ấy, con người được thờ phụng đó, không phải như ngài có thể tưởng tượng đâu: đấy là một tên thổ dân da đen, quê ở vùng này. Vâng, tôi quá bất bình về những lời nói của nàng đến nỗi tôi đột ngột xuất hiện và đến lượt tôi cũng đến bên nấm mồ ấy. Tôi thét lên: « Hỡi nấm mồ, sao mi không chôn vùi con quái vật làm thiên nhiên kinh tởm này? Hay đúng hơn, sao mi không thiêu sống luôn cả thằng nhân tình lẫn con nhân ngãi? »

Tôi chưa dứt lời thì hoàng hậu đang ngồi cạnh tên da đen, vụt đứng lên như một con điên: « A, tên độc ác kia, — nàng bảo tôi, — chính mày là kẻ gây cho ta đau khổ. Đừng tưởng là ta không biết, ta giả vờ như vậy quá lâu rồi: chính bàn tay dã man của mày đã làm người yêu của ta trở thành thảm hại như thế kia; thế mà mày lại còn đang tâm đến đây xỉ vả một kẻ yêu đương đang trong cơn tuyệt vọng! »

— Đúng, chính là ta, — tôi nổi nóng ngắt lời nàng, — chính ta đã trừng phạt con quỷ này xứng đáng với tội của nó; lẽ ra ta cũng phải xử sự với mày y như đối với nó; ta tiếc là đã không giết mày để cho mày sống và lạm dụng quá lâu lòng tốt của ta.

Tôi vừa nói vừa rút gươm giơ lên định trị tội ả. Nhưng ả nhìn cử chỉ của tôi một cách tự nhiên: « Hãy bớt cơn thịnh nộ », ả nói với nụ cười chế giễu. Đồng thời ả lẩm bẩm những gì tôi không nghe rõ rồi nói thêm: « Bằng phép thần của ta, ta truyền cho mày lập tức biến thành nửa đá nửa người ». Thế là, thưa ngài, tôi biến thành như ngài trông thấy đây. Chết giữa những người sống và sống giữa những người chết...

Sau khi mụ phù thủy độc ác, không xứng đáng được gọi là hoàng hậu, biến hình tôi và hóa phép chuyển tôi sang một căn phòng khác, ả hủy hoại kinh đô của tôi vốn rất phồn vinh và đông đúc, ả tiêu diệt nhà cửa, quảng trường, chợ búa, và biến nó thành cái đầm và cánh đồng hoang vu mà ngài đã trông thấy. Những con cá bốn màu trong đầm vốn là dân cư thuộc bốn tôn giáo khác nhau ở kinh đô tôi xưa. Những con màu trắng là những người theo đạo hồi ; những con màu đỏ là người Ba-tư thờ thần lửa ; những con màu xanh là tín đồ Cơ đốc ; và những con màu vàng là dân Do thái. Bốn quả đồi vốn là bốn hòn đảo mà vương quốc này mang tên. Tôi biết những điều đó qua con mụ phù thủy, nó chưa hả giận còn đích thân nói cho tôi rõ kết quả cơn điên của ả. Chưa hết đâu, ả không giới hạn cơn giận dữ vào việc tiêu diệt vương quốc tôi và hóa thân tôi ; ngày nào ả cũng đến quất lên đôi vai trần của tôi một trăm roi gân bò, làm cho người tôi chảy máu đầm đìa. Xong hình phạt ấy, ả phủ lên người tôi một tấm vải thô bằng da dê, rồi quàng thêm lên một tấm áo gấm thêu mà ngài trông thấy đây, không phải để làm vinh hạnh cho tôi mà chính là để mỉa mai tôi đấy. »

Kể đến đây, quốc vương trẻ nước các Đảo Đen không cầm được nước mắt, và hoàng đế cũng cảm thấy thương xót đến nỗi không thốt lên được một lời an ủi. Lát sau, nhà vua trẻ đưa hai tay lên trời và kêu lên : « Hỡi Đấng sáng tạo muôn loài, con xin thần phục mọi sự phán xét và quyết định của Người ! Con kiên nhẫn chịu đựng mọi nỗi khổ đau vì ý muốn của Người là như vậy ; song con hy vọng rằng sự từ bi vô lượng của Người sẽ chiếu cố những nỗi khổ đau của con. »

Hoàng đế cảm động vì câu chuyện quá lạ lùng, và nôn nóng muốn trả thù cho quốc vương trẻ, liền nói với chàng : « Xin ngài hãy cho tôi biết rõ con mụ phù thủy khốn nạn ấy ở đâu, và tên tình nhân vô lại chưa chết ấy đã được chôn ở chốn nào ».

— Thưa ngài, quốc vương đáp, — như tôi đã nói với ngài, tên tình nhân ở tại Cung Nước Mắt, trong một ngôi mộ xây theo kiểu có vòm cao, và Cung ấy thông với ngôi nhà này về phía cửa ra vào. Về phần con mụ phù thủy, tôi không thể nói đích xác với ngài ả ở nơi đâu, nhưng ngày nào cũng vậy, mặt trời mọc là ả đến thăm tình nhân sau khi đã giáng cho tôi trận đòn đẫm máu mà tôi đã kể với ngài : và ngài hẳn đã rõ là tôi không có cách gì tự vệ trước sự quá ư tàn bạo như vậy. Ả mang đến cho hắn thang thuốc, đó là thức ăn độc nhất giữ cho hắn còn sống đến nay ; rồi ả không ngớt lời ca thán về sự câm lặng của hắn từ khi hắn bị chém bị thương cho đến giờ.

— Thưa quốc vương. — hoàng đế nói, — không tình cảnh ai có thể đáng thương hơn tình cảnh ngài, và cũng không ai xúc động sâu sắc bằng tôi trước nỗi khổ của ngài. Chưa bao giờ một chuyện kỳ lạ như vậy xảy ra cho bất kỳ ai ; và những tác giả thuật lại câu chuyện của ngài sẽ được lợi thế là kể một câu chuyện lạ lùng vượt xa tất cả những gì ghi chép được tự cổ chí kim. Chỉ còn thiếu một điều : ấy là sự báo thù mà ngài đáng được hưởng : và tôi sẽ nhất quyết làm bất cứ việc gì để vì ngài mà thực hiện cho bằng được điều đó.

Thế là sau khi nói rõ mình là ai, vì sao mình đến lâu đài này, hoàng đế nghĩ ra được một cách báo thù cho chàng. Hoàng đế vừa cho chàng hay vừa bàn bạc với chàng. Hai người thỏa thuận với nhau về những cách thức cần tiến hành để đi đến thành công, và dự

định ngày hôm sau sẽ thực hiện. Lúc ấy đêm cũng đã khuya lắm rồi, hoàng đế nghỉ ngơi một chốc. Còn quốc vương trẻ thì như thường lệ vẫn cứ thao thức vì chàng không hề ngủ được từ khi bị phép ma đến giờ), nhưng cũng có ít nhiều hi vọng là có thể mau chóng được giải thoát khỏi cảnh khổ ải này.

Ngày hôm sau, khi trời vừa sáng hoàng đế đã thức dậy. Để bắt đầu thực hiện ý đồ của mình, vua cởi áo khoác ngoài giấu ở một nơi cho khỏi vướng, rồi đi đến Cung Nước Mắt. Cung này được chiếu sáng bởi cơ man nến trắng, một mùi hương thơm ngát tỏa ra từ những lư trầm bằng vàng rồng chạm trổ công phu và xếp thành hàng lối khá đẹp mắt. Trông thấy cái giường tên da đen nằm, vua liền rút gươm chém chết tên khốn nạn ấy không chút gì trở ngại, rồi lôi xác hắn ra sân, ném xuống một cái giếng. Làm xong công việc ấy, vua đến nằm lên giường của tên da đen, đặt thanh gươm bên cạnh dưới chăn đắp, và nằm đấy chờ thực hiện nốt mưu mẹo của mình.

Mụ phù thủy đến ngay trong chốc lát. Việc đầu tiên của ả là đi đến căn phòng nhà vua nước các Đảo Đen ở. Ả lột áo chồng, và quất lên vai chàng một trăm roi gân bò với một sự dã man không gì sánh nổi. Mặc cho nhà vua tội nghiệp kêu la vang dội cả lâu đài và hết lời năn nỉ van xin ả thương tình, ả chỉ ngừng tay sau khi đã đánh đủ một trăm roi. «Mày đã không thương hại người yêu của ta, — ả nói, — thì cũng chớ có chờ mong ta thương hại mày.»

Đánh xong, mụ phù thủy khoác lên mình chàng một tấm vải thô bằng da dê và phủ một tấm áo gấm thêu lên trữa. Sau đó ả đi sang Cung Nước Mắt. Vừa bước chân vào, ả đã kêu khóc, thở than và kể lể; rồi đến gần cái giường mà ả tưởng tình nhân của ả vẫn vẫn còn nằm đấy như mọi khi. Ả kêu lên: «Độc ác

biết bao, sao lại nỡ phá tan hạnh phúc của một người yêu dịu hiền và say đắm như tôi! Hỡi tên vua độc ác, mi trách ta quá ư vô nhân đạo mỗi lần ta cho mi chịu hậu quả của mối hận thù này, phải chăng sự tàn bạo của mi chưa vượt quá sự tàn bạo của ta ư? Than ôi — ả nói tiếp với hoàng đế mà ả vẫn tưởng là tên da đen — hỡi mặt trời của em, hỡi cuộc sống của em, chàng cứ im lặng mãi hay sao? Chàng định để cho em đến chết mà vẫn không được hưởng niềm an ủi chỉ bằng một câu nói rằng chàng vẫn yêu em? Chàng yêu quý ơi, em van chàng, hãy nói với em dù chỉ một tiếng thôi.»

Lúc ấy, hoàng đế làm như vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ say, và giả giọng người da đen trang trọng đáp lời hoàng hậu :« Sức mạnh và quyền uy chỉ có ở Thượng đế, ở Đấng tối thiêng liêng mà thôi ». Nghe câu nói đó, mụ phù thủy bị bất ngờ, thét lên một tiếng biểu lộ sự mừng rỡ vô biên, « Ôi chàng thân yêu, em không nhầm chứ? Có phải đúng là em vừa nghe được tiếng chàng, có phải đúng là chàng vừa nói chuyện với em?»

— Con khốn nạn! nhà vua tiếp — mi tưởng là mi đáng cho ta nói chuyện cùng hay sao?

— Kìa, tại sao chàng lại trách mắng em như vậy?

— Những tiếng kêu gào, khóc lóc, rên xiết của chồng mi, mà ngày nào mi cũng đối xử hèn hạ và dã man, không cho ta chợp mắt được một phút nào, ngày cũng như đêm. Giá mi giải phép ma cho nó thì ta đã bình phục và nói được ra lời từ lâu rồi. Đó chính là nguyên nhân làm cho ta câm lặng, và khiến cho mi hằng thở than:

— Vậy thì — con mụ phù thủy nói — để cho chàng yên tĩnh, em sẵn sàng làm tất cả những gì chàng ra lệnh. Chàng có muốn em cho nó trở lại nguyên hình?

— Có — hoàng đế đáp — và mi hãy giải thoát cho nó nhanh nhanh lên, để cho ta đỡ phải khó chịu vì những tiếng kêu gào của nó.

Mụ phù thủy lập tức đi ra khỏi Cung Nước Mát. Ả lấy một chén nước, đọc mấy câu phù chú làm cho nước trong chén sôi lên như đun trên bếp lửa. Sau đó, ả sang bên gian buồng có nhà vua chồng ả, đổ chén nước lên người chàng và nói : « Nếu Đấng tạo ra muôn loài đã nặn ra mày dưới hình dạng hiện nay, hoặc là nếu Thượng đế giận ghét mày, thì mày không thay đổi : nhược bằng mày mang hình dạng này là do chịu phép thần của ta, thì hãy trở lại hình dạng tự nhiên, hãy trở về nguyên dạng của mày như trước. » Ả vừa nói xong những lời ấy thì quốc vương lấy lại nguyên hình như cũ, thoải mái đứng lên, mừng vui quá sức tưởng tượng, và tạ ơn Thượng đế. Mụ phù thủy lại nói : « Đi đi, hãy rời khỏi lâu đài này, và chớ có bao giờ trở lại, nếu không thì mất mạng đấy. »

Quốc vương trẻ, vì tình thế bức bách, đành bỏ đi không đáp, đến nấp ở một nơi xa xa, nóng lòng chờ đợi kết quả của ý đồ mà hoàng đế đã khởi đầu một cách thuận lợi.

Trong lúc đó, mụ phù thủy trở về Cung Nước Mát : tưởng là vẫn nói với tên da đen, vừa bước vào mụ đã khoe : « Anh thân yêu ơi, em đã làm xong việc anh truyền ; giờ đây không còn gì ngăn cản anh ngồi lên để thỏa lòng mong ước của em từ bấy lâu nay. »

Nhà vua tiếp tục giả giọng người da đen : « Điều mi vừa làm đấy — nhà vua nói giọng gay gắt — chưa đủ chữa khỏi cho ta ; nó mới giảm bớt một phần đau đớn. Phải cắt cơn từ cội rễ kia. »

— Chàng da đen bé bỏng dáng yêu của em ơi, — ả lại nói, — chàng nói cắt cơn đau từ cội rễ nghĩa là thế nào ?

— Khốn nạn thay, mi không hiểu rằng ta muốn nói đến cái thành phố này cùng với dân cư của nó, đến bốn hòn đảo mà mi đã hủy hoại vì ma thuật của mi đó sao? Ngày nào cũng như ngày nào, đến nửa đêm, các con cá không quên ngóc đầu lên khỏi đầm, đòi báo thù ta và báo thù mi: đó là nguyên nhân chính làm cho ta chậm bình phục. Hãy mau mau đi lập lại nguyên hình cho mọi vật: khi mi trở về, ta sẽ đưa tay ra, mi sẽ nâng giúp ta dậy.

Mụ phù thủy tràn trề hi vọng khi nghe những lời nói đó, mừng rỡ thốt lên: « Ôi! tình yêu của em, linh hồn của em! Anh sẽ khỏe mạnh ngay lập tức, bởi vì em sẽ thực hiện ngay điều anh dạy bảo ». Quả nhiên ả đến ngay, bờ đầm, vục một ít nước trong vào lòng bàn tay rồi niệm mấy câu thần chú. Tức thì, thành phố liền tái hiện lên ngay: Các con cá lại trở thành đàn ông, đàn bà và trẻ con thuộc người hồi giáo, thiên chúa giáo, Ba-tư hay Do thái, dân tự do hoặc dân nô lệ; mỗi người lấy lại hình dạng tự nhiên của mình. Nhà cửa và hiệu buôn lập tức lại đông nghịt người; mọi vật đều trở lại trạng thái và trật tự như trước khi bị phép ma. Đoàn tùy tùng đông đảo của hoàng đế, mà nơi hạ trại là quảng trường lớn nhất, rất đỗi ngạc nhiên bỗng thấy mình ở giữa một thành phố lớn, đẹp và sầm uất.

Mụ phù thủy, làm xong sự đổi thay kỳ diệu ấy, vội vã trở về Cung Nước Mắt để hưởng thụ kết quả việc làm của mình. Vừa bước vào, ả đã thốt lên: « Chàng trai thân yêu của em ơi, em đến để cùng anh vui mừng về việc anh phục hồi sức khỏe, em đã làm xong tất cả những việc anh muốn em làm; nào anh hãy ngồi lên và đưa tay đây cho em nâng ».

— Hãy xích lại gần đây hơn chút nữa, — nhà vua vẫn bắt chước giọng người da đen.

Ả xích lại gần.

— Chưa đủ, hãy xích lại gần thêm chút nữa.

Ả vâng lời. Vừa lúc ấy, hoàng đế vùng dậy, đột ngột nắm cánh tay ả và không để cho ả kịp hoàn hồn, đưa một nhát gươm xả đôi con ác phụ, thân nó nửa đổ xuống bên này, nửa gục xuống bên kia. Làm xong việc đó, nhà vua bỏ mặc xác chết đấy và đi ra khỏi Cung Nước Mắt tìm quốc vương trẻ nước các Đảo Đen đang nóng lòng chờ đợi : « Quốc vương ơi, — nhà vua vừa nói vừa ôm hôn chàng — hãy vui lên đi, ngài chẳng phải lo sợ gì nữa, kẻ thù độc ác của ngài không còn nữa. »

Lòng chan chứa ơn sâu, quốc vương trẻ hết lời cảm tạ hoàng đế đã giúp chàng một việc cực kỳ hệ trọng ; chàng chúc hoàng đế sống lâu muôn tuổi và đủ mọi sự phồn vinh. Hoàng đế bảo chàng :

— Từ nay ngài có thể sống bình yên trong kinh đô ngài, trừ phi ngài muốn đến thăm kinh đô tôi cũng không xa quý quốc là bao : tôi sẽ vui mừng được tiếp đón ngài, ở đấy ngài cũng sẽ được tôn sùng và kính trọng như chính ở nước ngài vậy.

— Tâu hoàng đế hùng cường mà tôi chịu ơn sâu, — quốc vương đáp — ngài tưởng rằng ở đây gần kinh đô ngài lắm sao ?

— Vâng, tôi tin như vậy, không quá bốn hay năm giờ đi đường.

— Phải đi mất một năm tròn — quốc vương trẻ nói. Tôi biết bệ hạ từ kinh đô quý quốc đến đây trong một khoảng thời gian ngắn như ngài nói, ấy là vì lúc đó kinh đô tôi còn bị phép ma ; từ khi nó được trở lại như cũ thì tình hình đã thay đổi nhiều. Điều đó cũng không ngăn cản tôi theo hầu bệ hạ, cho dù đến

nơi tận cùng của trái đất. Bệ hạ là người giải thoát tôi. Để chọn đời bày tỏ lòng biết ơn bệ hạ, tôi xin từ bỏ không chút luyến tiếc Vương quốc tôi để theo hầu ngài.

Hoàng đế hết sức ngạc nhiên khi nghe nói mình đã đi xa nước nhà đến thế, và không hiểu nổi làm sao sự tình lại xảy ra như vậy. Nhưng quốc vương trẻ nước các Đảo Đen khéo thuyết phục, làm cho hoàng đế hết hoài nghi. « Không hề gì, — hoàng đế nói — cho dù trở về cố quốc có vất vả gian lao đến bao nhiêu, tôi cũng được đền bù bằng việc đã giúp được ngài và được nhận ngài làm con trai, bởi ngài đã cho tôi cái vinh hạnh là tự nguyện đi theo và cũng bởi tôi không có con, cho nên tôi xin coi ngài như con, từ giờ phút này tôi nhận ngài là người thừa kế và kẻ nối ngôi tôi. »

Hoàng đế và quốc vương trẻ nước các Đảo Đen ôm hôn nhau thân thiết, kết thúc câu chuyện. Sau đó, quốc vương trẻ chỉ còn nghĩ đến chuyện chuẩn bị đi đường. Sau ba tuần, mọi việc sửa soạn xong xuôi : trước sự luyến tiếc của triều đình và thân nhân, quốc vương tự tay truyền lại ngôi báu cho một người bà con gần trong hoàng tộc.

Cuối cùng, hoàng đế và quốc vương trẻ lên đường cùng một trăm lạc đà chở những của cải không thể nào ước lượng nổi, lấy từ các kho tàng của nhà vua, có năm chục kỵ sĩ khôi ngô, trang bị đầy đủ, cưỡi ngựa hộ tống. Cuộc hành trình thuận lợi. Hoàng đế đã cho sứ giả đi trước báo tin mình sẽ về nước chậm và nguyên nhân gây nên sự chậm trễ đó, cho nên khi đoàn tới gần kinh thành, các đại thần chủ chốt mà nhà vua để lại trong thành ra đón và tâu rằng không có gì thay đổi trong nước suốt thời gian dài vua vắng mặt. Đông

đến dân chúng cũng đồ ra nhiệt liệt hoan nghênh hoàng đế và mở hội mừng kéo dài nhiều ngày.

Ngay hôm sau khi trở về đến kinh thành, hoàng đế thuật lại cho tất cả triều thần đến chầu nghe những sự việc đã làm cho vua phải vắng mặt lâu ngày trái với ý định của mình. Tiếp đó hoàng đế tuyên bố nhận quốc vương nước các Đảo Đen, người đã vui lòng từ bỏ một vương quốc lớn để đi theo hoàng đế, làm con nuôi của mình. Cuối cùng, để thừa nhận lòng trung thành của các quan, nhà vua ân thưởng rộng rãi cho mỗi người tùy theo phẩm trật của họ trong triều.

Về phần ông lão đánh cá, vì lão là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến sự giải thoát quốc vương trẻ, hoàng đế ban thưởng cho nhiều của cải, làm cho lão và gia đình lão sống hạnh phúc đến trọn đời.

CHUYỆN BA CHÀNG KHẤT SĨ CON VUA VÀ NĂM THIẾU PHỤ Ở THÀNH CỒ BÁTĐA

Dưới triều hoàng đế Harun An-Rasit (1) ở thành phố Bátđa, nơi Người đóng đô, có một gã khuân vác thuê, tuy nghề nghiệp thấp hèn và nặng nhọc nhưng vốn thông

(1) Harun An-Rasit, hoàng đế thứ năm thuộc dòng họ Abaxit, đã mở rộng ảnh hưởng của đế quốc hồi giáo từ Tây-ban-nha đến Ấn-độ. Dưới triều của vua, đế quốc hồi giáo phát triển rực rỡ về nhiều mặt. Vua chết năm 800 sau công nguyên, sau 23 năm trị vì (N.D)

minh và vui tính. Một buổi sáng, theo thường lệ, gã đang đứng ở một quảng trường với một cái sọt thưa để sẵn bên cạnh, chờ xem có ai cần đến công việc của mình. Thì một thiếu phụ vóc người xinh đẹp, khoác một tấm mạng bằng sa, đến gần và duyên dáng nói với gã : « Này nghe đây, anh khuân vác ơi, hãy cầm lấy sọt của anh và đi theo tôi ». Gã khuân vác thú vị vì mấy lời ngắn ngủi thốt ra một cách đáng yêu ấy, lập tức cầm cái sọt đội lên đầu và đi theo nàng, vừa đi vừa lẩm bẩm : « Ôi ngày hạnh phúc ! ôi ngày gặp gỡ may mắn làm sao ! ».

Thoạt tiên, thiếu phụ dừng lại trước một tòa nhà và gõ cửa. Một ông già theo đạo thiên chúa có bộ râu bạc dài, vẻ đáng kính, ra mở. Thiếu phụ đặt tiền vào tay cụ mà chẳng nói chẳng rằng. Nhưng cụ già đã hiểu nàng cần gì, quay ngay trở vào, và lát sau mang ra một chiếc vò lớn chứa một loại rượu tuyệt ngon. Thiếu phụ bảo gã khuân vác : « Hãy đỡ lấy cái vò và cho vào sọt của anh ». Xong đâu đấy, nàng truyền cho gã đi theo nàng. Gã tiếp tục lẩm bẩm : « Ôi ngày khoái trá ! ôi ngày bất ngờ thú vị và mừng vui ! ».

Thiếu phụ dừng lại trước cửa hiệu một người bán hoa quả ; nàng chọn nhiều loại táo, mơ, đào, chanh, cam, sim, rau thơm, hoa huệ, hoa nhài cùng nhiều loại hoa và rau thơm khác. Nàng bảo gã khuân vác bỏ tất cả những thứ đó vào sọt và đi theo nàng. Ngang qua một quầy hàng thịt, nàng cho cân hai mươi nhăm cân(1) thịt loại ngon nhất có ở quày, mà gã khuân vác theo lệnh nàng lại xếp vào sọt. Đến một cửa hiệu khác nàng mua hạt phong điềm, rau mùi, dưa chuột, rau hậu bội và nhiều rau xanh khác, tất cả dầm vào dấm : đến một hiệu khác nữa, mua lạc, hạnh nhân, hạt dẻ,

(1) Đơn vị đo lường cổ, tương đương khoảng nửa kilogam

hạt ba đậu, hạnh đào và nhiều loại hoa quả tương tự ; đến một hiệu tiếp theo, lại mua đủ loại mứt hạnh đào. Gã khuân vác xếp tất cả những thứ đó vào sọt, và thấy cái sọt đã sắp đầy, gã nói : « Thưa bà, lẽ ra bà nên cho tôi biết trước là sẽ mua bấy nhiêu hàng ; có lẽ tôi đã dắt theo một con ngựa hay một con lạc đà để cho nó thồ. Bà còn mua thêm ít nữa thôi là tôi xin chịu không thể nào nhấc nổi cái thúng này đâu đấy ! ». Nghe câu nói đùa, người đàn bà chỉ cười và truyền cho gã tiếp tục đi theo.

Nàng vào hiệu một người bán gia vị mua đủ loại nước hoa, đinh hương, nhục đậu khấu, hồ tiêu, gừng, một miếng long diên hương lớn và nhiều loại tạp hóa Ấn Độ khác, thế là đầy hẳn cái sọt ; nhưng nàng vẫn bảo gã tiếp tục đi theo. Hai người cùng đi cho mãi khi tới một dinh thự tráng lệ, mặt trước được trang trí một hàng cột đẹp và cánh cửa thì bằng ngà voi. Họ dừng lại, người đàn bà gõ một tiếng nhẹ vào cửa.

Trong khi hai người chờ người ra mở cửa, gã khuân vác suy nghĩ miên man. Gã lấy làm ngạc nhiên sao một bà ra dáng như bà này lại đi làm công việc của một người nhà bếp, bởi vì rốt cuộc gã cũng nhận ra được rằng đây không phải là một ả nô tỳ : gã thấy bà ta có vẻ quý phái quá, không thể nghĩ là người đi ở, hơn nữa còn có thể coi là nhân vật lớp thượng lưu. Gã đã định hỏi để biết rõ địa vị của bà ta ; nhưng chưa kịp cất lời thì một thiếu phụ khác đã ra mở cửa, trông còn xinh đẹp hơn, làm cho gã rất đỗi ngạc nhiên ; hay đúng hơn là xúc động choáng váng trước vẻ kiều diễm lộng lẫy của nàng, đến nỗi gã tưởng có thể đánh rơi cái sọt cùng với tất cả những thứ đựng bên trong xuống đất. Gã chưa từng bao giờ trông thấy có ai xinh đẹp bằng con người đang đứng trước mặt gã.

Người đàn bà dẫn gã đi theo nhận thấy sự bàng hoàng diễn ra trong lòng gã và hiểu rõ nguyên nhân. Điều đó làm nàng thấy vui vui, và thích thú quan sát thái độ của gã đến nỗi không để ý rằng cửa đã mở. « Kia em, hãy vào đi chứ, — người mở cửa xinh đẹp bảo nàng — em còn đợi gì? Em không nhận thấy anh chàng tội nghiệp này vác nặng đến không chịu nổi nữa hay sao? »

Nàng cùng với gã khuân vác đi vào nhà, người ra mở cửa đóng cửa lại, và cả ba người sau khi đi qua một tiền đình đẹp, băng qua một cái sân rất rộng chung quanh là hành lang có lan can chạy nhanh, ăn thẳng với nhiều ngôi nhà rất tráng lệ. Cuối sân đặt một chiếc sập bọc đệm sang trọng, chính giữa sập kê một chiếc ngai bằng hổ phách đặt lên trên bốn trụ gỗ mun khảm những viên kim cương và ngọc to lớn khác thường, và phủ bằng xa tanh đỏ thêu kim tuyến của Ấn-độ, nghệ thuật tài tình. Chính giữa sân có một bể nước, thành xây bằng cẩm thạch trắng, chứa đầy nước trong veo đang cuồn cuộn tuôn xuống từ mõm một con sư tử đồng mạ vàng.

Gã khuân vác tuy mang nặng vẫn ngắm nghía không biết chán các ngôi nhà lộng lẫy, đâu đâu cũng sạch sẽ tinh tươm, nhưng điều đặc biệt làm cho gã chú ý là một thiếu phụ thứ ba trông còn đẹp hơn người thứ hai: Nàng ngồi trên một chiếc ngai vàng. Trông thấy hai nàng kia, nàng bước xuống và ra đón họ. Qua vẻ cung kính mà hai người trước dành cho nàng, gã đoán rằng đấy phải là người gia trưởng, và quả thật gã không lầm. Người đàn bà ấy tên là: Zôbeit; người ra mở cửa là Xaphi; và Amin là tên nàng vừa đi mua bán.

Zôbeit vừa tiến đến gần hai nàng vừa nói: « Các em không trông thấy anh chàng chết gục dưới cái sọt nặng

đây sao? Các em còn đợi gì mà không đỡ nó xuống?».
Thế là Amin và Xaphi người bê đằng trước, kẻ đỡ phía sau, nâng cái sọt. Zôbêit cũng hộ một tay, và ba người nhấc sọt đặt xuống đất. Họ bắt đầu dỡ hàng ra. Làm xong, nàng Amin yêu kiều lấy tiền trả công gã vác thuê một cách hào phóng.

Anh chàng rất hài lòng với số tiền thiếu phụ vừa đưa cho gã, đáng lẽ cầm lấy cái sọt của mình và ra về, song gã không sao dứt mà đi được: bất giác gã cảm thấy ngẩn ngơ muốn được ngắm nghĩa mãi ba con người xinh đẹp hiếm thấy và cả ba cũng đều có vẻ khả ái: chả là nàng Amin cũng vừa bỏ tấm mạng che mặt ra, và gã thấy nàng cũng đẹp không kém hai người kia. Điều gã không thể nào hiểu được là không thấy một người đàn ông nào trong nhà. Thế nhưng, phần lớn thức ăn mà gã vừa mang đến, cũng như các hoa quả khô và các loại bánh mứt khác nhau ấy thật ra chỉ hợp với những kẻ hay rượu và thích nhậu nhẹt mà thôi.

Thoạt tiên Zôbêit tưởng người vác thuê dừng lại để lấy hơi; nhưng thấy gã nấn ná quá lâu, nàng hỏi: «Anh còn chờ gì? Trả công chưa vừa ý anh sao? Em à — nàng quay sang nói với Amin — em hãy cho anh ấy thêm một ít nữa để anh ấy bằng lòng mà ra về.»

— Thưa bà — gã khuân vác nói — đấy không phải là nguyên nhân giữ chân tôi lại; tôi đã được trả công quá hậu hĩ rồi. Tôi biết rằng nấn ná lại đây lâu quá mức cần thiết là bất lịch sự; song tôi hy vọng bà sẽ rộng lượng khoan dung cho nếu tôi tỏ vẻ ngạc nhiên sao không thấy một người đàn ông nào ở cùng ba bà xinh đẹp hiếm thấy thế này. Một tập thể đàn bà không có đàn ông cũng buồn chán như một tập thể đàn ông không có đàn bà vậy — Gã thêm thắt nhiều câu khả ý nhị để chứng minh điều vừa nói. Gã lại không quên

đến ra câu người ta hay nói ở Bátđa : không đủ bốn người thì bữa ăn kém ngon, để cuối cùng đi đến kết luận là, bởi vì các bà mới có ba người, họ cần có một người thứ tư nữa để cùng ăn cho có bạn.

Ba nàng phá lên cười khi nghe anh chàng khuân vác lý sự. Sau đó, Zôbêit nghiêm trang nói : « Anh bạn à, anh tò mò hơi quá mức rồi đấy. Tuy nhiên, mặc dù anh không đáng cho ta phải đi sâu vào chi tiết, ta cũng vui lòng nói cho anh rõ chúng ta là ba chị em ; chúng ta ăn ở kín đáo đến nỗi chẳng ai hay biết gì hết : chúng ta có lý do quan trọng để mà sợ những kẻ tò mò ; một tác giả hay mà ta từng đọc, đã nói : Hãy giữ kín điều bí mật của ngươi, đừng cho ai hay : người nào đã để lộ cho kẻ khác biết thì không còn làm chủ điều bí mật của mình nữa. Nếu lòng ngươi còn không chứa đựng nổi điều bí mật của ngươi, thì làm sao lòng của người mà ngươi để lộ cho biết lại có thể chứa đựng nổi điều bí mật ấy ? »

— Thưa các bà, — gã khuân vác đáp, — chỉ nhìn hình dáng các bà, ngay từ đầu tôi đã nghĩ rằng đây là những con người cao quý hiếm có, và tôi thấy rõ tôi đã không nhầm. Mặc dù số phận chẳng cho tôi đủ của cải để vươn lên làm một nghề khác hơn nghề nghiệp của mình ; tôi vẫn không ngừng tìm hết cách bồi bổ trí tuệ bằng việc đọc các sách khoa học và lịch sử : và xin phép các bà cho tôi được nói rằng tôi cũng có đọc ở một tác giả khác một châm ngôn mà bao giờ tôi cũng thực hành một cách tốt đẹp : « Chúng ta chỉ giữ bí mật đối với những kẻ mà mọi người đều thừa nhận là không kín tiếng, họ sẽ phụ lòng tin của chúng ta ; nhưng chúng ta chẳng khó dễ gì mà không cho những người khôn ngoan biết, bởi vì chúng ta tin chắc rằng họ sẽ biết cách giữ kín tiếng ». Điều bí mật để ở nhà tôi thì cũng an toàn không kém khi nó được cất vào

một gian buồng mà chìa khóa đã đánh mất và cửa thì đã niêm phong.

Zôbêit hiểu gã vác thuê này không phải không thông minh, gã muốn được dự bữa tiệc mà ba người sắp dùng, liền mỉm cười bảo gã : « Anh biết là chúng ta sửa soạn ăn tiệc ; và anh cũng biết rằng chúng ta đã chi tiêu một món tiền lớn ; chắc là sẽ không công bằng nếu anh cùng dự tiệc mà không có gì đóng góp vào ». Nàng Xaphi xinh đẹp ủng hộ ý kiến của bà chị : « Anh bạn ạ, anh chưa bao giờ nghe câu người ta thường nói thế này ư : « Nếu bạn có mang đến một cái gì, thì bạn sẽ ở đây cùng với chúng tôi ; nếu bạn chẳng mang gì đến, thì bạn nên tay không lui về ? »

Gã khuân vác, mặc dù giỏi lý sự, có lẽ đành phải bối rối rút lui, nếu không được nàng Amin bênh vực. Nàng nói với Zôbêit và Xaphi : « Hai chị thân yêu ơi, em xin hai chị cho phép anh này ở lại với chúng ta ; khỏi phải nói là anh ta sẽ làm chúng ta vui : các chị đã thấy rõ anh ta có khả năng về mặt đó. Em xin quả quyết với các chị là, nếu anh ta không vui lòng, nhanh nhẹn và dũng cảm đi theo em thì dễ chừng em đã không đủ sức mua sắm bấy nhiêu thứ trong thời gian ngắn như vậy. Hơn nữa, nếu em thuật lại tất cả những điều dí dỏm mà anh ta nói với em trong lúc đi đường, các chị sẽ đỡ ngạc nhiên vì sao em che chở anh ta ».

Nghe Amin nói, gã khuân vác mừng rơn, liền quỳ gối và hôn đất dưới chân con người tốt bụng ấy, rồi vừa đứng dậy vừa nói với nàng : « Thưa bà yêu kính, ngày hôm nay bà đã khởi đầu hạnh phúc của tôi, giờ bà lại đưa nó lên tột đỉnh bằng một hành động rất hào hiệp, tôi không biết làm sao bày tỏ hết lòng biết ơn đối với bà. Hơn nữa, thưa các quý bà, — gã nói với cả ba chị em — các bà đã dành cho kẻ này một vinh

dự lớn như vậy thì xin đừng nghĩ rằng tôi sẽ lạm dụng nó, hoặc là tôi dám tự cho là một con người xứng đáng với vinh dự ấy ; không, tôi vẫn mãi mãi tự coi mình như là tên nô lệ hèn mọn nhất của các quý bà.»

Nói xong gã muốn trả lại số tiền vừa nhận ; nàng Zôbêit nghiêm trang truyền bảo gã hãy giữ lại : « Những gì tay chúng ta đã bỏ ra để thưởng công những kẻ làm giúp thì tay chúng ta sẽ không nhận trở lại. Nhưng, anh bạn ạ, trong khi bằng lòng cho anh ở lại đây cùng chúng ta, ta báo trước cho anh biết : không phải chỉ có một điều kiện là anh sẽ giữ điều bí mật chúng ta đòi hỏi mà thôi đâu, chúng ta còn muốn rằng anh phải xử sự theo đúng phép lịch sự và tính trung hậu nữa.»

Trong khi Zôbêit nói thì nàng Amin xinh đẹp cởi bộ cánh đi phố, buộc chéo tà áo dài vào thắt lưng để làm việc cho gọn, rồi bày bàn. Nàng dọn ra nhiều món ăn, đặt lên trên tủ đựng thức ăn nhiều chai rượu nho và các chén bằng vàng. Sau đấy, các bà ngồi vào bàn và cho gã khuân vác thuê ngồi ở bên cạnh ; gã lấy làm hài lòng tột độ vì được cùng dự tiệc với ba con người xinh đẹp khác thường.

Ăn được mấy miếng, nàng Amin tự mình rót rượu ra một cái chén, rồi uống trước theo đúng phong tục của người Árập. Sau đó, nàng rót tiếp cho các bà chị, hai người này lần lượt uống, cuối cùng nàng rót chén thứ tư đưa cho gã khuân vác ; gã đỡ lấy, hôn tay Amin và trước khi uống hát một bài đại ý nói rằng, giống như ngọn gió đi qua những nơi thơm tho thì mang theo hương ngào ngạt, chén rượu gã sắp uống đây, nhận từ bàn tay nàng, sẽ mang theo hương vị tuyệt vời hơn hẳn hương vị tự nhiên của nó. Bài hát ấy làm vui lòng các thiếu phụ, và họ cũng cất tiếng hát. Mọi

người đều rất vui vẻ trong suốt bữa ăn kéo dài khá lâu và kèm theo đủ trò thú vị.

Chẳng mấy chốc thì trời tối, nàng Xaphi, thay mặt ba thiếu phụ, liền nói với gã khuân vác: « Hãy đứng lên và đi đi : đã đến lúc anh phải về rồi đấy ». Gã khuân vác không làm sao đi cho dứt, đáp : « Ô kìa, thưa các bà, các bà truyền bảo tôi đi đâu giữa lúc người tôi đang trong tình trạng như thế này ? Tôi say mềm vì chiêm ngưỡng các bà và vì uống quá nhiều rượu : có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ tìm được đường mà về đến nhà. Xin các bà hãy cho tôi nghỉ đêm để tỉnh bớt rượu, tôi nghỉ ở đâu cũng được ; nhưng cũng cần phải có thời gian lâu lâu tôi mới có thể trở lại tỉnh táo như khi tôi bước chân vào dinh thự này ; ấy thế mà tôi còn e rằng tôi để lại phần tinh anh nhất của mình nơi đây.»

Một lần nữa nàng Amin lại bệnh gã khuân vác. Nàng nói : « Các chị ơi, anh ta nói có lý, em hiểu anh ta vì sao phải xin các chị điều đó. Anh đã làm cho chúng ta khá vui rồi đấy, nếu các chị tin lời em, hay đúng hơn nếu các chị yêu em nhiều như em hằng tin tưởng, thì chúng ta nên giữ anh ta lại tối nay ở đây.»

— Em à—nàng Zôbêit nói—các chị không nỡ từ chối em điều gì. Anh khuân vác này — nàng quay sang nói với gã — chúng ta vui lòng thể theo yêu cầu của anh lần nữa ; nhưng ta đặt thêm một điều kiện mới. Cho dù mấy chị em ta có làm gì đi nữa trước mặt anh, hoặc là giữa chúng ta với nhau hoặc là đối với cái gì khác, anh cũng không được hé răng hỏi tại sao ; bởi vì nếu anh hỏi về những việc hoàn toàn không dính dáng đến mình, anh có thể phải nghe những điều không vui tai ; anh phải chú ý đấy, không được quá tò mò tìm hiểu sâu nguyên nhân những hành động của chúng ta.

— Thưa bà, — gã vác thuê đáp, — tôi xin hứa với bà tôi sẽ tôn trọng điều kiện ấy một cách đúng đắn đến nỗi bà sẽ không có gì phải trách mắng chứ đừng nói chi đến trừng phạt tội tò mò của tôi : trong dịp này lưỡi tôi sẽ bất động, mắt tôi sẽ như một tấm gương không giữ lại tí gì những vật nó đã phản chiếu.

Vẻ mặt rất trang nghiêm, nàng Zôbeit lại nói : « Để cho anh thấy, điều ta đòi hỏi anh tuân theo không phải vừa mới đặt ra giữa anh và ba chị em ta, anh hãy đứng lên và ra đọc câu viết bên trên cửa ra vào, ở mặt trong.»

Gã vác thuê bước đến và đọc những chữ sau đây bằng đại tự dát vàng : « *Ai nói những điều không liên quan đến mình, sẽ phải nghe những điều không thú vị cho mình* ». Gã trở vào nói với ba chị em : « Thưa các bà, tôi xin thề là các bà sẽ không nghe tôi nói tới một điều gì không liên quan đến tôi, mà các bà quan tâm. »

Thỏa thuận xong, nàng Amin bày bữa ăn tối ; và sau khi thắp nhiều cây nến pha trầm hương và xạ hương xông mùi thơm dễ chịu làm cho căn phòng chan hòa ánh sáng, nàng đến ngồi vào bàn cùng với hai chị và gã vác thuê. Họ lại bắt đầu ăn uống, ca hát và ngâm thơ. Các bà thích chuốc rượu cho gã say, lấy cớ là mừng sức khỏe gã. Chẳng ai ngại ngùng gì mà không nói đùa. Cuối cùng, giữa lúc họ đang hết sức vui vẻ nhất trần đời thì nghe có tiếng gõ cửa.

Tất cả ba người đàn bà cùng đứng lên một lúc để ra mở, nhưng nàng Xaphi vốn chuyên lo công việc này, nhanh chân hơn cả ; còn hai nàng kia thấy đã có người đi bèn ngồi lại chờ Xaphi trở vào cho biết ai có việc gì mà đến nhà họ muộn như vậy. Xaphi trở vào nói : « Chị và em ạ, có một cơ hội rất tốt cho chúng ta vui chơi thú vị đến hết đêm nay ; nếu chị và em Amin cùng một suy nghĩ như em thì ta không nên bỏ

sỹ. Ngoài cửa nhà ta có ba khất sĩ (1) hay ít ra em cho là như vậy qua cách ăn mặc của họ ; nhưng điều chắc sẽ làm cho chị và em ngạc nhiên, là cả ba đều chột mắt bên phải, và tóc, râu, lông mày đều cạo trụi. Họ nói rằng họ vừa mới đến Bátđa, họ chưa từng đặt chân tới đây bao giờ ; và bởi vì trời tối mà không biết trọ ở đâu, họ ngẫu nhiên gõ cửa nhà ta và yêu cầu chúng ta, vì Thượng đế, hãy làm phúc cho họ nghỉ lại. Họ xin vui lòng ở trong chuồng ngựa cũng được. Họ đều còn trẻ, trông cũng khá khôi ngô và còn có vẻ thông minh nữa là khác ; nhưng em không thể nào nhịn được cười khi nghĩ đến bộ mặt ngộ nghĩnh và giống nhau như đúc của họ ». Nói đến đây, Xaphi ngừng lời và phá ra cười ngặt nghẽo đến nỗi hai bà kia và gã khuân vác cũng không nén được cười. « Chị và em này — nàng Xaphi lại nói — Chị và em có đồng ý là ta cho họ vào không ? Với những người như em vừa tả, chắc chắn là chúng ta chỉ có thể kết thúc ngày hôm nay còn vui vẻ hơn lúc mở đầu. Họ sẽ làm cho ta vui mà chúng ta cũng chẳng tốn kém gì, bởi vì họ chỉ xin nghỉ lại mỗi một đêm nay thôi, sáng ra là họ xin từ biệt chúng ta ngay.»

Zôbêít và Amin không đồng ý điều Xaphi đề nghị, chính Xaphi cũng đã hiểu rõ vì sao. Nhưng nàng tỏ ra thiết tha muốn đạt cho bằng được lời yêu cầu của mình, thành ra hai người không nỡ nào từ chối. Nàng Zôbêít bảo : « Thế thì em hãy ra gọi họ vào ; nhưng đừng quên bảo trước cho họ biết là không được hỏi han những điều gì không liên quan đến họ, và chỉ cho họ đọc câu viết sẵn bên trên cửa ra vào ». Nghe chị nói vậy, Xaphi mừng rỡ chạy ra mở cửa, và một lát sau, nàng trở vào cùng với ba khất sĩ.

(1) Thuộc một dòng họ đạo hồi, chuyên hành khất.

Vừa vào tới nơi, ba chàng cúi gập người chào, các thiếu phụ đứng lên nghênh tiếp và chúc mừng họ một cách lịch sự rằng ba chị em rất vui lòng được dịp giúp đỡ họ và góp phần làm cho họ chóng lại sức sau những nỗi mệt nhọc dọc đường; và cuối cùng mời ba chàng ngồi xuống bên cạnh. Cảnh cửa nhà lộng lẫy và vẻ phúc hậu của ba thiếu phụ làm cho ba khất sĩ đánh giá cao những bà chủ nhà xinh đẹp; nhưng trước khi ngồi vào chỗ, tình cờ trông thấy gã vác thuê ăn mặc gần giống với nhiều khất sĩ thuộc một dòng tu khác, không cạo râu và cạo lông mày, một chàng cất tiếng nói: «Hình như đây là một trong những đạo huynh Ả-rập chúng ta thuộc phái chống đối.»

Gã vác thuê đã thiu thiu và đầu óc đang nóng lên bởi hơi men, lấy làm bất bình về câu nói đó; gã cứ ngồi yên, vừa nhìn ba chàng khất sĩ một cách hợm hĩnh vừa nói: «Các bạn ngồi xuống, và chớ có dính dáng vào những việc không phải của mình. Các bạn chưa đọc câu viết trên cửa ra vào? Chớ nên buộc người khác phải sống theo kiểu của các bạn; nhập gia phải tùy tục».

— Ông bạn ơi, — chàng khất sĩ đáp, — bạn chớ nổi nóng; chúng tôi rất lấy làm tiếc nếu có phần nào thiếu sót khiến cho bạn bực mình; ngược lại, chúng tôi sẵn sàng nghe các lời chỉ giáo của bạn.

Lời qua tiếng lại có thể còn kéo dài, nhưng các thiếu phụ đã xen vào và chấm dứt sự cãi cọ.

Khi các khất sĩ đã yên vị, các thiếu phụ mời họ ăn và nàng Xaphi vui tính đặc biệt chú ý rót rượu mời họ uống.

Ăn uống thỏa thuê xong, ba chàng khất sĩ nói với các bà rằng họ sẽ rất sung sướng được hòa nhạc hầu các bà, nếu các bà có sẵn nhạc cụ và vui lòng cho

người mang ra. Nàng Xaphi xinh đẹp đứng lên đi tìm. Một lát sau nàng trở lại đưa cho ba chàng một chiếc sáo địa phương, một chiếc sáo Ba-tư và một cái trống xứ Bát. Mỗi khất sĩ lấy thứ nhạc cụ mình chọn, và cả ba bắt đầu chơi một khúc nhạc. Các thiếu phụ đều thuộc lời ca của khúc nhạc đó, một lời ca rất vui nhộn, cất tiếng hát theo ; nhưng chốc chốc lại ngừng lại và phá lên cười vì lời ca ngộ nghĩnh.

Đang giữa cuộc vui, đúng lúc mọi người đang vui vẻ nhất, thì có tiếng gõ cửa. Xaphi ngừng hát và ra xem có việc gì.

*

Nhưng tâu bệ hạ — kể đến đoạn này nàng Sêhêrazat nói với hoàng đế Saria — bệ hạ hẳn muốn biết vì sao có người gõ cửa các bà khuya khoắt như vậy, xin tâu rõ lý do :

Hoàng đế Harun An-Rasit thường có thói quen vi hành vào ban đêm, để tự mình xét xem có phải mọi sự trong kinh đô đều thanh bình, hay là có việc mất trật tự nào xảy ra chăng.

Đêm hôm ấy hoàng đế xuất hành sớm, cùng đi có tể tướng Giafa (1) và Mèrua, đứng đầu các hoạn nô trong cung cấm, cả ba đều cải trang thành những người buôn. Đi qua phố nhà ba thiếu phụ, nhà vua nghe tiếng đàn sáo, tiếng hát và tiếng cười, liền truyền cho tể tướng : « Khanh hãy đến gõ cửa cái nhà người ta đang làm huyên náo kia ; ta muốn vào đấy xem cho rõ nguyên nhân ». Mặc cho tể tướng trình bày rằng đây

---

(1) Giafa thuộc dòng họ Bácmêxít. Hoàng đế Harun An-Rasit trọng dụng và gả em gái cho, nhưng với điều kiện là hai người không được ăn ở với nhau. Hai người tuy vậy vẫn đi lại vụng trộm cho đến ngày sau khi sinh được một đứa con, phải đưa sang nuôi ở La Mếchơ. Việc phát giác, Giafa bị mất chức và sau đó ít lâu bị xử tử.

chẳng qua là những người đàn bà đang chè chén đêm hôm, chắc hẳn hơi men đang làm cho họ nóng đầu ; nhà vua không nên tự dưng đến, biết đâu họ chẳng thốt ra những lời nhục mạ ; vả chăng cũng chưa phải đã đến giờ cấm, không nên quấy rầy sự vui chơi của họ. « Mặc kệ — nhà vua phán — hãy gõ cửa đi, ta ra lệnh cho ngươi đó ».

Vậy chính là tể tướng Giafa đến gõ cửa nhà các thiếu phụ theo lệnh của hoàng đế đang không muốn cho ai nhận ra mình.

Nàng Xaphi mở cửa. Tể tướng, qua ánh sáng cây nến nàng cầm ở tay, nhận ra đấy là một người đàn bà tuyệt đẹp. Ông cúi chào rất thấp và nói lễ phép : « Thưa bà, chúng tôi là ba nhà buôn ở Mútxun (1), mới đến đây chừng mươi hôm với nhiều hàng hóa đắt tiền mà chúng tôi đang giữ ở kho trong một cái trại (2), nơi chúng tôi tạm trú. Hôm nay, chúng tôi vừa đến chơi một nhà buôn trong thành phố mời chúng tôi đến thăm. Ông ta chiêu đãi chúng tôi, và cũng nhân vui vì có chén rượu, ông ta cho mời một đoàn vũ nữ đến. Trời đã tối rồi, trong lúc nhạc công đang cử nhạc và các vũ nữ múa, anh em làm ồn ào quá, lính tuần đi qua và gọi cửa. Một số người dự hội bị bắt, về phần chúng tôi, may mắn thoát được nhờ vượt qua một bức tường. Nhưng, — tể tướng nói tiếp — bởi vì chúng tôi là người lạ, ít nhiều vừa có chén rượu, chúng tôi sợ lại gặp phải tốp lính tuần khác, hay tốp lúc nãy cũng nên, trước khi về được tới trại cách đây cũng khá xa. Mà dù chúng tôi có về được tới nơi đi nữa thì cũng vô ích vì cổng trại đã đóng, phải đến sáng sớm mai mới

---

(1) *Mútxun* ; thành phố ở Irắc, trên bờ sông Tigơrơ.

(2) Tiếng Ả-rập là *Khan*, vừa dùng làm kho chứa hàng vừa là nơi nghỉ trọ của các nhà buôn : các đoàn người đi đường thường nghỉ chân ở những nơi này với giá thuê phải chăng.

mở, cho dù có việc gì xảy ra. Chính vì vậy, thưa bà, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn và tiếng hát, chúng tôi cho là gia đình ta chưa đi nghỉ, cho nên chúng tôi đánh bạo gõ cửa cầu xin bà cho phép tạm trú đến sáng. Nếu quý bà thấy rằng chúng tôi đáng được tham gia cuộc vui cùng gia đình, thì chúng tôi xin cố gắng góp phần theo khả năng của mình để bù vào chỗ tại chúng tôi mà cuộc vui đó phải gián đoạn. Bằng không, chỉ xin bà vui lòng cho chúng tôi nghỉ tạm qua đêm ở nhà ngoài cho đỡ sương thôi cũng được.»

Trong lúc Giafa nói, nàng Xaphi xinh đẹp có đủ thời giờ quan sát tể tướng và hai người cùng đi, mà ông bảo cũng là nhà buôn như ông. Qua vẻ mặt của họ, nàng nghĩ đây chắc không phải là những người bình thường, liền đáp rằng mình không phải chủ nhân ; nếu họ vui lòng đợi một lát, thì nàng sẽ trở lại cho biết ý kiến trả lời.

Xaphi vào trình bày lại với chị và em gái, hai người do dự hồi lâu không biết nên quyết định thế nào. Nhưng vốn là những người tốt bụng, vả chăng họ cũng đã làm ơn đồng ý cho ba khất sĩ trọ rồi. Bởi vậy ba nàng quyết định để các khách vào.

Hoàng đế, tể tướng và viên đứng đầu các hoạn nô chào các thiếu phụ và các khất sĩ một cách rất lịch sự. Các bà tưởng họ là nhà buôn nên tiếp đón họ cũng lịch sự không kém. Nàng Zôbêit, với tư cách là người gia trưởng, nói với họ bằng một giọng nghiêm trang thích hợp với nàng : « Xin chúc mừng các ngài ; song trước hết xin các ngài chớ cho là đường đột nếu chúng tôi yêu cầu các ngài một điều.

— Điều gì, thưa bà ? tể tướng hỏi.— Ai có thể từ chối một điều gì với các phu nhân xinh đẹp dường này ?

Nàng Zôbêit nói tiếp :

— Ấy là chỉ nên có mắt mà không có lưỡi ; ấy là bất kỳ các ngài trông thấy gì cũng xin chớ có hỏi để tìm hiểu nguyên nhân, và xin chớ có nói những điều gì không liên quan đến các ngài, e rằng làm như vậy các ngài sẽ phải nghe những điều không được vui tai.

— Thưa bà, chúng tôi xin vâng lời bà, — tể tướng đáp. — Chúng tôi không phải là quan tòa, cũng không phải là những kẻ tò mò lắm điều ; chỉ lo việc có liên quan đến mình và không dính dáng gì tới những việc không liên quan, như thế cũng đã đủ cho chúng tôi lắm rồi.

Đến đấy mọi người cùng ngồi xuống, chuyện bắt đầu nở ; và người ta lại tiếp tục uống rượu mừng những người mới đến.

Trong khi tể tướng nói chuyện cùng các bà, hoàng đế không thể không thầm phục nhan sắc khác thường, sự duyên dáng, tính tình hòa nhã và trí thông minh của họ. Mặc khác, nhà vua cũng hết sức lấy làm lạ về ba chàng khất sĩ cùng chột mắt bên phải như nhau. Có lẽ vua đã rất muốn tìm hiểu cho ra các điểm kỳ quặc đó, nhưng điều kiện các bà vừa đặt ra cho nhà vua và những người cùng đi, ngăn không cho nhà vua hỏi. Thêm vào đó, khi suy nghĩ về những đồ đạc sang trọng, xếp đặt ngăn nắp và sự sạch sẽ của tòa dinh thự, nhà vua không thể tin rằng chốn này không có thuật ma phép quỷ gì đây.

Câu chuyện chuyển sang vấn đề giải trí và các cách thức vui chơi, các khất sĩ liền đứng lên múa một bài theo kiểu của họ, làm cho các thiếu phụ vốn đã có cảm tình càng thêm ưa thích, và nhà vua và những người cùng đi cũng nể vì.

Ba khất sĩ múa xong, nàng Zôbêit đứng dậy, vừa cầm tay Amin vừa nói :

— Em ơi, em hãy đứng lên ; các ngài đây chắc sẽ không cho là không tốt việc chúng ta tự xử phạt mình, và sự có mặt của các ngài sẽ không ngăn trở chúng ta làm công việc chúng ta vẫn quen làm.

Nàng Amin hiểu ý chị, đứng lên thu dọn bát đĩa, bàn ăn, chai cốc và những nhạc cụ mà các khất sĩ vừa chơi.

Nàng Xaphi cũng không ngồi yên : nàng quét nhà, xếp đặt lại đồ đạc vừa bị xáo trộn, gạt bấc nến và cho thêm trầm hương và long diên hương vào. Làm xong, nàng mời ba khất sĩ ngồi vào đầu này chiếc sập, mời nhà vua và những người cùng đi ngồi vào đầu kia. Còn gã khuân vác thì nàng bảo : « Anh hãy đứng lên, và sẵn sàng giúp một tay vào việc chúng ta sắp làm đây ; một người như anh, coi như thể người nhà, không nên ngồi im chẳng làm gì .»

Gã khuân vác đã phần nào tỉnh rượu, nhanh nhẩu đứng lên, dắt tà áo vào thắt lưng và nói : « Tôi đã sẵn sàng, có việc gì phải làm nào ? »

— Được, — nàng Xaphi đáp, — cứ chờ đấy khắc có việc, anh chẳng phải đứng chơi lâu đâu.

Lát sau, nàng Amin trở lại mang theo một chiếc ghế và đặt xuống chính giữa phòng. Tiếp đó nàng đi đến một căn buồng, mở cửa ra, và ra hiệu bảo gã khuân vác đến : « Lại đây giúp tôi một tay ». Gã làm theo và cùng nàng bước vào buồng, và trong chốc lát trở ra dẫn theo hai con chó cái đen, mỗi con có một chiếc xích buộc vào vòng cổ ; hai con chó cái có vẻ như đã từng bị đánh bằng roi vọt. Gã tiến tới giữa phòng.

Lúc đó, nàng Zôbêit đang ngồi giữa ba khất sĩ và hoàng đế, đứng lên và trang trọng bước tới chỗ gã

khuân vác đứng. «Nào,— nàng vừa nói, vừa buông tiếng thở dài — chúng ta hãy làm bổn phận»! Nàng xắn ống tay áo lên tận khuỷu, và sau khi cầm lấy cái roi Xaphi đưa, nàng bảo gã khuân vác: «Anh đưa cho em Amin ta giữ một con chó, rồi dẫn con kia đến sát đây cho ta».

Gã làm theo lệnh, và khi gã tiến đến gần Zôbêit, con chó cái gã đang dắt ở tay bắt đầu rít lên, ngước dần hướng về Zôbêit, vẻ van lơn. Nhưng nàng Zôbêit không quan tâm đến bộ điệu rầu rĩ của con chó đáng thương cũng như những tiếng rít của nó vang khắp gian nhà, cầm roi đánh tới tấp vào nó cho đến khi mệt đứt hơi; rồi nàng vất chiếc roi ra đất; cầm sợi xích từ tay gã khuân vác nâng nâng hai chân con chó lên: chó và người cùng nhìn nhau vẻ buồn bã, cảm động; chó và người cùng khóc. Cuối cùng Zôbêit rút khăn tay lau nước mắt con chó cái, hôn nó, rồi trao lại cái xích cho gã khuân vác cầm: «Hãy dẫn nó trở về chỗ anh vừa đón nó ra, và đưa con kia lại đây cho ta.»

Gã khuân vác dắt con chó bị đánh trở về buồng, và lúc trở ra, nhận con kia từ tay Amin rồi dẫn đến trao cho Zôbêit đang chờ. Nàng bảo gã: «Anh hãy giữ nó như đã giữ con kia», rồi cầm lấy chiếc roi, nàng lại đánh nó như vừa đánh con chó lúc nãy. Sau đó, nàng lại khóc với nó, lại lau nước mắt cho nó, lại hôn nó và trao trả gã khuân vác. Lần này, nàng Amin để mến tự mình dẫn con chó vào buồng, đỡ cho gã khỏi phải làm việc đó. Trong lúc ấy, ba chàng khất sĩ, nhà vua và những người cùng đi đều hết sức kinh ngạc về cuộc hành phạt vừa rồi. Họ không thể hiểu nổi tâm sao nàng Zôbêit, sau khi đánh đập dữ dội hai con chó cái, những con vật bẩn thỉu *theo quan niệm của đạo hồi*, lại khóc ngay sau đấy với chúng, lau nước mắt

cho chúng và hôn chúng. Trong thâm tâm, họ bất bình về việc đó, nhất là hoàng đế, nôn nóng hơn tất cả mọi người, rất muốn hiểu rõ nguyên nhân vì đâu đưa đến một hành động lạ lùng như vậy, và không ngớt ra hiệu bảo tể tướng phải hỏi cho ra nhẽ. Nhưng tể tướng quay đầu sang phía khác, làm ngơ cho đến khi bị những dấu hiệu lặp đi lặp lại nhiều lần thúc bách phải trả lời, ông mới ra hiệu rằng bây giờ không phải là lúc thỏa mãn tính hiếu kỳ.

Nàng Zôbêit đứng yên một chốc ở chỗ cũ, chính giữa căn phòng, như để hồi sức sau cơn mệt nhọc vì đánh hai con chó. Xaphi nói với nàng : « Chị thân yêu của em, chị vui lòng trở về chỗ cũ, để cho em đến lượt mình, em cũng được làm nhiệm vụ. »

— Được. — Nàng Zôbêit trả lời và đến ngồi ở chiếc ghế dài ; bên phải nàng là hoàng đế, tể tướng Giafa và Mèrua ; bên trái nàng là ba chàng khất sĩ và gã vác thuê.

Sau khi Zôbêit trở về chỗ ngồi, mọi người đều im lặng một lúc. Cuối cùng, nàng Xaphi, ngồi lên chiếc ghế đặt chính giữa phòng, nói với Amin : « Em thân yêu của chị, xin em hãy đứng lên, em đã hiểu chị muốn nói gì rồi đấy. » Nàng Amin đứng lên và đi vào một căn buồng khác, không phải nơi nhốt hai con chó. Nàng trở lại tay cầm một cái túi bọc xa-tanh vàng thêu kim tuyến và lót lụa xanh. Nàng đến gần Xaphi và mở túi lấy ra một cây đàn giống như đàn tì bà trao cho nàng. Xaphi đỡ lấy, so dây và bắt đầu gảy đàn đệm theo lời ca : nàng hát một bài tả về những nỗi đau khổ vì xa vắng, nàng rất tài hoa đến nỗi hoàng đế và tất cả mọi người đều say mê. Hát xong, nàng bảo nàng Amin đáng mến : « Em hãy cầm lấy đàn, chị không đủ sức nữa, chị đứt hơi rồi, em hãy thay chị hát hầu các ngài đây ».

— Rất vui lòng. — Amin đáp và tiến đến ; Xaphi trao đàn và nhường chỗ cho em.

Amin lướt qua mấy phím đàn xem dây đã chỉnh chưa, rồi vừa đàn vừa hát cũng lâu như chị, về cùng một chủ đề ấy nhưng rất mạnh mẽ ; và nàng xúc động, hay đúng hơn, thấm thía ý nghĩa lời ca đến nỗi hát xong thì kiệt sức.

Zôbêit muốn tỏ cho em thấy sự hài lòng của mình : « Em ơi, em làm những điều kỳ diệu : rõ ràng em đau nỗi đau mà em diễn tả rất sống động ». Amin không kịp đáp lại lời khen ngợi thành thực ấy. Nàng cảm thấy nghẹt thở đến nỗi chỉ còn nghĩ tới chuyện bứt cổ áo ra cho thoáng, để lộ cho mọi người thấy một bên ngực và vú, không phải là trắng trẻo như một người tựa Amin đáng phải có, mà sần sùi những sẹo, làm cho những người trông thấy gần như phát tởm. Tuy vậy, nàng vẫn chưa thấy đỡ được chút nào, nàng ngã vật ra bất tỉnh nhân sự.

Trong khi Zôbêit và Xaphi lo cấp cứu em, thì một khất sĩ không cầm được, thốt lên : « Chúng ta thà ngủ đêm ở ngoài trời còn hơn là vào đây, nếu biết trước rằng sẽ phải chứng kiến những cảnh tượng thế này ». Nhà vua nghe tiếng, đến gần chàng cùng hai khất sĩ kia và hỏi : « Tất cả những cái này là thế nào ? » Chàng khất sĩ vừa mới nói kia liền đáp : « Thưa tôn ông, chúng tôi cũng không biết gì hơn tôn ông. »

— Thế nào — nhà vua hỏi tiếp — các ông không phải là người nhà sao ? Và cũng không thể cho chúng tôi rõ về hai con chó đen, về người phụ nữ vừa ngất đi chắc đã từng bị ngược đãi phũ phàng lắm hay sao ?

Các khất sĩ đáp :

« Thưa tôn ông, suốt đời chúng tôi chưa hề bước chân vào nhà này, và chúng tôi cũng mới đến đây trước các ngài ít lâu thôi. »

Điều đó càng làm tăng thêm sự kinh ngạc của hoàng đế. « Có lẽ anh chàng đang ngồi với các ông kia biết được phần nào chăng ». Một khất sĩ ra hiệu bảo gã khuân vác đến gần mình, và hỏi gã có biết vì sao các con chó cái đen bị đánh, vì sao vú của Amin sứt sẹo ?

«Thưa tôn ông, — gã vác thuê đáp — tôi có thể thề trước thượng đế là nếu quý ngài không biết tí gì về những chuyện đó, thì chúng ta đều chẳng ai hay biết hơn ai. Đúng tôi là người thành phố này, nhưng mãi đến hôm nay tôi mới bước chân vào đây lần đầu, và nếu quý ngài ngạc nhiên thấy tôi ở đây, thì tôi cũng ngạc nhiên không kém khi được gặp quý ngài. Điều còn làm cho tôi thêm lạ lùng — gã nói tiếp — là không trông thấy một người đàn ông nào ở đây cùng với các bà ấy ».

Nhà vua, những người cùng đi và các khất sĩ vẫn tưởng rằng gã khuân vác là người nhà này, và có thể hỏi gã để biết về những điều họ muốn biết. Hoàng đế quyết tâm tìm cách thỏa mãn sự tò mò của mình dù với bất cứ giá nào, bèn bảo những người kia : « Các bạn nghe đây, chúng ta ở đây có những bảy người đàn ông mà chỉ phải đối phó với ba người đàn bà, chúng ta hãy buộc họ phải làm sáng tỏ những điều chúng ta muốn biết. Nếu họ không vui lòng, chúng ta có cách ép họ làm theo ý muốn chúng ta ».

Tể tướng Giafa không đồng tình với ý kiến ấy. Ông trình bày cho nhà vua rõ những hậu quả của nó ; và để không lộ cho các khất sĩ biết đây là hoàng đế, ông vẫn nói với nhà vua như nói với một nhà buôn «Thưa ông anh, tôi van ngài, chúng ta phải giữ tín nhiệm

của chúng ta chứ. Ông anh đã biết rõ điều kiện mà các bà đây đặt ra khi vui lòng cho chúng ta vào nghỉ nhờ, và chúng ta đã chấp nhận. Người ta sẽ nói thế nào nếu chúng ta làm trái những điều đã thỏa thuận ? Chúng ta sẽ càng đáng trách hơn nữa, nhỡ nếu xảy ra một việc gì không may, ít có khả năng là các bà buộc chúng ta phải có lời hứa mà lại không có điều kiện làm cho chúng ta phải hối hận nếu chúng ta không giữ lời hứa của mình. »

Nói đến đây, tể tướng kéo riêng nhà vua ra một nơi và nói nhỏ : « Tâu bệ hạ, đêm cũng sắp tàn rồi, xin bệ hạ kiên nhẫn một chút. Sáng sớm mai, thần sẽ đến bắt các bà này dẫn đến trước ngai vàng, bệ hạ sẽ biết rõ tất cả những gì ngài muốn họ nói cho biết. » Mặc dù lời khuyên ấy rất khôn ngoan, hoàng đế vẫn bác bỏ ; nhà vua bắt tể tướng phải lặng im và nói mình đòi làm sáng tỏ ngay tức khắc điều muốn biết.

Vấn đề chỉ còn là ai sẽ nói đây. Nhà vua cố ép các khất sĩ lên tiếng trước ; nhưng họ đều xin lỗi. Cuối cùng mọi người đồng ý với nhau nên để gã khuân vác làm việc đó. Gã đang chuẩn bị nêu lên câu hỏi tai hại, thì Zôbêit, sau khi cấp cứu Amin khỏi cơn bất tỉnh, đến gần. Nghe họ bàn bạc với nhau to tiếng và sôi nổi, nàng liền hỏi : « Thưa quý ngài, quý ngài nói chuyện gì đấy ? Các ngài phản đối điều gì ? »

Thế là gã khuân vác cất lời : « Thưa bà, — gã nói — các tôn ông đây muốn yêu cầu bà giải thích cho rõ, tại sao khi đánh đập hai con chó cái, bà lại khóc với chúng : và do đâu mà bà vừa ngất đi lúc nãy vú đầy những vết sẹo ? Thưa bà, đấy là những điều tôi được ủy thay mặt các ngài đáng kính hỏi bà. »

Nghe những lời đó, nàng Zôbêit quay về phía nhà vua, những người cùng đi và ba khất sĩ với vẻ kiêu kỳ hiện lên nét mặt, nàng hỏi : « Thưa quý ngài, có phải quý ngài ủy cho anh chàng này yêu cầu tôi điều đó ? ». Tất cả đều trả lời đúng, trừ tể tướng Giafa vẫn nín lặng. Nghe lời xác nhận ấy, Zôbêit nói với họ với một giọng chứng tỏ nàng bị xúc phạm sâu sắc : « Trước khi đồng ý nhận lời tiếp các ngài theo yêu cầu của các ngài, và để phòng ngừa mọi chuyện có thể làm cho chúng tôi không bằng lòng về các ngài bởi vì chúng tôi toàn là đàn bà, chúng tôi chẳng đã đặt điều kiện là các ngài không được nói đến những gì không có liên quan tới mình, để tránh cho các ngài khỏi phải nghe những điều không vừa ý hay sao ? Thế mà sau khi các ngài đã được đón tiếp và hậu đãi một cách tốt đẹp nhất theo khả năng của chúng tôi, các ngài lại không giữ lấy lời đã hứa. Đúng là điều đó xảy ra một phần tại chúng tôi dễ dãi quá, nhưng đây lại chính là điều không thể tha thứ cho các ngài được, và cách xử sự của các ngài như vậy là không đứng đắn. »

Nói xong, nàng dẫm mạnh chân và vỗ tay ba lần, miệng gọi : « Hãy đến đây nhanh lên ! ». Lập tức một cánh cửa mở ra, và bảy tên nô lệ da đen, vạm vỡ, khỏe mạnh, tay cầm gươm tiến vào ; mỗi tên túm lấy một trong bảy người đàn ông, quật ngã xuống đất kéo ra giữa phòng, và chuẩn bị chặt đầu họ.

Cũng dễ hình dung được nỗi khủng khiếp của hoàng đế khi hối hận thì đã quá muộn rồi, vì không nghe theo lời khuyên của tể tướng. Trong khi nhà vua đáng thương, Giafa, Mêrua, gã vác thuê và các khất sĩ sắp chịu chết để trả giá cho sự tò mò thô lỗ của họ, thì một tên nô lệ hỏi Zôbêit và hai em nàng : « Thưa các chủ nhân cao sang, quyền uy và đáng kính, xin ban cho chúng tôi lệnh được chặt đầu họ chứ ».

— Hãy khoan — nàng Zôbêit nói — hãy chờ ta hỏi họ đã.

— Thưa bà — gã khuân vác hoảng hốt ngắt lời — nhân danh Thượng đế, xin bà chớ bắt tôi chết vì tội những kẻ khác gây nên. Tôi vô tội, chính họ mới là thủ phạm. Than ôi! gã vừa khóc vừa nói — chúng ta vui đùa thú vị biết bao; những khất sĩ chột kia là nguyên nhân đưa đến tai vạ này; đến thành phố cũng phải đổ nát điêu tàn vì những con người đáng ghét như vậy. Thưa bà, tôi van bà chớ lẫn lộn người đầu với kẻ cuối; xin bà nghĩ cho rằng tha thứ cho một kẻ khốn khổ như tôi, không có ai cứu giúp, sẽ đẹp đẽ hơn là dùng quyền uy mà trị tội, hơn là dùng nó làm vật hy sinh cho mối thù hận của bà.

Zôbêit, mặc dù đang giận, cũng không nén được cười thầm những lời than vãn của gã vác thuê. Nhưng không thèm để ý đến gã, nàng hỏi những người kia một lần nữa: « Hãy trả lời, hãy cho tôi biết các ngài là ai, nếu không các ngài chỉ còn sống được một chốc lát nữa mà thôi. Tôi không thể nào tin rằng các ngài là những người tử tế, các ngài không thể là những người có quyền thế hoặc có uy tín ở nước các ngài, cho dù đó là nước nào. Bởi vì nếu quả đúng như vậy, hẳn các ngài đã biết tự kiềm chế và biết kính trọng chúng tôi hơn ».

Hoàng đế bản tính nóng nảy còn đau khổ rất nhiều hơn tất cả những người kia, khi thấy tính mạng mình tùy thuộc vào mệnh lệnh của một người đàn bà bị xúc phạm và bất bình một cách chính đáng; nhưng lúc thấy nàng muốn biết rõ mấy người là ai, nhà vua bắt đầu có ít nhiều hy vọng vì nghĩ rằng một khi đã biết rõ địa vị của họ rồi, chắc hẳn nàng sẽ chẳng giết nào. Vì vậy nhà vua rỉ tai tể tướng đang nằm sát bên cạnh mình

bảo nên nói rõ ra ngay chính hoàng đế đây. Nhưng tể tướng thận trọng và khôn ngoan, muốn cứu vớt danh dự của nhà vua, và không muốn để lan truyền rộng rãi điều sỉ nhục lớn mà tự nhà vua chuốc lấy, chỉ trả lời: « Chúng tôi chỉ là những người bình thường ». Nhưng đến khi, để vâng lệnh hoàng đế, ông định trả lời thì nàng Zôbêit không cho ông còn thời giờ nữa. Nàng đã quay sang ba khất sĩ, và trông thấy cả ba đều chột mắt, nàng hỏi họ có phải là anh em không? Một chàng trả lời thay cho cả ba: «Thưa bà, không, chúng tôi không phải là anh em theo huyết thống, chúng tôi chỉ là anh em với tư cách là khất sĩ, tức là tự nguyện cùng tuân theo một lối sống như nhau».

Zôbêit hỏi riêng một chàng:

— Có phải anh chột mắt từ lúc mới sinh?

— Thưa bà không — chàng đáp — tôi bị chột vì một việc xảy ra hết sức kỳ lạ, mà nếu được chép ra chắc chắn không một ai không cho là bổ ích. Sau chuyện không may ấy, tôi cho cạo râu và lông mày, và mặc bộ quần áo này, tôi tự nguyện làm khất sĩ.

Zôbêit lại hỏi hai chàng kia câu hỏi trên, và họ cũng đều trả lời như người đầu. Chàng trả lời sau rốt còn nói thêm: «Thưa bà, để bà hiểu cho rằng chúng tôi không phải là những người tầm thường, may ra bà có sự nể vì nào hơn đối với chúng tôi chăng, xin thưa để bà rõ rằng cả ba chúng tôi đều là hoàng tử. Mặc dù chúng tôi chưa hề quen nhau trước tối hôm qua, chúng tôi vẫn có đủ thì giờ giới thiệu cho nhau biết thân thế mình: và tôi xin mạo muội thưa để bà rõ là phụ vương chúng tôi cũng có ít nhiều danh tiếng trên thế gian này.»

Nghe đến đấy, nàng Zôbêit bớt giận và bảo các tên nô lệ: «Hãy nới tay cho họ một ít, nhưng chúng mày

có đứng ở đây. Những người nào chịu kể cho chúng ta nghe chuyện về họ và nguyên nhân khiến họ vào nhà này, thì chúng mày đừng động đến, để tùy ý họ muốn đi đâu thì đi ; nhưng chớ có tha cho kẻ nào từ chối không chịu đáp ứng yêu cầu của ta. »

Gã khuân vác, khi hiểu rằng chỉ cần có việc nói chuyện của mình ra là có thể thoát khỏi một nỗi hiểm nghèo nghiêm trọng, lên tiếng trước tiên. Gã nói : « Thưa bà, bà đã rõ chuyện của tôi và nguyên nhân đưa tôi đến nhà ta rồi đấy. Thế cho nên chuyện tôi sắp kể ra đây rất chóng vánh. Em gái của bà hiện có mặt kia, sáng nay gặp tôi ở quảng trường. Vốn chuyên nghề khuân vác, tôi đang ở đó chờ xem có ai thuê mượn để kiếm sống qua ngày. Tôi đã đi theo em gái bà đến một hàng bán rượu, một hàng bán rau, một hàng bán cam và chanh, rồi đến một hàng bán hạnh đào, hạnh nhân, hạt dẻ và nhiều loại quả khác ; sau lại đến một nhà làm mứt kẹo và bán gia vị, từ đó, đội cái sọt trên đầu nặng ơi là nặng, tôi đến thẳng nhà bà, và các bà có lòng tốt cho phép tôi ở lại cho tới bây giờ. Đó là một cái ơn mà vĩnh viễn tôi không bao giờ quên. Chuyện của tôi vẻn vẹn có thế »

Gã khuân vác nói xong, nàng Zôbêít hài lòng bảo gã : « Thôi chạy đi, đi đi, đừng để chúng ta trông thấy mày nữa »

— Thưa bà, gã khuân vác đáp, — tôi xin bà lại cho phép tôi được tiếp tục ở lại đây. Sẽ không công bằng là sau khi đã cho những người khác niềm thích thú được nghe chuyện về tôi, tôi lại không được phép nghe chuyện về họ.

Gã vừa nói vừa ngồi xuống phía cuối chiếc sập, rất sung sướng thấy mình thoát được một mối tai họa vừa làm cho gã một phen hú vía. Sau gã, một trong ba khất

sĩ cắt lời. Hướng vào Zôbêit là người chị cả trong ba thiếu phụ, và là người ra lệnh bắt chàng nói, chàng bắt đầu kể chuyện về mình :

CHUYỆN CHÀNG KHẤT SĨ THỨ NHẤT, CON VUA

Thưa bà, để bà rõ vì sao tôi mất con mắt bên phải, và bởi lý do gì mà tôi nhập dòng khất sĩ, tôi xin thưa rằng tôi là con vua. Phụ vương tôi có một người anh cũng trị vì như Người ở một nước láng giềng. Bác tôi có hai người con, một hoàng tử và một công chúa : hoàng tử và tôi cùng xấp xỉ tuổi nhau.

Khi tôi đã trưởng thành và được vua cha cho phép tự do xử sự. Hàng năm, tôi thường sang bên bác tôi, lưu lại triều đình của Người một vài tháng, rồi lại trở về sống bên cha tôi. Những cuộc viếng thăm ấy tạo cơ hội cho hoàng tử anh tôi và tôi gắn bó với nhau bằng một tình bạn thắm thiết đặc biệt. Lần cuối cùng gặp tôi, hoàng tử tiếp tôi với những biểu hiện thân ái nhất chưa từng có ; và một hôm để chiêu đãi tôi, anh chuẩn bị cẩn thận khác thường. Chúng tôi ăn uống rất lâu, và khi đã mãn tiệc, anh bảo tôi : « Chú ạ, chú sẽ không bao giờ đoán ra được từ chuyến chú sang đây lần trước cho đến nay tôi bận việc gì. Đã một năm nay, từ khi chú ra về, tôi cho một số lớn thợ thực hiện một ý đồ mà tôi hằng suy nghĩ. Tôi đã cho xây xong một lâu đài, giờ có thể ở được ; thăm nơi đó chú sẽ thấy thích cho mà xem, song chú phải thề trước với tôi là sẽ giữ bí mật và phải trung thành : đó là hai điều tôi đòi hỏi ở chú ».

Tình bạn và tình họ hàng giữa chúng tôi xưa nay không cho phép tôi từ chối anh tôi điều gì, vì vậy không

chối do dự tôi thề đúng như anh mong muốn. Thế là anh bảo tôi : « Chú chờ đây một lát, tôi trở lại ngay ». Quả nhiên, anh không chậm trễ, chỉ một lát sau tôi đã thấy anh trở lại cùng một phụ nữ hết sức xinh đẹp và ăn mặc lộng lẫy. Anh tôi không cho tôi biết người phụ nữ ấy là ai, và tôi cũng nghĩ mình không có nhiệm vụ hỏi han về điểm đó.

Chúng tôi cùng người phụ nữ lại ngồi vào bàn tiệc, trò chuyện không đâu vào đâu và uống từng cốc rượu đầy chúc mừng sức khỏe của nhau. Sau đó, hoàng tử nói với tôi : «Chú ạ, chúng ta không nên để mất thời giờ ; chú hãy vui lòng giúp tôi đưa phu nhân đây đi về phía nọ, đến một nơi chú trông thấy một ngôi mộ có vòm cao mới xây. Chú sẽ dễ nhận ra thôi ; cửa mộ đã mở sẵn, hai người hãy vào trong đó chờ tôi. Tôi sẽ đến ngay.»

Trung thành với lời thề, tôi không muốn biết thêm ; tôi đưa tay cho người phụ nữ và theo những lời chỉ dẫn của hoàng tử anh tôi, tôi đưa nàng đi trời chảy dưới ánh trăng, không lạc đường. Vừa đến ngôi mộ, chúng tôi đã trông thấy hoàng tử xuất hiện ngay phía sau, anh mang theo một bình con đầy nước, một cái cuốc và một túi nhỏ đựng vôi.

Anh dùng cuốc phá cái quách rỗng ở chính giữa ngôi mộ, dỡ ra từng phiến đá một và xếp vào một góc. Dỡ hết đá, anh đào đất và tôi thấy hiện ra một cánh cửa nắp. Anh nâng cánh cửa lên, tôi thoáng nhìn thấy dưới đó phần trên của một cầu thang xây bằng gạch. Lúc đó anh họ tôi quay sang nói với người phụ nữ : «Thưa phu nhân, đó là lối dẫn tới nơi tôi đã nói với phu nhân». Nghe câu nói đó, người phụ nữ tiến đến và bước xuống cầu thang, hoàng tử chuẩn bị đi theo, nhưng trước khi đi anh quay sang bảo tôi : «Chú ạ,

tôi vô cùng biết ơn chú về việc chú vừa giúp. Xin cám ơn. Vĩnh biệt.»

— Anh thân mến, — tôi kêu lên — thế là thế nào?

— Thôi đủ rồi, — anh đáp — chú có thể theo con đường vừa đến đây mà trở về.

Tôi không thể hỏi thêm hoàng tử anh họ tôi một điều gì khác, và đành phải cáo từ. Trên đường về hoàng cung, tôi cảm thấy hơi rượu bốc lên đầu. Tuy vậy, tôi cũng về được đến buồng riêng và đi nằm. Sáng hôm sau, thức dậy, suy nghĩ về những điều đã xảy ra đêm trước, và nhớ lại mọi chi tiết của một câu chuyện phiêu lưu rất kỳ quặc, tôi ngỡ đấy là một giấc mộng. Nghĩ như vậy, tôi cho người hỏi xem anh họ tôi đã tiếp khách chưa; nhưng người ta cho biết là anh tôi không ngủ ở nhà, không rõ anh tôi đi đâu, mọi người đang rất lo lắng, thế là tôi hiểu sự kỳ lạ về ngôi mộ đúng là sự thật quá hiển nhiên đi rồi. Tôi rất buồn, và tránh không để ai trông thấy, tôi bí mật đến nghĩa địa công cộng, ở đấy có vô vàn ngôi mộ giống như tôi đã thấy. Tôi để suốt ngày xem xét hết cái này đến cái khác, nhưng không thể nào nhận được đúng cái tôi tìm: và bốn ngày ròng rã tôi tìm kiếm vô ích như vậy.

Cần phải nói rằng, trong thời gian ấy, bác tôi đi vắng luôn. Người đi săn từ chiều hôm trước. Chờ đợi lâu sốt ruột quá, tôi nhờ các quan trong triều xin lỗi hộ cho khi nào Người trở về, rồi tôi từ giã cung vua bác để trở về triều đình cha tôi, mà ít khi tôi xa lâu như vậy. Các quan trong triều bác tôi rất lo âu không biết hoàng tử ra sao. Nhưng để khỏi vi phạm lời thề giữ bí mật cho anh, tôi không dám làm cho họ thôi băn khoăn, và không muốn hé với họ một tí gì về những điều tôi biết.

Tôi về đến kinh đô của phụ vương tôi, nhưng trái với lệ thường, vừa đến cổng hoàng cung, tôi trông thấy một đội cảnh vệ lớn xúm đến bao vây tôi ngay khi tôi định bước vào. Tôi hỏi lý do, viên võ quan trả lời : « Thưa hoàng tử, quân đội đã công nhận tể tướng lên trị vì thay phụ vương ngài hiện nay không còn nữa, và theo lệnh tân vương, tôi xin bắt giữ ngài ». Đến đây, bọn cảnh vệ túm lấy tôi và dẫn tôi đến trước mặt tên ác vương. Thưa bà, xin bà hãy hình dung sự ngạc nhiên và nỗi đau khổ của tôi lúc bấy giờ.

Tên tể tướng phiến loạn ấy từ lâu vốn nung nấu một mối thù sâu sắc đối với tôi. Nguyên nhân là thế này. Hồi còn niên thiếu, tôi thích bắn cung : một hôm đứng trên một sân thượng trong cung, tôi tập bắn. Một con chim bay qua trước mặt, tôi nhắm bắn, nhưng mũi tên không trúng chim mà vô tình lại tin vào con mắt tên tể tướng lúc ấy đang đứng hóng mát trên sân thượng, làm hắn hỏng mắt. Khi được biết điều không may ấy, tôi vội cho người đến xin lỗi hắn và tự tôi cũng chân thành đến chịu lỗi hắn nữa, nhưng hắn căm thù sâu sắc, hễ có dịp là lộ ra. Khi tôi sa vào tay hắn rồi, thì mối thù của hắn bật ra một cách dã man. Thoạt nhìn thấy tôi, hắn xông đến như một thằng điên, và thọc ngón tay vào mắt phải tôi, hắn móc mắt tôi ra. Đấy là căn nguyên vì sao mà tôi trở nên chột mắt.

Nhưng tên tiếm quyền không hạn chế sự độc ác của hắn ở đấy. Hắn sai nhốt tôi vào trong một cái hòm, và ra lệnh cho đao phủ cứ như vậy mang tôi đi thật xa ngoài hoàng cung, chặt đầu rồi vứt xác cho diều tha quạ mổ. Tên đao phủ cùng đi với một người nữa cưỡi ngựa mang theo cái hòm, họ dừng lại giữa một cánh đồng để thi hành mệnh lệnh của tên vua tàn bạo. Nhưng tôi van xin và kêu khóc dữ quá, làm gã động lòng.

« Hãy đi đi, — gã bảo tôi — đi nhanh ra khỏi nước này và chớ chừng có bao giờ trở lại; nếu trở lại không những anh sẽ bị giết chết mà lại còn gây vạ cho tôi ». Tôi cảm tạ anh ta về cái ơn to ấy, và khi chỉ còn lại một mình, tôi tự an ủi là tuy có bị mất một mắt thật đấy, nhưng lại tránh được một tai họa lớn lao hơn.

Trong tình cảnh của tôi lúc ấy, tôi không thể đi được nhiều đường đất. Ban ngày tôi ẩn nấp vào những nơi vắng vẻ, ban đêm mới ra đi cho đến chừng nào còn hơi sức. Cuối cùng tôi đến được nước của bác tôi.

Tôi kể chi tiết cho bác tôi nghe nguyên nhân bi thảm khiến tôi quay trở lại và tình cảnh đáng buồn của tôi lúc ấy. « Than ôi! — bác tôi kêu lên — mất một đứa con trai còn chưa đủ sao! sao ta lại phải nghe tin một người em thân yêu qua đời và phải trông thấy cháu trong tình trạng thảm thương thế này! » Người tỏ ra rất lo âu vì không nhận được tin tức gì về hoàng tử, mặc dù người cha đau khổ ấy nói chuyện với tôi mà nước mắt như mưa, và sự đau buồn của Người khiến tôi không chịu nổi. Dù có thề thốt với hoàng tử anh họ tôi như thế nào, tôi vẫn thấy không thể còn giữ im lặng được nữa. Tôi kể cho bác tôi tất cả những điều tôi được biết.

Nghe tôi nói, nhà vua như cũng được an ủi ít nhiều, và khi tôi nói xong, Người bảo: « Cháu ạ, chuyện cháu kể đưa lại cho bác ít nhiều hy vọng. Bác có biết là anh cháu có cho xây cái lăng ấy, và bác cũng biết đại khái nó ở vào chỗ nào. Cộng với những điều cháu còn nhớ, bác tin rằng chúng ta sẽ tìm ra được. Nhưng bởi vì anh cháu bí mật làm việc đó và yêu cầu cháu giữ kín, cho nên ý kiến bác là chỉ có hai chúng ta đi tìm chỗ đó thôi, để tránh chuyện vỡ lở ồn ào ». Còn một lý do nữa mà Người không nói ra, là không muốn cho thiên hạ biết

chuyện. Đây là một lý do rất quan trọng, như phần tiếp sau của chuyện tôi kể đây sẽ cho bà thấy rõ.

Hai bác cháu tôi đều cải trang, và ra khỏi hoàng cung bằng một cửa phía sau vườn thông ra cánh đồng. Chúng tôi may mắn tìm được ngay nơi cần tìm. Tôi nhận ra cái lăng, và càng lấy làm sung sướng hơn bởi vì đã từng tìm kiếm nó mất bao công mà không thấy. Chúng tôi đi vào lăng và tìm ra được cái cửa nắp bằng sắt chẹn lên lối xuống cầu thang. Chúng tôi nâng nó lên rất khó khăn, bởi vì hoàng tử đã dùng vữa và nước mà tôi đã nói đến trát kỹ từ bên trong; nhưng cuối cùng chúng tôi cũng nhấc cánh cửa lên được.

Bác tôi xuống trước, tôi theo Người, và chúng tôi bước xuống chừng năm mươi bậc. Xuống hết cầu thang, chúng tôi vào một thứ phòng đợi dày đặc khói và hôi hám, làm cho ánh sáng tỏa ra từ một chụm đèn treo rất đẹp bị lu mờ hẳn đi.

Từ phòng đợi ấy chúng tôi sang một căn phòng khá rộng, có những cột lớn và được nhiều chụm đèn treo khác chiếu sáng. Chính giữa phòng là một cái thùng chứa trong đó có nhiều thức ăn dự trữ xếp vào một góc. Chúng tôi ngạc nhiên không thấy bóng người. Trước mặt có một cái bục khá cao, phải trèo mấy bậc mới lên tới, và trên đó hình như có đặt một cái giường khá rộng buông rèm kín mít. Nhà vua bước lên, mở màn và trông thấy hoàng tử và người phụ nữ ngủ với nhau, nhưng thân thể đã bị đốt cháy thành than, như thể có ai ném họ vào một lò lửa lớn rồi lôi ra kịp trước khi bị thiêu hủy.

Điều làm cho tôi ngạc nhiên hơn hết là trước cảnh tượng kinh tởm ấy, bác tôi đã không tỏ ra buồn đau khi trông thấy con trai trong tình trạng thảm thương, mà lại nhổ nước bọt vào mặt anh ta, và nói vẻ bất

bình : « Sự trừng phạt trên thế gian này là như thế đó ; nhưng sự trừng phạt ở thế giới bên kia còn sẽ kéo dài vĩnh viễn ». Chưa vừa lòng với câu nói ấy, nhà vua còn rút dép cầm tay đập mạnh vào má con trai.

Thưa bà, tôi không thể nào diễn tả nổi sự kinh ngạc của tôi khi thấy bác tôi ngược đãi hoàng tử như vậy sau khi đã chết rồi.

« Tâu bệ hạ, — tôi nói — cho dù cảnh tang tóc này có gây nên đau đớn đến đâu, cháu cũng cố nén để xin bệ hạ cho biết anh cháu đã phạm tội gì đến nỗi bệ hạ đối xử như vậy đối với thi hài anh. »

— Cháu ơi, bác có thể nói với cháu con trai bác không xứng đáng được mang tên gọi đó, nó yêu em gái nó từ thuở thơ ngây và được em gái nó cũng yêu trở lại. Bác đã không phản đối mối tình thân mật khi nó vừa nảy nở bởi vì bác không ngờ hết điều xấu có thể xảy ra ; ai mà có thể dự kiến được điều đó ? Mối tình ấy tăng lên cùng với tuổi và đạt tới một điểm mà bác lo sợ có thể xảy ra hậu quả không hay. Bác tìm cách ngăn ngừa trong phạm vi quyền lực của bác, bác không chỉ bằng lòng gọi riêng anh con ra và rầy la gay gắt, vạch cho nó thấy nỗi kinh tởm mà mối tình nó đang đắm đuối và vết nhục muôn đời mà nó bắt gia đình ta phải chịu nếu nó cứ ngoan cố lao theo những tình cảm tội lỗi ; bác lại nói những điều đó với con gái bác, và bắt nó phải cấm cung để không thể liên hệ được với anh trai nó. Nhưng con khốn nạn đã ăn phải bả độc rồi, cho nên tất cả những trở lực mà bác thận trọng tạo ra để ngăn mối tình của chúng chỉ càng kích thích thêm chúng mà thôi.

Con trai bác tin chắc là em gái nó đối với nó cũng vẫn như xưa, viện cớ xây lăng cho mình, đã cho sửa soạn một chỗ ở dưới đất, với niềm hy vọng là một

ngày kia sẽ có dịp bắt cóc người yêu tội lỗi của mình và đưa đến đấy. Nó đã chọn thời gian bác đi vắng để dùng vũ lực xông vào nơi cấm cung em gái nó, và đấy là một chuyện mà danh dự của bác không cho phép bác công bố. Sau một hành động đáng chê trách như vậy, hai đứa đã cùng nhau đến ẩn ở chốn này, mà như cháu đã thấy, nó đã chuẩn bị nhiều thức ăn, để cùng nhau hưởng thụ mối tình đáng khinh bỉ làm tất cả mọi người ghê tởm. Nhưng Thượng đế không muốn để cho sự bỉ ổi ấy xảy ra. Thượng đế đã trừng phạt đúng đắn cả hai». Kể đến đây, nhà vua bật khóc như mưa, và tôi cùng khóc với người.

Lát sau người ngước mắt nhìn tôi : «Nhưng, cháu thân yêu ơi, — bác tôi vừa nói vừa ôm hôn tôi — nếu bác có mất đi một đứa con trai không xứng đáng, thì bác sung sướng tìm được ở cháu một người tốt hơn để thay thế cương vị nó». Những điều suy nghĩ của bác tôi về cái chết buồn thảm của hoàng tử và công chúa làm cho chúng tôi một lần nữa đầm đìa nước mắt.

Chúng tôi leo lên cái cầu thang cũ và cuối cùng ra khỏi chốn chết chóc ấy. Chúng tôi hạ cánh cửa nắp bằng sắt xuống, lấy đất và những vật liệu dùng để xây dựng ngôi mộ, lấp kín lại như cũ, để cố gắng che giấu hậu quả khủng khiếp mà cơn thịnh nộ của Thượng đế đưa lại.

Chúng tôi trở về cung mà không ai hay biết là chúng tôi vừa vắng mặt, chưa được bao lâu thì bỗng nghe ồn ào tiếng kèn đồng, thanh la, trống trận và những khí cụ chiến chinh khác. Một đám bụi dày đặc tỏa mù không trung, làm cho chúng tôi hiểu ngay ra được đó là tiếng gì, nó báo hiệu một đạo quân ghê gớm đang tiến đến : Chính là viên tể tướng đã phế truất cha tôi và chiếm đoạt quốc gia của Người, đang dẫn

muôn vàn binh mã tiến đến đây hòng chiếm đoạt cả quốc gia của bác tôi nữa.

Nhà vua lúc bấy giờ chỉ có đội cận vệ bình thường, không thể kháng cự bấy nhiêu kẻ thù. Chúng nó vây thành, và chúng chẳng khó khăn gì mà không làm chủ thành phố bởi vì các cổng thành đều để ngỏ không kháng cự. Chúng cũng chẳng tốn công sức bao nhiêu khi tiến vào hoàng cung, bác tôi chống cự nhưng bị giết chết sau khi đã gây cho địch nhiều thiệt hại. Về phần tôi, tôi cũng chiến đấu một thời gian, nhưng nhận thấy cần phải lùi bước trước sức mạnh, tôi đành nghĩ tới chuyện bỏ chạy. Tôi may mắn thoát được nhờ chạy vào những lối ngoặt, và đến được nhà một võ quan mà tôi hiểu rõ lòng trung thành.

Bị đau khổ dày vò và số mệnh đầy đọa, tôi đành phải nhờ tới một cái mẹo, nó là phương sách cuối cùng giúp cho tôi bảo toàn tính mạng. Tôi cho cạo râu và lông mày, rồi sau khi mặc áo quần khất sĩ, tôi thoát ra khỏi thành phố mà không bị ai nhận diện. Sau đó tôi rời vương quốc của bác tôi một cách dễ dàng qua những nẻo đường hẻo lánh. Tôi tránh không vào các thành phố, cho đến khi tới được bờ cõi của Đấng thống lĩnh hùng mạnh mọi tín đồ, hoàng đế Harun An-Rasit quang vinh và nổi tiếng, thì tôi mới hết sợ. Tôi tự hỏi nên làm gì bây giờ, và đi tới quyết định là sẽ đến Bátđa phủ phục dưới chân vị đế vương vĩ đại ấy, mà đâu đâu người ta cũng đều ca ngợi lòng khoan dung độ lượng. Tôi tự nhủ : « Người sẽ cảm động khi ta kể lại câu chuyện kỳ lạ của ta ; có lẽ Người sẽ thương hại một hoàng tử tội nghiệp và ta sẽ không đến nỗi uổng công cầu khẩn Người giúp đỡ. »

Sau một chuyến đi kéo dài nhiều tháng, hôm nay tôi đến trước cổng thành phố này. Tôi vào thành vào

lúc xế chiều, đang dừng chân chốc lát cho tỉnh trí và để suy nghĩ xem nên đi về hướng nào, thì chàng khất sĩ bên cạnh tôi đây cũng vừa đến như một khách du. Anh chào tôi, tôi đáp lễ. « Trông bề ngoài đạo huynh — tôi nói — thì hình như bác cũng là khách lạ như tôi ». Anh ta đáp là tôi không nhầm. Trong lúc anh ta đang nói thì chàng khất sĩ thứ ba mà các vị thấy kia chợt đến. Anh ta chào chúng tôi và cho biết anh cũng là người nước ngoài vừa mới đến Bátđa. Vì cùng một dòng tu, chúng tôi kết bạn và quyết định sẽ không xa rời nhau.

Lúc ấy đêm đã muộn rồi, chúng tôi không biết trọ ở đâu trong một thành phố chưa quen thuộc và cũng chưa ai từng đặt chân đến bao giờ. Nhưng số phận may mắn đưa chúng tôi đến trước cửa nhà quý bà, chúng tôi đánh bạo gõ cửa và được tiếp đón với biết bao nhân từ và độ lượng mà chúng tôi không biết nói thế nào để cảm ơn. Thưa bà, — chàng nói tiếp — đấy là câu chuyện mà bà truyền cho tôi thuật lại: vì sao tôi bị chột mắt bên phải, do đâu râu và lông mày tôi đều cạo nhẵn, tại sao lúc này tôi ở tại nhà bà.

— Được, — Zôbêit nói — chúng ta hài lòng, giờ anh muốn đi đâu thì đi, tùy ý.

Chàng khất sĩ xin lỗi và xin phép ở lại để được nghe chuyện về hai bạn đồng đạo mà chàng nói là không thể nào bỏ đi một mình, và chuyện về ba vị khác trong buổi họp mặt hôm nay.

Mọi người, đặc biệt là hoàng đế, đều cho chuyện của chàng khất sĩ thứ nhất rất kỳ lạ. Sự có mặt của những tên nô lệ đang cầm gươm cũng không ngăn được nhà vua rỉ tai tể tướng: « Từ khi có trí khôn, ta đã nghe rất nhiều chuyện; song chưa bao giờ nghe được một chuyện nào có thể sánh với chuyện chàng

khất sĩ kia ». Trong khi nhà vua nói như vậy thì chàng khất sĩ thứ hai cất lời, nói với Zôbêit :

CHUYỆN CHÀNG KHẤT SĨ THỨ HAI, CON VUA

Thưa bà, tuân lệnh bà, để có thể trình bày cho bà rõ do những biến cố kỳ lạ nào mà tôi bị chột mắt bên phải, tôi xin thuật lại chuyện về cả cuộc đời tôi.

Tôi vừa hết tuổi ấu thơ thì vua cha tôi, — vì, như bà sẽ rõ, tôi sinh ra vốn là hoàng tử — nhận thấy tôi rất thông minh cho nên không hề tiếc sức bồi dưỡng trí tuệ của tôi. Cha tôi cho triệu từ khắp nơi trong nước, đến ở cùng tôi tất cả những ai thông thạo nhất về khoa học, văn học và nghệ thuật, tôi, chưa thật đọc thông viết thạo, đã thuộc lòng toàn bộ Kinh Côran, cuốn sách tuyệt diệu chứa đựng cơ sở các giáo huấn và mọi quy tắc của tôn giáo ta. Và để am tường kinh thánh đến nơi đến chốn, tôi đọc các thư tịch của những người được hoan nghênh nhất đã làm sáng tỏ thêm thánh kinh bằng những bài nghiên cứu của mình. Ngoài thư tịch, tôi còn học hỏi những lời truyền miệng mà những con người vĩ đại cùng thời với các đấng tiên tri của chúng ta nghe được và lưu truyền. Tôi còn đặc biệt nghiên cứu môn lịch sử, đi sâu vào văn học, đọc thơ và làm thơ. Tôi say mê môn địa lý, khoa sử biên niên, cách vận dụng nhuần nhị ngôn ngữ, đồng thời không vì vậy mà lơ là các môn luyện tập cần thiết cho một hoàng tử. Nhưng, một môn tôi rất yêu thích và thành công hơn cả là môn chữ Á-rập chúng ta. Tôi tiến bộ

nhanh đến nỗi vượt cả các nhà văn bậc thầy có tên tuổi nhất ở vương quốc chúng tôi lúc bấy giờ.

Sự nổi tiếng đưa lại cho tôi quá nhiều vinh dự hơn phần tôi đáng được hưởng. Không những tiếng đồn đại về tài năng của tôi lan truyền trong các miền thuộc đất nước của vua cha tôi mà còn lan sang tận bên triều đình nước Ấn-độ : nhà vua hùng mạnh của nước này hiếu kỳ muốn được gặp tôi, liền sai sứ thần mang theo nhiều tặng phẩm đến nói với cha tôi. Cha tôi rất lấy làm hài lòng về phái bộ ấy bởi nhiều lẽ : Người tin rằng không có gì thích hợp hơn cho một hoàng tử vào tuổi tôi được đi đến những triều đình nước ngoài. Hơn nữa, Người rất mong muốn gây dựng tình hữu nghị với hoàng đế Ấn-độ. Vì vậy, tôi lên đường cùng sứ thần nhưng với ít tùy tùng thôi, bởi vì đường sá xa xôi diệu vợi và đầy trở ngại khó khăn.

Chúng tôi đi được một tháng thì một hôm bỗng trông thấy đằng xa bụi cát cuộn lên tựa một đám mây lớn ; dưới đám mây ấy chẳng bao lâu xuất hiện năm chục kỵ sĩ giáo gươm đầy đủ. Đấy là những tên cướp đang phi nước đại về phía chúng tôi.

Chúng tôi chỉ có mười con ngựa chở hành lý và những quà tặng của cha tôi mà tôi sẽ dâng lên hoàng đế nước Ấn-độ ; đoàn chúng tôi lại ít người, vì vậy bọn cướp không ngần ngại gì mà không xông đến. Không đủ sức đối phó, chúng tôi đành nói cho bọn cướp rõ rằng chúng tôi là sứ thần của hoàng đế Ấn-độ, hi vọng bọn chúng vì kính nể Người mà không dám dở trò gì. Chúng tôi nghĩ làm như vậy may ra có thể cứu được đoàn và tính mạng chúng tôi ; nhưng bọn cướp trả lời hỗn xược : « Sao các người lại muốn cho bọn ta kính sợ hoàng đế chúa tể của các người ? Bọn ta không phải

là thần dân của lão, thậm chí cũng không ở trên đất đai của lão ». Dứt lời, chúng vây chặt và tiến đánh chúng tôi. Tôi cố gắng kháng cự thật lâu ; nhưng nhận ra mình đã bị thương và nhìn thấy sứ thần, các gia nhân của ông cũng như đoàn tùy tùng của tôi đều đã bị giết hại, tôi liền lợi dụng sức tàn của con ngựa cũng đã bị thương nặng để chạy trốn. Tôi thúc ngựa chạy bừa chừng nào nó còn mang nổi tôi, nhưng đột nhiên nó khuỵu xuống và lăn ra chết thẳng cẳng vì quá mệt và mất quá nhiều máu. Tôi mau chóng bỏ ngựa, và nhìn lại thấy không có ai đuổi theo, tôi nghĩ rằng bọn cướp không muốn rời xa những của cải chúng vừa cướp được.

Thế là, thưa bà, bỗng chốc tôi trở thành đơn độc bị thương, không được ai cứu giúp, ở một xứ hoàn toàn xa lạ. Tôi không dám đi đường cái, sợ lại rơi vào tay bọn cướp. Sau khi băng bó vết thương cũng không lấy gì làm nguy hiểm, tôi đi bộ suốt ngày hôm ấy và đến chân một quả núi. Nhìn thấy ở lưng chừng núi có một cửa hang, tôi vào đấy và ngủ đêm khá bình yên, sau khi ăn mấy trái cây hái dọc đường.

Hôm sau và những ngày tiếp sau nữa, tôi tiếp tục đi nhưng vẫn chưa tìm được chỗ nào để dừng chân. Chừng một tháng, tôi đến được một thành phố lớn rất đông dân, có nhiều con sông chảy qua. Ở đây, mùa xuân thật là bất tận.

Cảnh vật đẹp mắt làm cho tôi vui lên một chút và tạm thời lãng quên nỗi buồn da diết khi thấy thân phận mình ra nông nỗi ấy. Mặt mũi tay chân tôi đều đen xạm vì nắng cháy, và giày dép đã hỏng vì đi bộ lâu, tôi phải đi chân đất ; thêm nữa, quần áo đều rách tươm như xơ mướp.

Tôi vào thành phố để thăm dò xem thử mình đang ở đâu ; tôi hỏi một bác thợ may làm việc ở cửa hiệu.

Thấy tôi còn trẻ và có một vẻ gì đó khác với hình dạng bên ngoài, bác bảo tôi ngồi xuống bên cạnh. Bác hỏi tôi là ai, từ đâu đến và tại sao lại đến đây. Tôi không chút giấu giếm, thuật lại những điều đã xảy ra cho mình, và tôi cũng chẳng do dự gì mà không nói rõ địa vị của tôi.

Bác thợ may chăm chú nghe, nhưng tôi vừa dứt lời, đáng lẽ đưa lại cho tôi niềm an ủi, bác lại làm tăng thêm nỗi buồn lo. Bác nói : « Cậu hãy chú ý chớ có tâm sự với ai điều cậu vừa cho tôi biết, bởi vì nhà vua trị vì xứ này là kẻ thù không đội trời chung với phụ vương cậu đấy; có thể nhà vua sẽ làm hại cậu nếu biết cậu đã đến thành phố này ». Tôi không chút nghi ngờ tấm lòng thành thật của bác thợ may, khi bác nói cho rõ tên nhà vua. Nhưng bởi vì mối hiềm thù giữa cha tôi với nhà vua ở đây không có liên quan gì đến cảnh ngộ của tôi, thưa bà, tốt hơn là tôi sẽ không nói gì về chuyện đó.

Tôi cám ơn bác thợ may về lời khuyên của bác. Tôi nói thêm rằng tôi hoàn toàn làm theo lời bác dặn, và tôi sẽ không bao giờ quên niềm hân hoan được gặp bác. Thấy chắc là tôi đang đói, bác sai dọn cho tôi ăn và còn cho tôi nghỉ lại ở nhà nữa ; tôi nhận lời.

Mấy ngày sau, thấy tôi đã hơi lại sức sau chuyến đi lâu dài và vất vả, và biết là phần đông các ông hoàng theo đạo hồi ta đều có học một môn nghệ thuật hay một nghề nghiệp nào đó, phòng những lúc gặp vận không may thì dùng tới nếu cần, bác hỏi tôi có biết được một nghề nào khả dĩ kiếm sống qua ngày mà không cần nhờ vả ai. Tôi đáp tôi thạo khoa này môn nọ, rằng tôi là nhà ngữ pháp, là nhà thơ. v.v... và nhất là tôi viết chữ rất tốt. « Với tất cả những điều cậu vừa nói đó, — bác đáp — ở xứ này cậu sẽ không kiếm ra nổi

mặc mẫu bánh đầu : không có gì vô tích sự hơn là những hiểu biết đại loại như cậu vừa nói tới. Nếu cậu muốn nghe lời khuyên của tôi, thì cậu hãy mặc một chiếc áo cộc, và trông cậu cũng có vẻ cường tráng và sức khỏe tốt, cậu hãy đi vào khu rừng bên cạnh mà đốn củi, mang về bày ra chợ bán, tôi bảo đảm rằng cậu sẽ thu được một món tiền nhỏ đủ sống mà không cần nhờ cậy ai. Bằng cách ấy, cậu sẽ có điều kiện để chờ trời nhìn lại mà xua tan đám mây vận hạn nó đang phá ngang hạnh phúc cuộc đời, buộc phải che dấu dòng dõi của mình. Tôi đảm nhiệm việc xoay cho cậu một sợi thừng và một cái rìu.»

Vì sợ người ta nhận ra và cũng vì cần phải sống, tôi đành đồng ý làm công việc đó mặc dù nó thấp hèn và vất vả.

Ngay ngày hôm sau, bác thợ may sắm cho tôi một cái rìu và một sợi dây cùng một chiếc áo cộc, và gửi gắm tôi cho những người dân nghèo vẫn kiếm sống bằng nghề đốn củi, yêu cầu họ dẫn tôi theo cùng. Họ đưa tôi vào rừng, và ngay hôm đầu, tôi đã trở về, đầu đội một bó củi lớn, bán lấy được nửa đồng tiền vàng địa phương, vì mặc dù rừng không xa nhưng ở thành phố này củi không phải là không đắt bởi ít ai chịu khó cất công đi đốn củi. Chỉ một thời gian ngắn, tôi kiếm được nhiều tiền, và hoàn lại cho bác thợ may món tiền bác đã ứng trước cho.

Tôi sinh sống bằng cách ấy hơn một năm thì một hôm đi vào rừng sớm hơn thường lệ, tôi đến một nơi khá đẹp mắt và bắt đầu chặt củi. Nhân bứt một cái rễ cây, tôi chợt nhận ra một cái vòng sắt buộc vào một cánh cửa nắp cũng bằng cùng kim loại ấy ; tôi liền gỡ hết đất phủ lên trên và nâng lên ; trông thấy một chiếc cầu thang, tôi vác rìu bước xuống.

Xuống đến chân cầu thang, tôi thấy mình ở trong một cung điện lớn sáng sủa như thể ở trên mặt đất vào nơi trống trải nhất, điều đó làm cho tôi rất khâm phục. Tôi đi dưới một hành lang có những hàng cột bằng đá hoa vân, chân cột và đầu cột làm bằng vàng khối, và tôi trông thấy một người đàn bà đang đi tới dáng điệu cao quý, ung dung và xinh đẹp kỳ lạ đến nỗi tôi không thiết ngắm nghía vật gì nữa ngoài việc dán mắt nhìn nàng mà thôi.

Để tránh cho người đẹp khỏi phải bước lại tận chỗ mình, tôi vội vàng tiến lên để gặp nàng, và trong khi tôi cúi chào rất thấp, nàng hỏi : « Chàng là ai ? Là người trần hay là thần thánh ? ».

— Thưa bà, tôi là người trần, tôi chẳng có quan hệ gì với thần thánh cả.

— Tại làm sao chàng đến được tận nơi đây ? — nàng hỏi tiếp, miệng thở dài não nuột — Tôi ở chốn này đã hai mươi lăm năm, mà suốt thời gian ấy tôi không hề trông thấy một người trần nào trừ có chàng lần này là một.

Sắc đẹp lộng lẫy, sự dịu dàng và vẻ trung hậu trong cách nàng đón tiếp giúp cho tôi đủ can đảm để trả lời : « Thưa bà, trước khi tôi được cái vinh hạnh giải đáp mối băn khoăn của bà, xin cho phép tôi thưa với bà rằng tôi vô cùng vui thú trước sự kỳ ngộ này : đây là một cơ hội giúp tôi khuây khỏa nỗi buồn đau của mình và có lẽ cũng là một cơ hội để làm cho bà được sung sướng hơn trong chuỗi ngày đang sống ». Tôi kể qua cho nàng biết do một tai nạn không may như thế nào mà một hoàng tử như tôi lại đến nỗi lâm vào tình cảnh này, và sự tình cờ ra làm sao lại đun dủi cho tôi khám phá được lối vào cái nhà tù tráng lệ nhưng chắc là buồn chán, để được gặp nàng ».

— Than ôi, thưa hoàng tử, — nàng lại thở dài — chàng nói rất có lý khi nghĩ rằng cái nhà tù sang trọng và xa hoa này đúng là một nơi trú ngụ rất chán chường. Khi người ta buộc phải sống ở một nơi trái với ý muốn của mình thì những chỗ hoa lệ nhất cũng chẳng làm ai thích thú. Chắc chàng chưa từng bao giờ nghe danh vua Epitimarút vĩ đại, chúa đảo Gỗ Mun — sở dĩ có tên gọi ấy là vì hòn đảo này sản sinh rất nhiều loại gỗ quý ấy. Tôi là công chúa con của Người.

Vua cha tôi đã gả tôi cho một hoàng tử có họ với tôi ; nhưng ngay đêm tân hôn, giữa lúc triều đình và cả kinh thành vương quốc đảo Gỗ Mun đang tưng bừng mở hội mừng thì một hung thần đã bắt cóc tôi trước khi tôi được gặp mặt chồng. Lúc ấy tôi ngất đi, hoàn toàn bất tỉnh nhân sự, và khi tỉnh dậy thấy mình đã ở trong lâu đài này. Ban đầu, không có gì có thể an ủi tôi nổi, nhưng rồi thời gian và sự cần thiết bắt buộc tôi cũng phải quen dần và cam chịu sự có mặt của lão hung thần. Như đã nói với chàng, đã hai mươi lăm năm tôi sống ở chốn này, và có thể nói tôi có đầy đủ tất cả những thứ gì cần thiết cho cuộc sống, tất cả những gì đủ làm vừa lòng một công chúa chỉ thích chưng diện và điểm trang.

Cứ mười ngày một lần, — công chúa nói tiếp — lão hung thần đến ở với tôi một đêm ; lão không ở lâu hơn được vì, theo lời lão, lão đã có vợ, và nếu vợ lão biết được lão không chung thủy thì sẽ nổi cơn ghen. Tuy vậy, nếu tôi cần gặp lão, bất kể ngày hay đêm, tôi chỉ cần động đến một lá bùa đặt ở cửa buồng là lão hiện ra ngay tức khắc. Lão vừa đến cách nay đây bốn ngày, như vậy còn sáu ngày nữa tôi mới lại gặp lão. Do đó, chàng có thể ở lại đây năm ngày để làm bạn với tôi, nếu chàng vui lòng, tôi sẽ hậu đãi chàng xứng đáng với phẩm giá và địa vị của chàng.

Tôi tự cho mình quá hạnh phúc, chưa cầu xin đã được toại nguyện, thì còn có lẽ nào lại đi từ chối một lời mời mọc ân cần như vậy. Công chúa đưa tôi vào một buồng tắm cực kỳ sạch sẽ, đầy đủ tiện nghi và vô cùng sang trọng; và khi tôi tắm xong thì ở chỗ để quần áo của mình đã thấy có sẵn một bộ khác rất đắt tiền. Tôi mặc không phải vì nó quý báu mà chính là để cho xứng đáng hơn với nàng.

Chúng tôi cùng ngồi xuống một cái sập trải một tấm thảm sang trọng và có để sẵn những chiếc gối tựa bọc gấm hoa Ấn-độ loại đẹp nhất ; và một lát sau, nàng dọn lên bàn nhiều món ăn rất ngon. Chúng tôi cùng ăn, và suốt ngày hôm ấy sống với nhau rất thú vị : đêm đến tôi chung chăn gối cùng nàng.

Ngày hôm sau, vì muốn tìm mọi cách làm cho tôi vui, trong bữa ăn nàng mang ra một chai rượu lâu năm loại ngon chưa từng có. Chiều tối, nàng cũng uống cùng mấy chén. Và khi hơi men rượu quý đã bốc lên đầu, tôi bảo nàng : « Công chúa xinh đẹp ơi, nàng bị chôn sống ở đây quá lâu rồi. Nàng hãy đi theo tôi, lên hưởng ánh sáng mặt trời thật mà nàng đã bị cấm đoán từ bao năm nay. Hãy bỏ lại đây cái ánh sáng giả dối của chốn này. »

— Thưa hoàng tử, — nàng mỉm cười đáp — xin chàng đừng nói thế. Em chẳng thiết gì cái ánh sáng ban ngày đẹp đẽ nhất trần gian, miễn là cứ mười ngày chàng sống với em chín và nhường ngày thứ mười cho lão hung thần.

— Thưa công chúa, tôi thấy nàng nói ra như vậy là vì nàng sợ lão hung thần. Còn tôi, tôi chẳng sợ gì lão ấy, tôi có thể đập nát vụn ngay cái bùa yêu mang những dòng chữ lằng ngoằng của lão. Lão cứ đến đây, tôi chờ lão. Lão có dũng mãnh, có ghê gớm bao nhiêu tôi cũng

quyết cho lão biết sức mạnh của cánh tay này. Tôi thề tiêu diệt tất cả bọn hung thần ở trên đời, bắt đầu từ lão.

Công chúa biết rõ hậu quả của việc đó cho nên van tôi chớ có động đến cái bùa. Nàng nói : « Chàng làm như vậy sẽ mang lại cái chết cho cả đôi ta. Em biết rõ bọn hung thần hơn chàng nhiều ». Hơi men ngăn không cho tôi nhận ra được lời khuyên có lý của công chúa : tôi co chân đạp mạnh cái bùa, đập nó vỡ tan thành nhiều mảnh.

Cái bùa vừa bị đập vỡ, lập tức cả tòa lâu đài rung chuyển, tưởng chừng sắp đổ tới nơi, phát ra những tiếng ầm ầm khủng khiếp tựa sấm rền kèm theo nhiều tia chớp dồn dập và bóng tối mịt mù. Tiếng ầm ầm kinh khủng đó làm tan ngay hơi men và cho tôi thấy rõ cái sai vừa mắc phải nhưng quá chậm mất rồi. Tôi kêu lên : « Thế là thế nào, thưa công chúa ? ». Nàng hốt hoảng trả lời tôi, không nghĩ tới tai họa xảy đến cho bản thân nàng : « Hỡi ôi ! chàng sẽ chết mất thôi nếu chàng không chạy trốn ngay đi. »

Tôi làm theo lời khuyên của nàng, và khiếp đảm quá đến nỗi bỏ quên lại mất chiếc rìu và đôi dép. Tôi vừa ra được đến cầu thang mà tôi xuống hôm trước, thì tòa lâu đài yêu quái mở ra để lão hung thần vào. Lão giận dữ hỏi công chúa : « Cô làm sao thế và tại sao phải gọi đến ta ? »

Công chúa đáp : « Một cơn đau tim buộc em phải đi tìm chai rượu mà ngài trông thấy đấy : em đã uống vài ba chén ; chẳng may một bước hụt chân khiến em ngã vào chiếc bùa làm nó vỡ. Chẳng có chuyện gì khác đâu. »

Nghe câu trả lời ấy, lão thần giận dữ bảo nàng :

« Cô là một con vô liêm sỉ, một đứa nói dối : thế chiếc rìu và đôi dép kia tại sao lại ở đây ? »

— Bây giờ em mới trông thấy những thứ ấy là lần đầu. Có lẽ ngài đến đây mãnh liệt quá cho nên đã cuốn hút theo vào mà ngài không để ý chăng.

Lão thần chỉ đáp lại bằng những lời chửi rủa và những cái đấm cái đá mà tôi nghe được tiếng. Tôi không đủ cứng cỏi để nghe những tiếng kêu khóc thảm thương của nàng công chúa bị ngược đãi một cách rất hung bạo. Tuy tôi đã trút được bộ quần áo của mình mà hôm trước, sau khi tắm xong, tôi mang ra để ở cầu thang, tuy tôi đã lên khỏi cái chốn ấy, tôi vô cùng đau đớn thấy chính mình là kẻ vừa gây nên tai họa lớn cho nàng công chúa xinh đẹp nhất thế gian sống bên tên hung thần dã man đang cơn giận dữ : tôi đã tự biến thành một kẻ sát nhân, một đứa bội bạc nhất loài người.

Tôi tự bảo, đúng là nàng bị cầm tù hai mươi lăm năm nay, nhưng trừ việc thiếu tự do ra, nàng có cần gì hơn nữa để mà sung sướng đâu ! Sự nóng nảy của tôi kết liễu hạnh phúc của nàng, và phó mặc nàng cho sự hung ác của một con quỷ không biết xót thương là gì. Tôi hạ cánh cửa nắp xuống, phủ kín đất, và trở về thành phố với một bó củi đội trên đầu mà tôi cũng chẳng biết làm sao mà kiếm ra được nữa, vì mỏi mệt, buồn bã, hoang mang.

Bác thợ may chủ nhà tôi trọ rất vui mừng thấy tôi trở về. Bác nói : « Cậu vắng mặt quá lâu làm cho tôi rất lo âu vì cái điều bí mật về dòng dõi mà cậu đã từng tâm sự với tôi ấy. Tôi chẳng biết nên nghĩ thế nào, chỉ lo có người nào nhận ra được cậu chăng. Thật là tạ ơn Thượng đế, cậu đã trở về ! ». Tôi cảm ơn sự quan tâm và tình thân ái của bác, nhưng tôi không cho bác biết một tí gì về điều đã xảy ra cho tôi, cũng như không nói

[illegible] vì sao tôi trở về không có rìu và dép. Tôi lủi về buồng riêng và một nghìn lần tự trách đã dại dột quá chừng. Tôi tự nhủ : «Thật không có gì sánh được hạnh phúc của công chúa và của ta nếu lúc ấy ta biết tự kiềm chế và không đập vỡ cái bùa yêu».

Trong khi tôi đang thả mình theo những ý nghĩ buồn nản ấy, bác thợ may bước vào và bảo : « Có một cụ già tôi không quen vừa mới đến, mang theo cái rìu và đôi dép của cậu, cụ bảo rằng bắt được giữa đường. Các bạn tiều phu của cậu chỉ cho cụ biết là cậu ở đây. Cậu ra mà gặp, ông lão muốn giao cho cậu tận tay. »

Nghe nói, tôi biến sắc, toàn thân run lẩy bẩy. Bác thợ may vừa hỏi vì sao thì đá lát buồng đã mở ra. Cụ già không đủ kiên nhẫn chờ đợi, hiện ra trước mặt chúng tôi với chiếc rìu và đôi dép. Đấy chính là lão hung thần đã bắt cóc nàng công chúa xinh đẹp đảo Gỗ Mun, lão ta biến hóa thành cụ già, sau khi đối xử với nàng một cách cực kỳ dã man. Lão nói : « Ta là thần, cháu ngoại Ebolít, chúa tể các thần linh. Có phải đây là chiếc rìu của mày ? Có phải kia là đôi dép của mày ? »

Lão hung thần hỏi mà chẳng thèm đợi tôi trả lời. Vả chăng, tôi cũng chẳng trả lời nổi vì bộ mặt khủng khiếp của lão đã làm tôi thất đởm. Lão chụp lấy ngang thắt lưng tôi, cắp tôi ra khỏi buồng, rồi lão vút lên không trung, mang tôi lên tới trời xanh, mạnh và nhanh đến nỗi tôi chỉ biết là mình lên cao khi nhận ra con đường mà lão đưa tôi đi chỉ trong khoảnh khắc. Rồi lão lao xuống mặt đất cũng mạnh và nhanh như lúc bay lên : lão giậm chân xuống mặt đất, đất nứt ra cho lão lao sâu vào, thế là tôi thấy mình đã ở trong tòa lâu đài yêu quái, trước mặt nàng công chúa xinh đẹp của đảo Gỗ Mun. Nhưng than ôi ! cảnh tượng mới đau lòng làm sao ! điều tôi trông thấy như một mũi dùi xuyên suốt

quả tim tôi. Nàng công chúa ấy, thân thể trần truồng và đẫm máu, nằm sóng soài trên mặt đất, chết hơn là sống, đôi mắt đầm đìa nước mắt.

— Đồ dối trá ! lão chỉ tôi mà bảo nàng — có phải là tình nhân của mày đây không ?

Nàng ngước đôi mắt sầu thảm nhìn tôi và trả lời buồn bã : « Tôi không biết anh này, đây là lần đầu, còn chưa bao giờ tôi trông thấy anh ta ».

— Thế nào ? — lão hung thần lại nói — nó là nguyên nhân khiến cho mày làm vào tình cảnh như thế kia, vậy mà mày còn dám nói rằng mày không biết nó ?

— Nếu thật tôi không quen biết anh ta, tại sao ngài lại muốn tôi nói dối để đưa anh ta đến chỗ chết ?

Lão hung thần rút một thanh gươm đưa cho công chúa và nói :

— Thế thì, nếu mày chưa hề trông thấy nó bao giờ, mày hãy cầm lấy thanh gươm này và cắt đầu nó cho ta.

— Than ôi ! — công chúa đáp — Làm sao tôi có thể làm điều ngài vừa đòi hỏi ? Tôi kiệt lực đến không nhấc nổi cánh tay, và cho dù có nhấc nổi, làm sao tôi lại có đủ can đảm giết hại một người chưa từng quen biết, một kẻ vô tội ?

Lão hung thần liền bảo :

— Sự từ chối ấy làm cho tao biết rõ tất cả tội ác của mày.

Rồi quay sang tôi, lão hỏi tiếp :

— Còn mày, mày biết nó chứ ?

Tôi sẽ là con người bội bạc và đều cáng nhất thế gian, nếu tôi không giữ trọn được thủy chung đối với nàng như nàng đã giữ trọn đối với tôi, kẻ đã gây nên tai họa cho nàng. Bởi vậy tôi trả lời lão hung thần : « Làm sao tôi có thể biết được, bây giờ tôi mới trông thấy bà ta là lần đầu ! »

— Nếu quả như vậy, thì mày hãy cầm lấy thanh gươm này và chặt đầu nó. Bằng cái giá ấy, tao mới cho mày được tự do, và tao mới tin rằng cho đến lúc này mày chưa bao giờ trông thấy nó, như lời mày vừa nói ra.

— Rất vui lòng, — tôi đáp.

Tôi đỡ lấy thanh gươm từ tay lão...

Thưa bà, xin bà chớ vội nghĩ rằng tôi đến gần công chúa đảo Gỗ Mun là để làm theo ý muốn dã man của lão hung thần ; tôi làm như vậy chỉ để, bằng cử chỉ của mình và trong phạm vi có thể, tỏ cho nàng hiểu rằng nếu nàng đã dám kiên quyết hy sinh tính mạng vì tình yêu đối với tôi, thì tôi cũng không khước từ sự xả thân vì tình yêu đối với nàng. Công chúa hiểu ý định của tôi. Mặc dù đang đau đớn và buồn bã, qua một cái nhìn đầy ý nghĩa, nàng tỏ cho tôi hiểu rằng nàng vui lòng chết và lấy làm hài lòng thấy tôi cũng sẵn sàng vì nàng mà hy sinh.

Thế là tôi lùi lại, ném thanh gươm xuống đất và bảo lão hung thần : « Tôi đời đời sẽ đáng chê trách trước con mắt của thế gian nếu tôi hèn nhát đi sát hại một con người không những là chưa từng quen biết mà còn là một người đàn bà ở trong tình trạng sắp sửa lìa đời như tôi đang thấy kia. Ngài muốn làm gì tôi thì làm bởi vì tôi đã thuộc quyền sinh sát của ngài, nhưng tôi không thể nào tuân theo mệnh lệnh dã man của ngài ».

— Ta thấy rõ — lão thần nói — cả hai chúng mày thách thức ta, chúng mày nhục mạ sự ghen tuông của ta. Nhưng hãy xem cách ta xử sự đây, cả hai chúng mày sẽ hiểu rõ ta có thể làm được những gì.

Nói đến đây, con quái vật cầm thanh gươm chặt đứt một bàn tay của công chúa, nàng chỉ còn đủ thời giờ đưa bàn tay kia ra hiệu để nói với tôi lời vĩnh biệt muôn đời, bởi vì nàng đã mất quá nhiều máu và lần này lại mất thêm nữa, nàng không thể sống thêm được một vài khoảnh khắc sau hành động cực kỳ hung bạo ấy mà cảnh tượng làm cho tôi ngất đi.

Tỉnh dậy, tôi bảo lão hung thần, sao lão cứ đọa đày, không cho tôi chết ngay đi : « Ngài hãy đánh đi, tôi sẵn sàng chờ đợi ngài làm việc đó như một điều làm phúc lớn cho tôi ». Nhưng lão nói : « Các bậc thần linh đối xử với những con đàn bà mà họ nghi ngờ như thế đấy ! Nó đã tiếp mày ở đây. Nếu ta biết chắc chắn quả nó đã gây cho ta một điều nhục mạ lớn hơn nữa thì ta đã giết chết mày ngay lúc này rồi. Nhưng ta bằng lòng hóa kiếp mày thành chó, thành lừa, thành sư tử hay là thành chim : Hãy chọn lấy một kiếp. Ta muốn để cho mày được tự do lựa chọn. »

Những lời đó gây cho tôi ít nhiều hy vọng là có thể lay chuyển được lão. « Hỡi thần linh ! — tôi nói — hãy dẹp bớt cơn thịnh nộ của ngài. Ngài đã không muốn kết liễu đời tôi, đã cho tôi sống thì xin ngài hãy làm ơn cho tôi một cách hào hiệp hơn. Tôi sẽ mãi mãi ghi nhớ sự đại xá của ngài nếu ngài tha thứ cho tôi, cũng như con người tốt bụng nhất trần gian đã tha thứ cho một kẻ láng giềng vốn nuôi lòng ghen ghét đối với mình cho đến chết ». Lão hung thần hỏi việc gì đã xảy ra giữa hai người láng xóm ấy, lão đủ kiên nhẫn để nghe câu chuyện ấy...

Thưa bà, tôi nghĩ rằng bà sẽ không phật ý nếu tôi thuật lại cho bà nghe câu chuyện đó :

CHUYỆN KẺ GHEN GHÉT VÀ NGƯỜI BỊ GHEN GHÉT

Trong một thành phố khá lớn nọ, có hai người, nhà ở xế cửa nhau. Một người nuôi một mối ghen ghét mãnh liệt đối với người kia đến nỗi người bị ghen ghét đành phải dọn nhà đi xa, ông tin chắc rằng chỉ tại ở gần nhau cho nên mới bị hàng xóm của mình thù ghét, bởi vì đã hết sức lấy lòng gã, ông vẫn thấy không làm sao cho gã giảm bớt hằn thù được chút nào. Ông bèn bán nhà cùng với ít đồ đạc của mình rồi đến kinh thành tậu một mảnh đất nhỏ, từ đó lên phố xa chừng nửa dặm đường. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi, có một mảnh vườn đẹp và một cái sân rộng vừa phải, trong sân có một bể chứa nước sâu đã lâu ngày không dùng tới.

Con người tốt bụng mua được chỗ nhà đất ấy rồi, liền đi tu để sống một cuộc đời ẩn dật hơn nữa. Ông cho xây thêm nhiều phòng tu ở trong nhà : chỉ ít lâu sau nhà ông đã trở thành một nơi hội tụ nhiều tu sĩ. Đức độ của ông chẳng bao lâu nổi tiếng và do đó thu hút khá đông thiên hạ, cả những dân thường cũng như các quan chức trong thành phố. Tóm lại, mọi người đều hết sức quý trọng và yêu mến ông. Nhiều người từ xa đến xin ông cầu nguyện cho, và tất cả những ai được gặp ông, trở về đều đồn đại về những phước lành mà họ tin là được trời ban cho thông qua tu sĩ.

Danh vọng lớn của ông ta truyền về đến tận thành phố quê hương nơi mà ông đã rời bỏ, làm cho con người hay ghen ghét kia quá buồn rầu, đến mức phải bỏ cửa bỏ nhà và công việc làm ăn ra đi với quyết tâm tìm cách giết hại ông cho bằng được. Nhằm mục đích đó, gã đến tu viện mới của các ẩn sĩ và được trưởng giáo trước đây vốn là hàng xóm của gã, tiếp đón một cách cực kỳ thân ái. Gã hay ghen ghét nói với ông rằng gã đến đây để bàn với ông một việc hệ trọng, và chỉ có thể nói chuyện riêng với mỗi mình ông mà thôi. Gã nói thêm : « Để cho không ai có thể nghe được câu chuyện giữa chúng ta, tôi yêu cầu ngài, chúng ta hãy đi dạo trong sân : và vì trời cũng sắp tối rồi, xin ngài hãy ra lệnh cho các tu sĩ của ngài trở về buồng riêng của họ». Vị trưởng giáo làm theo lời gã yêu cầu.

Khi gã hay ghen ghét chỉ còn lại một mình với con người tốt bụng ấy, gã vừa đi sóng đôi với ông trong sân vừa bắt đầu nói huyên thuyên cho đến khi đến bên bờ cái bể chứa, thì xô nhào ông xuống đây. Chẳng có ai hay biết gì về hành động độc ác ấy. Làm xong, gã chạy vội ra cửa tu viện và thoát ra ngoài không để ai trông thấy, rồi trở về nhà, hí hửng với chuyến đi, tin chắc rằng đối tượng ghen ghét của mình không còn sống trên đời này nữa. Nhưng gã đã nhầm to.

Cái bể chứa ấy vốn có tiên và thần ở : tiên và thần có mặt vừa đúng lúc để cứu vị trưởng giáo ; họ đón lấy và đỡ ông ta xuống đáy bể một cách nhẹ nhàng làm cho ông ta chẳng cảm thấy đau đớn chút nào. Ông có cảm giác về một chuyện gì đó phi thường trong cơn ngã lẽ ra đã làm cho ông thiệt mạng ; song ông không nhìn rõ mà cũng chẳng nghe thấy gì. Tuy vậy, lát sau ông nghe có tiếng nói : « Các bạn có biết con người mà chúng ta vừa cứu giúp đấy là ai không ?». Nhiều tiếng khác trả lời không biết. Giọng nói đầu tiên tiếp : « Tôi sẽ cho các

bạn hay. Người này, với lòng bác ái rộng lớn nhất thế gian, đã rời bỏ thành phố ông đang sống đến đây ở, với niềm hy vọng có thể chữa cho một người láng xóm khỏi được cái bệnh ghen ghét mình. Ông ta được mọi người đồng tình quý trọng đến nỗi gã hay ghen ghét kia không chịu nổi, đã tìm đến đây với ý định giết hai ông, việc đó hẳn đã xảy ra nếu không gặp chúng ta cứu giúp con người tốt bụng, mà tiếng tăm vang động đến nỗi hoàng đế đang ngự ở thành phố bên cạnh ngày mai sẽ đến đây thăm, để nhờ ông cầu nguyện cho công chúa».

Một giọng khác hỏi tại sao công chúa lại phải cần đến tu sĩ cầu nguyện cho. Giọng đầu tiên đáp : « Các bạn không biết rằng nàng bị thần Maimun, con trai của Đimđin, ám vì phải lòng nàng ư ? Nhưng tôi biết cách mà vị trưởng giáo tốt bụng này sẽ dùng để chữa cho nàng rồi : việc dễ dàng thôi, tôi xin nói để các bạn rõ. Trong tu viện của ông có một con mèo đen, cuối đuôi nó có một đốm trắng chỉ lớn bằng một đồng hào. Ông ta chỉ cần bứt bảy sợi lông từ cái đốm trắng ấy, đốt lên và dùng khói xông đầu cho công chúa. Lập tức nàng sẽ lành hẳn bệnh và thoát khỏi sự ám ảnh của thần Mamun con trai của Đimđin, lão ấy sẽ không bao giờ dám bén mảng đến gần nàng một lần thứ hai nữa ».

Vị trưởng giáo không để sót một lời qua lại nào giữa các vị thần tiên, mà sau khi nói xong câu chuyện ấy, thì lặng im cho đến sáng. Ngày hôm sau, trời bắt đầu sáng, trông rõ được mọi vật, ông nhận ra một cái lỗ và nhờ đó thoát ra ngoài khỏi bể chứa chẳng khó nhọc gì vì nó đã hỏng ở nhiều nơi.

Các tu sĩ đang tìm ông, rất vui sướng thấy ông trở về. Ông kể vắn tắt về hành động độc ác của người khách mà ông đã tiếp đón niềm nở ngày hôm trước, rồi trở về buồng riêng. Con mèo đen mà ông nghe nói đêm hôm

trước qua câu chuyện giữa các vị thần tiên, chỉ lát sau đã đến mơn man vào người ông như thường lệ. Ông bứt bảy sợi lông ở ở cái đốm trắng cuối đuôi của nó, để riêng ra một nơi phòng khi cần đến.

Mặt trời vừa mọc chưa bao lâu thì hoàng đế đã đến trước cửa tu viện : Người không muốn từ nan bất cứ một việc gì có thể mau chóng chữa khỏi bệnh cho công chúa. V a ra lệnh cho đội bộ binh dừng lại ở cửa, rồi cùng với các quan đại thần tùy giá bước vào. Các tu sĩ tiếp đón nhà vua hết sức kính trọng.

Hoàng đế gọi riêng vị trưởng giáo rồi nói : « Chắc tiên sinh đã rõ lý do gì đưa ta đến đây ».

— Tâu bệ hạ, có — tu sĩ trả lời khiêm tốn. — Nếu tôi không nhầm, chính căn bệnh của công chúa là nguyên nhân khiến cho tôi được vinh hạnh mà mình không xứng đáng.

— Đúng như vậy — hoàng đế đáp. — Tiên sinh sẽ làm cho ta sống lại nếu như qua những lời cầu nguyện của mình, tiên sinh có thể giúp cho con gái ta khỏi bệnh, điều mà ta hy vọng là có thể thực hiện được.

— Tâu bệ hạ, — con người tốt bụng nói, — nếu bệ hạ vui lòng cho mời công chúa lại đây, tôi mong rằng với sự cứu giúp và ơn cao của Thượng đế, công chúa sẽ hoàn toàn khỏi bệnh và trở về.

Nhà vua rất đỗi vui mừng, lập tức sai đi tìm con gái ; lát sau công chúa đến cùng một đoàn tùy tùng đông gồm các nữ tì và quan hoạn ; nàng đeo mạng không cho ai nhìn rõ mặt. Vị trưởng giáo cho đốt một lò than trên đầu công chúa, và khi ông vừa đặt lên than hồng bảy sợi lông mèo thì lập tức thần Maimun, con trai của Đimđin, thét lên một tiếng dữ tợn và xuất khỏi công chúa mà chẳng hề ai trông thấy gì.

Thoạt tiên nàng đưa tay vén tấm mạng che mặt để xem mình đang ở đâu. Nàng kêu lên : « Ta ở đâu thế này ? Ai đưa ta đến đây ? », Nghe câu đó, hoàng đế không nén được mừng vui, Người ôm con gái, hôn lên mặt con. Người cũng hôn tay vị trưởng giáo tu sĩ và nói với các quan đi theo : « Các khanh hãy cho ta biết cảm tưởng. Người đã chữa cho con gái ta khỏi bệnh thế này đáng được ban thưởng gì ? » Các quan đều trả lời : « Đáng được kết hôn cùng công chúa ». « Điều này hợp ý ta, — hoàng đế nói tiếp, — và ta nhận người đó là con rể ta từ giờ phút này ».

Ít lâu sau tể tướng qua đời, Hoàng đế cử tu sĩ lên thay. Rồi hoàng đế cũng băng hà mà không có con trai nối nghiệp, các giáo phái và quân dân trong nước họp lại nhất trí tuyên bố thừa nhận tể tướng mới lên ngôi hoàng đế.

Vị tu sĩ tốt bụng lên nối ngôi thay bố vợ, một hôm đang cùng với cả triều đình ngự giá trên đường, thì chợt trông thấy người vẫn ghen ghét mình lẫn trong đám đông dân chúng bên đường. Vua gọi một thượng thư tùy giá và khẽ bảo : «Khanh hãy đến và dẫn người kia lại đây cho ta, chú ý chớ làm cho anh ta kinh hãi». Quan thượng thư tuân lệnh, và khi người hay ghen ghét được đưa đến, hoàng đế bảo y : «Anh bạn ơi, tôi rất sung sướng được gặp lại bạn». Rồi nói với một quan khác : «Hãy lập tức trao cho người này một nghìn đồng vàng lấy ở kho tàng của ta. Ngoài ra, hãy cấp cho anh ta hai mươi gánh hàng hóa quý nhất trong kho ta ; và cử một đội vệ binh có đủ sức mạnh để dẫn đường và hộ tống anh ta về tận nhà». Sau khi giao cho ông quan nhiệm vụ ấy, hoàng đế từ biệt gã hay ghen ghét và tiếp tục cuộc tuần du...

Khi tôi (1) đã kể cho lão hung thần vừa giết hại nàng công chúa đảo Gỗ Mun nghe hết câu chuyện ấy, tôi liền rút ra câu kết luận : «Hỡi thần linh, — tôi nói, — ngài thấy rằng vị hoàng đế hay làm việc lành ấy không chỉ vui lòng quên việc mình đã từng bị gã hay ghen ghét kia làm cho suýt thiệt mạng ; mà còn đối đãi tử tế và cho gã trở về với tất cả lòng độ lượng mà tôi vừa kể để ngài nghe». Tóm lại, tôi đem hết tài hùng biện ra van lão hãy noi theo một tấm gương tốt đẹp như vậy để mà tha tội cho tôi ; nhưng tôi vẫn không thể nào lay chuyển được lão.

— Tất cả những gì ta có thể làm được cho mày — lão bảo tôi — ấy là không giết chết mày ; nhưng chớ có mừng là ta sẽ cho mày trở về an toàn nguyên vẹn ; ta phải cho mày thấy pháp thuật của ta có thể làm được những gì.

Dứt lời, lão túm lấy tôi một cách hung bạo, mang tôi xuyên qua vòm cao của tòa lâu đài dưới đất ; đất liền mở ra để lão bay qua, rồi lão đưa tôi lên cao vút đến nỗi nhìn xuống thấy quả đất giống như một vầng mây trắng nhỏ. Từ độ cao ấy, lão lao xuống mặt đất nhanh như sét đánh và đặt chân lên đỉnh một ngọn núi.

Ở đấy, lão nhặt một nắm đất, đọc hay đúng hơn là lầm bầm mấy câu tôi không hiểu gì cả, rồi ném vào tôi : «Hãy từ bỏ mặt người, — lão nói — và hãy mang mặt khỉ». Lão biến mất ngay, để lại mỗi mình tôi, cô đơn, hóa thành khỉ, nặng trĩu đau buồn, ở một xứ xa lạ, không rõ mình đang ở gần hay xa đất nước của vua cha.

---

(1) Lời khất sĩ thứ hai nói với ZOBEIT.

Tôi từ trên núi cao xuống và đi vào một xứ đồng đất bằng phẳng ; và sau một tháng thì đi tận cùng xứ ấy, tôi tới biển. Biển lúc bấy giờ đang lặng ; tôi nhận ra một chiếc tàu cách bờ chừng nửa dặm. Không để lỡ thời cơ tốt như vậy, tôi bẻ một cành cây to, kéo xuống biển và cưỡi lên trên, chân bên này chân bên kia, mỗi tay cầm một chiếc gậy làm chèo.

Bơi bằng cách ấy, tôi tiến đến phía chiếc tàu. Khi tôi đã đến khá gần để người trên tàu có thể nhận rõ được, các thủy thủ và hành khách tập trung trên sàn tàu đều cho là một cảnh tượng kỳ dị. Mọi người đều nhìn tôi rất khâm phục. Trong lúc đó tôi đã đến được sát mạn tàu, và bám vào một sợi dây, tôi leo lên tới sàn tàu ; nhưng bởi vì không thể nói ra lời, tôi sa vào một tình trạng bối rối kinh khủng. Quả vậy, mối nguy hiểm tôi đang trải qua lúc này cũng không kém ghê gớm như khi còn thuộc quyền sinh sát của lão hung thần.

Các nhà buôn vốn mê tín và hay nghĩ ngợi xa xôi, họ tin rằng cho tôi lên tàu, tôi có thể mang tai họa đến cho tàu bè của họ. Bởi vậy, một người nói : « Tôi sẽ cho nó một chùy chết tươi » ; một người khác : « Tôi muốn cho nó một mũi tên xuyên suốt qua người » ; một người nữa : « Phải ném nó xuống bể ». Một kẻ nào đó có lẽ không thể tránh không làm điều họ nói, nếu tôi không bám lấy thuyền trưởng, phủ phục dưới chân ông ta ; tôi nắm lấy áo ông theo bộ điệu một người đang cầu khẩn : ông ta xúc động sâu sắc trước hành động và nước mắt ròng ròng của tôi, nhận che chở tôi và dọa sẽ làm cho kẻ nào định gây hại cho tôi phải hối hận. Ông ta còn vuốt ve tôi rất lâu. Về phía tôi, bởi vì không nói được, tôi tìm mọi cách để qua cử chỉ, biểu lộ lòng biết ơn.

Sau đợt biển lặng, gió nổi lên không mạnh nhưng kéo dài : suốt năm mươi ngày gió không đổi hướng giúp chúng tôi cập bến thuận lợi một thành phố đẹp rất đông dân và buôn bán sầm uất ; chúng tôi buông neo tại đấy. Thành phố ấy càng thêm quan trọng vì chính là thủ đô của một quốc gia hùng mạnh.

Chiếc tàu của chúng tôi bị vô số những chiếc thuyền con đến vây quanh, những chiếc thuyền này chở đầy những người, hoặc đến chào mừng bạn bè thân thuộc mới tới, hoặc để hỏi thăm tin tức những người ở các nơi tàu vừa rời bến, có khi cũng chỉ để tò mò nhìn xem một chiếc tàu từ xa mới đến mà thôi.

Trong số người này có mấy ông quan muốn nhân danh hoàng đế nói chuyện với các nhà buôn trên tàu. Các nhà buôn đến ra mắt. Một quan nói : « Hoàng đế chúng tôi giao chúng tôi nhiệm vụ biểu lộ lòng vui mừng của Người trước việc các vị đến đây, và yêu cầu các vị vui lòng viết lên cuộn giấy đây mỗi người vài ba dòng chữ.

Để các vị hiểu ý định của hoàng thượng, tôi xin trình bày rõ là Người có một tể tướng vừa rất có năng lực xử lý các công việc vừa viết chữ cực kỳ hoàn hảo. Vị đại thần ấy vừa qua đời cách đây mấy ngày. Hoàng đế chúng tôi rất buồn, và bởi vì không bao giờ Người nhìn nét bút của tể tướng mà không khâm phục, cho nên Người long trọng thề rằng sẽ chỉ trao chức ấy cho vị nào chữ viết cũng đẹp như chữ tể tướng. Nhiều người đã dâng trình nét bút của mình, nhưng cho đến nay chưa có một ai trong đất nước chúng tôi được coi là xứng đáng giữ cương vị tể tướng»

Các nhà buôn nào trên tàu, tự xét nét bút mình đủ đẹp để có thể nhòm ngó địa vị cao sang ấy, đều lần lượt viết ra những điều họ muốn nói. Khi họ viết xong,

tôi tiến lên và nhấc cuộn giấy từ tay người đang cầm. Mọi người, đặc biệt là các nhà buôn vừa mới viết chữ, ngỡ rằng tôi muốn xé rách hoặc ném xuống bể, kêu toáng lên; song họ yên tâm ngay khi thấy tôi cầm cuộn giấy khá chững chạc và ra hiệu tỏ ý muốn đến lượt mình cũng được viết. Điều đó làm cho họ đổi lo âu thành thán phục. Tuy vậy, bởi vì chưa bao giờ ai trông thấy khỉ biết viết chữ, và không thể nào tin là tôi lại giỏi hơn những người khác, cho nên họ muốn giật lấy cuộn giấy khỏi tay tôi, nhưng thuyền trưởng lại bênh tôi: « Các ngài cứ mặc nó, cứ để cho nó viết. Nếu nó chỉ bôi bẩn giấy, tôi hứa với các ngài sẽ trừng phạt nó ngay tức khắc. Nếu ngược lại, nó viết tốt, điều mà tôi hy vọng, bởi vì suốt đời tôi chưa bao giờ trông thấy một con khỉ khéo léo hơn, tài giỏi hơn hoặc am hiểu việc đời hơn, tôi tuyên bố tôi sẽ nhận nó làm con nuôi. Tôi có một đứa con trai nhưng xét ra không được thông minh bằng nó ».

Thấy không còn có ai phản đối ý kiến của thuyền trưởng, tôi cầm lấy bút và chỉ buông xuống sau khi viết xong sáu kiểu chữ Ảrập vẫn thường dùng; và mỗi kiểu chữ viết thử chứa đựng nội dung một bài thơ nhị cú hay tứ tuyệt mới nghĩ ra để ca ngợi đức vua. Nét chữ của tôi không những làm lu mờ nét chữ các nhà buôn, mà tôi lại còn dám nói rằng cho đến lúc bấy giờ ở nước này chưa ai được nhìn thấy những chữ viết tốt đến như vậy bao giờ. Tôi viết xong, các quan cầm cuộn giấy mang về dâng lên hoàng đế.

Nhà vua không để ý gì đến các chữ viết khác, người chỉ nhìn nét bút của tôi và rất lấy làm vừa lòng; người phán bảo các quan: « Hãy lấy con ngựa đẹp nhất, yên cương sang trọng nhất trong chuồng ngựa của ta, và một chiếc áo gấm lộng lẫy nhất để mặc cho con người đã viết sáu kiểu chữ này, rồi đưa đến đây cho ta ».

Nghe lệnh của hoàng đế, các quan bật cười. Nhà vua nổi giận vì sự phạm thượng đó, định trị tội thì họ vội tâu : « Xin bệ hạ tha tội cho chúng tôi : những chữ viết đây không phải của người mà là của một con khỉ ».

— Các người nói thế nào, ? — hoàng đế thốt lên, — những nét chữ tài hoa này lại không phải do bàn tay một con người viết sao ?

— Tâu bệ hạ không, — một ông quan đáp. Chúng tôi xin quả quyết với bệ hạ rằng đây là nét bút của một con khỉ, nó viết những dòng này ngay trước mắt chúng tôi.

Hoàng đế thấy có sự quá lạ lùng cho nên tò mò muốn gặp tôi. Người phán : « Các người cứ việc làm như lời ta bảo, hãy mau chóng đưa lại đây cho ta con khỉ hiếm thấy thế này ».

Các quan trở lại chiếc tàu và trình bày mệnh lệnh đó với thuyền trưởng, ông này đáp rằng hoàng đế là chúa tể, lệnh của Người phải được tuân theo. Lập tức họ mặc cho tôi một chiếc áo gấm rất sang, cho tôi lên bờ rồi đặt cho tôi ngồi lên con ngựa của hoàng đế đưa vào cung, ở đây nhà vua đang chờ cùng với một số đông triều thần mà nhà vua cho triệu đến để tăng thêm vinh hạnh cho tôi.

Cuộc đi bắt đầu, từ hải cảng, các phố xá, các quảng trường công cộng, các cửa sổ cho đến sân thượng các lâu đài và nhà cửa đều đầy ắp người, cả nam lẫn nữ, có trẻ có già ; họ từ khắp nơi trong thành phố, tò mò đến để xem mặt tôi, bởi vì có lời đồn đại rất nhanh rằng hoàng đế vừa chọn một con khỉ làm tể tướng. Trên đường đến hoàng cung, tôi làm cho cả đám dân chúng ấy không ngớt xôn xao và kêu lên tỏ vẻ ngạc nhiên, vì cái cảnh tượng trước mắt trông mới lạ quá chừng.

Nhà vua đang ngồi trên ngai vàng, chung quanh có các đại thần trong triều. Tôi vái ba vái, vái xong tôi quỳ xuống hôn mặt đất trước mặt Người. Sau đó tôi lại ngồi lên theo lối ngồi của loài khỉ. Tất cả cử tọa không ngớt khen tôi, và không hiểu làm sao một con khỉ lại có thể biết làm đủ mọi lễ tiết đối với bậc hoàng đế, và hoàng đế lại càng ngạc nhiên hơn bất cứ ai. Tóm lại, buổi lễ triều kiến có lẽ sẽ đầy đủ trọn vẹn nếu tôi có thể kèm thêm vào các cử chỉ của mình những lời chúc tụng: nhưng loài khỉ chẳng biết nói bao giờ, và cái ưu thế đã được làm người cũng chẳng cho tôi được có thêm cái đặc ân đó.

Hoàng đế truyền bãi triều. Còn lại cùng với Người, chỉ có viên chỉ huy đội quan hoạn, một tên nô lệ nhỏ rất trẻ, và tôi. Nhà vua rời triều đường sang hậu cung và truyền dọn thức ăn. Nhà vua ngồi vào bàn và ra hiệu bảo tôi tiến đến gần và cùng ăn với Người. Để biểu lộ sự tuân phục, tôi hôn mặt đất, đứng lên ngồi vào bàn. Tôi ăn rất lễ phép và khiêm tốn.

Trước khi người ta thu dọn bàn ăn, tôi chợt trông thấy một cái bàn viết, tôi ra hiệu bảo mang lại: người ta đưa đến, tôi tựa vào đấy viết lên một quả đào mấy câu thơ vừa làm để nói lên lòng biết ơn đối với hoàng đế. Đọc xong bài thơ viết trên quả đào tôi đưa dâng hoàng đế càng ngạc nhiên hơn. Bàn ăn thu dọn xong, quân hầu mang đến một loại nước uống đặc biệt, nhà vua sai rót cho tôi một cốc. Tôi uống, rồi lại viết lên trên cốc những câu thơ khác diễn tả tình cảnh của mình sau khi trải qua bao nhiêu bước gian truân. Hoàng đế xem xong, người nói: « Một con người có khả năng làm được như thế này, tài ba hơn cả những bậc vĩ nhân lớn nhất ».

Nhà vua sai mang ra một bộ quân cờ và ra hiệu hỏi tôi có biết đánh cờ và có muốn chơi với Người

không. Tôi hôn mặt đất rồi đặt tay lên đầu tỏ ý là sẵn sàng nhận vinh dự đó. Nhà vua thắng tôi ván đầu; song tôi được ván thứ hai và ván thứ ba; nhận thấy điều đó làm cho nhà vua hơi có vẻ không vui, để an ủi người, tôi làm một bài thơ tứ tuyệt dâng lên. Qua thơ, tôi nói với Người rằng hai đạo quân hùng mạnh chiến đấu rất hăng say suốt cả ngày, nhưng khi tôi đến, họ giảng hòa và cùng nhau nghỉ đêm một cách yên tĩnh trên chiến trường.

Bấy nhiêu điều vượt qua tất cả những gì mà hoàng đế từng trông thấy hay từng nghe nói về sự khéo léo và trí thông minh của loài khỉ. Người không muốn chỉ có mỗi một mình chứng kiến những sự kỳ diệu ấy. Người có một công chúa vẫn được gọi tên là Người Đẹp. Vua bảo viên đứng đầu các quan hoạn chuyên chăm sóc công chúa, lúc ấy có mặt ở đấy: « Hãy đi mời công chúa của ngươi đến đây, ta muốn con gái ta cùng ta thưởng thức điều thú vị này ».

Viên đứng đầu các quan hoạn đi và lát sau đưa công chúa đến. Nàng để mặt trần; song vừa bước chân vào buồng nàng đã vội vàng kéo chăng mạng lên che mặt và nói với hoàng đế: « Tâu bệ hạ, có lẽ bệ hạ sơ ý chăng. Con rất ngạc nhiên thấy Người cho gọi con đến để ra mắt trước những người đàn ông».

— Con bảo sao, chính con vô ý thì có, con gái ta ạ, — nhà vua đáp — Ở đây chỉ có tên nô lệ nhỏ, viên quan hoạn thầy dạy của con, và cha, là những người được tự do nhìn thấy mặt con; ấy thế mà con lại kéo mạng che mặt, và làm như cha đã phạm trọng tội khi cho gọi con đến đây vậy.

— Tâu bệ hạ, — công chúa lại nói — bệ hạ sẽ rõ là con không nhầm. Con khỉ mà người trông thấy đấy tuy mang mặt khỉ, nhưng chính là một hoàng tử trẻ

tử, con một quốc vương lớn. Chàng bị hóa khỉ do phép yêu. Một thần linh, cháu ngoại của Èbơlit, đã làm nên cái trò quái ác này sau khi đã tàn nhẫn giết hai công chúa đảo Gỗ Mun, con gái vua Èpitimarút

Hoàng đế nghe nói ngạc nhiên quay về phía tôi và không ra hiệu nữa mà hỏi tôi điều công chúa vừa nói có đúng như vậy không. Vì không thốt được ra lời, tôi đặt tay lên đầu để chứng tỏ rằng công chúa đã nói sự thật. Vua liền hỏi :

— Làm sao con biết được rằng hoàng tử đây bị phép yêu hóa kiếp thành khỉ ?

Công chúa Người Đẹp đáp :

— Tâu bệ hạ, chắc Người còn nhớ khi con qua tuổi ấu thơ, có một bà cụ cùng sống với con. Đó là một pháp sư rất tài giỏi. Bà ta đã truyền cho con bảy chục phép thần, nhờ đó con có thể trong nháy mắt đưa thủ đô của bệ hạ ra chính giữa đại dương mãi bên kia dãy núi Côcadơ. Nhờ phép thần đó, chỉ nhìn mặt người, con đã có thể biết được kẻ nào bị ma làm ; con rõ họ là ai và bị kẻ nào hóa kiếp. Bởi vậy, xin bệ hạ chớ ngạc nhiên khi thấy con nhận ra được ngay vị hoàng tử trẻ này mặc dù phép yêu đã buộc chàng không thể giữ nguyên hình dạng trời sinh khi đến chầu bệ hạ.

— Con ạ, thật cha không ngờ con tài giỏi đến vậy.

— Tâu bệ hạ, đó là những điều kỳ lạ, biết được thì tốt, nhưng con vẫn nghĩ rằng con không nên lấy đó mà khoe khoang.

— Nếu quả như vậy, — vua lại nói — thì con có cách giải phép yêu cho hoàng tử này chứ?

— Thưa bệ hạ vâng, con có thể làm cho chàng trở lại nguyên hình như cũ.

— Vậy thì con hãy trả lại nguyên hình cho chàng đi, — hoàng đế ngắt lời, — con sẽ làm cha vui thích không gì bằng, bởi gì cha muốn phong cho chàng làm tể tướng và cho kết hôn với con.

Công chúa đáp:

— Tâu bệ hạ, con sẵn sàng tuân theo tất cả những gì bệ hạ phán bảo.»

Công chúa Người Đẹp trở về buồng riêng và mang ra một thanh dao trên lưỡi có khắc những chữ Hêbrơ (1). Tiếp đó, nàng mời hoàng đế, viên đứng đầu các quan hoạn, tên nô lệ nhỏ và tôi cùng đi đến một cái sân kín trong cung; đến đấy, nàng để tất cả chúng tôi đứng trong hành lang chạy quanh sân, còn nàng tiến ra giữa sân, vạch một vòng tròn lớn, và vẽ vào đấy nhiều chữ Ả-rập cổ và Ai-cập cổ.

Khi nàng đã vẽ và sửa cái hình tròn cho hợp ý muốn của mình xong, nàng bước vào đứng chính giữa, rồi niệm thần chú và đọc nhiều đoạn kinh Côran. Tự dưng trời đất tối sầm lại giống ban đêm và như thể cả guồng máy tạo hóa sắp tan biến. Chúng tôi hết sức kinh hoàng, và nỗi kinh hoàng ấy càng tăng thêm khi đột nhiên thấy hiện lên lão hung thần châu ngoại Ebolit dưới dạng một con sư tử to lớn kinh khủng.

Công chúa trông thấy con quái vật ấy liền bảo: « Đồ chó, đáng lẽ phải bò lê trước mặt ta, mày lại dám hiện lên dưới hình dáng ghê tởm này, tưởng có thể dọa nạt ta ư? »

— Thế còn mày, — sư tử đáp, — sao mày không sợ làm trái điều giao ước giữa chúng ta đã được xác nhận

---

(1) Hêbrơ: Tên cổ chỉ người Do Thái.

bằng một lời thề long trọng, là sẽ không bên nào gây hại cho bên nào?

— A, đồ súc sinh, — công chúa nói — chính ta phải trách mày như vậy mới phải.

Con sư tử thô bạo ngắt lời nàng:

— Mày sẽ phải trả giá về việc phiền ta cất công đến nơi đây.

Vừa nói, nó vừa há to cái mồm khủng khiếp và tiến tới định vồ công chúa; nhưng nàng đã thủ thế, nhảy lùi một bước, và kịp nhổ một sợi tóc, niệm vài ba tiếng biến thành một thanh gươm sắc bén, chém vào ngang thân con sư tử, xả nó ra thành hai mảnh.

Hai mảnh xác sư tử biến mất, chỉ còn lại cái đầu hóa thành một con bọ cạp lớn. Lập tức công chúa biến thành rắn, đánh nhau kịch liệt với nó. Bọ cạp không có lợi thế, đành lấy hình một con ó vỗ cánh bay đi. Nhưng con rắn đã hóa thành một con ó đen hùng mạnh hơn và đuổi theo. Cả hai biến khỏi tầm mắt chúng tôi.

Một lát sau, mặt đất trước mặt chúng tôi mở ra và một con mèo khoang trèo lên, lông lá bù xù, miệng kêu gào khủng khiếp. Một con chó sói đen đuổi theo rất sát. Con mèo cấp bách quá liền biến thành một con sâu nằm bên cạnh một quả lựu tình cờ vừa rụng từ một cây lựu trồng trên bờ một lạch nước hẹp nhưng khá sâu. Con sâu nhanh chóng đục thủng quả lựu và chui vào nấp bên trong. Quả lựu phồng lên, to bằng một quả bí bay bổng lên mái hành lang, lăn mấy vòng rồi rơi xuống sân và vỡ ra thành nhiều mảnh.

Trong thời gian ấy, chó sói đã hóa thành một con gà trống sà xuống mổ các hạt lựu và nuốt chúng hết

hạt này đến hạt khác. Khi không còn hạt nào nữa, nó dang rộng đôi cánh và vừa làm ầm ĩ vừa chạy đến chỗ chúng tôi như thể muốn hỏi chúng tôi xem có còn sót hạt nào nữa không. Còn một hạt trên bờ lạch nước, gà trống quay lại trông thấy, liền chạy vội đến, song vừa lúc nó vươn đầu sắp mổ thì hạt lựu đã lăn xuống lạch và hóa thành một con cá con.

Gà trống lao theo xuống lạch và biến thành một con cá măng đuổi theo con cá nhỏ. Hai con cá quần nhau hai tiếng đồng hồ liền dưới nước, chúng tôi chẳng biết chúng ra sao rồi thì bỗng nghe những tiếng kêu ghê rợn làm cho chúng tôi run lên. Một lát sau, thấy hung thần và công chúa hiện ra, cả hai thân hình đều bốc lửa. Hai người há miệng phun lửa vào nhau rồi lại xông vào đánh giáp lá cà. Thế là hai ngọn lửa càng bốc lớn và phả ra một làn khói dày nóng rực ; lửa tuôn lên khá cao. Chúng tôi lo nó đốt cháy mất cung điện ; trong nháy mắt, chúng tôi còn lo hơn nữa vì tên hung thần thoát ra được khỏi tay công chúa, chạy đến tận cái hành lang mấy người đang đứng và phun hàng cuộn lửa vào người chúng tôi. Chúng tôi có lẽ đã chết sạch nếu công chúa không kịp chạy đến cứu và thét to buộc hung thần phải lùi xa để giữ thế thủ. Tuy nhiên, công chúa dù đã vội vã hết sức vẫn không cứu được hoàng đế khỏi bị cháy mất bộ râu và bỏng mặt, viên đứng đầu các quan hoạn chết ngạt và cháy thành than ngay tức khắc ; còn tôi thì một tia lửa bén vào mắt bên phải làm cho tôi thành chột. Hoàng đế và tôi đang chờ chết thì liền nghe tiếng kêu : « Thắng rồi ! Thắng rồi ! », và bỗng nhiên thấy công chúa đã hiện nguyên hình và bước đến, còn lão hung thần thì đã biến thành một đống tro.

Công chúa đến gần chúng tôi và không để mất thời giờ, nàng gọi lấy một cốc nước đầy. Tên nô lệ trẻ,

không bị thương tích gì vì ngọn lửa, mang nước lại. Nàng cầm cốc nước, niệm mấy câu chú, rồi đổ vào tôi mà nói : « Nếu ngươi bị hóa thành khỉ vì phép yêu, thì hãy đổi dạng và trở lại hình người như trước ». Nàng vừa nói xong, tôi trở lại thành người, như trước khi bị biến hóa, chỉ khác có một con mắt bị chột.

Tôi định cảm tạ công chúa nhưng nàng không để cho tôi có đủ thời giờ. Nàng thưa với vua cha : « Tâu bệ hạ, con đã chiến thắng hung thần, như bệ hạ vừa trông thấy. Nhưng đây là một chiến thắng phải trả giá đắt : con chẳng còn sống được bao lâu nữa, và cha chẳng có được niềm vui trông thấy con thành gia thất như cha suy tính. Lửa đã bén vào người con qua trận chiến đấu dữ dội vừa rồi, và con cảm thấy nó đang thiêu đốt con dần dần. Điều đó chắc sẽ không xảy ra nếu con trông thấy được hạt lựu cuối cùng và nuốt chửng nó như đã nuốt các hạt khác khi con hóa thành con gà trống. Hạt lựu ấy là nơi ẩn náu cuối cùng của tên hung thần. Nếu con nuốt chửng được, con sẽ thắng lợi hoàn toàn mà không gặp chút nguy hiểm nào. Việc đó buộc con phải dùng đến lửa. Với thứ vũ khí ghê gớm này, con đã chiến đấu giữa đất và trời trước mặt cha, bất chấp sức mạnh của yêu thuật đáng sợ và kinh nghiệm của lão hung thần, con đã cho nó thấy là con hơn hẳn nó, con đã thắng nó và biến nó thành tro bụi. Nhưng con không thể thoát được cái chết đang đến gần. »

Hoàng đế để công chúa Người Đẹp thuật lại trận đánh, và khi nàng dứt lời, Người nói, giọng biểu lộ nỗi đau đớn sâu sắc đang dày vò : « Con ơi, con thấy rõ tình trạng của cha đây. Hỡi ôi ! cha lấy làm ngạc nhiên sao mình còn sống ! Viên hoạn nô thầy dạy của con đã chết, và hoàng tử mà con đã giải bùa yêu thì mất một mắt ». Vua không thể nói thêm được nữa, vì nước mắt và tiếng nức nở thổ dài làm vua nghẹn lại. Công chúa

và tôi cực kỳ xúc động trước nỗi buồn của hoàng đế : chúng tôi cùng khóc với Người.

Trong lúc ai nấy đang vô cùng buồn bã thì công chúa bỗng thét lên : « Tôi cháy đây ! Tôi cháy đây ! » Nàng cảm thấy ngọn lửa ngấm ngầm cuối cùng đốt cháy hết thân thể, và đang lớn tiếng kêu : « Tôi cháy đây ! » thì ngã ra chết, chấm dứt những cơn đau đớn không thể nào chịu đựng nổi. Kết quả của ngọn lửa thật là kỳ lạ, chẳng mấy chốc nàng đã hóa thành tro, giống như lão hung thần.

Thưa bà, tôi sẽ không nói lại tôi đã đau đớn đến mức nào trước cảnh tang tóc ấy. Tôi thà chịu làm khỉ suốt đời còn hơn là nhìn thấy ân nhân của mình thiệt mạng một cách khốn khổ như vậy. Còn hoàng đế, Người buồn khổ không thể tưởng tượng được. Người vừa kêu khóc thảm thiết vừa đấm mạnh vào đầu vào ngực cho đến khi gục xuống vì tuyệt vọng và ngất đi, làm cho tôi lo sợ e Người nguy đến tính mạng.

Trong lúc ấy các hoạn nô và quan hầu nghe tiếng hoàng đế kêu khóc chạy đến, và khá vất vả mới làm cho nhà vua hồi tỉnh. Nhà vua và tôi không cần phải kể lể dài dòng về việc vừa xảy ra để cho họ hiểu rõ nỗi chua xót của chúng tôi : hai đống tro tàn vốn là thi thể của công chúa và hung thần đủ làm cho họ hiểu. Hoàng đế không đứng vững nữa, phải tì lên người các quan hầu để trở về hậu cung.

Khi tiếng đồn về câu chuyện bi thảm ấy lan ra trong cung cấm và ngoài thành phố, mọi người đều thương tiếc cho sự bất hạnh của công chúa Người Đẹp và thông cảm nỗi đau buồn của nhà vua. Người tả phát tang suốt bảy ngày ; tổ chức nhiều buổi tế lễ. Trong khi tro tàn của hung thần bị tung đi theo gió thì tro tàn của công

chúa được thu nhặt cẩn thận và cất vào một cái lọ quý đặt trong một cái lăng đẹp.

Vì mất con, hoàng đế sinh bệnh và nằm liệt giường suốt một tháng ròng. Người chưa bình phục hẳn đã cho gọi tôi đến và bảo : « Hoàng tử này, ngươi hãy nghe lệnh của ta đây, và phải thi hành ngay nếu không thì mất mạng ». Tôi quả quyết rằng tôi sẽ xin triệt để tuân lệnh của Người, nhà Vua liền nói tiếp : « Từ trước tới nay ta vẫn sống trong hạnh phúc hoàn toàn, và chưa bao giờ bị một tai họa nào khuấy động. Hoàng tử đến, làm tan biến niềm vui ta đang hưởng : con gái ta qua đời, thầy dạy con ta cũng thiệt mạng, và ta còn sống được đây cũng là nhờ chuyện may mắn điệu kỳ. Chính ngươi là nguyên nhân gây nên tất cả những tai họa đó, những tai họa mà ta không bao giờ có thể khuây nguôi. Bởi vậy, ta để cho hoàng tử ra đi êm thấm, nhưng hãy đi biệt : có lẽ ta cũng sẽ chết nếu ngươi còn ở lại đây, vì ta tin chắc sự có mặt của ngươi mang theo tai họa. Đó là tất cả những gì ta nói với ngươi. Hãy đi đi, và chú ý chớ có bao giờ xuất hiện trên đất nước này : dù lòng ta quý trọng ngươi đến đâu cũng không ngăn tay ta trừng phạt ngươi về việc đó. » Tôi định phân trần ; nhưng nhà vua bịt miệng tôi bằng những lời giận dữ, và tôi đành phải từ giã cung điện của người mà ra đi.

Bị tất cả mọi người ghét bỏ, xua đuổi, bỏ rơi, và không biết thân mình sẽ ra thế nào, trước khi ra khỏi thành phố, tôi vào một nhà tắm, cho cạo râu và gọt lông mày, rồi bận áo quần khất sĩ. Tôi lên đường, khóc than cho nỗi khốn cùng của mình thì ít mà thương xót cho cái chết của các công chúa xinh đẹp do mình gây nên thì nhiều. Tôi đi qua nhiều nước mà không để cho ai nhận mặt ; cuối cùng tôi quyết định đến Bátđa, với niềm hy vọng là sẽ xin yết kiến Đấng Thống lĩnh các

tín đồ và khêu gợi lòng thương hại của Người bằng cách kể lại câu chuyện quá dỗi lạ lùng. Tôi vừa đến đây tối nay, và người đầu tiên mà tôi gặp khi mới đến, là khất sĩ đồng đạo của tôi kia, người vừa kể chuyện hầu bà trước tôi. Thưa bà, bà đã hiểu rõ phần sau đó, và tại sao tôi được vinh hạnh có mặt trong nhà bà.

Khi khất sĩ thứ hai kể xong câu chuyện về mình, nàng Zôbêít liền bảo : « Được rồi ; anh hãy đi đi, muốn đi đâu tùy ý, ta cho phép đó ». Nhưng khất sĩ không đi mà cũng yêu cầu thiếu phụ vui lòng cho chàng được ở lại như đã đồng ý cho khất sĩ trước, rồi chàng đến ngồi xuống bên cạnh người này.

Chàng khất sĩ thứ ba, thấy đến lượt mình phải nói, cũng như hai người trước, liền hướng về nàng Zôbêít kể :

CHUYỆN CHÀNG KHẤT SĨ THỨ BA, CON VUA

Thưa lệnh bà đáng kính, chuyện tôi sắp kể đây khác xa những chuyện bà vừa mới nghe. Hai hoàng tử nói trước tôi, mỗi người mất một con mắt do hậu quả đơn thuần của số phận họ, còn tôi mất một con mắt chỉ tại lỗi lầm của mình, tự mình gây nên tội và tự mình rước lấy tai họa vào thân.

Tôi tên là Agíp, con của quốc vương Catxip. Sau khi cha tôi qua đời, tôi làm chủ tất cả đất nước của Người, và đóng đô ngay trong kinh thành trước đây cha tôi vẫn ở. Thành phố ấy nằm trên bờ biển. Nó có một bến cảng vào loại đẹp nhất và an toàn nhất, với một công xưởng khá lớn đủ cung cấp thiết bị cho một trăm

năm mươi chiến hạm luôn luôn sẵn sàng chiến đấu khi cần, và đủ để trang bị cho năm chục tàu chở hàng cùng chừng ấy tàu nhẹ để đi dạo mát và vui chơi trên mặt nước. Vương quốc tôi còn gồm nhiều thành phố đẹp trên đất liền và nhiều hải đảo lớn hầu hết ở trong tầm mắt của thủ đô.

Sau khi lên ngôi, thoạt tiên tôi đi thăm các tỉnh : sau đấy tôi cho vũ trang và chuẩn bị tất cả hạm đội rồi ra tuần du các đảo để, bằng sự có mặt của mình, hòa hợp nhân tâm trăm họ và cổ vũ họ làm nghĩa vụ. Từ các hải đảo về được ít lâu, tôi lại trở ra ; những chuyến đi đi về về ấy cho tôi làm quen ít nhiều với nghề hàng hải và khiến tôi say mê nó đến nỗi tôi nhất định sẽ đi thám hiểm những nơi xa xôi ngoài hải đảo của mình. Vì mục đích đó, tôi cho chuẩn bị mười chiếc tàu thôi, rồi cho giương buồm khởi hành.

Chuyến đi của chúng tôi thuận lợi suốt bốn mươi ngày liền ; nhưng đến đêm thứ bốn mươi mốt, gió thổi ngược chiều rất dữ dội, một cơn bão lớn nổi lên, tưởng chừng như sắp nhận chìm chúng tôi. Tuy nhiên, sóng gió dịu lại, mây mù tan đi, mặt trời ló ra làm cho thời tiết trở nên tốt, chúng tôi ghé vào một hòn đảo nghỉ lại hai ngày để lấy sức. Xong đâu đấy, chúng tôi lại ra khơi. Sau mười ngày lênh đênh trên mặt biển, chúng tôi bắt đầu hy vọng trông thấy đất liền, bởi vì cơn bão vừa qua đã làm cho tôi thay đổi ý định và ra lệnh quay tàu trở về nước, thì tôi chợt nhận ra người hoa tiêu không biết tàu hiện đang ở đâu. Đúng như vậy, vào ngày thứ mười một, thủy thủ được lệnh leo lên ngọn cột buồm chính để nhận đường, báo cáo rằng từ bên phải cũng như từ bên trái chỉ có trời và biển đến tận chân mây, nhưng trước mặt, phía mũi con tàu trông thấy có một mảng đen lớn.

Nghe báo cáo, người hoa tiêu biến sắc, một tay giật khăn đội đầu ném xuống sàn tàu, một tay đấm vào mặt, và kêu lên : « Ôi ! chúng ta nguy mất rồi, tâu bệ hạ ! Không một ai trong chúng ta có thể thoát được tai họa chúng ta đang lâm vào : và với tất cả kinh nghiệm của tôi, tôi cũng không đủ sức để bảo vệ bệ hạ ». Y vừa nói vừa khóc òa như một kẻ biết chắc mình không có cách nào tránh khỏi chết, và nỗi tuyệt vọng của y gieo rắc sự kinh hãi trong cả con tàu. Tôi hỏi lý do tại sao y tuyệt vọng như vậy. Y đáp : « Than ôi, tâu bệ hạ, cơn bão hôm trước đã làm cho chúng ta đi lạc xa đến mức trưa mai, chúng ta sẽ đến gần cái mảng đen ấy, nó là một quả núi đen có nam châm, ngay từ lúc này, đã bắt đầu hút cả hạm đội của bệ hạ vào, bởi vì con tàu có nhiều đinh và vật bằng sắt. Ngày mai, khi chúng ta đi đến một khoảng cách nào đó, sức hút của nam châm sẽ mãnh liệt đến nỗi tất cả đinh trên tàu sẽ tự nhổ ra và bay tới, bám vào núi : tàu bè sẽ rã ra và chìm. Vì nam châm có đặc tính hút sắt và qua sự hút đó, càng làm cho ngọn núi mạnh hơn lên, cho nên ở phía quay về biển, ngọn núi ấy phủ đầy những chiếc đinh của không biết bao nhiêu chiếc tàu đã vì nó mà làm nạn, làm cho nam châm được bảo toàn đồng thời ngày một tăng thêm đặc tính của nó. Ngọn núi ấy, — người hoa tiêu nói tiếp, — lại rất hiểm trở ; trên đỉnh núi có một tháp hình vòm bằng đồng nguyên chất đặt trên những cột cũng bằng kim loại ấy ; trên tháp ngất nghểu một con ngựa cũng bằng đồng ; trên mình ngựa là một kỵ sĩ ngực được che bằng một tấm chì trên đó có khắc những chữ yểm bùa. Tâu bệ hạ, theo truyền thuyết thì cái tượng ấy là nguyên nhân chính gây nên tổn thất cho biết bao tàu bè và nhân mạng chết đuối ở chỗ này ; và nó sẽ vẫn còn là tai họa chết người cho tất cả những ai không may đến gần nó, cho tới khi nó bị lật nhào ».

Người hoa tiêu nói xong lại khóc, và nước mắt của y làm cho tất cả đoàn thủy thủ trên tàu đều sa lệ. Bản thân tôi không tin là tôi sắp đến ngày tận số. Tuy vậy, mỗi người vẫn nghĩ tới cách bảo toàn tính mạng của mình bằng một biện pháp có thể. Trong nỗi phân vân không biết chuyện gì sẽ xảy ra, họ đều làm di chúc nói rõ rằng những ai sống sót sẽ được thừa kế những kẻ sẽ qua đời.

Sáng hôm sau, chúng tôi nhìn thấy rõ mồn một quả núi đen, và những chuyện người ta kể về nó lại càng ghê gớm hơn lúc mới nghe. Đến trưa, chúng tôi tới khá gần, đến nỗi đã cảm thấy được điều người hoa tiêu nói hôm trước. Chúng tôi nhìn thấy những chiếc đinh và các vật khác bằng sắt bay về phía núi, và chịu sức hút cắm sâu vào, phát ra những tiếng ghê rợn. Các con tàu tan rã và chìm xuống đáy biển, ở chỗ ấy nước sâu đến nỗi dòng dây dò cũng không sao chạm tới đáy. Tất cả đội quân của tôi đều chết đuối. Riêng tôi, do Thượng đế đoái thương, tôi nhanh tay bám ngay vào một tấm ván được gió thổi giạt thẳng vào chân núi, đúng chỗ có những bậc thang để trèo lên đỉnh, nhờ vậy không bị đau đớn gì.

Trông thấy những bậc thang ấy, tôi rất mừng, liền tạ ơn Thượng đế (bởi vì bên phải bên trái không đâu có một chỗ nào khả dĩ đặt được bàn chân để có thể thoát chết). Tôi bắt đầu leo lên các bậc thang quá chật hẹp, thẳng đứng và khó đi đến nỗi chỉ cần gió thổi mạnh lên một ít là tôi đã có thể ngã lộn đầu xuống bể rồi. Nhưng cuối cùng tôi cũng leo lên được trên cao. Tôi liền vào trong cái tháp hình vòm quỳ xuống tạ ơn trời đất.

Tôi ngủ đêm dưới cái vòm ấy : trong giấc ngủ, một cụ già đáng kính hiện ra trước mặt và bảo tôi

« Agip, hãy nghe đây, khi nào con thức dậy, hãy đào đất ở dưới chân ; con sẽ tìm thấy một cái cung bằng đồng và ba mũi tên bằng chì được làm ra để giải thoát loài người khỏi biết bao khổ hạnh đang đe dọa họ. Con hãy nhắm vào bức tượng mà phóng ba mũi tên ấy ; viên kỵ sĩ sẽ nhào xuống biển, còn con ngựa nhào xuống bên cạnh con : con sẽ chôn nó đúng vào chỗ con lấy cung và tên. Làm xong việc đó, biển sẽ trương ra và dâng lên tận chân cái tháp, cao ngang ngọn núi. Khi biển đã dâng tới đấy rồi, con sẽ thấy một chiếc xuồng nhỏ cập bờ, trên xuồng chỉ có độc một người hai tay cầm hai mái chèo. Con người ấy cũng bằng đồng nhưng khác hẳn con người mà con đã bắn nhào. Con hãy xuống xuồng cùng với nó và cứ để mặc nó đưa con đi. Trong mười ngày, sang một biển khác ở đấy con sẽ tìm được phương tiện để trở về nhà an toàn trót lọt, miễn là, con chớ đọc đến tên Thượng đế trong suốt cuộc hành trình. »

Cụ già nói với tôi như vậy. Vừa tỉnh giấc, tôi liền đứng lên, hết sức vui mừng với những điều mộng báo. Tôi làm ngay điều cụ già căn dặn : Tôi đào lấy chiếc cung và các mũi tên lên, rồi nhằm bức tượng bắn. Đến mũi tên thứ ba, tượng nhào xuống bể, còn con ngựa thì ngã xuống cạnh tôi. Tôi chôn nó vào chỗ đã đào lấy chiếc cung và mũi tên : trong khoảng thời gian ấy, biển trương lên dần dần. Khi mặt biển dâng lên tận chân cái tháp cao hình vòm, ngang ngọn núi, tôi thấy đằng xa trên mặt biển, một chiếc xuồng tiến về phía tôi. Tôi tạ ơn Thượng đế khi thấy mọi việc xảy ra khớp với những điều nghe trong giấc mộng. Chiếc xuồng cập bờ, và tôi nhìn thấy người bằng đồng giống hệt cụ già. Tôi bước xuống xuồng và tránh không đọc đến tên Thượng đế, hoặc thốt ra một lời nào khác. Tôi ngồi xuống ; con người bằng đồng chèo xuồng ra xa

quả núi. Nó chèo liên tục cho đến ngày thứ chín ; nhiều hòn đảo hiện ra làm cho tôi tin chắc mình sắp thoát sự hiểm nghèo. Nỗi vui mừng thái quá làm tôi quên bẵng điều cấm đoán. Tôi thốt lên : « Nhờ ơn Thượng đế ! Cảm tạ Thượng đế ! »

Tôi chưa nói dứt lời thì chiếc xuồng đã chìm xuống đáy biển cùng với con người bằng đồng. Tôi nổi trên mặt nước, và suốt ngày hôm đó cố bơi về phía bờ mà tôi cho là gần hơn cả. Tiếp đó là một đêm tối om ; tôi không còn biết mình ở đâu nữa cho nên cứ bơi bừa. Cuối cùng kiệt sức, tôi bắt đầu không còn hy vọng thoát chết thì gió thổi mạnh lên, và một con sóng lớn bằng quả núi hắt tôi lên một bãi cát rồi rút ra, để tôi lại đó. Tôi vội vàng chạy sâu vào đất liền, sợ một con sóng khác lại vào cuốn đi chăng, và việc đầu tiên là cởi áo quần, vắt kiệt nước rồi trải ra cát còn giữ hơi nóng mặt trời ban ngày để hong cho khô.

Ngày hôm sau, chẳng mấy chốc nắng làm cho áo quần tôi khô hẳn. Tôi mặc áo và đi sâu vào để xem mình đang ở đâu. Chưa đi được bao lâu tôi đã nhận ra được là mình đang ở trên một hoang đảo nhỏ khá đẹp mắt, có nhiều loại cây ăn quả và cây dại. Nhưng đảo cách đất liền khá xa, nhận xét này làm giảm đi rất nhiều nỗi mừng vừa thoát được nạn đắm tàu. Tuy nhiên, tôi trở lại phó thác vào Thượng đế, tin rằng Người sẽ định đoạt số phận mình, khi nhìn thấy một chiếc tàu nhỏ giương buồm từ đất liền chạy hết tốc lực, hướng thẳng vào hòn đảo tôi đang ở.

Tin chắc rằng thế nào chiếc tàu sẽ đến buông neo ở đây, và chưa biết rõ những người đi trên đó là bạn hay là thù, tôi nghĩ mình chưa nên ra mặt ngay. Tôi trèo lên một cây khá rậm rạp, từ đấy có thể tha hồ quan sát thái độ của họ mà không sợ xảy ra việc gì. Chiếc

tàu ghé vào một cù lao nhỏ, và mười tên nô lệ lên bờ mang theo một cái thuổng và các dụng cụ đào đất. Họ đi vào giữa đảo, tôi nhìn thấy họ dừng lại và cuốc xới một lát, rồi qua cử chỉ của họ, tôi đoán họ đang nâng một cánh cửa nắp lên. Sau đó họ trở lại chiếc tàu, bốc dỡ nhiều thức ăn và giường ghế, rồi mỗi tên vác một thứ đến chỗ chúng vừa cuốc và đi lọt xuống, làm cho tôi hiểu rằng ở đấy có một cái hầm ngầm. Tôi thấy họ trở lại chiếc tàu một lần nữa, rồi lát sau đi lên bờ cùng với một cụ già dẫn theo một thiếu niên mười bốn, mười lăm tuổi trông rất khôi ngô. Tất cả đều xuống chỗ có chiếc nắp mở sẵn ; và khi họ trở lên và hạ cửa nắp trở lại, phủ kín đất rồi ra về, phía cù biển, nơi chiếc tàu buông neo, tôi nhận ra chàng thiếu niên không cùng đi với họ ; từ đấy tôi kết luận là chàng ở lại dưới hầm ngầm, và ý nghĩ đó làm cho tôi cực kỳ kinh ngạc.

Cụ già và các tên nô lệ lại xuống tàu, và tàu lại giương buồm lên đường trở về đất liền. Khi thấy con tàu đã đi xa, các thủy thủ không thể nhìn thấy mình được nữa, tôi tụt xuống cây và vội vàng đến nơi vừa trông thấy họ cuốc. Tôi cũng đào bới cho tới khi tìm được một phiến đá vuông rộng mỗi bề chừng hai, ba bộ, tôi lật lên và thấy nó che lấp lối xuống một cầu thang cũng xây bằng đá. Tôi bước xuống và thấy mình ở trong một căn phòng rộng trải thảm và có kê một chiếc sập, trên sập trải một tấm thảm khác và có những gối tựa bọc vải đắt tiền ; chàng thiếu niên ngồi ở đấy tay cầm chiếc quạt. Tôi nhận rõ những vật ấy, cũng như những trái cây và các lọ hoa để bên cạnh chàng, nhờ ánh sáng của hai cây nến chiếu rọi.

Chàng thiếu niên hoảng hốt khi nhìn thấy tôi. Nhưng, để làm yên lòng chàng, vừa bước vào tôi đã nói :
« Thưa ngài, cho dù ngài là ai, cũng xin đừng sợ hãi ;

một nhà vua và con của vua như tôi đây không có khả năng gây nên cho ngài bất cứ điều xúc phạm nhỏ nhất nào ; ngược lại chính có lẽ vận may của ngài đã xui khiến tôi có mặt ở nơi đây để cứu ngài ra khỏi nấm mồ này, mà hình như người ta đã chôn sống ngài vì những lý do tôi không rõ. Nhưng, điều làm tôi bối rối và không thể nào hiểu nổi (bởi vì xin nói với ngài : tôi đã chứng kiến tất cả những gì xảy ra từ khi ngài đến hòn đảo này) là hình như ngài để cho chôn sống nơi đây mà không hề kháng cự. »

Yên tâm vì những lời đó, chàng thiếu niên tươi cười mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Tôi ngồi xuống, chàng liền nói : « Thưa hoàng tử, tôi xin nói để ngài rõ một điều sẽ làm ngài ngạc nhiên vì sự đặc biệt của nó. Cha tôi là một nhà buôn vàng ngọc rất giàu có nhờ sức lao động và tài tháo vát trong nghề nghiệp của mình. Người có một số đông nô lệ và những người giúp việc, họ đi lại bằng đường biển trên những chiếc tàu của cha tôi để duy trì mối liên lạc với các triều đình mà cha tôi cung cấp các đồ ngọc họ cần.

Cha tôi lập gia đình đã lâu mà chưa có con, thì một hôm được báo mộng rằng sẽ sinh hạ một con trai nhưng nó sẽ không sống được lâu. Điều đó làm cho Người rất buồn khi tỉnh giấc. Mấy hôm sau, mẹ tôi cho biết là đã có thai, và tính ra thời gian mình thụ thai trùng hợp với ngày cha tôi được báo mộng Sau chín tháng, mẹ tôi sinh ra tôi, làm cho tất cả gia đình mừng vui. Cha tôi theo dõi sát giờ tôi ra đời và đi hỏi các nhà chiêm tinh, họ nói : « Con trai cụ sẽ sống không gặp tai nạn gì cho đến năm mười lăm tuổi. Đến lúc ấy, cậu sẽ phải trải qua một nỗi hiểm nghèo có thể hại đến tính mạng và có lẽ cũng khó mà qua được. Tuy vậy, nếu nhờ ơn trên mà cậu qua khỏi cái hạn này, thì cậu sẽ sống rất lâu. Bởi vì đến thời gian đó, —họ nói thêm—

bức tượng người đồng cưỡi ngựa trên đỉnh núi nam châm sẽ bị hoàng tử Agip, con vua Cápxit lật nhào xuống bể, và các ngôi sao chiếu mệnh chỉ rằng, năm mươi ngày sau, con trai cụ sẽ bị chính hoàng tử ấy giết chết ».

Vì lời tiên đoán ấy phù hợp với điềm mộng của cha tôi, người xúc động và buồn bã vô cùng. Tuy vậy người không lơ là việc giáo dục tôi thật là chu đáo cho đến năm nay đây, là năm tôi mười lăm tuổi. Hôm qua, cha tôi được tin tượng kỵ sĩ bằng đồng đã bị hoàng tử mà tôi vừa gọi tên ấy hất nhào xuống biển từ mười ngày nay. Tin ấy làm cho Người rơi không biết bao nhiêu nước mắt và làm cho Người hoảng hốt đến nỗi không ai còn nhận ra được Người như lúc bình thường nữa.

Dựa vào lời tiên đoán của các nhà chiêm tinh, cha tôi tìm cách đánh lừa ngôi sao chiếu mệnh tôi, để giữ cho tôi khỏi chết. Từ lâu, Người đã cẩn thận cho xây sẵn chỗ ở này, phòng khi được tin bức tượng bị lật nhào thì đưa tôi đến ẩn cho qua năm mươi ngày. Bởi vậy, khi nghe tin bức tượng đó đổ cách đây mười ngày, người vội vàng đưa tôi đến ẩn náu nơi đây, và hứa bốn mươi ngày nữa sẽ trở lại đón. Về phần tôi, — chàng thiếu niên nói tiếp — tôi chả tin là hoàng tử Agip lại đến tìm tôi mãi ở dưới đất, trên một hòn đảo hoang vu thế này. Thưa ngài, đấy là tất cả những điều tôi thưa cùng ngài. »

Trong khi con trai nhà buôn vàng ngọc kể chuyện cậu ta, tôi chế giễu thầm các nhà chiêm tinh đã tiên đoán là tôi sẽ giết cậu, và tôi tin chắc lời tiên đoán ấy sẽ không trở thành hiện thực, bởi vậy chàng vừa dứt lời, tôi đã sôi nổi nói ngay : « Thưa ngài thân mến, xin ngài hãy tin tưởng ở lòng nhân từ của Thượng đế và chớ nên sợ hãi điều gì. Ngài hãy cho rằng đó là một

món nợ phải trả và từ giờ phút này ngài đã trả xong. Tôi rất sung sướng, sau khi đắm tàu, được có mặt đúng lúc ở đây để bảo vệ ngài chống những kẻ muốn hại ngài. Tôi sẽ không rời xa ngài suốt bốn mươi ngày sắp tới mà những lời tiên đoán của bọn bói toán làm ngài lo lắng. Trong thời gian ấy, tôi sẽ đỡ đần ngài mọi công việc tôi có thể làm. Sau đó, tôi sẽ lợi dụng dịp tốt để trở về đất liền trên chiếc tàu của ngài, nếu thân sinh ngài và ngài cho phép ; và khi đã về đến nước nhà, tôi sẽ không quên ơn ngài ; tôi sẽ xin cố gắng tỏ rõ lòng biết ơn một cách xứng đáng. »

Những lời nói của tôi làm con nhà buôn vàng ngọc yên tâm và tin cậy. Tôi tránh không nói chính mình là ngài Agip mà chàng đang sợ, và rất lưu ý giữ gìn để không gây cho chàng ngờ vực chút nào. Chúng tôi hàn huyên cho đến tận đêm về nhiều chuyện, và tôi nhận thấy chàng thiếu niên khá thông minh. Chúng tôi cùng ăn những thức ăn trữ sẵn trong hầm : chàng mang theo nhiều thức ăn đến nỗi giá có thêm nhiều khách khác nữa ngoài tôi, bốn mươi ngày sau vẫn ăn chưa hết. Dùng bữa tối xong, chúng tôi tiếp tục chuyện trò một lúc nữa rồi đi ngủ.

Sáng hôm sau khi chàng vừa ngủ dậy, tôi mang đến một chậu nước. Chàng rửa mặt, tôi làm thức ăn và dọn ra khi đến bữa. Sau bữa ăn, tôi nghĩ ra một trò chơi để giải trí không chỉ trong ngày hôm ấy mà cả những ngày sau. Tôi sửa soạn bữa chiều cũng giống như đã làm bữa sáng. Chúng tôi ăn rồi đi nghỉ y như ngày hôm trước.

Thời gian làm cho chúng tôi thân nhau. Tôi nhận thấy chàng rất mến tôi, và về phần mình, tôi cũng mến yêu chàng nồng nhiệt đến nỗi nhiều lần tôi tự bảo những nhà chiêm tinh đã tiên đoán với cha chàng rằng con trai cụ sẽ bị chết vì bàn tay tôi quả là những tên

bịp bợm ; làm sao tôi có thể phạm một hành động độc ác như vậy. Tóm lại, thưa bà, chúng tôi đã sống ba mươi chín ngày hết sức dễ chịu trong cái hầm ngầm ấy.

Ngày thứ bốn mươi đến. Sáng sớm vừa tỉnh dậy, chàng thiếu niên đã tới với tôi, giọng sôi nổi như không nén được nỗi mừng vui : « Thưa hoàng tử, hôm nay thế là đến ngày thứ bốn mươi rồi mà tôi chưa chết, đó là nhờ ơn Thượng đế và nhờ có ngài làm bạn. Chẳng bao lâu nữa, cha tôi sẽ không quên cảm tạ ngài và cung cấp cho ngài đủ phương tiện và tiện nghi cần thiết để ngài trở về quý quốc. Nhưng trong khi chờ đợi, — chàng nói thêm — tôi xin ngài vui lòng đem giúp cho tôi ít nước nóng và cho vào cái bồn tắm mang theo : tôi muốn tắm rửa toàn thân và thay áo quần để đón cha tôi cho đàng hoàng. »

Tôi đặt nước lên bếp và chờ cho nước ấm, tôi cho vào đầy cái bồn tắm di động. Chàng thiếu niên ngồi vào bồn tôi tự tay tắm vừa kỳ cọ cho chàng. Tắm xong, chàng nằm lên chiếc giường mà tôi đã sắp sẵn. Tôi đắp chăn cho chàng. Sau khi nghỉ ngơi và ngủ được một chốc, chàng nói : « Thưa hoàng tử, xin ngài vui lòng mang lại đây giúp tôi một quả dưa hấu và đường, tôi muốn ăn cho mát ».

Tôi chọn quả tốt nhất trong số dưa hấu còn lại, đặt lên một cái đĩa, và vì không thấy có dao để bổ tôi hỏi chàng có biết dao để ở đâu không. Chàng đáp : « Có một con, để ở cái đầu cột phía trên đầu tôi kia ». Quả nhiên, tôi nhìn thấy một con dao, nhưng bởi quá vội vàng thành ra khi cầm được con dao trong tay thì chân lại vướng vào chăn, tôi ngã xuống và không may đè lên người chàng thiếu niên, làm cho lưỡi dao đâm thọc vào tim chàng. Chàng chết ngay lúc ấy.

Trông thấy cảnh tượng đó, tôi bật ra những tiếng kêu khủng khiếp. Tôi tự đấm vào đầu, vào mặt và vào

ngực mình; tôi xé toạc áo quần và lăn lộn ra đất, đau đớn và hối hận không thể nào tả xiết. «Than ôi! — tôi kêu lên — chỉ còn mấy giờ nữa thôi là chàng thoát khỏi cơn hiểm nghèo khiến chàng phải đi tìm nơi ẩn náu và trong khi chính ta cũng tin rằng nỗi nguy hiểm đã qua rồi thì ta lại trở thành kẻ sát hại chàng, làm cho lời tiên đoán biến thành sự thật. Nhưng, hỡi Thượng đế, — tôi ngẩng đầu đưa hai tay lên trời và nói tiếp, — xin Người hãy tha tội cho con, nếu con đã là thủ phạm gây nên cái chết của chàng thì xin Thượng đế chớ để cho con sống lâu hơn nữa.»

Sau tai họa vừa xảy ra, tôi sẵn sàng đón nhận cái chết không chút sợ hãi. Nhưng điều dữ cũng như điều lành không bao giờ đến với tôi như tôi mong ước. Tôi nghĩ rằng những giọt nước mắt và nỗi đau của mình cũng chẳng làm cho chàng thiếu niên sống lại được nào, mà bốn mươi ngày sắp sửa trôi qua, tôi có thể bị thân phụ chàng bắt giữ, tôi liền ra khỏi cái hầm ngầm và leo lên cầu thang. Tôi hạ phiến đá lớn lấp lối đi vào rồi phủ đất lên trên.

Làm vừa xong công việc đó, tôi nhìn ra biển về phía đất liền, tôi trông thấy chiếc tàu đến đón chàng thiếu niên. Tôi suy nghĩ xem nên làm gì đây, rồi tự nhủ: « Nếu ta lộ mặt, chắc chắn cụ già sẽ cho bọn nô lệ bắt và giết chết ngay khi ông cụ nhìn thấy tình trạng con trai. Cho dù ta có biện bạch thế nào chăng nữa cũng không thể làm cho ông cụ tin là ta vô tội. Chi bằng ta tránh mặt đi, còn hơn là đưa thân ra mà chịu mối căm hờn của ông cụ ».

Gần cái hầm ngầm có một cây to cành lá rậm rịt, tôi thấy có thể nấp ở đấy được. Tôi trèo lên, và vừa loay hoay tìm được chỗ nấp sao cho khỏi bị trông thấy, thì chiếc tàu đã cập bến đúng vào chỗ ghé hôm nọ.

Cụ già cùng bọn nô lệ lên bờ ngay, và đi về phía hầm ngầm với bộ điệu chứng tỏ họ có ít nhiều hy vọng; nhưng khi trông thấy đất vừa mới xới lên, tất cả đều biến sắc, đặc biệt là cụ già. Họ nâng phiến đá lên rồi chui xuống. Họ gọi tên chàng thiếu niên, không có tiếng đáp, nỗi lo sợ của họ càng tăng thêm. Họ tìm kiếm, và trông thấy chàng nằm dài trên giường, lưỡi dao cắm vào đúng giữa tim, bởi vì tôi đã không có đủ can đảm rút dao ra. Trông thấy cảnh tượng ấy, họ thét lên những tiếng kêu đau đớn, những tiếng kêu ấy làm khuấy động cả nỗi đau đớn của chính tôi. Cụ già ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Để cho cụ ra được chỗ thoáng, bọn nô lệ bế cụ lên, đặt nằm ngay dưới gốc cây tôi đang nấp.

Mặc dù được chăm sóc như vậy, người cha tội nghiệp vẫn mê man một lúc khá lâu, và nhiều khi đã làm cho bọn nô lệ tưởng cụ già khó lòng qua khỏi.

Tuy nhiên, rồi ông cụ cũng hồi tỉnh sau cơn ngất khá lâu. Thế là bọn nô lệ mang thi hài con trai ông cụ được mặc những bộ áo quần đẹp nhất mới mang đến, và đào mộ xong, họ hạ huyệt. Cụ già mặt đầm đìa nước mắt, có hai tên nô lệ dìu, ném xuống một vài nắm đất đầu tiên, sau đó bọn nô lệ lấp kín huyệt.

Làm xong công việc ấy, họ mang giường ghế và thức ăn còn lại dưới hầm ngầm lên và xếp xuống tàu. Sau đó, cụ già không đứng vững nữa vì đau đớn quá, được đặt lên một thứ cáng và khiêng đi. Tàu giương buồm, rời đảo và chẳng bao lâu đi khuất ngoài tầm mắt tôi.

Trên hoang đảo, chỉ còn lại mình tôi, ban đêm tôi xuống ngủ dưới cái hầm không bị lấp, ban ngày tôi đi dạo quanh đảo và khi nào thấy cần thì dừng lại ở những chỗ sạch sẽ nhất để nghỉ ngơi.

Tôi sống cuộc đời chán chường ấy suốt một tháng. Sau thời gian ấy, tôi nhận ra biển co lại khá nhiều và hòn đảo vươn rộng thêm ra ; hình như đất liền nhích gần lại. Đúng như vậy, nước rút xuống đến nỗi giữa đất liền và tôi chỉ còn một khoảng biển hẹp. Tôi lội qua, nước chỉ ngập nửa ống chân. Đi bộ trên bãi cát rất lâu, tôi rất mệt. Cuối cùng, tôi đến được một nơi đất rắn hơn, và đi cách bờ biển khá xa thì trông thấy tít tắp đằng trước mặt hình như có một đám lửa lớn, làm cho tôi vui lên một chút. Tôi tự bảo : may ra ta có thể gặp được người nào, không có lẽ lửa tự nó cháy lên. Nhưng càng đến gần tôi càng vỡ nhẽ là mình nhầm ; chỉ lát sau tôi nhận ra cái mà tôi cho nó là đám lửa ấy kỳ thực là một tòa lâu đài bằng đồng đỏ, ánh nắng dọi vào làm cho từ xa nom như bốc lửa.

Tôi dừng lại gần tòa lâu đài ấy và ngồi xuống, vừa để ngắm nghía cấu trúc tuyệt đẹp của nó vừa để lấy lại một chút hơi sức. Tôi chưa kịp quan sát kỹ lưỡng cho đáng với ngôi nhà tráng lệ ấy thì chợt trông thấy mười chàng trẻ tuổi tuấn tú và có vẻ như vừa đi dạo mát trở về. Nhưng điều tôi cho là khá kỳ cục, là tất cả đều bị chột mắt bên phải. Họ đi theo một cụ già cao lớn và có vẻ đáng kính.

Tôi ngạc nhiên lạ lùng sao lại gặp bấy nhiêu người chột cùng một lúc và cùng mất đúng một bên mắt. Trong lúc tôi đang cố suy nghĩ, chuyện gì xảy ra làm cho họ tập hợp lại một nơi, thì họ đã đến gần và tỏ vẻ vui mừng được gặp tôi. Sau những lời chào hỏi đầu tiên, họ hỏi tôi vì sao đến đây. Tôi đáp câu chuyện của tôi khá dài dòng, nếu các vị vui lòng ngồi xuống tôi xin trình bày điều các vị muốn biết. Họ ngồi xuống tôi kể cho họ nghe những việc đã xảy ra cho tôi từ

ngày từ giã đất nước mình cho đến lúc bấy giờ, và họ đều rất lấy làm ngạc nhiên về những chuyện đó.

Khi tôi kể xong, các chàng trẻ tuổi ấy mời tôi cùng họ vào trong lâu đài. Tôi nhận lời. Chúng tôi đi qua vô số là buồng ngoài, buồng đợi, phòng riêng và phòng làm việc, đồ đạc rất sạch sẽ, rồi đến một phòng khách lớn, ở đấy có mười chiếc bục nhỏ màu xanh và kê tách biệt thành vòng tròn, vừa dùng để ngồi và nghỉ ban ngày vừa để ngủ đêm. Chính giữa vòng tròn ấy là một chiếc bục thứ mười một, cùng màu sắc nhưng thấp hơn. Cụ già tôi đã nói đến ngồi lên chiếc bục ở giữa, còn các ngài trẻ tuổi ngồi những chiếc bục chung quanh.

Vì mỗi chiếc bục chỉ ngồi được một người, một chàng trẻ tuổi liền bảo tôi :« Bạn hãy ngồi xuống tấm thảm chính giữa, và chớ có hỏi han về bất cứ những gì có liên quan đến chúng tôi, hoặc hỏi vì sao tất cả chúng tôi đều chột mắt bên phải : bạn hãy bằng lòng chỉ nhìn xem thôi, không nên tò mò hơn nữa. »

Cụ già không ngồi yên lâu. Cụ đứng dậy và đi ra nhưng chỉ lát sau trở lại mang bữa cơm chiều cho mười chàng trẻ tuổi ; cụ chia khẩu phần riêng cho từng người. Cụ cũng đưa cho tôi một suất, tôi bắt chước những người khác ăn một mình ; và đến cuối bữa ăn cũng chính cụ già ấy mang cho mỗi người một cốc rượu.

Họ cho câu chuyện của tôi kỳ lạ đến nỗi sau khi ăn xong, họ bắt tôi thuật lại lần nữa ; và nó trở thành đầu đề bàn luận suốt cả phần lớn đêm ấy. Một chàng chợt nhớ ra đêm đã về khuya, liền bảo cụ già « Bác thấy đã đến lúc đi ngủ, thế mà bác chưa đưa đến cho chúng tôi những thứ cần để chúng tôi làm phận sự ». Nghe nói, cụ già liền đứng dậy đi vào một căn buồng

rồi lần lượt mang ra mười cái chậu, tất cả đều phủ vải xanh. Cụ già đặt trước mặt mỗi chàng một cái chậu và một cây đuốc.

Họ mở chậu ra, bên trong đựng tro, than bột và bồ hóng. Họ trộn lẫn những thứ ấy lại với nhau, rồi bắt đầu chà lên và bôi nhọ nhem mặt mũi cho đến lúc nhìn phát khiếp lên. Sau khi bôi đen mặt mũi như vậy rồi, họ bắt đầu khóc lóc và vừa đấm đầu đấm ngực vừa luôn miệng kêu than : « Đây là kết quả của sự ăn không ngồi rồi và những trác táng của chúng tôi đây »...

Thưa bà, xin bà hãy hình dung sự bực bội của tôi trước thời gian đó. Biết bao nhiêu lần tôi đã định phá tan sự im lặng mà các ngài ấy buộc tôi phải giữ để cất lời hỏi họ, và suốt đêm hôm ấy, tôi không thể nào ngủ được.

Ngày hôm sau, vừa tỉnh giấc, khi chúng tôi ra ngoài trời để thở hít không khí, tôi hỏi họ : « Thưa quý ngài, tôi tuyên bố là tôi không chấp nhận cái luật lệ các ngài đề ra cho tôi tối hôm qua : tôi không tuân thủ nó nữa đâu. Các ngài đều là những con người khôn ngoan và thông minh rất mực, điều đó đã rõ ; ấy thế nhưng tôi lại trông thấy các ngài có những hành động mà trừ những kẻ mất trí ra, không ai có thể làm. Cho dù có tai họa nào xảy đến với tôi chăng nữa, tôi cũng không thể cầm lòng không hỏi vì sao các ngài lại đi bôi tro, than và bồ hóng lên mặt, và sau nữa vì sao tất cả các ngài chỉ còn mỗi một con mắt ? Chắc hẳn phải có một điều gì đó rất kỳ lạ gây nên : bởi vậy tôi van các ngài hãy vui lòng cho tôi rõ ». Đáp lại những lời van nài khẩn thiết như vậy, họ chỉ một mực nói là những điều tôi hỏi chẳng có quan hệ gì đến tôi, tôi chẳng có chút ích lợi gì ở đây và hãy nghỉ yên.

Ban ngày, chúng tôi chuyện trò về những việc không đâu, rồi đêm đêm, sau khi ăn tối riêng rẽ, cụ già lại mang các chậu xanh đến : các chàng trẻ tuổi lại bôi mặt lọ lem, lại tự đấm mình mà kêu than : « Đây là kết quả của sự ăn không ngồi rồi và những trác táng của chúng tôi ! ». Ngày hôm sau và những hôm sau nữa, họ vẫn làm những hành động đó.

Cuối cùng không kìm nổi sự hiếu kỳ nữa, tôi đòi hỏi họ một cách rất nghiêm chỉnh hoặc là nói cho tôi biết hoặc là chỉ cho tôi con đường để tôi có thể trở về nước nhà, bởi vì tôi không thể nào ở lại với họ lâu hơn nữa, để tối nào cũng phải chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng như vậy mà không được phép tìm hiểu căn nguyên.

Một người trả lời tôi thay cho tất cả : « Xin ngài chớ ngạc nhiên về thái độ của chúng tôi đối với ngài : nếu cho đến tận bây giờ chúng tôi chưa vâng theo những lời yêu cầu của ngài, chẳng qua là vì tình thân hữu và để tránh cho ngài nỗi buồn phải lâm vào tình trạng như chúng tôi đây thôi. Nếu ngài muốn nếm qua cái số phận khốn khổ của chúng tôi, xin ngài cứ việc nói ra, chúng tôi sẵn sàng làm theo ý muốn của ngài. » Tôi nói với họ rằng tôi quyết tâm chịu đựng đủ mọi điều. Chàng trai trẻ ấy lại nói : « Một lần nữa chúng tôi khuyên ngài nên kìm hãm sự tò mò : nó sẽ làm cho ngài thiệt mất con mắt bên phải đấy. »

— Không hề gì, — tôi đáp, — tôi xin nói rõ rằng nếu điều không may ấy xảy ra cho tôi, tôi sẽ không đổ tại các ngài gây nên, mà nhận là lỗi chỉ tại ở chính mình mà thôi.

Chàng lại cho tôi biết rằng, sau này nếu tôi đã bị mất đi một mắt, tôi sẽ không thể hy vọng được ở lại đây cùng với họ, giả dụ rằng tôi muốn như vậy, bởi

[illegible] rồi, không thể tăng thêm hơn nữa. Tôi [illegible] sẽ lấy làm thích thú nếu được không bao giờ phải xa rời những con người trung hậu như họ; nhưng nếu bắt buộc phải xa thì tôi lại cũng sẵn sàng phục tùng, bởi vì với bất cứ giá nào, tôi cũng mong họ đáp ứng điều tôi yêu cầu.

Mười người trai trẻ thấy quyết tâm của tôi không lay chuyển, liền bắt một con cừu, cắt tiết, rồi sau khi lột da, họ đưa cho tôi con dao họ vừa dùng và nói: « Ngài hãy cầm lấy con dao này, nó sẽ giúp ích ngài vào cái dịp mà chúng tôi sắp nói để ngài rõ đây. Ngài sẽ khoác tấm da này lên người và chúng tôi sẽ khâu ngài trong đó: sau đấy chúng tôi để ngài lại đây và bỏ đi. Lúc ấy một con chim rất to mà người ta gọi là đại bàng sẽ xuất hiện trên không; tưởng ngài là một con cừu, nó sẽ sà xuống cắp và tha ngài lên tận chín tầng mây. Nhưng ngài đừng vì thế mà kinh hãi: nó sẽ bay trở lại mặt đất và đặt ngài xuống đỉnh một ngọn núi. Vừa chạm đất, ngài hãy dùng dao rạch đứt da cừu và chui ra. Con đại bàng vừa thoáng trông thấy ngài, sẽ sợ [illegible] bay đi nơi khác, để cho ngài tự do. Ngài đừng dừng lại mà cứ đi mãi cho đến khi tới một tòa lâu đài lớn kỳ diệu, phủ toàn vàng tấm, ngọc bích và các loại đá quý khác. Ngài hãy đến trước cái cổng vẫn thường xuyên bỏ ngỏ và cứ đi vào. Tất cả chúng tôi có mặt ở đây, ai cũng đều đã từng ở trong lâu đài ấy. Chúng tôi không nói với ngài là đã trông thấy những gì hoặc điều gì đã xảy ra cho chúng tôi; tự ngài khắc biết. Điều chúng tôi có thể nói với ngài là mỗi chúng tôi đều đã phải trả giá bằng con mắt bên phải và cái hình phạt mà ngài từng chứng kiến đây là một việc chúng tôi bắt buộc phải làm vì đã từng sống trong lâu đài ấy. Chuyện về riêng từng người chúng tôi đầy rẫy những sự phiêu lưu kỳ lạ có thể chép thành một cuốn

sách đây! nhưng chúng tôi không thể nói với ngài nhiều hơn nữa.»

Thưa bà, một trong số mười người chột mắt nói xong những lời mà tôi vừa thuật lại hầu bà, tôi liền chui vào tấm da cừu, tay cầm con dao họ vừa đưa cho, và sau khi các ngài ấy vui lòng khâu kín tấm da lại rồi, họ để tôi ở lại chỗ trống và trở vào phòng khách. Con đại bàng họ nói đến chẳng mấy chốc xuất hiện; nó bổ nhào xuống, cắp tôi vào giữa các móng như cắp một con cừu rồi mang tôi lên đỉnh một ngọn núi cao.

Lúc cảm thấy chạm đất, tôi dùng con dao rạch đứt tấm da, chui ra trước mặt con đại bàng, nó vừa trông thấy người là cất cánh bay đi ngay. Con đại bàng ấy là một con chim trắng to lớn kỳ dị; về sức lực thì nó khỏe đến mức có thể nhấc bổng những con voi từ dưới đồng bằng đưa lên tận đỉnh núi cao để ăn thịt.

Nôn nóng muốn chóng đến được tòa lâu đài, tôi không để mất một chút thời giờ, tôi đi vội vã đến nỗi chỉ sau chưa đến nửa ngày đường đã tới nơi, và có thể nói tôi thấy nó thực tế còn đẹp hơn là người ta mô tả.

Cổng lớn để ngỏ; tôi đi vào một cái sân vuông rộng chung quanh có chín mươi chín cửa ra vào bằng gỗ đàn hương và trầm hương, và một cửa khác bằng vàng, không kể những cửa dẫn vào các cầu thang tráng lệ đưa lên những căn phòng trên gác hoặc những căn phòng khác nữa mà tôi không nhìn thấy. Trăm cánh cửa tôi vừa nói ấy dẫn tới các khu vườn hoặc các nhà kho chứa đầy của quý, hoặc là đến những nơi đầy rẫy những vật xem thật lạ lùng.

Thấy trước mặt có một cửa mở sẵn, tôi liền bước qua đi vào một phòng khách lớn, trong phòng ngồi

sán bốn mươi thiếu phụ xinh đẹp tuyệt trần, quá mức tưởng tượng. Họ ăn mặc rất lộng lẫy. Thoạt trông thấy tôi, tất cả đều đứng lên, và không đợi tôi chào hỏi, họ tỏ ra rất mừng vui mà nói : « Chàng trai quý mến, xin chúc mừng chàng, xin chúc mừng chàng ». Rồi một nàng cất lời nói thay cho tất cả : « Đã lâu lắm chúng em chờ đợi một chàng trai giống như chàng : dáng điệu của chàng đủ cho chúng em thấy chàng có mọi phẩm cách chúng em mong ước ; và chúng em hy vọng chàng sẽ không cho sự có mặt của chúng em là khó chịu và không xứng đáng với chàng. »

Mặc dù tôi nhiều lần từ chối không chịu, họ vẫn ép tôi ngồi xuống một chỗ hơi cao hơn chỗ họ ngồi, và khi tôi tỏ ý việc đó làm cho tôi phiền lòng thì họ nói : « Đấy là chỗ của chàng, lúc này chàng là đức vua, là ông chủ, là người phán xét chúng em, còn chúng em là những nô lệ sẵn sàng nhận mệnh lệnh của chàng. »

Thưa bà, không có gì trên đời làm cho tôi ngạc nhiên bằng thái độ hăng hái và nồng nhiệt của những cô gái xinh đẹp ấy khi phục vụ tôi đủ mọi việc. Một nàng mang nước nóng đến rửa chân cho tôi, một cô khác rót nước hoa vào tay tôi ; những người này đưa đến đủ mọi thứ cần thiết cho tôi thay áo quần ; những người kia dọn cho tôi một bữa lót dạ tuyệt vời, và những người khác nữa thì tiến đến, cốc cầm ở tay, sẵn sàng rót cho tôi một thứ rượu kỳ thú ; và tất cả những công việc đó được làm không chút lộn xộn, với một trật tự và một sự phối hợp nhịp nhàng, bằng những phong thái làm cho tôi say mê. Tôi uống rượu và ăn quả ; sau đó tất cả các thiếu phụ ngồi vây quanh, yêu cầu tôi thuật cho nghe chuyến đi của tôi. Tôi kể chi tiết cho họ những việc đã xảy ra, câu chuyện kéo dài cho đến tối.

Chuyện kể xong, một vài người ngồi gần tôi nhất trong số bốn mươi thiếu phụ ấy ở lại cùng tôi chuyện trò, còn những người khác thấy trời đã tối, đứng dậy đi tìm nến. Họ mang đến rất nhiều cây và ánh nến thay thế một cách kỳ diệu ánh sáng ban ngày : các cây nến được bày biện cân xứng quá mức mong ước.

Những nàng khác dọn ra bàn các trái cây khô, mứt và các món nhắm rượu, và xếp vào một chiếc tủ rượu nhiều loại rượu vang và rượu ngọt ; những người khác nữa thì mang nhạc cụ ra. Khi mọi việc đâu vào đấy, họ mời tôi ngồi vào bàn. Các nàng cũng cùng ngồi với tôi, và chúng tôi ăn khá lâu : những người đàn sáo và ca hát đứng lên trình bày một bản hợp tấu êm dịu. Những cô khác bắt đầu một loại vũ, họ nhảy múa từng đôi, hết cặp này đến cặp khác, một cách duyên dáng nhất trần đời.

Quá nửa đêm, cuộc vui chấm dứt. Một thiếu phụ cất lời nói với tôi : « Chàng đã mệt vì chuyến đi đường hôm nay : đã đến lúc chàng đi nghỉ. Buồng riêng của chàng đã sắp sẵn, nhưng trước khi vào, xin chàng hãy chọn trong tất cả chúng em đây người nào chàng thích hơn cả, đưa vào cùng ngủ với chàng ». Tôi đáp rằng tôi sẽ không lựa chọn như thế vì tất cả các nàng đều xinh đẹp, tài trí, đều xứng đáng cho tôi kính trọng và hầu hạ. Tôi sẽ bất nhã nếu chuộng người này hơn người kia.

Thiếu phụ ấy lại nói tiếp : « Chúng em rất tin ở sự ngay thẳng của chàng, chúng em thấy rõ vì sợ làm nảy nở lòng ghen tuông giữa chúng em với nhau cho nên chàng giữ ý ; nhưng mong rằng chàng chớ vì vậy mà không lựa chọn ; chúng em xin báo trước để chàng rõ là hạnh phúc của người được chàng lựa chọn sẽ không làm cho ai ganh tị, bởi vì chúng em đã thỏa thuận với nhau, hết người này đến lượt người khác.

ngày nào cũng có một người trong bọn chúng em được hưởng hạnh phúc ấy, sau bốn mươi ngày thì lặp lại từ đầu. Vậy nên chàng hãy tự do lựa chọn và chớ để phí thời giờ nghỉ ngơi mà chàng đang cần ».

Tôi đành phải nghe theo những lời khẩn khoản của họ : tôi đưa tay cho thiếu phụ vừa nói thay tất cả chị em, nàng cầm tay tôi, và người ta đưa chúng tôi vào một căn phòng tráng lệ. Họ để hai chúng tôi ở đấy ; các thiếu phụ khác về phòng riêng của mình.

Sáng hôm sau, tôi vừa mặc xong quần áo, thì ba mươi chín thiếu phụ khác đã đến phòng tôi, tất cả đều ăn vận khác ngày hôm trước. Họ chào và hỏi thăm sức khỏe tôi. Sau đó, họ dẫn tôi vào buồng tắm ; họ tự tay tắm rửa cho tôi và mặc dù tôi không đồng ý, họ vẫn giúp tôi đủ mọi việc cần thiết ; và khi tôi tắm xong họ mặc cho tôi một bộ quần áo khác còn đẹp đẽ hơn bộ vừa rồi.

Suốt ngày, chúng tôi hầu như chỉ ngồi ở bàn ăn, và đến giờ đi ngủ, các nàng lại yêu cầu tôi chọn một người để làm bạn. Thưa bà, để bà đỡ chán tai vì nghe lặp đi lặp lại mãi một chuyện ấy, tôi xin nói tóm tắt là tôi sống một năm ròng rã cùng bốn mươi thiếu phụ ấy, mỗi đêm ngủ với một người, và trong suốt thời gian ấy, cuộc đời nhung lụa không hề bị một nỗi buồn phiền nhỏ nhặt nào làm gián đoạn.

Cuối năm (không có gì làm cho tôi bất ngờ hơn), một buổi sáng bốn mươi thiếu phụ ấy, đáng lẽ đến thăm tôi vui vẻ như thường lệ và hỏi thăm sức khỏe của tôi, lại bước vào phòng hai mà đầm đìa nước mắt. Họ lần lượt đến ôm hôn tôi âu yếm và nói : « Vĩnh biệt, hoàng tử thân yêu, vĩnh biệt ! Chúng em phải xa chàng ».

Nước mắt các nàng làm tôi cảm động ; tôi van nài họ hãy cho tôi biết căn nguyên của nỗi buồn và của

sự biệt ly mà họ vừa nói : « Nhân danh Thượng đế, các cô em xinh đẹp của ta ơi, hãy cho ta biết ta có thể an ủi hoặc có thể giúp ích được gì cho các cô em hay không ! » Họ không trả lời thẳng mà lại nói : «Giá mà chúng em chưa bao giờ được trông thấy hoặc quen biết chàng ! Trước chàng, nhiều chàng trai đã ho có đến thăm chúng em, nhưng không một ai có được cái duyên dáng, sự dịu hiền, tính vui vẻ và tư cách như chàng ». Nói xong, họ lại khóc thảm thiết. Tôi lại hỏi « Các cô em xinh đẹp của ta ơi, ta van các cô em chớ để cho ta âu sầu hơn nữa, hãy cho ta biết vì sao các cô em đau đớn. »

— Hỡi ôi ! — họ đáp — còn có căn nguyên nào có thể làm chúng em buồn bã ngoài sự bắt buộc phải xa lìa chàng ? Có lẽ chúng em chẳng bao giờ được gặp lại chàng nữa đâu ! Tuy nhiên, nếu chàng muốn và nếu chàng vì chúng em mà có đủ nghị lực tự chủ bản thân thì cũng không phải là không thể nào gặp lại nhau lần nữa.

— Các cô em ơi, — tôi đáp — tôi chẳng hiểu tí gì điều các cô em vừa nói, xin các cô em hãy nói rõ ràng hơn.

Một nàng trả lời :

— Vậy thì, để làm vừa lòng chàng, chúng em xin thưa rõ : chúng em đều là công chúa, con vua. Chúng em cùng sống chung ở đây với niềm lạc thú mà chàng thấy đấy, nhưng cứ hết mỗi năm, chúng em lại bắt buộc phải vắng mặt bốn mươi ngày để làm những phận sự cần thiết, mà chúng em không được phép nói rõ : sau đó chúng em sẽ trở lại lâu đài này. Hôm qua vừa hết năm, hôm nay chúng em phải từ giã chàng : đó là nguyên nhân vì sao chúng em buồn bã. Trước khi đi, chúng em để lại cho chàng chìa khóa mọi thứ, đặc biệt

ja chìa khóa một trăm cánh cửa, để giúp chàng có cách thỏa mãn sự hiếu kỳ và làm dịu bớt nỗi cô đơn trong thời gian vắng chúng em; nhưng vì hạnh phúc của chàng và lợi ích riêng của chúng ta, chúng em dặn dò chàng chớ nên mở cánh cửa bằng vàng. Nếu chàng mở ra, chúng em sẽ chẳng bao giờ được gặp lại chàng; và chính nỗi lo về chuyện đó làm cho chúng em càng thêm đau khổ. Chúng em hy vọng lời khuyên của chúng em sẽ có ích cho chàng. Nó quyết định sự yên tĩnh và hạnh phúc đời chàng; xin chàng chú ý cho, nếu chàng chẳng giữ được sự hiếu kỳ không đúng dắn, chàng sẽ tự gây hại lớn cho mình. Bởi vậy, chúng em xin chàng chớ có phạm sai lầm đó, để cho chúng em được niềm an ủi sẽ gặp lại chàng ở đây, sau bốn mươi ngày xa cách. Chúng em có thể mang theo cái chìa khóa mở cánh cửa bằng vàng; song làm như vậy sẽ là một điều xúc phạm đối với một hoàng tử như chàng, sẽ là hoài nghi tính kín đáo và sự kiềm chế của chàng. »

Thưa bà, lời các công chúa xinh đẹp gây cho tôi một nỗi đau đớn thật sự. Tôi không quên bày tỏ với họ rằng sự vắng mặt của họ gây cho tôi nhiều buồn phiền, và cảm ơn những lời khuyên bảo tốt lành của họ. Tôi quả quyết với họ rằng tôi sẽ chú ý lời khuyên bảo, và tôi còn có thể làm những việc khó khăn hơn nhiều để được cái hạnh phúc sống những ngày còn lại của đời mình với những người đàn bà có phẩm cách hiếm thấy như họ. Phút vĩnh biệt của chúng tôi thật là lưu luyến: tôi ôm hôn các nàng hết người này đến người khác; sau đó họ ra đi và một mình tôi ở lại trong tòa lâu đài.

Niềm lạc thú được sống cùng với họ trong các bữa ăn ngon, các buổi hòa nhạc, các trò vui làm tôi bận rộn suốt cả năm đến nỗi không còn cảnh thời gian, không còn chút ham thích nào đi xem những điều kỳ thú có

thể có trong tòa lâu đài huyền ảo này. Tôi cũng không để ý đến cả biết bao nhiêu đồ vật tuyệt tác trong thấy hằng ngày vì quá say mê sắc đẹp của các nàng và quá vui thích thấy các nàng chỉ có mỗi một điều chăm lo duy nhất là làm đẹp lòng tôi. Tôi buồn rầu sâu sắc khi họ ra đi, và mặc dù họ vắng mặt chỉ có bốn mươi ngày, tôi cảm thấy như sắp phải trải qua một thế kỷ không có các nàng.

Tôi thầm hứa sẽ không quên lời khuyên bảo quan trọng của họ, sẽ không mở cánh cửa bằng vàng. Nhưng bởi vì chỉ trừ việc đó mà thôi, còn ra tôi được phép thỏa mãn sự tò mò, tôi liền cầm lấy cái chìa khóa thứ nhất trong những chìa khóa dùng để mở các cửa khác, sắp xếp theo thứ tự.

Mở cửa thứ nhất, tôi đi vào một vườn cây ăn quả mà tôi nghĩ rằng trong khắp vũ trụ không có nơi nào có thể so sánh nổi. Tôi cũng không chắc rằng cái ngọc uyển mà đạo hồi chúng ta vẫn hứa hẹn cho con người khi sang ở thế giới bên kia có thể hơn được thế này hay không. Tính đối xứng, vè sạch sẽ, cách sắp xếp các cây trồng : sự phong phú và đa dạng của hàng nghìn loại quả tươi tốt, xinh đẹp chưa hề biết đến bao giờ, làm cho tôi rất thích mắt. Thưa bà, tôi không thể bỏ qua không thưa để bà chú ý rằng cái vườn cây tuyệt diệu này được tưới nước một cách đặc biệt : các mương nhỏ đào khéo léo và cân xứng, dẫn nước dồi dào tưới cho rễ những cây cần trổ lá đâm hoa ; các mương khác dẫn lượng nước ít hơn cho những cây đã đậu quả ; các mương khác nữa tưới với lượng nước còn ít hơn cho những cây quả đang độ lớn ; còn những cây quả đã lớn đủ rồi, chỉ còn chờ chín thì nước tưới chỉ vừa vặn đủ thôi ; thế nhưng những trái này vẫn lớn hơn rất nhiều so với những quả thường thấy trong vườn chúng ta. Và cuối cùng, các con mương khác

dẫn nước cho những cây quả đã chín vừa đủ độ ẩm cần thiết để giữ lại trên cây mà không làm hỏng quả.

Tôi quan sát và ngắm nghía không biết chán nơi đẹp như vậy, và có lẽ tôi không bao giờ ra khỏi vườn nếu lúc ấy không nghĩ xa hơn đến những vật khác chưa từng được thấy. Tôi ra khỏi vườn, đầu óc tràn đầy những điều kỳ diệu, và mở cánh cửa tiếp theo.

Lần này không phải là một vườn quả mà là một vườn hoa, một loại vườn cũng không kém phần đặc biệt : bên trong, mỗi bồn hoa rộng được tưới nước không phải theo cách vừa rồi mà còn công phu hơn nhiều để mỗi loại hoa không phải hút nhiều lượng nước quá mức cần thiết. Hoa hồng, hoa nhài, hoa tím hoa thủy tiên, hoa dạ hương lan, hoa mẫu đơn, hoa uất kim, hoa mao hương, hoa cẩm chướng, hoa huệ và cơ man loại hoa giá ở vào những nơi khác thì nở theo mùa nhưng ở đây cùng nở rộ một lúc, và thật không có gì sảng khoái hơn không khí trong vườn này.

Tôi mở cánh cửa thứ ba, thấy một nhà nuôi chim rất rộng, nền lát cẩm thạch đủ các màu, loại quý nhất, hiếm nhất, lồng chim bằng gỗ đàn hương và trầm hương : trong lồng nhốt rất nhiều chim họa mi, chim kim oanh, chim bạch yến, chim sơn ca và các loại khác có tiếng hót du dương hơn mà cả đời tôi chưa bao giờ nghe nói đến. Các lọ đựng thức ăn, nước uống cho chúng đều bằng đá hoa vân hay mã não quý nhất.

Ngoài ra, nhà nuôi chim rất sạch sẽ, chỉ nhìn sức chứa của nó, tôi nghĩ rằng cần phải có không ít hơn một trăm người làm thì mới giữ cho nó được tinh tươm như vậy. Tuy nhiên không hề thấy bóng người ở nơi đây cũng như trong các vườn tôi đã đến thăm : trong vườn không hề có một ngọn cỏ dại hay một vật thừa nhỏ nhặt nào làm chướng mắt.

Mặt trời đã lặn, tôi trở ra lòng còn say mê bởi tiếng líu lo của muôn vàn chim chóc lúc ấy đang tranh nhau tìm chỗ đâu thuận tiện nhất để nghỉ đêm. Tôi về buồng riêng, và định bụng sẽ mở tất cả các cánh cửa trong những ngày tới, trừ cửa thứ một trăm.

Ngày hôm sau, tôi đi mở cánh cửa thứ tư. Nếu những gì trông thấy ngày hôm trước có thể gây cho tôi sự ngạc nhiên, thì những vật thấy hôm nay làm cho tôi mê mẩn. Tôi đặt chân vào một cái sân rộng ở giữa một tòa nhà kiến trúc tuyệt diệu, mà tôi sẽ không miêu tả lại hầu bà, để tránh sự dài dòng.

Tòa nhà ấy có bốn mươi cửa mở rộng, mỗi cửa dẫn tới một kho tàng ; và trong số đó có nhiều kho tàng có giá trị lớn hơn những vương quốc lớn nhất. Kho đầu tiên chứa những đống ngọc, mà điều khó tin được là những viên quý nhất lớn bằng những quả trứng bồ câu, lại nhiều hơn những viên bình thường ; trong kho tàng thứ hai, có kim cương, ngọc hồng và ngọc đỏ ; trong kho thứ ba : ngọc bích ; trong kho thứ tư : vàng bạc nén ; trong kho thứ năm : tiền đồng ; trong kho thứ sáu : bạc nén ; hai kho tiếp đó ; tiền các loại. Các kho khác chứa ngọc tía, ngọc xanh, ngọc vàng, ngọc mắt mèo, ngọc lam, ngọc vân và tất cả các loại đá quý khác mà ta biết, không nói đến mã não, vân thạch, mã não đỏ, còn san hô thì chứa cả một kho đầy, không phải chỉ có cành thôi mà cả những cây nguyên vẹn.

Ngạc nhiên và khâm phục, tôi thốt lên, sau khi xem tất cả những vật báu đó : « Tất cả kho tàng của tất cả vua chúa trong vũ trụ tập trung lại một nơi, cũng không sánh được những kho này. Hạnh phúc thay cho ta được làm chủ tất cả của cải này với bao nhiêu nàng công chúa yêu kiều ! »

Thưa bà, tôi sẽ không dừng lại để kể chi tiết với bà tất cả những đồ vật hiếm có và quý báu khác mà tôi

trông thấy những ngày tiếp sau. Tôi chỉ nói rằng cần đến không ít hơn ba mươi chín ngày mới mở hết chín mươi chín cái cửa và ngắm nghía tất cả những gì bày ra trước mắt. Chỉ còn lại mỗi một cái cửa thứ một trăm, cấm không được mở...

Đã đến ngày thứ bốn mươi kể từ hôm các công chúa kiều diễm ra đi. Ngày hôm ấy, nếu tôi có đủ nghị lực cần phải có để tự chủ, thì bây giờ tôi đã là con người sung sướng nhất trong tất cả loài người, chứ không phải là con người khốn khổ nhất. Còn một ngày nữa thôi là các công chúa đã trở lại, và niềm vui được gặp lại họ đáng ra phải hãm bớt sự tò mò của tôi, nhưng do một sự yếu đuối mà tôi không bao giờ thôi hối hận, tôi sa vào sự quyến rũ của quỷ sứ nó không cho tôi yên ổn được một chút nào cho đến khi tôi tự đấn thân vào nỗi khổ ải phải trải qua.

Tôi mở cánh cửa tai hại mà tôi đã hứa là sẽ không mở, và vừa mới đưa chân định bước vào thì một mùi hương khá dễ chịu, nhưng trái ngược với tạng người tôi, làm cho tôi ngã xuống bất tỉnh. Tuy nhiên, tôi tỉnh dậy, và đáng lẽ hiểu ra sự cảnh cáo ấy mà đóng cửa lại và không bao giờ còn ham muốn thỏa mãn sự tò mò của mình nữa, thì tôi lại vẫn cứ bước vào, sau khi đợi cho khí trời làm loãng bớt mùi hương ấy. Tôi không còn bị khó chịu vì cái mùi ấy nữa.

Đây là một nơi rộng rãi, mái có vòm tròn và nền rải rác những củ nghệ. Nhiều cây đuốc bằng vàng khối cắm nến tỏa sáng, dậy mùi trầm hương và xạ hương; ánh sáng nến được tăng thêm bởi ánh sáng những ngọn đèn bằng vàng và bằng bạc đốt một thứ dầu làm bằng nhiều loại hương thơm.

Giữa một số khá nhiều đồ đạc thu hút sự chú ý của tôi, tôi nhận thấy một con ngựa đen đẹp nhất, hoàn hảo nhất chưa từng thấy trên đời này. Tôi xích lại gần

để ngắm nghía cho rõ hơn : nó mang một bộ yên cương bằng vàng khối chạm trổ công phu ; máng thức ăn của nó một bên chứa lúa mạch đã xát vỏ và vừng, một bên chứa nước hoa hồng. Tôi nắm dây cương kéo nó ra ngoài trời để xem cho rõ. Tôi trèo lên lưng và muốn thúc nó đi ; nhưng vì nó không nhúc nhích, tôi cầm chiếc roi mềm nhặt được trong chuồng ngựa tráng lệ để đánh nó. Nhưng vừa cảm thấy ngọn roi chạm vào mình, nó đã cất tiếng hí ghê rợn ; rồi xòe đôi cánh lúc nãy tôi không nhìn thấy, bay bổng lên trời cao tít tắp. Tôi chỉ còn nghĩ tới chuyện bám thật chắc vào, và mặc dù khủng khiếp, tôi cưỡi cũng không đến nỗi tồi. Nó bay trở lại mặt đất, hạ xuống mái bằng một tòa lâu đài ; chân chưa chạm đến đất nó đã cất đầu bốc lên rất mạnh làm tôi ngã nhào ra đằng sau, và nó đưa đuôi của nó chọc thủng mắt bên phải của tôi.

Tôi trở nên chột mắt bằng cách như vậy đấy, và lúc ấy tôi nhớ lại rất rõ điều mà mười người trai trẻ đã nói trước với tôi. Con ngựa lại bay lên không trung và biến mất. Tôi đứng lên rất buồn rầu vì tai họa tự mình gây nên. Tôi đi trên mái bằng, một tay bưng con mắt rất đau đớn. Tôi tụt xuống và thấy mình ở trong một phòng khách có mười chiếc bục xếp hình vòng tròn, ở giữa có một chiếc thấp hơn, làm cho tôi hiểu ra đây chính là tòa lâu đài nơi con đại bàng đã đến cắp tôi đi dạo trước.

Mười ngài trai trẻ chột mắt không có trong phòng khách. Tôi chờ, lát sau họ đến cùng cụ già. Họ tỏ ra không chút ngạc nhiên khi gặp lại tôi và thấy tôi đã chột mất một mắt. Họ nói : « Chúng tôi rất tiếc là không thể chúc mừng ngài trở về theo cách chúng tôi mong ước. Nhưng chúng tôi không phải là nguyên nhân gây nên tai họa cho ngài. »

— Tôi sẽ sai nếu dám trách các ngài về việc đó, — tôi đáp — chính tự tôi đã chuốc lấy tai họa vào thân, và tôi xin nhận tất cả lỗi lầm.

— Nếu niềm an ủi của những người đau khổ là có được những kẻ giống mình, — họ lại nói — thì gương của chúng tôi đây có thể an ủi ngài được phần nào. Những gì xảy ra cho ngài, cũng đã từng xảy ra cho chúng tôi. Chúng tôi đã thưởng thức đủ mọi điều hoan lạc suốt một năm ròng, và có lẽ còn tiếp tục được hưởng hạnh phúc ấy nếu không mở cái cửa bằng vàng trong khi vắng mặt các nàng công chúa. Ngài đã không khôn ngoan hơn chúng tôi, ngài đã bị cùng hình phạt như chúng tôi. Chúng tôi rất muốn nhận ngài ở lại đây để cùng chúng tôi thi hành cái hình phạt mà chúng tôi không rõ sẽ kéo dài bao lâu, nhưng ngài đã biết những lý do không cho phép chúng tôi làm như vậy rồi. Bởi vậy ngài hãy đi đi, hãy đến triều đình Bátđa : ngài sẽ tìm thấy ở đấy Người quyết định số phận của ngài ». Họ chỉ cho tôi đường đi, và tôi từ giã họ.

Dọc đường, tôi cho cạo râu và lông mày, và mặc áo quần khất sĩ. Tôi đi bộ lâu lắm rồi. Cuối cùng tôi đến thành phố này vào chập tối hôm nay. Tôi gặp ở cổng thành các khất sĩ đồng đạo của tôi đây, cả ba đều rất ngạc nhiên thấy cùng bị chột mắt bên phải. Nhưng chúng tôi không có đủ thời giờ để nói chuyện với nhau về việc không may chung ấy. Thưa bà, chúng tôi chỉ có đủ thời giờ đến nài xin sự giúp đỡ mà bà đã thuận cho một cách hào hiệp. »

Chàng khất sĩ thứ ba kể chuyện mình xong, nàng Zôbêit nói với chàng cùng hai đồng đạo : « Hãy đi đi, cả ba người đều được tự do ; các ngài muốn đi đâu thì đi ». Nhưng một trong ba chàng đáp : « Thưa bà, xin bà thứ lỗi cho sự tò mò của chúng tôi và cho phép chúng tôi được nghe chuyện mà quý ông đây chưa kể ».

Lúc ấy thiếu phụ liền quay về phía hoàng đế, tể tướng Giafa và Mêrus mà nàng chưa biết là ai, nàng bảo : « Đến lượt các ngài kể chuyện về mình, hãy nói đi ».

Tể tướng Giafa bao giờ cũng vẫn là người thay mặt nhà vua trả lời Zôbêit : « Thưa bà, tuân lệnh bà, chúng tôi chỉ xin lặp lại những điều đã nói trước khi vào quý xá. Chúng tôi là những nhà buôn ở Mútxun, chúng tôi đến Bátđa đem bán hàng hóa hiện đang cất ở kho trong một cái trại mà chúng tôi trọ. Hôm nay, chúng tôi cùng nhiều bạn đồng nghiệp ăn cơm ở nhà một người buôn trong thành phố này, ông ta sau khi chiêu đãi chúng tôi những món ăn thịnh soạn và các loại rượu tuyệt vời, đã cho gọi vũ công và vũ nữ, ca sĩ và nhạc công đến chơi. Tiếng ồn ào do chúng tôi gây nên làm lính tuần tra kéo đến và bắt đi một số người trong đám tiệc. Về phần chúng tôi, may mắn chạy thoát ; nhưng bởi vì đã muộn, cổng vào trại đã đóng, chúng tôi không biết về đâu. Tình cờ đi ngang qua phố này, chúng tôi nghe nhà ta đang có tiếng vui chơi. Việc đó làm cho chúng tôi quyết định đến gõ cửa. Thưa bà, đấy là điều mà chúng tôi phải thuật lại theo lệnh bà ? »

Zôbêit nghe xong những lời đó, có vẻ do dự chưa biết nên nói thế nào. Các khất sĩ nhận thấy, liền xin nàng hãy đối xử tốt với ba nhà buôn ở Mútxun như đã đối xử tốt với ba chàng. Nàng nói : «Đã thế thì ta đồng ý, ta muốn rằng tất cả các người đều cùng chịu ơn ta như nhau. Ta tha cho các người nhưng với điều kiện là tất cả các người ra khỏi nhà này ngay, rồi ai muốn đi đâu tùy ý.»

Zôbêit ra lệnh đó với một giọng bắt buộc mọi người phải tuân theo ; hoàng đế, tể tướng, Mêrus, ba khất sĩ và gã khuân vác liền ra đi mà không cãi lại, bởi vì sợ có một của bảy tên nô lệ vũ trang buộc họ

[illegible]. Khi họ đã ra khỏi nhà và cửa đã đóng lại rồi, hoàng đế hỏi các khất sĩ mà không để lộ mình là ai: «Các ngài là người lạ và mới đến thành phố này. Bây giờ trời lại chưa sáng, vậy các ngài định đi về hướng nào?»

— Thưa ngài, — họ đáp, — đấy là điều đang làm cho chúng tôi băn khoăn.

— Mời các ngài đi theo chúng tôi. — hoàng đế nói, — chúng tôi sẽ giúp các ngài thoát khỏi khó khăn.

Nói xong, nhà vua dặn riêng tể tướng: «Hãy đưa họ về nhà tể tướng, và sáng sớm mai dẫn họ đến cho ta, ta muốn sai chép câu chuyện của họ, những chuyện ấy đáng được chép vào biên niên triều đại ta.»

Tể tướng Giafa dẫn ba khất sĩ; gã khuân vác về nhà, và hoàng đế, có Mèrua đi theo, trở lại hoàng cung. Người đi nằm nhưng không thể nào chợp mắt, đầu óc vẫn còn bị khuấy động bởi bao nhiêu chuyện dị kỳ vừa nhìn thấy và nghe được. Điều nhà vua băn khoăn nhất muốn biết rõ Zôbêit là ai, vì đâu nàng ngược đãi hai con chó cái đen, và vì sao ngực Âmin lại sứt sẹo. Đến sáng, nhà vua vẫn còn loay hoay với những ý nghĩ ấy trong đầu. Người trở dậy, đến triều đường và ra lệnh thiết triều. Hoàng đế ngồi lên ngai vàng.

Lát sau, tể tướng đến và chúc tụng nhà vua như thường lệ. Hoàng đế phán: «Tể tướng à, những công việc chúng ta phải xử lý hôm nay không có gì cấp bách lắm; việc của ba người thiếu phụ và hai con chó đen còn khẩn thiết hơn nhiều. Đầu óc ta chưa thanh thản chừng nào ta chưa được biết đầy đủ về bấy nhiêu chuyện làm ta kinh ngạc. Ông hãy đi đi, hãy triệu các bà ấy đến đây, đồng thời dẫn cả ba khất sĩ đến. Hãy đi ngay và nhớ rằng ta nóng lòng chờ đợi ông trở về.»

Tể tướng đã biết rõ tính tình cương nghị và nóng nảy của nhà vua, vội vàng tuân lệnh. Ông đến nhà các thiếu phụ, trình bày với họ một cách thẳng thắn lệnh dẫn họ đến ra mắt hoàng đế mà không nói gì về những việc đã xảy ra tại nhà ba người đêm hôm trước.

Ba thiếu phụ đeo mạng vào và đi theo tể tướng, ông tạt qua nhà gọi ba khất sĩ, ba chàng đã đủ thời giờ để được báo rằng họ đã gặp hoàng đế và nói chuyện với người mà không hay. Tể tướng dẫn họ vào cung, ông làm nhiệm vụ được giao rất nhanh chóng khiến hoàng đế rất hài lòng. Để giữ lịch sự trước các quan trong triều có mặt lúc đó, nhà vua cho ba thiếu phụ đứng sau bức rèm che cửa của gian buồng dẫn tới hậu cung, và giữ ba khất sĩ lại bên cạnh mình. Ba chàng không dám thất lễ khi được biết mình đang đứng trước mặt ai.

Các thiếu phụ đã yên vị rồi, hoàng đế quay về phía họ và nói : « Thưa các bà, khi ta nói cho các bà biết rằng đêm qua, cải trang làm nhà buôn, ta đã đến nhà các bà, chắc sẽ làm các bà lo sợ ! Có thể các bà nghĩ rằng vì đã xúc phạm đến ta cho nên ta cho triệu các bà đến đây để trả hận : nhưng các bà hãy yên tâm hãy tin rằng ta đã quên dĩ vãng và hơn nữa ta còn hài lòng về cách xử sự của các bà. Ta ước sao tất cả phụ nữ Bátđa đều được khôn ngoan như các bà. Ta sẽ nhớ mãi thái độ ôn hòa của các bà, khi chúng ta phạm điều bất lịch sự. Hôm qua ta là nhà buôn ở Mútxun, nhưng bây giờ ta là Harun-Rasit, vị hoàng đế thứ năm của triều đại Abátxit quang vinh, đang trị vì thay Đấng tiên tri vĩ đại của chúng ta. Ta triệu các bà đến đây chỉ để các bà nói cho biết các bà là ai, tại sao một bà sau khi đánh đập hai con chó cái đen lại khóc lóc với chúng. Ta cũng muốn biết vì sao ngực một bà khác lại đầy những vết sẹo ».

Mặc dù hoàng đế nói những lời vừa rồi rất rành mạch và ba thiếu phụ đều đã nghe rõ, tể tướng Giafa vẻ trịnh trọng, vẫn không quên nhắc lại đầy đủ.

Hoàng đế nói xong, Zôbêít tuân lệnh ; để làm vừa lòng điều Người đòi hỏi, nàng liền trình bày câu chuyện của nàng :

CHUYỆN NÀNG ZÔBÊÍT

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ. Chuyện tôi sắp kể hầu bệ hạ đây là một trong những chuyện kỳ lạ nhất chưa bao giờ ai nghe nói tới. Hai con chó cái đen và tôi là ba chị em sinh cùng cha mẹ. Tôi sẽ kể do tai biến kỳ quặc như thế nào mà họ bị hóa chó cái.

Hai người đàn bà cùng sống với tôi và hiện có mặt ở đây, cũng là những em tôi nhưng cùng cha khác mẹ. Cô ngực đầy vết sẹo là Amin, cô kia là Xaphi, còn tôi là Zôbêít.

Sau khi cha tôi qua đời, gia tài người để lại được chia đều cho chúng tôi. Hai cô này, sau khi lĩnh phần của mình rồi, liền từ giã tôi, trở về sống với mẹ đẻ. Hai người chị kia và tôi ở cùng với mẹ tôi. Sau đây mẹ tôi qua đời, để lại cho chúng tôi mỗi người một nghìn đồng xơ-canh.

Chúng tôi lĩnh phần của mình xong thì hai chị tôi thành gia thất, rồi đi theo chồng, để tôi ở lại một mình. Lấy nhau được ít lâu, người chồng chị cả bán tất cả tài sản và đồ đạc, rồi mang số tiền anh ta có cộng với số vốn riêng của chị tôi, hai người sang ở bên Châu Phi. Ở đấy, chồng chị tôi tiêu pha xài phí vào rượu chè,

trai gái hết tài sản của anh ta và cả vốn của chị tôi mang theo. Tiếp đó, thấy mình trở thành khánh kiệt, anh ta kiếm một cái cớ để bỏ vợ và đuổi chị tôi đi.

Chị tôi trở lại Bát đa, không khỏi trải qua bao nhiêu khổ ải do một cuộc hành trình xa xôi như vậy gây nên. Chị tôi đến ẩn náu ở nhà tôi trong tình trạng thảm thương đến mức có thể làm xúc động những tấm lòng sắt đá nhất. Tôi đón chị với tất cả tình thương yêu mà chị tôi có thể trông chờ. Tôi hỏi làm sao chị tôi lâm vào tình cảnh khốn đốn như vậy; chị tôi vừa khóc vừa kể cho nghe tính hạnh xấu xa của chồng và cách anh ta đối xử tồi tệ với chị. Tôi cũng xúc động về điều không may của chị tôi, và hai chị em cùng khóc với nhau. Sau đó, tôi dẫn chị tôi đi tắm rửa, đưa áo quần sạch của tôi cho chị tôi thay và nói: « Chị ạ. Chị là chị cả, em coi chị như mẹ. Trong thời gian chị đi xa, em đã dùng số tiền ít ỏi được chia vào việc chăn tằm, và cũng được trời ngó lại. Chị hãy coi tất cả tài sản của em đây như là của chị, chị muốn dùng vào việc gì thì dùng ».

Hai chị em tôi lại chung sống thuận hòa với nhau trong nhiều tháng. Chúng tôi thường nói chuyện về người chị hai của tôi và đều ngạc nhiên sao không nhận được tin tức gì của chị ấy. Chợt một hôm, chị ấy trở về cũng trong tình cảnh y như chị cả tôi. Chồng chị ấy cũng đối xử tàn tệ với chị ấy như vậy, và tôi đón tiếp chị ấy cũng thân yêu như đối với chị cả trước đây.

Ít lâu sau, hai chị tôi ngỏ ý muốn lấy chồng, viện cớ không muốn để tôi phải tốn kém. Tôi đáp: « Nếu các chị không có lý do nào khác hơn là sự tốn kém cho em, thì các chị có thể yên tâm mà ở lại đây, gia sản của em đủ cung ứng cho cả ba chị em ta sống một cuộc đời xứng đáng với địa vị xã hội của mình ». Tôi

nói thêm: « Nhưng em e rằng hai chị thật sự lại muốn đi bước nữa. Nếu quả như vậy, thú thật em rất lấy làm lạ. Sau kinh nghiệm chẳng vui vẻ gì về mặt chồng con, sao hai chị còn có thể nghĩ tới việc đó một lần nữa nhỉ? Các chị biết rằng khó tìm được một ông chồng trung hậu hoàn toàn. Các chị hãy nghe lời em, chúng ta hãy tiếp tục cùng ở với nhau một cách ấm êm nhất».

Tất cả những điều tôi nói với họ đều vô ích. Họ đã quyết tâm tái giá và thực hiện ý định ấy. Nhưng mấy tháng sau, hai chị tôi trở lại tìm tôi, và hết lời xin lỗi vì đã không nghe theo lời khuyên của tôi. Họ nói: «Em là em út, nhưng em khôn ngoan hơn các chị. Nếu em vui lòng nhận cho hai chị vào nhà em một lần nữa và coi hai chị như nô tì, thì hai chị sẽ không phạm lại một sai lầm như vậy nữa ».

— Các chị thân yêu ơi, — tôi đáp, — từ lần cách xa hai chị vừa rồi cho đến nay, lòng em đối với hai chị chẳng có gì thay đổi: Các chị hãy trở lại, hãy cùng chung hưởng với em những gì em có.

Tôi ôm hôn họ và chúng tôi lại sống với nhau như trước.

Ở với nhau được một năm hoàn toàn hòa thuận, thì tôi nảy ra ý định đi biển một chuyến và thử bước vào con đường thương mại xem sao, bởi vì thấy nhờ trời, cái vốn nhỏ của tôi đã khá lên. Nhằm mục đích đó, tôi cùng hai chị tôi đến Banxôra (1), mua một chiếc tàu với đầy đủ trang bị, xếp đầy hàng hóa đưa từ Bátđa tới. Chúng tôi lên đường thuận buồm xuôi gió và chẳng mấy chốc đã ra khỏi vịnh Ba-Tư. Ra khơi, chúng tôi cho tàu chạy về phía Ấn-Độ, và sau hai mươi ngày thì trông thấy đất. Đấy là một ngọn núi khá cao, dưới

(1) *Banxôra (Balsora)*: thành phố thuộc Irắc, ở gần hợp lưu của hai con sông Tigơrơ và sông Ơphơrát, thành lập từ năm 636.

chân núi là một thành phố từ ngoài trông rất đẹp. Được gió, chúng tôi đến bến cảng khá sớm và buông neo lại đấy.

Tôi không đủ kiên nhẫn chờ hai chị tôi kịp sửa soạn đi theo : tôi lên bờ một mình và đi thẳng vào thành phố. Tôi trông thấy một số đông người ngồi và những người khác đứng, tay đều cầm một cái gậy. Diện mạo họ xấu xí đến nỗi tôi phát khiếp lên. Tuy vậy, nhận thấy họ đều đứng yên không nhúc nhích, đến con mắt cũng bất động, tôi bình tĩnh lại, đi đến gần và nhận ra tất cả đều đã hóa đá.

Tôi vào trong thành và đi qua nhiều phố xá. Đó đây, tôi đều gặp nhiều người trong những tư thế khác nhau, song tất cả đều không cử động và đều hóa đá. Ở khu phố các nhà buôn, phần lớn các cửa hiệu đều đóng cửa, và trong những hiệu mở cửa, tôi nhìn thấy mọi người cũng đều thành đá. Nhìn lên các ống khói không thấy có khói bay ra, tôi suy ra rằng, ở trong nhà cũng như ở ngoài, mọi vật đều đã biến thành đá cả.

Đến một quảng trường rộng ở chính giữa thành phố, tôi thấy một cái cổng lớn dát những tấm vàng, hai cánh để ngỏ. Phía trước có một tấm rèm bằng lụa rủ xuống, và trên cửa có một ngọn đèn treo. Sau khi nhìn kỹ ngôi nhà, tôi không nghi ngờ gì đây là cung điện của nhà vua trị vì nước này. Nhưng, rất ngạc nhiên vì không gặp một người sống nào, tôi liền đến tận nơi may ra có gặp được ai chăng. Tôi nâng bức rèm và điều tôi càng ngạc nhiên hơn là ở dưới tiền đình, cũng chỉ có mấy người gác cổng hay bảo vệ, kẻ đứng người ngồi hoặc nửa nằm nửa ngồi, nhưng đều đã hóa đá.

Tôi đi qua một cái sân rộng có đông người : Kẻ này có vẻ đang đi, người kia hình như đang lại, tuy nhiên ai nấy đều đứng yên không nhúc nhích, bởi

vì họ cũng đều đã hóa đá như tất cả những ai tôi đã gặp. Tôi đi sang một cái sân thứ hai, rồi từ đó sang cái sân thứ ba: nhưng đâu đâu cũng đều một cảnh vắng vẻ và im lìm khủng khiếp ấy.

Đến một cái sân thứ tư, tôi thấy đằng trước có một tòa nhà rất đẹp, tấm lưới chăng cửa sổ đúc bằng vàng khối. Tôi đoán rằng đấy là cung của hoàng hậu. Tôi bước vào. Trong một căn phòng, có nhiều hoạn nô da đen hóa đá. Tôi lại sang tiếp một căn phòng khác, đồ đạc rất sang trọng, ở đây một người đàn bà cũng hóa đá. Tôi nhận ra đúng là hoàng hậu, nhờ ở chiếc mũ miện bằng vàng đội trên đầu và một chuỗi ngọc rất tròn và to hơn quả dẻ đeo ở cổ. Tôi nhìn kỹ: thật khó có những viên ngọc nào đẹp hơn.

Tôi ngắm nghía một lúc những của cải và sự tráng lệ của căn buồng ấy, nhất là tấm thảm trải nhà, cái gối tựa và chiếc sập, bọc vải Ấn-độ nền vàng, thêu những hình người và súc vật bằng bạc, rất công phu.

Từ căn phòng của hoàng hậu đá, tôi sang nhiều căn phòng khác: những căn phòng sạch sẽ và sang trọng dẫn tới một gian nhà rộng khác thường, ở đấy có một chiếc ngai bằng vàng khối đặt trên bệ cao mấy bậc và khảm bằng những viên hồng ngọc lớn: bên trên ngai là chiếc giường phủ vải rất sang, nạm ngọc sáng chói. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn tất cả là một thứ ánh sáng long lanh tỏa ra từ trên chiếc giường ấy. Tò mò muốn biết cái gì phát sáng như vậy, tôi leo lên, thò đầu nhìn và thấy trên một chiếc giá có đặt một viên kim cương lớn bằng quả trứng đà điểu, hoàn hảo đến mức không nhận ra một tì vết nào. Nó sáng chói đến mức mắt tôi không chịu nổi khi nhìn thẳng vào.

Ở đầu giường, mỗi bên có một cây đuốc sáng không rõ dùng để làm gì. Tuy vậy, quang cảnh đó làm

cho tôi suy ra rằng hẳn có người nào còn sống trong cung điện đẹp đẽ này, bởi vì không thể tin là các ngọn đuốc lại tự nó thắp sáng lên được. Nhiều nét đặc biệt khác làm tôi dừng chân lại ở gian nhà mà riêng viên kim cương vừa nói đã làm cho nó trở thành vô giá.

Vì tất cả các cửa đều để ngỏ hoặc chỉ cần đẩy nhẹ là mở ra, tôi đi qua nhiều căn phòng khác cũng đẹp như vậy. Tôi đến tận các nhà bếp và những nơi cất bàn ghế, chứa đầy vô số của cải, tôi mải mê xem xét tất cả những điều kỳ diệu ấy đến nỗi quên khuấy cả công việc của bản thân mình. Tôi chẳng còn nghĩ gì tới chiếc tàu và các chị tôi, mà chỉ nghĩ tới việc thỏa mãn sự tò mò của mình. Trong khi đó, trời tối dần làm tôi chợt nhớ ra đến lúc phải trở về; tôi muốn trở lại bằng con đường vừa mới đến; nhưng không dễ gì tìm ra được. Tôi lạc lối trong các căn phòng; khi trở lại được gian nhà rộng có chiếc ngai, cái giường, viên kim cương lớn và các ngọn đuốc thắp sáng, tôi quyết định nghỉ đêm tại đó, sáng hôm sau sẽ trở về tàu sớm. Tôi lên giường nằm, không khỏi lo sợ thấy có mỗi một mình giữa một nơi vắng lặng đến thế này, và có lẽ chính nỗi lo sợ ấy làm cho tôi không ngủ được.

Vào khoảng nửa đêm, tôi nghe như có tiếng người nào đọc kinh Côran với cái giọng đúng như giọng chúng ta vẫn quen dùng trong các đền thờ đạo hồi ta. Điều đó làm cho tôi mừng rỡ. Tôi trở dậy ngay, rồi cầm một cây đuốc soi đường, tôi đi từ phòng này sang phòng khác, về phía có tiếng cầu kinh. Tôi dừng lại trước cửa một căn phòng mà tôi tin chắc là tiếng cầu kinh từ trong đó vọng ra. Đặt cây đuốc xuống đất, tôi nhìn qua một khe hở, thấy căn phòng giống như một nơi giảng kinh. Quả vậy, ở trong ấy cũng có, như trong các đền của chúng ta, một cái khám để tín đồ hướng

vào mà đọc kinh, nhiều ngọn đèn treo thắp sáng, và hai chân đèn cắm những cây nến trắng lớn cũng đang cháy sáng.

Tôi cũng thấy một tấm thảm nhỏ trải sẵn, theo cách như chúng ta vẫn trải để ngồi lên mà cầu kinh. Một người đàn ông trẻ tuổi ngồi trên tấm thảm ấy, chăm chú đọc cuốn kinh Côran đặt trên một chiếc giá nhỏ trước mặt. Thấy vậy, lòng tràn trề khâm phục, tôi tự hỏi làm sao lại có mỗi một người còn sống trong một thành phố mà tất cả sinh vật đều đã hóa đá, chắc hẳn có một chuyện gì rất kỳ diệu ở đây.

Cánh cửa chỉ cần đẩy nhẹ là mở ra. Tôi bước vào đứng trước các khám, đọc to : « Ngợi ca Thượng đế đã cho chúng con thuận buồm xuôi gió ! Xin Người hãy ban phúc lành, hãy che chở chúng con như vậy cho đến khi chúng con trở về tới nước nhà. Xin Thượng đế hãy nghe và hãy thỏa lời cầu nguyện của con. »

Chàng trẻ tuổi ngước nhìn tôi và nói : « Thưa bà, xin bà hãy cho tôi biết bà là ai và việc gì đưa bà đến thành phố ảm đạm này. Để đáp lại, tôi sẽ thưa để bà rõ tôi là ai, việc gì đã xảy ra cho tôi, căn nguyên vì sao dân cư thành phố này bị lâm vào tình trạng như bà trông thấy đấy, và tại sao chỉ còn mỗi mình tôi an toàn vô sự qua một cơn tàn phá kinh khủng như thế này. »

Tôi kể vắn tắt tôi từ đâu đến, điều gì thôi thúc tôi làm chuyến đi này và đã cập bến thuận lợi ra sao, sau hai mươi ngày trên biển. Nói xong, tôi yêu cầu chàng vui lòng thực hiện lời hứa : tôi nói rõ là mình hết sức xúc động trước cảnh bi thảm gặp trên mọi nẻo đường vừa qua.

Chàng liền nói : « Thưa bà quý mến, xin bà vui lòng chờ cho một lát. »

Nói xong, chàng gấp cuốn kinh Côran, cho vào một cái túi quý và đặt vào trong khám. Nhân thời gian

ấy, tôi cẩn thận ngắm chàng và thấy chàng có duyên và xinh đẹp đến nỗi trong lòng tôi dâng lên những cảm xúc chưa từng thấy bao giờ. Chàng mời tôi ngồi xuống bên cạnh, và trước khi chàng cất lời, tôi không thể nào cầm lòng không nói với chàng với thái độ biểu lộ những tình cảm mà chàng gợi nên trong tôi: « Hỡi chàng trai kính mến, không ai có thể nóng nóng hơn tôi muốn được sáng tỏ về biết bao nhiêu điều kỳ lạ đập vào mắt, kể từ khi tôi đặt chân vào thành phố của chàng; và tôi mong sự hiếu kỳ của tôi sớm được giải đáp. Chàng hãy nói đi, tôi van chàng hãy cho tôi biết sự thần kỳ nào mà chàng còn sống sót giữa bao nhiêu người chết một cách dị thường. »

— Thưa bà, — chàng trẻ tuổi đáp — qua lời cầu nguyện của bà vừa rồi, tôi rõ là bà đã biết đến đấng Thượng đế chân chính. Bà sắp nghe đây một câu chuyện biểu hiện oai phong và quyền lực của Người. Tôi xin nói, thành phố này là thủ đô của một vương quốc hùng mạnh mà vua cha tôi mang tên. Nhà vua, tất cả triều đình và dân cư thành phố này cũng như cả nước này đều thờ thần lửa và thần Nácđun, nguyên là chúa tể của những tên quỷ khổng lồ chống lại Thượng đế.

Mặc dù sinh ra từ cha mẹ theo tà giáo, tôi may mắn hồi còn thơ ấu có thầy dạy là một bà hồi giáo ngoan đạo, thuộc lòng kinh Côran và giảng kinh rất giỏi. Bà thường bảo tôi: « Hoàng tử ạ, chỉ có một Thượng đế chân chính mà thôi. Hoàng tử nhớ không được thừa nhận và tôn thờ những đấng khác ». Bà dạy tôi học chữ Ả-rập, và cuốn sách học tập đầu tiên của tôi là Kinh Côran. Khi tôi bắt đầu có trí khôn, bà giảng cho tôi mọi điều trong cuốn sách tuyệt tác ấy, và dạy tôi nắm vững tinh thần giáo lý, mà không để cho cha tôi và mọi người được biết. Bà đã qua đời,

nhưng cũng kịp dạy cho tôi tất cả những gì cần thiết để hoàn toàn tin tưởng vào những chân lý của đạo hồi. Sau khi bà mất, tôi vẫn thường xuyên giữ được lòng tin về những điều bà dạy bảo, và tôi rất khinh ghét tà thần Nácđun và tục tôn thờ thần lửa.

Cách đây ba năm mấy tháng, bỗng dưng có một tiếng rao ầm ầm vang động khắp thành phố, nhưng rất rành mạch, không một người dân nào không nghe rõ : « *Hỡi nhân dân, hãy từ bỏ sự thờ phụng Nácđun và thần lửa, hãy tôn thờ Thượng đế duy nhất bác ái nhân từ* ».

Tiếng rao đó vang lên suốt ba năm liền, nhưng không một ai quy theo chính đạo ; thế là đến ngày cuối cùng của năm thứ ba, vào lúc ba, bốn giờ sáng, tất cả dân cư không loại trừ ai trong giây lát đều hóa đá, mỗi người trong tư thế của mình đang lúc đó. Vua cha tôi cũng chịu chung số phận ấy : người bị biến thành một tảng đá đen, hiện còn ở một nơi trong cung này ; mẹ tôi cũng chịu chung số kiếp tương tự.

Tôi là người độc nhất Thượng đế tha cho khỏi sự trừng phạt ghê gớm ấy. Từ hôm ấy tôi tiếp tục tôn thờ Thượng đế nhiệt tâm hơn bao giờ hết, và thưa bà xinh đẹp của tôi, tôi tin chắc rằng Người đưa bà đến đây để an ủi tôi, bởi vì xin thú thật nỗi cô đơn thật là đáng chán. »

Tất cả câu chuyện ấy, và đặc biệt là những lời cuối cùng, làm cho tôi càng cảm thấy tình cảm nồng nhiệt đối với chàng. Tôi nói : « Thưa hoàng tử, không nên nghi ngờ gì nữa, chính là Đấng Thiên hư dun dủi cho tôi đến hải cảng của chàng và tạo cơ hội giúp chàng rời xa một nơi tang tóc thế này. Chiếc tàu mà tôi vừa rời để lại đây, có thể chứng tỏ cho chàng thấy tôi cũng có ít nhiều địa vị ở Bátđa, nơi tôi còn để lại nhiều tài sản lớn. Tôi xin đường đột hiến chàng một nơi tạm trú cho đến khi Đấng thống lĩnh hùng mạnh các

tin đồ, vị đại diện của Đấng tiên tri vĩ đại (1) nhận ra chàng và ban cho mọi vinh dự mà chàng xứng đáng được hưởng. Nhà vua nổi tiếng ấy ngự ở Bátđa, và một khi Người được tin có chàng đến kinh đô, lập tức Người sẽ tỏ cho chàng thấy, không một ai cầu xin sự ủng hộ của Người mà không đạt mong ước. Không thể nào chàng còn ở lại lâu hơn nữa trong một thành phố mà mọi vật đều làm cho chàng không tài nào chịu đựng nổi. Chiếc tàu của tôi là để phục vụ chàng, chàng tuyệt đối có quyền sử dụng nó ». Hoàng tử nhận lời, và suốt phần đêm còn lại, chúng tôi chuyện trò với nhau về việc xuống tàu.

Trời vừa tảng sáng, chúng tôi ra khỏi hoàng cung đi đến bến cảng ; ở đấy, các chị tôi, viên thuyền trưởng và bọn nô lệ rất lo lắng cho tôi. Sau khi giới thiệu với hoàng tử các chị tôi, tôi kể cho các chị nghe điều gì đã cản trở tôi hôm trước không kịp về tàu, sự gặp gỡ hoàng tử, câu chuyện của chàng và nguyên nhân gây tai họa cho cả một thành phố đẹp như vậy.

Các thủy thủ mất nhiều ngày để bốc dỡ những hàng hóa tôi đưa đến, và xếp lên tàu ngọc ngà, vàng bạc, tất cả những gì quý báu nhất trong cung điện. Chúng tôi để lại bàn ghế và vô số đồ dùng bằng vàng bạc vì không thể nào mang đi hết. Có lẽ cần phải có nhiều chiếc tàu thì mới có thể chở về Bátđa tất cả những của cải chúng tôi trông thấy ở đây.

Sau khi xếp lên tàu những đồ vật muốn mang theo chúng tôi lấy thêm thức ăn và nước ngọt cần thiết cho chuyến đi. Về thức ăn, vẫn còn lại nhiều thứ mang đi từ Banxôra. Cuối cùng, chúng tôi khởi hành với cơn gió thuận lợi như mong ước.

---

(1) Chỉ hoàng đế Harun An-Rasit. (N.D)

Hoàng tử, các chị tôi và tôi sống chung với nhau thoải mái. Nhưng than ôi! sự thuận hòa kéo dài chẳng được bao lâu. Hai chị tôi đâm ghen khi nhận thấy giữa hoàng tử và tôi có sự thông cảm, và một hôm hỏi tôi một cách tinh quái rằng chừng nào về đến Bátđa, chúng tôi sẽ làm gì hoàng tử. Tôi biết rõ các chị hỏi câu ấy là để thăm dò tình cảm của mình. Vì vậy, làm như câu chuyện đang nói là chuyện bông đùa, tôi đáp tôi sẽ cưới hoàng tử làm chồng. Tiếp đó, quay sang phía chàng, tôi nói : « Thưa hoàng tử, tôi xin chàng hãy đồng ý. Bao giờ chúng ta tới Bátđa, ý định của tôi là hiến dâng cho chàng, để trở thành một kẻ nô lệ rất hèn mọn của chàng, để hầu hạ chàng và coi chàng như người chủ tuyệt đối của mình. »

— Thưa bà, — hoàng tử đáp, — tôi không rõ có phải bà nói đùa không, nhưng về phần tôi, tôi xin tuyên bố rất nghiêm chỉnh trước mặt các bà chị của bà đây, rằng từ lúc này tôi vui lòng nhận lời bà đưa ra, không phải để coi bà như một kẻ nô tì mà là phu nhân của tôi, bà chúa của tôi, và tôi hứa sẽ không làm trở ngại đến các hoạt động của bà.

Nghe câu nói đó, các chị tôi biến sắc, và tôi xét thấy từ giờ phút ấy tình cảm các chị đối với tôi không còn được như trước nữa.

Chúng tôi đang ở trong vịnh Ba-tư và gần đến Banxôra, với cơn gió vẫn thuận, tôi hy vọng ngày hôm sau chúng tôi sẽ tới cảng này. Nhưng, ngay đêm hôm đó, các chị tôi đã đang tâm ném tôi xuống biển khi tôi đang ngủ. Họ cũng làm như vậy đối với hoàng tử. Chàng bị chết đuối, còn tôi, may thay, hay đúng hơn là nhờ có sự thần kỳ, tôi bơi được ít lâu thì chân chạm đất. Tôi tiến về một đám đen đen mà trong đêm tôi mịt mù, tôi đoán là một cù lao. Quả nhiên, tôi lên được bờ, và sáng ra, cho phép tôi nhận rõ tôi đang ở trên

một hoang đảo nhỏ cách Banxôra chừng hai mươi hải lý. Tôi hong khô ngay áo quần dưới nắng, rồi trên đường đi, trông thấy có nhiều loại trái cây và cả nước ngọt nữa. Điều đó làm cho tôi hi vọng ít nhiều là có thể sống sót.

Tôi đang ngồi nghỉ ở bóng râm thì chợt trông thấy một con rắn có cánh, khá to và dài, bò tới phía tôi, mình lảo đảo, lưỡi thè ra. Tôi đoán chắc nó đang gặp phải việc gì nguy biến. Tôi đứng lên và thấy nó bị một con rắn to hơn đuổi theo cắn lấy đuôi và đang cố sức để nuốt. Tôi thương hại, thành ra bạo gan : nhặt một hòn đá tình cờ thấy bên cạnh, tôi ráng hết sức ném vào con rắn to ; hòn đá đập ngay đầu nó. Con rắn nhỏ thấy mình được tự do, liền giương cánh bay đi mất. Tôi nhìn theo hồi lâu như nhìn một vật kỳ lạ. Khi không còn trông thấy nó nữa, tôi mới ngồi xuống bóng râm ở một chỗ khác và ngủ thiếp đi.

Xin bệ hạ hãy tưởng tượng nỗi ngạc nhiên của tôi lúc tỉnh dậy, thấy bên cạnh mình có một người đàn bà da đen, nét mặt sắc sảo và đáng mến, tay dòng sợi dây buộc cổ hai con chó cái cũng màu đen. Tôi đứng phắt dậy và hỏi người đàn bà ấy là ai. Bà ta đáp : « Ta là con rắn vừa được cô giải thoát khỏi kẻ thù hung bạo của ta cách đây không lâu. Ta nghĩ không có cách nào đền đáp ơn cô tốt hơn là hành động ta vừa mới làm. Ta biết rõ sự phản bội của hai chị cô, và để trả thù cho cô, khi vừa mới được tự do nhờ cô cứu giúp, ta đã gọi ngay các bạn bè của ta cũng đều là tiên đến, chúng ta đã chuyển tất cả hàng hóa trên tàu cất vào các kho của cô ở Batđa, sau đấy đánh chìm tàu. Hai con chó cái đen đây là hai chị của cô, mà ta bắt phải hóa thành kiếp chó. Nhưng sự trừng phạt này chưa đủ, ta còn muốn rằng cô sẽ đối xử với chúng theo cách mà ta sẽ nói sau đây :

Nói đến đây, bà tiên cắp chặt tôi vào một bên nách, bên kia cắp hai con chó cái, và đưa chúng tôi bay trở về nhà ở Bátđa. Đến đây tôi trông thấy tất cả của cải chở trên tàu đã xếp vào kho. Trước khi từ giã, bà tiên giao cho tôi hai con chó cái và bảo : « Nhân danh đấng có quyền uy tối thiêng liêng, ta truyền cho cô mỗi đêm phải đánh mỗi chị cô đúng một trăm roi, để trừng phạt chúng về tội chúng gây ra cho bản thân cô và cho hoàng tử trẻ đã bị chúng làm chết đuối, nếu không làm đúng lời ta dặn, cô cũng sẽ bị hóa thành chó như chúng ». Tôi bắt buộc phải hứa là sẽ thực hiện đúng mệnh lệnh của bà.

Từ buổi ấy, tối nào tôi cũng phải lấy làm tiếc mà đối xử với hai chị tôi theo cách bệ hạ từng chứng kiến. Bằng nước mắt của mình, tôi muốn tỏ cho các chị tôi thấy tôi làm một phận sự tàn ác mà lòng xiết bao đau đớn, chối xác : Bệ hạ đã thấy rõ tôi đáng thương hơn đáng trách. Nếu còn có điều gì có liên quan đến tôi mà bệ hạ muốn biết rõ thêm, thì em Amin tôi đây sẽ làm sáng tỏ qua câu chuyện về cô.

Sau khi đã lắng nghe hết câu chuyện nàng Zôbêit với lòng mến phục, hoàng đế, qua tể tướng, yêu cầu nàng Amin hãy vui lòng cho biết vì sao người nàng đầy vết sẹo. Và nàng Amin, hướng về phía hoàng đế, bắt đầu kể câu chuyện về nàng :

CHUYỆN NÀNG AMIN

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ. Để khỏi phải nhắc lại những điều mà bệ hạ đã rõ qua câu chuyện chị tôi

vừa kể, tôi xin nói ngay rằng mẹ tôi, sau khi tậu một căn nhà để sống riêng biệt cho qua những ngày góa bụa, đã gả tôi, cùng với tất cả tài sản mà thân phụ tôi để lại phần tôi, cho một trong những người thừa kế giàu có nhất thành phố này.

Lấy nhau chưa được một năm thì chồng tôi mất, để lại phần tôi tất cả gia tài trị giá tới chín mươi chín nghìn đồng xơcanh. Lợi tức của riêng số tiền ấy cũng đã thừa đủ cho tôi sống một cách khá đàng hoàng. Tuy nhiên, sáu tháng tang chồng vừa đoạn, tôi cho sắm mười bộ quần áo lộng lẫy khác nhau, tốn tới một nghìn đồng xơcanh một bộ, và đến cuối năm thì bắt đầu chưng diện.

Một hôm, tôi ở nhà một mình, đang bận công việc trong gia đình thì được báo có một bà cụ muốn nói chuyện với tôi. Tôi cho mời vào. Đấy là một người tuổi đã khá cao. Bà cụ cúi hôn mặt đất để chào tôi, rồi vẫn quỳ mà nói : « Thưa bà, xin bà tha thứ cho tôi dám đường đột đến quấy rầy bà : chính vì tin chắc vào lòng nhân hậu của bà cho nên tôi mới dám tự tiện như vậy. Thưa bà đáng kính, tôi xin nói rằng tôi có một đứa con gái mồ côi bố, cháu lấy chồng hôm nay : cháu và tôi đều là người ở nơi khác, chúng tôi không hề quen biết ai trong thành phố này, và điều đó làm cho chúng tôi bối rối, bởi vì chúng tôi muốn tỏ cho họ hàng đông đúc bên thông gia của tôi thấy rằng chúng tôi không phải là những người không ai hay biết mà cũng có ít nhiều địa vị. Thưa bà nhân hậu, chính vì vậy mà nếu bà có lòng tốt cho chúng tôi được vinh hạnh đón tiếp bà trong lễ cưới của cháu, chúng tôi sẽ càng đội ơn bà, vì có thể qua đó mà tỏ cho các bà ở quê ra biết rằng, chúng tôi ở đây không phải bị coi như những kẻ cùng khổ, khi họ thấy một con người cao sang như bà lại hạ cố cho chúng tôi một vinh hạnh

gan lao. Nếu bà khước từ lời cầu xin của tôi thì than ôi! chúng tôi tủi nhục vô cùng, bởi vì không còn biết trông cậy vào đâu được nữa. ».

Bà cụ tội nghiệp vừa nói vừa khóc, làm cho tôi đâm thương hại. Tôi nói : « Mẹ ạ, mẹ chớ có buồn ; tôi sẵn sàng vui lòng giúp mẹ điều mẹ yêu cầu. Mẹ hãy cho biết phải đi đến đâu, tôi chỉ cần có thời gian để ăn mặc cho nó sạch sẽ một chút thôi ». Nghe tôi nói như vậy, bà cụ mừng rơn, và nhanh nhẹn hôn chân tôi đến nỗi tôi không thể nào ngăn kịp. « Thưa bà nhân hậu, — bà cụ vừa nói vừa đứng lên — Thượng đế sẽ ban thưởng cho bà tấm lòng vàng bà đối với tôi tớ. Thượng đế sẽ làm mãn nguyện bà như bà đã làm mãn nguyện chúng tôi. Giờ chưa đến lúc phiền đến bà, tối nay mời bà đi theo tôi lúc nào tôi đến rước. Xin tạm biệt bà. »

Bà cụ vừa đi khỏi, tôi mặc bộ áo quần thích nhất, đeo một chuỗi ngọc lớn, vòng tay, nhẫn và một đôi hoa tai kim cương thuần khiết nhất, long lanh nhất. Tôi linh cảm thấy điều gì đó sắp xảy ra.

Trời vừa tối, bà cụ đã trở lại nhà tôi, vẻ mặt rất hớn hở. Bà cụ hôn tay tôi và nói : « Thưa bà quý mến, các bà có họ hàng với con rể tôi cũng đều là những đệ nhất phu nhân ở thành phố này, đã tề tựu đông đủ. Lúc nào bà thấy tiện, xin mời bà đến : tôi sẵn sàng dẫn đường hầu bà ». Bà cụ và tôi đi ngay ; bà cụ đi trước, tôi theo sau cùng với nhiều nữ tì của tôi ăn mặc sạch sẽ. Chúng tôi dừng lại ở một phố khá rộng, vừa mới quét dọn và tưới nước, trước một cổng lớn có nhiều đèn lồng soi sáng dòng sau đây viết bằng chữ vàng ở bên trên : « *Đây là nơi trú ngụ vĩnh viễn của các lạc thú và mừng vui* ». Bà cụ gõ cửa, có người ra mở ngay.

Người ta dẫn tôi vào một gian phòng lớn ở mé cuối sân, ở đấy tôi được một phụ nữ trẻ tuổi sắc đẹp vô

song ra tiếp. Sau khi ôm hôn tôi và mời tôi ngồi xuống cạnh nàng, trên một chiếc sập có đặt chiếc ngai bằng gỗ quý nạm kim cương, nàng nói : « Thưa bà, người ta mời bà đến đây để dự lễ cưới, nhưng tôi hy vọng rằng lễ cưới này sẽ khác hẳn lễ cưới mà bà hình dung. Tôi có một ông anh khôi ngô tuấn tú và tài giỏi hơn tất cả mọi người, anh tôi quá say mê sắc đẹp của bà qua lời đồn đại, đến nỗi số phận của anh tôi tùy thuộc ở bà, anh tôi sẽ rất đau khổ nếu không được bà đoái thương. Anh tôi biết rõ địa vị của bà trong xã hội, và tôi có thể quả quyết rằng địa vị của anh tôi không phải là không xứng đáng để kết bạn với bà. Thưa bà, nếu những lời cầu xin của tôi có chút ảnh hưởng nào đối với bà, thì tôi xin góp lời cùng với anh tôi mà van bà đừng từ chối lời anh tôi xin kết hôn ».

Từ khi chồng tôi qua đời, tôi chưa bao giờ có ý nghĩ tái giá, nhưng tôi không đủ sức khước từ một con người xinh đẹp như vậy. Tôi lặng im và đỏ mặt, nàng hiểu tôi đã bằng lòng, liền vỗ tay : một cánh cửa lập tức mở ra, và một chàng trai trẻ bước vào, vẻ đường bệ và trông duyên dáng đến nỗi tôi tự cho mình may mắn chinh phục được một chàng trai hay như vậy. Chàng ngồi xuống cạnh tôi. Qua lời trò chuyện, tôi nhận thấy phẩm giá của chàng còn cao hơn nhiều so với những gì cô em gái chàng vừa nói với tôi.

Khi nhận thấy hai chúng tôi đã bằng lòng nhau, nàng vỗ tay một lần nữa, một pháp quan bước vào, lập giấy giá thú, ký tên rồi bảo bốn người làm chứng đi theo cùng ký vào. Điều duy nhất mà người chồng mới đòi hỏi ở tôi là, tôi không được cho bất cứ một người đàn ông nào ngoài chồng được nhìn thấy mặt hay chuyện trò : chàng thề rằng, chỉ với một điều kiện ấy thôi, tôi sẽ có đầy đủ lý do để hài lòng về chàng. Cuộc hôn nhân của hai chúng tôi tiến hành và

kết thúc theo cách ấy : hóa ra tôi lại là vai chính của đám cưới mà chỉ có mình tôi được mời đến dự.

Một tháng sau lễ cưới, cần một loại vải, tôi xin phép chồng tôi ra phố để mua. Được chàng cho phép, tôi chọn bà cụ mà tôi đã nói đến, vốn là người nhà, và hai ả nô tì của tôi cùng đi.

Đi đến phố các nhà buôn, bà cụ thưa với tôi : « Thưa bà chủ, vì bà cần mua một tấm lụa, tôi xin đưa bà đến nhà một người buôn trẻ : anh ta có đủ loại hàng, bà đỡ phải mất công đi hiệu này qua hiệu khác ; tôi xin quả quyết rằng bà sẽ tìm thấy ở hiệu anh ta những thứ không nơi nào có ». Tôi để mặc cho bà cụ dẫn đi, vào cửa hiệu của một nhà buôn trẻ, người trông cũng khôi ngô. Tôi ngồi xuống và sai bà cụ bảo anh ta cho xem những thứ lụa tốt nhất anh ta có. Bà cụ muốn tự tôi hỏi lấy, nhưng tôi nói cho bà rõ, một trong những điều kiện của cuộc hôn nhân của tôi là không được nói chuyện với một người đàn ông nào khác ngoài chồng mình, tôi không được phép làm trái điều đó.

Gã nhà buôn đưa cho tôi xem nhiều loại vải ; tôi thấy một loại vừa ý hơn cả, liền sai hỏi xem anh ta định giá bao nhiêu. Gã trả lời bà cụ : « Tôi không bán nó lấy vàng, lấy bạc : nhưng tôi sẽ xin đưa làm quà tặng nếu nàng vui lòng cho tôi hôn một cái lên má. » Tôi truyền cho bà cụ bảo gã rằng gã xấc xược quá lắm đấy. Nhưng bà cụ không vâng lệnh mà lại cho rằng điều gã nhà buôn đòi hỏi ấy thật ra có quan trọng gì lắm đâu, tôi không cần phải nói năng, chỉ việc đưa má ra thôi, thế là xong một việc. Tôi thích được tấm lụa quá cho nên cũng quá nhẹ dạ mà nghe theo lời khuyên của bà cụ. Bà cụ và hai ả nô tì của tôi đứng ra đằng trước che để khỏi ai trông thấy, và tôi bỏ tấm mạng che mặt ra ; nhưng gã nhà buôn không hôn mà lại cắn vào má tôi đến bật máu.

Tôi đau đớn và kinh ngạc quá đến nỗi ngã xuống ngất đi hồi lâu, đủ thời giờ cho gã nhà buôn đóng cửa hiệu và chạy trốn. Tôi tỉnh lại thấy mà đầm đìa những máu : bà cụ và hai ả nô tì đã chú ý kéo tấm mạng che vết thương để bà con chạy lại không nhìn thấy, mà chỉ cho là chẳng qua tôi bị một cơn choáng mệt thôi.

Bà cụ đi theo tôi hết sức lo lắng về việc vừa xảy ra, cố gắng trấn an tôi : « Thưa bà chủ, — bà cụ nói — xin bà tha thứ cho, chính già này là kẻ gây nên tai họa ấy. Già đưa bà đến nhà lão buôn ấy, bởi vì gã là người cùng quê với già, và già có bao giờ ngờ được hắn ta dám cả gan làm cái việc độc ác như vậy. Nhưng xin bà chớ buồn, và đừng để mất thời giờ, chúng ta hãy trở về nhà ngay, già sẽ cho bà một thứ thuốc chữa khỏi hoàn toàn nội trong ba ngày, không để lại một dấu vết nhỏ nào ». Cơn ngất làm tôi yếu đến nỗi gần như không bước đi nổi nữa. Tuy vậy tôi cũng về được tới nhà ; nhưng vừa tới buồng riêng, tôi lại ngã xuống ngất đi một lần nữa. Trong thời gian ấy bà cụ đắp thuốc cho tôi, tôi hồi tỉnh và lên giường nằm.

Đêm đến, chồng tôi về. Chàng nhận thấy đầu tôi trùm kín liền hỏi tôi làm sao vậy. Tôi đáp tôi bị cơn nhức đầu, hy vọng chàng chỉ hỏi đến đấy thôi ; nhưng chàng cầm một cây nến soi và khi nhìn thấy má tôi bị thương, chàng lại hỏi : « Do đâu có vết thương này ? ». Mặc dù tội của tôi không lấy gì làm to lắm, tôi vẫn không thể nào dám thú thật ; tôi cho rằng thú nhận việc ấy với chồng là không biết giữ lễ. Tôi đáp, trong khi được chàng cho phép đi mua vải, một người vác gỗ đi qua sát vào người tôi trong một phố khá chật hẹp, đến nỗi một cây cào xây xát mặt, nhưng không có gì đáng ngại.

Cái lý lẽ ấy làm chồng tôi nổi giận. Chàng nói : « Hành động ấy không thể nào không bị nghiêm trị. Sáng mai, tôi sẽ ra lệnh cho vệ binh bắt tất cả bọn khuân vác vô lại ấy và cho treo cổ tất ». Sợ chính mình là nguyên nhân gây nên cái chết của bao người vô tội, tôi nói với chàng : « Thưa chàng, em sẽ rất không vui lòng nếu điều bất công ấy xảy ra ; xin chàng chớ phạm phải : em sẽ không đáng được tha thứ nếu tại mình gây nên tai họa đó. »

— Vậy thì bà hãy trả lời thành thật cho tôi rõ — chàng lại nói — vì sao có vết thương trên má bà.

Tôi đáp : «vết ấy là do một sự vô ý của một người bán chổi cưỡi trên lưng một con lừa, gã đi sau em nhưng gã lại nghênh sang phía khác : con lừa của gã xô vào em mạnh quá làm em ngã xuống dập má vào một mảnh chai ». Chồng tôi liền nói : « Nếu quả đúng như vậy thì sáng mai, mặt trời chưa mọc, tể tướng Giafa đã được thông báo về sự hỗn láo này. Ông ta sẽ cho xử tử tất cả bọn bán chổi ấy. »

— Nhân danh Thượng đế, — tôi ngắt lời chàng — em van chàng hãy tha thứ cho họ : họ không phải là thủ phạm đâu.

— Thế là thế nào, thưa bà ! — chồng tôi thét, — tôi nên tin lời nào ? Bà hãy nói đi, tôi muốn nghe sự thật từ miệng bà.

— Thưa ngài, em bị cơn chóng mặt và ngã xuống sự việc có như vậy thôi.

Nghe đến đấy, chồng tôi không còn kiên nhẫn được nữa, chàng thét lên : « A, những lời dối trá ấy làm ta mất quá nhiều thời giờ rồi ! ». Chàng vỗ tay, ba tên nô lệ bước vào. Chàng nói : « Chúng mày hãy lôi nó ra khỏi giường rồi căng nó ra chính giữa buồng». Bọn nô lệ thi hành mệnh lệnh. Trong khi một tên giữ

đầu một tên giữ chân tôi, chàng sai tên thứ ba đi lấy một thanh gươm. Khi nó đưa đến, chàng bảo : « Chém đi ; hãy chặt người nó ra làm hai đoạn, rồi mang xác nó ném xuống sông Tigơrơ làm mồi cho cá. Đây là sự trừng phạt của ta đối với những kẻ được ta tin yêu nhưng lại bội nghĩa ». Thấy tên nô lệ do dự chưa vâng lệnh ngay chàng nói tiếp : « Hãy chém đi chứ, tại sao mày dừng lại ? Mày chờ đợi gì ? »

— Thưa bà,— tên nô lệ lúc ấy liền bảo tôi — bà chỉ còn sống được giây lát nữa thôi ; bà hãy xem còn muốn được làm điều gì trước khi chết không ?

Tôi xin được nói một lời. Chồng tôi chấp thuận. Tôi ngẩng đầu, âu yếm nhìn chồng và nói với chàng : « Than ôi ! cảnh ngộ em mới bi thảm làm sao ! Em phải chết trong những ngày đẹp nhất của đời mình ! ». Tôi muốn nói nữa, nhưng nước mắt và hơi nấc làm tôi nghẹn lời. Điều đó không làm chồng tôi xúc động ; trái lại chàng còn mắng mỏ, cho nên tôi có nói thêm nữa cũng vô ích thôi. Tôi đành chuyển sang cầu khẩn, nhưng chàng vẫn không nghe, và truyền cho tên nô lệ cứ thi hành phận sự. Vừa lúc ấy, bà cụ vốn là vú nuôi của chồng tôi chạy vào, phủ phục dưới chân chàng và cố gắng khuyên giải : « Con ơi, xin con hãy nể công già đã nuôi nấng và dạy bảo con, mà tha tội cho nàng. Con hãy nhớ sát nhân giả tử, con sẽ làm hủy hoại thanh danh con và làm mất sự kính trọng của mọi người đối với con. Người ta sẽ chẳng ngần ngại gì mà chẳng nói vào nói ra về một cơn nóng giận gây nên cuộc đổ máu này ! »

Bà cụ nói những lời đó với giọng hết sức xúc động, kèm theo nước mắt ròng ròng, gây ấn tượng mạnh mẽ đến chồng tôi. Chàng bảo bà cụ :

« Đã vậy thì, vì nể u, ta tha cho nó sống : nhưng ta muốn rằng nó sẽ mang những dấu vết khiến nó đời đời phải nhớ tới tội lỗi của mình. »

Nói đến đây, chàng truyền cho một tên nô lệ cầm một chiếc roi xếp, lấy toàn lực quất vào hai bên sườn và trên ngực tôi không biết bao nhiêu roi, chiếc roi ấy bóc da bóc thịt tôi đến nỗi tôi mê man bất tỉnh. Sau đấy, trong cơn giận dữ, chàng lại sai chính những tên nô lệ ấy mang tôi đến vất vào một ngôi nhà, ở đấy bà cơ hết lòng chăm sóc chạy chữa cho tôi. Tôi nằm liệt giường bốn tháng. Cuối cùng tôi khỏi, nhưng những vết sẹo mà bệ hạ nhìn thấy hôm qua vẫn còn lại từ bấy đến giờ ngoài ý muốn của tôi. Vừa đi lại và ra khỏi nhà được, tôi muốn trở về nhà chồng cũ : nhưng đến nơi, tôi chỉ còn nhìn thấy một bãi đất trống. Chồng sau của tôi, trong cơn quá giận, không chỉ bằng lòng sai người triệt hạ nó mà còn cho san bằng tất cả dãy phố có nhà tôi. Sự cường bạo chưa từng thấy thật đấy, song tôi biết kiện ai ? Người gây ra đã tính trước chuyện và giấu tên, nên tôi không có cách gì biết rõ. Vả chăng, cho dù tôi có biết, thì tôi cũng phải thấy rằng, cách thức đối xử ấy chẳng bắt nguồn từ một quyền lực tuyệt đối đó sao ? Làm sao tôi dám đi thưa kiện ?

Buồn bã, trong tay không còn có gì, tôi đành trở về với chị Zôbêit thân yêu của tôi, người mà bệ hạ vừa nghe thuật chuyện : tôi kể cho chị tôi nghe chuyện mình bị hắt hủi. Chị tiếp đón tôi với tấm lòng tốt quen thuộc, và khuyến khích tôi kiên nhẫn chịu đựng. Chị nói : « Cuộc đời là thế đấy, thông thường nó tước đoạt mất của cải, hoặc bạn bè, hoặc người yêu, hoặc tất cả những thứ đó cùng một lúc. »

Đồng thời, để chứng minh điều vừa nói, chị kể cho tôi nghe về cái chết của hoàng tử trẻ do sự ghen tuông của hai người chị ruột của chị gây nên. Chị lại cho tôi

nghe tiếp chuyện hai người này bị hóa kiếp thành chó như thế nào. Sau khi hết lời an ủi tôi, chị giới thiệu đứa em gái tôi cũng đã về ở với chị từ sau khi mẹ tôi qua đời.

Thế là, sau khi tạ ơn Thượng đế đã cho chị em chúng tôi đoàn tụ, chúng tôi quyết định ở vậy cùng nhau và không bao giờ xa nhau nữa. Chúng tôi sống cuộc đời thanh bình như vậy đã lâu. Vì tôi giữ việc chi tiêu trong gia đình, tôi lấy làm thích thú tự mình đi mua sắm những thức ăn vật dụng cần thiết. Hôm qua, đi mua hàng, tôi nhờ một gã khuân vác đầu óc thông minh và tính tình dễ mến, đưa về nhà. Chúng tôi giữ anh ta lại chuyện vãn cho vui. Vào chập tối có ba khất sĩ đến xin chúng tôi cho nghỉ nhờ đến sáng hôm sau. Chúng tôi tiếp họ với một điều kiện mà họ chấp thuận, và sau khi được mời ăn, họ mừng chúng tôi một bản hòa tấu theo kiểu của họ thì chợt nghe tiếng gõ cửa. Đấy là ba nhà buôn ở Mútxun, người trông rất chững chạc ; họ cũng yêu cầu chúng tôi một điều như các khất sĩ, và chúng tôi cũng đồng ý với một điều kiện ấy. Nhưng không một ai chịu tôn trọng điều kiện ấy cả. Tuy nhiên, mặc dù chúng tôi có đủ tư cách cũng như có quyền trừng phạt họ về việc đó, chúng tôi chỉ đòi hỏi họ kể cho nghe chuyện về đời họ, và cũng chỉ hạn chế sự trả thù vào cái việc là sau đấy mời họ ra khỏi nhà, không cho phép họ được nghỉ nhờ lại như họ yêu cầu lúc mới đến mà thôi. »

Hoàng đế Harun An-Rasit rất hài lòng về việc mình đã rõ cả những điều muốn biết, công khai bày tỏ sự thích thú của mình, tỏ rõ quyền uy và lòng hào hiệp của mình đối với ba khất sĩ hoàng tử, và sự nhân từ đối với ba thiếu phụ, liền tự mình nói thẳng với nàng Zôbêit : « Thưa bà, bà tiên mà thoạt đầu bà trông thấy dưới hình con rắn và sau đấy buộc bà phải tuân theo

một luật lệ khắt khe, bà tiên ấy có nói cho bà rõ chỗ ở, hay là có hứa hẹn sẽ lại gặp bà để khôi phục nguyên hình cho hai con chó cái kia không ? »

— Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, — nàng Zôbêit đáp, — tôi quên chưa thưa để bệ hạ rõ là bà tiên ấy có trao cho tôi một nắm tóc nhỏ, và dặn rằng một ngày kia có thể tôi sẽ cần đến sự có mặt của bà, lúc ấy tôi chỉ cần đốt cháy hai sợi tóc là bà sẽ đến ngay tức khắc, cho dù đang ở bên kia dãy núi Côcadơ.

— Mớ tóc ấy đâu rồi, thưa bà ? — hoàng đế lại hỏi.

Nàng đáp, từ dạo ấy nàng vẫn chú ý luôn luôn mang theo bên người. Quả vậy, nàng lấy mớ tóc ra, rồi hé tấm rèm cửa che khuất mặt vua, nàng đưa cho Người. Hoàng đế nói : « Thế thì chúng ta hãy mời bà tiên đến đây : bà làm việc đó lúc này đúng hơn lúc nào hết, bởi vì ta muốn như vậy. »

Nàng Zôbêit đồng ý, người ta mang lửa đến, và nàng bỏ vào đấy cả món tóc. Lập tức cung điện rung chuyển và bà tiên hiện ra trước mặt hoàng đế dưới dạng một người đàn bà ăn mặc tuyệt đẹp. « Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ. — bà tiên nói, — tôi sẵn sàng tuân lệnh bệ hạ. Bà vừa gọi tôi đến đây từng giúp tôi một việc quan trọng : để biểu lộ lòng biết ơn, tôi đã trả thù hộ bà ta về sự bất nghĩa của hai chị gái bằng cách hóa kiếp chúng thành chó ; nhưng nếu bệ hạ muốn, tôi sẽ trả lại nguyên hình cho họ. »

— Hỡi tiên nữ xinh đẹp, — hoàng đế nói, — bà sẽ làm cho ta hết sức vui lòng : bà hãy ban cho họ cái ơn ấy, sau đấy ta sẽ kiếm cách an ủi họ sau một thời gian bị trừng phạt quá nặng nề ; nhưng trước hết, ta còn có một điều nữa yêu cầu bà, hãy giúp cho người đàn bà bị một ông chồng không rõ tính danh đối xử hết sức thô bạo kia. Vì bà tinh thông nhiều sự việc, chắc

bà không thể không biết việc này : xin bà hãy vui lòng nói cho ta rõ tên đứa dã man đã không những cho nô lệ đánh đập nàng một cách tàn bạo mà còn tước đoạt rất bất công tất cả tài sản của nàng. Ta hãy làm ra sao một hành động bất công, vô nhân đạo, xúc phạm đến uy danh ta như vậy mà ta không hề hay biết !

Bà tiên đáp :

— Để làm vui lòng bệ hạ, tôi sẽ cho hai con chó trở lại nguyên hình ; tôi sẽ chữa cho người đàn bà này khỏi hẳn các vết sẹo, không còn có gì tỏ ra là bị đánh đập bao giờ ; và sau đấy tôi sẽ tâu để bệ hạ rõ tên kẻ nào đã hành hạ nàng như thế.

Hoàng đế cho người đi tìm hai con chó cái ở nhà nàng Zôbêít, và khi chúng được dẫn tới, theo yêu cầu của bà tiên, người ta mang đến một cốc nước đầy. Bà niệm những lời không ai nghe rõ, rồi đổ nước lên người nàng Amin và lên hai con chó cái. Hai con chó biến thành hai người phụ nữ xinh đẹp khác thường, và các vết sẹo trên người nàng Amin biến mất. Tiếp đó, bà tiên tâu cùng hoàng đế : « Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, bây giờ chỉ còn có việc nói cho bệ hạ rõ ai là ông chồng mà bệ hạ muốn tìm : người đó rất gần gũi với bệ hạ, bởi vì đó chính là thái tử Amanh, con trai cả của bệ hạ, anh của hoàng tử Amun. Vì say mê đắm đuối người đàn bà này khi được nghe truyền tụng về sắc đẹp của nàng, chàng đã kiếm ra một cái cớ để lừa nàng đến nhà và cưới nàng làm vợ. Về trận đòn chàng sai đánh nàng, ít nhiều nàng cũng đáng được tha thứ. Vợ chàng đã hơi dễ tính, và những lời nàng đưa ra để biện bạch lại có thể làm cho người ta nghĩ rằng nàng đã sai lầm nặng hơn thế. Đấy là tất cả những gì tôi có thể nói thể theo lòng hiếu kỳ của bệ hạ ». Nói đến đây, bà tiên chào hoàng đế và biến mất.

Nhà vua vô cùng khâm phục và hài lòng về những biến đổi vừa xảy ra nhờ cô mình. Liền có những hành động mà muôn đời về sau người ta vẫn còn nhắc đến. Thoạt tiên, vua cho gọi hoàng tử Amanh đến và bảo là người đã biết đám cưới bí mật của chàng, và nói cho chàng rõ nguyên nhân gây nên vết thương trên má nàng Amin. Hoàng tử không chờ vua cha phán bảo, chàng nhận lại vợ ngay tức khắc.

Sau đấy, hoàng đế tuyên bố nhận nàng Zôbêit làm vợ, và gợi ý ba chị em kia lấy ba khất sĩ con vua; họ rất biết ơn và nhận lấy ba nàng. Hoàng đế ban cho mỗi chàng một tòa lâu đài tráng lệ trong thành phố Bátđa; và cất nhắc họ lên giữ những trách nhiệm cao sang trong nước, cho tham dự các công việc cơ mật của triều đình. Viên đệ nhất pháp quan trong thành phố Bátđa được triệu đến cùng với những người làm chứng, lập các giấy giá thú, và hoàng đế Harun An-Rasit trứ danh, đưa lại hạnh phúc cho bấy nhiêu người đã từng trải qua những bước gian truân không thể nào tưởng tượng, được mọi người vô cùng ca ngợi và hàm ơn.

CHUYỆN XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Vẫn dưới triều đại của hoàng đế Harun An-Rasit mà tôi vừa mới nói, ở Bátđa có một người khuân vác già tên là Hinbát. Một hôm thời tiết rất oi bức, lão vác một kiện hàng rất nặng đưa từ đầu này tới đầu kia thành phố. Đi đã mệt mà đường vẫn còn xa, lão đến một phố gió thổi mát rượi, vỉa hè tưới nước hoa hồng. Không thể ước mong được chỗ nào để chịu

hơn để mà nghỉ ngơi và lấy lại sức, lão đặt kiện hàng xuống đất rồi ngồi lên trên, ngay bên cạnh một tòa nhà lớn.

Trong chốc lát, lão lấy làm thú vị là đã dừng lại nghỉ chân ở chỗ này, bởi vì không khí ngào ngạt hương trầm và hương thoi tỏa ra từ các cửa sổ của tòa dinh thự, quyện với mùi thơm của nước hoa hồng. Ngoài những thứ đó, lão còn nghe thấy trong nhà vang tiếng hòa nhạc, thêm vào đó là tiếng hát du dương của rất nhiều chim họa mi cùng nhiều loại chim khác đặc sản vùng Bátđa. Nhạc điệu êm đềm quyện với khói thơm của nhiều loại thịt bốc lên, làm cho lão đoán chắc trong nhà đang có yến tiệc và liên hoan. Lão muốn biết ai ở toà nhà này; lão chưa rõ lắm bởi vì ít có dịp đi qua đây. Để thỏa tính tò mò, lão đến gần mấy người đầy tớ ăn mặc rất đẹp đứng ở cổng và hỏi một người: chủ nhân của dinh thự này tên là gì. « Ô kìa! — người đầy tớ đáp — bác sống ở Bátđa mà không biết rằng đây là nhà ngài Xinbát người đi biển, nhà hàng hải nổi tiếng đã đi khắp bốn biển năm châu ư?» Lão khuân vác đã từng nghe nói đến tài sản giàu có của Xinbát, không phải không ganh tị với một con người mà điều kiện sống sung sướng trái ngược hẳn với hoàn cảnh thảm thương của lão. Đầu óc cay cú vì những điều suy nghĩ ấy, lão ngước mắt nhìn trời và nói khá to để cho người khác có thể nghe được: « Hỡi Đấng lao hòa thiêng liêng, xin hãy nhìn sự khác biệt giữa Xinbát và tôi: ngày nào tôi cũng chịu đựng muôn nghìn gian lao khổ cực, thế mà vất vả lắm mới nuôi sống được bản thân và gia đình bằng bánh mì đen xấu, trong khi ngài Xinbát may mắn kia thì tiêu phí vô vàn của cải và sống một cuộc đời nhung lụa. Ông ta đã làm gì để được cuộc đời êm đềm như vậy? Tôi đã làm gì để chịu cảnh khốn khó thế này?» Nói xong, lão dậm chân xuống đất, giống hệt một con người hoàn toàn mất trí vì đau khổ và tuyệt vọng.

Hinbát đang mải mê với những ý nghĩ sầu não ấy, thì một người hầu từ trong dinh ra, đến nắm cánh tay lão và nói : « Mời bác đi theo tôi vào đây, ngài Xinbát chủ tôi muốn nói chuyện với bác. »

Hinbát không khỏi kinh ngạc về lời mời mọc đó. Sau những điều lão vừa thốt, lão có lý do để lo sợ rằng Xinbát sai tìm lão nhằm gây chuyện lôi thôi gì chăng ; bởi vậy lão muốn thoái thác, viện cớ là không thể bỏ hàng lại giữa phố. Nhưng người hầu Xinbát quả quyết với lão rằng sẽ có người trông nom hộ, rồi thúc giục lão vào, buộc lòng lão phải chiều theo.

Người hầu đưa lão vào một gian phòng lớn, ở đấy có khá đông người ngồi quanh một bàn tiệc đầy các loại thức ăn ngon. Ở chỗ ngồi danh dự là một nhân vật sang trọng, quắc thước và có một bộ râu dài đáng kính, sau lưng là đám gia nhân, đầy tớ, lăng xăng hầu hạ. Nhân vật ấy là Xinbát. Lão khuân vác càng thêm bối rối khi trông thấy toàn là người với cỗ bàn sang trọng, lão vừa vái chào vừa run. Xinbát bảo lão đến gần, mời lão ngồi xuống bên phải mình, tự tay lấy thức ăn mời lão ăn và rót rượu mời lão uống, một thứ rượu hảo hạng đựng đầy trong tủ.

Cuối bữa ăn, Xinbát nhận thấy khách khứa đã no say, liền cất lời nói với Hinbát mà ông gọi là người anh em, theo phong tục của người Ả rập khi nói chuyện thân mật với nhau. Ông hỏi lão người ở đâu, tên họ là chi và làm nghề nghiệp gì.

— Thưa ngài, tên tôi là Hinbát.

— Ta rất sung sướng được gặp người anh em, và tin rằng tất cả các vị có mặt ở đây cũng đều vui thích về việc đó, song ta muốn được nghe người anh em nói lại câu vừa nói lúc nãy ở ngoài đường.

Nghe vậy, Hinbát vô cùng bối rối, lão cúi đầu đáp: « Thưa ngài, tôi xin thú thật là vì mệt nhọc quá cho nên có phát bẳn, tôi có bật ra mấy lời không được đúng đắn, mong ngài hãy lượng tình tha thứ cho.

— Ồ, xin người anh em chớ nghĩ rằng ta bất công đến mức để bụng việc ấy. — Xinbát đáp — Ta thông cảm với tình cảnh của bạn, không những không trách móc, mà ta còn phàn nàn cho bạn nữa, nhưng ta cần làm cho bạn thoát khỏi một sai lầm : ta cho là hình như bạn đã nghĩ không đúng về ta. Có lẽ bạn cho rằng ta tạo nên được tất cả mọi tiện nghi và cuộc sống nhàn hạ mà bạn trông thấy đây không chút gian nan vất vả, không tốn sức lao động. Bạn chớ nhầm : ta chỉ đạt đến hoàn cảnh sung sướng như ngày nay sau khi đã phải trải qua nhiều năm tháng chịu đựng tất cả những nỗi khó nhọc về thể xác cũng như về tinh thần quá sức tưởng tượng của con người. Vâng, thưa các ngài, — ông nói với toàn thể khách dự tiệc, — tôi có thể quả quyết với các ngài rằng những nỗi khó nhọc ấy quá kỳ lạ đến nỗi có thể làm cho những kẻ ham của cải giàu sang nhất cũng tiêu tan cái ý muốn tai hại là vượt biển tìm vàng. Có lẽ các ngài chỉ được nghe một cách mơ hồ về những cuộc phiêu lưu quái dị và những nỗi hiểm nghèo tôi đã trải qua trên khắp bốn biển trong bảy chuyến đi của mình. Hôm nay gặp dịp tốt, tôi sẽ thuật lại trung thực để các ngài nghe ; tôi nghĩ rằng các ngài sẽ không đến nỗi phải bực mình.

Vì Xinbát muốn kể chuyện của mình đặc biệt cho lão khuân vác nghe, cho nên trước khi bắt đầu, ông truyền cho gia nhân mang kiện hàng của lão để lại ở giữa phố đến nơi lão có nhiệm vụ phải đưa đến. Tiếp đó, ông kể :

CHUYẾN ĐI ĐẦU TIÊN CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Tôi thừa hưởng của gia đình tôi nhiều tài sản đáng kể, tôi đã tiêu phí mất phần lớn qua các cuộc chơi bời trác táng thủa thanh niên ; nhưng tôi tỉnh ra kịp khỏi sự mê muội ấy, và suy nghĩ lại những hành động của mình, tôi nhận ra rằng của cải giàu sang có thể tiêu tan, rồi chẳng mấy chốc mà cạn hết vốn liếng nếu cứ làm ăn tồi như tôi làm hồi đó. Tôi còn nghĩ rằng, trong một cuộc sống không nền nếp, tôi đã phung phí bậy bạ thời gian, vật quý báu nhất trên đời. Tôi còn hiểu ra, nghèo khó trong lúc tuổi tác già nua là điều tồi tệ và thảm thương nhất trong mọi điều khổ cực. Tôi nhớ lại những lời của đấng Xalômông vĩ đại, mà có lần tôi được nghe cha tôi nói : « Thà chui vào mồ còn đỡ chán hơn là sống cảnh nghèo khó ». Thấm thía tất cả những điều suy nghĩ đó, tôi thu vén những gì gia tài mình còn lại, và đưa ra chợ bán đấu giá tất cả. Sau đó tôi kết bạn với mấy nhà buôn đường biển. Tôi hỏi ý kiến những người mà tôi cho là có thể giúp được mình những lời khuyên nhủ tốt. Cuối cùng, tôi quyết định làm cho số tiền bạc còn lại của mình sinh lợi : và một khi đã định bụng, tôi thực hiện ngay, không chút chậm trễ. Tôi đến Banxôra, ở đấy tôi cùng nhiều nhà buôn xuống một chiếc tàu góp tiền thuê chung.

Chúng tôi giương buồm, lên đường đi về vùng Đông Ấn-độ qua vịnh Ba-tư, vịnh này nằm giữa bờ biển xứ Hạnh phúc Ả rập ở bên phải và bờ biển Ba-tư ở bên trái ; chỗ rộng nhất theo ý kiến chung, ước chừng bảy mươi hải lý. Ra khỏi vịnh ấy, là biển của xứ Lơ-văng, cũng chính là biển Ấn-độ, rộng bao la, nơi tận cùng về phía này là duyên hải nước Apxini, còn

muốn đến quần đảo Vácvác thì phải đi mất bốn nghìn năm trăm hải lý. Lúc đầu, tôi khó chịu vì cái chứng người ta gọi là say sóng; nhưng sức khỏe tôi bình phục ngay; và từ đó trở đi, tôi không bao giờ còn bị như thế nữa.

Dọc đường, chúng tôi ghé vào nhiều đảo để bán và đổi hàng hóa. Một hôm, tàu chúng tôi đang giương buồm chạy thì gió lặng hẳn làm tàu dừng lại trước một hòn đảo nhỏ là là mặt nước, màu xanh tươi phủ, giống như bãi cỏ. Thuyền trưởng cho hạ buồm ghé tàu vào hòn đảo và cho phép những người đi tàu được lên bờ. Tôi cùng một số người lên đảo.

Nhưng, trong lúc chúng tôi đang mải mê ăn uống vui chơi và nghỉ ngơi cho đỡ mệt vì sóng biển, thì hòn đảo đột nhiên rung động làm chúng tôi bị chao đảo mạnh.

Người trên tàu trông thấy, kêu lên, gọi chúng tôi hãy mau mau lên tàu, không thì sẽ chết tất, vì cái tưởng là hòn đảo ấy thật ra là lưng một con cá voi. Những người nhanh chân nhất xô lên xuồng, những người khác nhảy xuống biển bơi; còn tôi, tôi đang còn ở trên đảo, hay nói cho đúng hơn là trên lưng con cá voi ấy thì nó đã lặn xuống biển, tôi chỉ kịp có đủ thời giờ bám vào một mảnh gỗ đưa từ dưới tàu lên để làm củi đun. Trong thời gian ấy, viên thuyền trưởng, sau khi đã đón lên tàu những người trong chiếc xuồng và vớt thêm được mấy người nữa đang bơi, muốn lợi dụng cơn gió mạnh và thuận chiều vừa mới nổi lên, liền cho kéo buồm, làm cho tôi mất hết hy vọng có thể bơi tới được chiếc tàu.

Thế là tôi bị dập vùi trong sóng biển. Khi thì xô sang bên này, khi đi giạt sang phía kia, suốt ngày hôm ấy và cả đêm tiếp theo, tôi giành giật với sóng để mà

sóng xô. Sáng hôm sau, tôi kiệt sức, và đã tuyệt vọng tưởng không thể nào thoát chết thì may mắn làm sao, một ngọn sóng xô tôi lên một hòn đảo. Bờ biển cao, và hiểm trở, và có lẽ tôi sẽ khó khăn mới lên được tới bờ nếu không nhờ có mấy cái rễ cây, mà hình như số phận đã dành ra đấy để cứu vớt tôi, giúp cho tôi có chỗ bấu víu. Tôi nằm dài ra mặt đất, và cứ nằm như vậy gần như chết dở cho đến khi trời sáng hẳn và mặt trời lên.

Mặc dù người rất yếu mệt do phải vật lộn với sóng biển và trong bụng không có một chút gì kể từ ngày hôm trước, tôi vẫn cố lê đi tìm vài ngọn cỏ có thể ăn được. Tôi tìm được vài ba thứ, và may mắn gặp một con suối nước rất ngọt, góp phần làm cho tôi lại sức. Sức khỏe trở lại rồi tôi bước đi lên đảo, không theo đường sá nhất định nào. Tôi đi vào một đồng bằng đẹp và trông thấy một con ngựa đang gặm cỏ. Tôi bước về phía ấy, vừa sợ vừa mừng, bởi vì không rõ mình đến đây để chuốc lấy cái chết vào thân hay là tìm được một cơ hội mà bảo toàn tính mệnh. Đến gần, tôi nhận rõ đấy là một con ngựa cái, buộc vào một cái cọc. Vẻ đẹp của nó làm cho tôi chú ý. Song, trong khi đang ngắm, tôi nghe có tiếng đàn ông nói ở dưới mặt đất. Một lát sau người ấy xuất hiện, tiến tới phía tôi và hỏi tôi là ai. Tôi kể lại chuyện không may của mình, người ấy liền cầm tay tôi dắt vào trong một cái hang ở đấy có nhiều người khác nữa, họ đều ngạc nhiên lúc trông thấy tôi, chẳng kém gì tôi kinh lạ khi trông thấy họ.

Tôi ăn mấy thức ăn do những người đó đưa cho, rồi hỏi họ làm gì ở một nơi có vẻ hoang vắng như thế này. Họ đáp họ là những người chăn ngựa của vua Miragiơ[1] chúa tể đảo này : mỗi năm cứ vào mùa này

---

(1) Một ông vua nổi tiếng trong các chuyện của người Árập.

họ quen lệ đưa các ngựa cái của vua đến đây và buộc lại theo cách tôi vừa trông thấy để cho một con hải mã từ dưới biển lên phủ, sau khi phủ, hải mã sẽ ăn thịt ngựa cái; nhưng bằng cách la hét thật to, họ buộc nó trở về biển cả; những con ngựa cái thụ thai sẽ được đưa về nhà; ngựa con do chúng đẻ ra, gọi là ngựa biển, sẽ để dành riêng cho nhà vua dùng. Họ nói thêm rằng họ định qua ngày hôm sau sẽ trở về, nếu tôi đến chậm một ngày chắc chắn là tôi sẽ bỏ mạng, bởi vì dân cư ở xa mà tôi không thể nào đến được tới nơi nếu không có người dẫn đường.

Trong khi họ nói chuyện với tôi như vậy, con hải mã từ biển lên, và đúng như lời họ nói, nó phủ lên con ngựa cái và sau đấy chuẩn bị ăn thịt con này: nhưng nghe thấy những tiếng ầm ầm do những người chăn ngựa gây nên, hải mã phải bỏ mồi mà xuống biển.

Ngày hôm sau, những người đó lên đường trở về thủ phủ của hòn đảo, mang theo đoàn ngựa cái, và tôi đi theo họ. Vừa về đến nơi, tôi được vào chầu vua Miragiơ, vua hỏi tôi là ai và do đâu tôi đến được vương quốc này. Sau khi nghe tôi trình bày tường tận, nhà vua tỏ ý chia sẻ với tôi điều bất hạnh đó. Người ra lệnh cho triều thần săn sóc tôi và cung cấp cho tôi tất cả những thức gì cần thiết. Mệnh lệnh của vua được thực hiện chu đáo, khiến cho tôi chỉ còn biết ca ngợi lòng hào hiệp của nhà vua và sự nghiêm túc của bầy tôi Người.

Vì là nhà buôn, tôi năng lui tới những người cùng nghề. Tôi đặc biệt tìm kiếm những khách nước ngoài, vừa để hỏi thăm tin tức về Bátđa, vừa để tìm một người nào khả dĩ cùng tôi trở về thành phố ấy: bởi vì kinh đô của nhà vua Miragiơ nằm trên bờ biển và có một hải cảng đẹp ngày nào cũng có tàu buôn của nhiều nước trên thế giới tới cập bến. Tôi cũng giao du

với các nhà bác học Ấn-độ và lấy làm thú vị được nghe họ nói; tuy vậy, việc này không cản trở tôi đến chầu vua đều đặn, hoặc là trò chuyện với các thống đốc và các tiểu vương, chư hầu của vua Miragiơ, thường gần gũi với Người. Họ hỏi rất nhiều về đất nước tôi, và về phần tôi, muốn biết phong tục và luật pháp nước họ, tôi hỏi họ về tất cả những gì mà tôi cho là đáng tìm hiểu.

Dưới quyền vua Miragiơ có một hòn đảo tên là Catxen. Người ta quả quyết với tôi rằng đêm nào ở đây cũng nghe có tiếng trống đồng, làm cho các thủy thủ đồn rằng thần Đêgian (1) sống ở chốn này. Tôi nảy ra ý muốn chứng kiến điều kỳ lạ ấy; và trong chuyến đi đến đấy, tôi trông thấy những con cá dài đến một trăm và hai trăm cánh tay (2), chúng làm cho ta kinh sợ hơn là gây hại cho con người. Chúng nhát đến nỗi chỉ cần gõ vào tấm ván là chúng đã bỏ trốn. Tôi còn trông thấy những con cá khác chỉ dài một cánh tay, đầu trông giống như đầu con cú.

Một hôm trên đường về, tôi đang ở cảng, vừa lúc một chiếc tàu cập bến. Buông neo xong, người ta bắt đầu bốc dỡ hàng hóa, và các nhà buôn chủ hàng cho chuyển các thứ của mình về kho. Đưa mắt nhìn một vài kiện hàng và những chữ viết bên trên, xem thử những thứ đó là của ai, tôi chợt thấy tên tôi, và sau khi xem xét kỹ, tôi không nghi ngờ gì nữa, đây chính là những kiện hàng tôi đã cho xếp lên tàu khi khởi hành ở Banxôra. Tôi còn nhận ra cả viên thuyền trưởng, nhưng bởi vì tôi tin chắc ông cho là tôi đã chết, cho nên tôi đến gần và hỏi ông những kiện hàng trông

(1) Theo tín ngưỡng của người Ảrập, Đêgian là thần chống lại Thượng đế.

(2) Cánh tay, sải tay, những đơn vị đo chiều dài cổ. Một cánh tay dài khoảng nửa mét. (N.D.)

thấy kia thuộc về ai. Ông ta đáp: «Trước đây trên tàu chúng tôi có một nhà buôn ở Bátđa tên là Xinbát. Một hôm chúng tôi đến gần một nơi trông như hòn đảo, ông ta cùng với nhiều hành khách khác lên chơi trên cái tưởng là hòn đảo ấy, kỳ thực là một con cá voi khổng lồ đang ngủ là là mặt nước. Nó vừa cảm thấy hơi nóng do lửa người ta đốt trên lưng nó để nấu ăn gây nên, liền cựa mình và lặn ngay xuống biển. Phần lớn những người ở trên lưng nó đều chết đuối, ông Xinbát đáng thương cũng ở trong số đó. Những kiện hàng kia là của ông ta, tôi định bán đi, chờ đến bao giờ có dịp gặp một người trong gia đình ông ta thì sẽ trao lại cả vốn lẫn lãi.»

— Thưa thuyền trưởng, — tôi liền nói — chính tôi là Xinbát mà ông tưởng đã chết rồi nhưng thật ra là không phải, và những kiện hàng kia là tài sản và hàng hóa của tôi.

Thuyền trưởng nghe tôi nói như vậy liền thốt lên: «Trời đất! biết tin ai bây giờ? Con người thật không đáng tin nữa: chính mắt tôi trông thấy Xinbát chết đuối, các hành khách trên tàu đều nhìn thấy như tôi, thế mà ông dám bảo chính ông là Xinbát! Cả gan làm sao! Nhìn bề ngoài, ông có vẻ một con người thật thà, ấy thế mà ông lại nói dối khủng khiếp, hòng chiếm đoạt những của cải không thuộc quyền sở hữu của ông.»

— Xin ông hãy kiên nhẫn, — tôi tiếp lời thuyền trưởng, — và xin hãy vui lòng nghe những điều tôi nói với ông đây.

— Nào, ông nói cái gì nào? Hãy nói đi, tôi nghe đây.

Tôi liền thuật lại tôi thoát chết bằng cách nào, tôi gặp những người chăn ngựa của vua Miragiơ và được họ đưa về triều đình ra làm sao.

Nghe tôi nói, thuyền trưởng có vẻ nao núng, nhưng chỉ lát sau, ông đã tin hẳn tôi không phải là một kẻ lừa đảo, bởi vì có nhiều người cùng đi trên tàu ông đến và nhận ra tôi : họ chúc mừng và tỏ lòng vui thích được gặp lại tôi. Cuối cùng, chính thuyền trưởng cũng nhận ra, ông bá lấy cổ tôi : « Tạ ơn Thượng đế đã cho ông may mắn thoát được một cơn hiểm nghèo to lớn như vậy ! Tôi không có cách nào biểu lộ lòng vui mừng vô hạn được gặp lại ông. Tài sản của ông kia, ông hãy nhận lấy : nó thuộc quyền ông, ông muốn làm gì xin tùy ý. ».

Tôi cảm ơn, ca ngợi sự ngay thẳng của thuyền trưởng, và để thừa nhận đức tính ấy, tôi xin ông nhận một vài thứ hàng hóa của tôi biếu, song ông từ chối.

Tôi chọn những thứ quý nhất trong các kiện hàng của tôi, dâng tặng vua Miragiơ. Vì nhà vua đã biết chuyện không may xảy đến cho tôi, liền hỏi tôi tìm đâu ra những vật hiếm như vậy. Tôi thuật lại do sự tình cờ như thế nào mà tôi thu hồi được của cải đã mất, nhà vua cũng mừng cho tôi, nhận tặng phẩm đồng thời cho lại tôi nhiều món quà còn quý hơn. Sau đó, tôi từ giã nhà vua và trở lại chiếc tàu cũ. Nhưng trước khi xuống tàu, tôi đổi những hàng hóa còn lại lấy hàng hóa địa phương, như trầm hương, đàn hương, long não, nhục đậu khấu, đinh hương, hồ tiêu và gừng. Tàu đi qua nhiều hòn đảo, cuối cùng cập bến Banxôra ; tôi về thành phố này với hàng hóa trị giá khoảng một trăm nghìn đồng xơcanh. Gia đình tôi đón tôi, tôi gặp lại người nhà, mừng vui hết sức, với tất cả tình cảm mãnh liệt và chân thành. Tôi mua nhiều nô lệ nam nữ, ruộng đất tốt và cho làm một ngôi nhà lớn. Tôi yên cư như vậy đó, định bụng sẽ quên tất cả những khổ ải đã trải qua, và hưởng thụ mọi niềm lạc thú ở đời.

Xinbát ngừng lời ở đấy, truyền cho các nhạc công bắt đầu lại cuộc hòa nhạc mà ông đã làm gián đoạn khi kể lại câu chuyện của mình. Mọi người tiếp tục uống rượu và ăn cho đến chiều, và lúc sắp chia tay, Xinbát sai mang đến một túi đựng một trăm đồng xơ-canh đưa cho lão khuân vác và nói :

— Hinbát, bạn hãy cầm lấy, trở về nhà và sáng mai trở lại đây nghe tôi kể nốt phần tiếp những cuộc phiêu bạt của tôi.

Lão khuân vác ra về, hết sức bối rối về vinh dự và món quà vừa nhận được. Lão thuật lại cho gia đình nghe, vợ và các con lão đều cảm tạ Thượng đế đã ban cho họ điều tốt lành thông qua Xinbát.

Ngày hôm sau, Hinbát ăn vận sạch sẽ hơn hôm trước, trở lại nhà người đi biển hào phóng. Ông tươi cười tiếp đón lão với muôn nghìn cử chỉ thân ái. Các khách được mời đến đông đủ, bàn tiệc dọn ra ngay, mọi người ăn uống rất lâu. Tiệc tàn, Xinbát lại cất lời nói với tất cả : « Thưa quý ngài, xin quý ngài vui lòng nghe tiếp câu chuyện về những sự không may trong chuyến đi thứ hai của tôi. Nó còn xứng đáng với sự chú ý của quý vị hơn cả chuyến đi đầu. »

Mọi người im lặng, và Xinbát kể :

CHUYẾN ĐI THỨ HAI CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Sau chuyến đi đầu tiên, tôi đã quyết định sẽ sống bình yên những ngày còn lại của đời mình ở Bátđa, như tôi đã được vinh dự kể với các vị hôm qua. Nhưng

chẳng bao lâu, tôi thấy chán cuộc đời ăn không ngồi rồi ; sự ham muốn đi xa buôn bán bằng đường biển lại xâm chiếm lòng tôi. Tôi đi tìm mua những hàng hóa hợp với hướng buôn bán của mình, rồi lên đường một lần nữa cùng với các nhà buôn khác mà tôi đã hiểu rõ lòng ngay thật. Chúng tôi xuống một chiếc tàu tốt, và sau khi phó thác số phận mình cho Thượng đế, chúng tôi bắt đầu chuyến đi.

Chúng tôi đi từ đảo này sang đảo khác và làm những cuộc đổi chác rất có lợi. Một hôm, tàu chúng tôi ghé vào một hòn đảo đầy cây ăn quả nhưng hoang vu, không hề thấy một ngôi nhà hoặc một bóng người nào. Chúng tôi đi hóng mát ở các bãi cỏ và men theo các con suối chảy qua.

Trong lúc bọn chúng tôi người này hái hoa giải trí, người kia trẩy quả làm vui, tôi lấy thức ăn và rượu nho mang theo, ra ngồi cạnh một dòng nước chảy giữa những cây to tỏa bóng. Ăn xong một bữa khá ngon lành, tôi buồn ngủ rũ cả người. Tôi không biết mình đã ngủ bao lâu, khi tỉnh dậy thì chiếc tàu không còn đậu ở bến nữa.

Rất ngạc nhiên, tôi đứng dậy nhìn khắp tứ phía, và chẳng thấy một nhà buôn nào lúc nãy cùng tôi lên đảo này. Chỉ thấy xa xa thấp thoáng một con tàu giương buồm chạy, nhưng xa đến nỗi chỉ lát sau đã mất hút ngoài tầm mắt tôi.

Quý vị hãy tưởng tượng những ý nghĩ của tôi khi lâm vào một tình thế đáng buồn như vậy. Tôi tưởng có thể chết được vì đau khổ. Tôi thét lên những tiếng kinh khủng, tôi đập vào đầu và bò lăn ra đất ; tôi nằm rất lâu như vậy, đầu óc thẫn thờ một mớ bòng bong những ý nghĩ cùng chán ngán như nhau. Tôi trăm lần tự trách mình sao không chịu bằng lòng với chuyến đi đầu nó đáng làm cho tôi mãi mãi không

còn hạm đi chuyến khác nữa. Nhưng mọi tiếc rẻ đều vô ích, và sự hối hận của tôi bây giờ thật là không đúng lúc.

Cuối cùng tôi đành tuân theo ý muốn của Thượng đế và chẳng biết số phận mình sẽ ra sao, tôi trèo lên ngọn một cây cao nhìn khắp bốn phía để xem thử có phát hiện được cái gì đưa lại chút hi vọng nào chăng. Nhìn ra phía biển chỉ thấy có nước và trời, nhưng nhìn về phía đất thấy có một vật gì trăng trắng, tôi tụt xuống đất thu góp những thức ăn còn lại, rồi đi về phía cái vật trắng ấy, quá xa khiến tôi không nhận được ra là vật gì.

Đến một khoảng cách phải chăng, tôi nhận ra đấy là một cái khối hình cầu cao và to kỳ lạ. Tôi đến gần, sờ thấy nó nhẵn thín. Tôi đi vòng, xem có lối vào nào không nhưng chẳng thấy. Tôi đồ chừng không thể nào trèo lên trên được bởi vì nó trơn tuột. Chu vi của nó vào khoảng năm mươi bước.

Lúc ấy mặt trời đã sắp lặn : không gian bỗng tối sầm như có một đám mây dày bao phủ. Nhưng nếu tôi ngạc nhiên vì bóng tối ấy, thì tôi lại càng kinh ngạc hơn nhiều khi nhận ra sở dĩ có bóng tối ấy là do một con chim to lớn dị kỳ đang bay về phía tôi. Tôi chợt nhớ đến một con chim gọi là đại bàng mà tôi thường vẫn nghe các thủy thủ nói tới, và tôi hiểu ra cái khối hình cầu to mà tôi ngắm nghía mãi ấy chắc hẳn là trứng của con chim này. Quả nhiên nó sà xuống và đậu lên trên như để ấp. Trông thấy nó đến, tôi vội nép thật sát vào quả trứng, thành ra ngay trước mặt tôi là một chân của con chim, chân to bằng cả một thân cây lớn. Tôi lấy vải quấn quanh chiếc khăn đội đầu, tự buộc mình thật chắc vào cái chân đó, với hi vọng là ngày hôm sau khi con chim lại cất

cánh, nó sẽ đưa tôi ra khỏi hoang đảo này. Đúng như vậy, sau một đêm trong tư thế đó, trời vừa sáng chim đã bay bổng lên, đưa tôi vút lên cao đến nỗi không nhìn thấy mặt đất : sau đấy đột nhiên lao xuống rất nhanh, làm cho tôi gần như mê man. Khi con đại bàng hạ cánh và đậu xuống đất, tôi mau chóng cởi nút khăn, tách người ra khỏi chân nó. Vừa xong, nó đã mổ một con rắn thật dài, cắp lấy và bay vút đi luôn.

Nơi con chim để tôi lại, là một thung lũng rất sâu, bốn bề bao bọc núi cao đến nỗi đỉnh khuất trong mây, và quá hiểm trở thành ra không có một lối nào có thể trèo lên được. Đây lại là một sự lúng túng mới cho tôi ; so sánh chỗ này với cái hoang đảo mà tôi vừa rời khỏi, tôi thấy chẳng được lợi gì hơn trong sự đánh đổi này.

Đi trong thung lũng ấy, tôi nhận thấy nó rải rác những kim cương, nhiều viên to một cách kỳ lạ. Tôi ngắm những thứ đó thật thích mắt, song chỉ lát sau, tôi nhìn thấy đằng xa những vật làm giảm bớt rất nhiều niềm vui thích ấy, và không thể nhìn mà không khiếp đảm. Đấy là một bầy ngồn ngộn những con rắn to và dài đến mức không con nào không nuốt chửng được cả một con voi. Ban ngày, chúng về hang để lẩn trốn chim đại bàng, kẻ thù của chúng, và chỉ đêm đến mới bò ra.

Suốt ngày tôi đi thất thểu trong thung lũng, thỉnh thoảng nghỉ ngơi ở những chỗ thuận tiện nhất. Tuy nhiên mặt trời đã lặn, và tối đến, tôi rút vào một cái hang mà tôi cho là an toàn. Lối vào đã thấp lại hẹp, tôi còn lăn phiến đá khá lớn lấp lại, không cho rắn chui vào, nhưng không quá khít để có thể lọt qua chút ánh sáng. Tôi ăn một phần thức ăn mang theo trong tiếng động của những con rắn bắt đầu xuất hiện. Tiếng rít ghê tởm của chúng gây cho tôi nỗi kinh hoàng

không bờ bến, và như các vị có thể hiểu, không cho tôi được ngủ yên đêm ấy. Sáng ra, các con rắn bỏ đi. Tôi run rẩy ra khỏi hang; tôi có thể nói rằng tôi bước đi, chân dẫm lên kim cương mà lòng không hề có chút ham muốn. Cuối cùng tôi ngồi xuống, và mặc dù lo âu, nhưng vì suốt đêm qua không chợp mắt, tôi ngủ thiếp đi sau khi dùng thêm một bữa với những thức ăn mang theo. Nhưng tôi vừa chợp đi thì một vật gì rơi xuống cạnh gây ra tiếng động mạnh làm tôi tỉnh giấc: đó là một tảng thịt tươi lớn; và cùng lúc ấy tôi nhìn thấy nhiều tảng thịt khác lăn từ trên đỉnh núi xuống ở nhiều chỗ khác nhau.

Xưa nay tôi vẫn cho chẳng qua là câu chuyện kể cho vui tai những điều đã nhiều lần được nghe các thủy thủ và những người khác nói về thung lũng kim cương, và tài tháo vát của một vài nhà buôn tìm cách lấy những viên ngọc quý ấy. Giờ tôi biết là họ nói đúng là sự thật. Quả vậy, các nhà buôn ấy đến gần thung lũng này trong thời gian các chim ưng có con. Họ xả thịt, ném từng tảng lớn xuống thung lũng; thịt rơi vào chỗ nào có kim cương thì kim cương dính chặt vào. Chim ưng ở xứ này khỏe hơn nhiều so với những nơi khác, bổ nhào xuống những tảng thịt ấy cắp mang về tổ của chúng trên đỉnh núi cao để làm mồi cho chim con. Thế là các nhà buôn chạy đến gần các tổ chim la hét, buộc chúng phải lánh đi để cho họ nhặt những viên kim cương dính vào thịt. Họ phải dùng đến mẹo ấy, bởi vì không còn có cách nào khác để lấy kim cương từ dưới thung lũng sâu như một vực thẳm không có lối xuống.

Cho đến lúc ấy, tôi đã ngờ là không thể có cách nào thoát ra khỏi cái thung lũng mà tôi đã coi như là mồ chôn mình; nhưng tôi thay đổi ý kiến, những điều vừa trông thấy gợi ý cho tôi nghĩ ra một cách tự cứu lấy tính mạng của mình.

Tôi bắt đầu nhặt những viên kim cương to nhất, bỏ đầy cái túi da vẫn dùng để đựng thức ăn. Sau đó tôi lấy tảng thịt trông có vẻ dài nhất buộc chặt xung quanh người bằng tấm vải vẫn cuộn làm khăn đội đầu, và trong hình dạng đó tôi nằm sấp xuống đất, cái túi da buộc chặt vào thắt lưng sao cho không thể nào rơi được.

Tôi vừa mới nằm xuống trong tư thế ấy thì đàn chim ưng bay đến ; mỗi con cắp một tảng thịt mang đi ; con khỏe nhất cắp tôi cùng với tấm thịt cuộn quanh người, bay bổng lên tận tổ của nó trên đỉnh núi cao. Lúc ấy, các nhà buôn hét to lên để cho chim sợ, và khi bắt buộc phải bỏ mồi lại rồi, một người chạy đến gần, và hốt hoảng khi trông thấy tôi. Tuy vậy, anh ta trấn tĩnh lại, và không hỏi do đâu tôi có mặt ở đây, lại bắt đầu gây sự, nói tại sao tôi chiếm đoạt tài sản của anh ta. Tôi đáp : « Bạn sẽ nói chuyện có tình với tôi hơn nếu bạn biết rõ tôi thêm. Bạn hãy yên trí : tôi có đủ kim cương cho bạn và cho cả tôi, nhiều hơn tất cả của các nhà buôn kia cộng lại. Nếu họ có được viên nào cũng chỉ do ngẫu nhiên thôi, còn những viên tôi mang trong cái túi mà bạn trông thấy đây là do tôi đã tự chọn lấy dưới thung lũng ». Vừa nói tôi vừa đưa cho anh ta xem. Tôi chưa dứt lời thì những nhà buôn khác trông thấy tôi cũng đến xúm quanh ; họ rất ngạc nhiên trông thấy tôi và càng ngạc nhiên hơn khi nghe tôi kể chuyện. Họ khâm phục những hành động táo bạo quá mức của tôi.

Họ đưa tôi về nơi họ cùng ở chung với nhau, ở đây tôi mở cái túi ra trước mặt họ, làm họ kinh ngạc về cỡ lớn của các viên kim cương ; họ thú thật ở tất cả các triều đình mà họ đã từng sống qua, chưa bao giờ được trông thấy một viên nào lớn gần bằng thế này. Tôi yêu cầu nhà buôn chủ cái tổ chim ưng mà tôi được

mang đến (bởi vì mỗi người đều có lồ của mình), tha hồ chọn lấy phần của ông, muốn bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Ông ta chỉ cầm một viên thôi, mà lại lấy trong số những viên không lớn lắm, và khi tôi giục ông ta lấy thêm, đừng sợ làm tôi thiệt, ông ta đáp : « Không, tôi rất thỏa mãn với viên này rồi, nó khá quý để đủ cho tôi từ nay về sau đỡ vất vả, đỡ phải lặn lội chân trời góc bể hòng kiếm ra một cái vốn nho nhỏ. »

Tôi ngủ lại đêm ấy với các nhà buôn, tôi lại kể một lần nữa câu chuyện của tôi để thỏa mãn những người chưa được nghe. Tôi không thể nào kiềm chế nỗi vui mừng khi nghĩ rằng mình đã thoát khỏi những nỗi gian nguy vừa kể với quý vị. Tôi cảm thấy như mình vừa trải qua một giấc mơ, và tôi có thể tin là không còn gì phải sợ hãi nữa.

Các nhà buôn ném thịt xuống thung lũng đã nhiều ngày rồi, và ai nấy đều có vẻ bằng lòng với số kim cương mình kiếm được, vì vậy ngày hôm sau tất cả chúng tôi cùng lên đường. Chúng tôi đi qua các ngọn núi cao có những con rắn dài kỳ lạ, mà chúng tôi may mắn tránh được. Chúng tôi đến cái cảng đầu tiên, từ đấy sang đảo Rôha, nơi mọc thứ cây mà người ta chiết xuất chất long não, thứ cây này to và rậm đến nỗi một trăm người có thể dễ dàng nấp dưới bóng nó. Nhựa để làm long não tiết ra từ một cái hốc ở phần trên của thân cây, chảy vào một cái bình rồi đông lại và biến thành thứ gọi là long não. Nhựa lấy hết, cây sẽ khô đi và chết.

Trên hòn đảo ấy có tê giác, đó là những con vật bé hơn con voi nhưng to hơn con trâu, có một cái sừng trên mũi, dài chừng một cánh tay ; cái sừng ấy rất cứng và bổ dọc ở giữa từ đầu đến cuối. Trên sừng có những vệt trắng giống hình mặt người. Tê giác đánh nhau với voi, lấy sừng chọc thủng bụng voi, nhấc bổng và đội lên đầu ; nhưng vì máu và mỡ voi chảy

xuống làm mù mắt nó, nó ngã ra đất, thế là — điều này chắc sẽ làm các vị ngạc nhiên — chim đại bàng đen, giơ móng quắp nhấc bổng cả đôi, đưa về cho con nó ăn thịt.

Tôi sẽ không nói đến nhiều điều đặc sắc khác của hòn đảo ấy, sợ làm quý vị chán tai. Ở đó tôi đổi một vài viên kim cương lấy nhiều hàng hóa tốt. Rồi từ đấy, tôi sang các đảo khác, và cuối cùng sau khi ghé qua nhiều thành phố, buôn bán ở đất liền, tôi đến Banxôra và trở về Bátđa. Trước hết, tôi bố thí rộng rãi cho những người nghèo, và tôi hưởng thụ xứng đáng phần còn lại của những của cải vô hạn mà tôi đã mang về nhờ kiếm được trải qua bao gian khổ.

Xinbát thuật lại chuyến đi thứ hai của ông xong, ông sai đưa cho Hinbát một trăm đồng xơcanh nữa và mời lão ngày hôm sau đến nghe kể tiếp chuyến đi thứ ba.

Khách khứa ra về, và ngày hôm sau vào đúng giờ hẹn lại đến, cả lão khuân vác hầu như đã quên cảnh nghèo đói trước đây của mình. Mọi người lại ngồi vào bàn tiệc, và sau bữa ăn, Xinbát xin mọi người lắng nghe ông thuật lại chi tiết về chuyến đi thứ ba của ông :

CHUYẾN ĐI THỨ BA CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Chẳng mấy chốc cuộc sống êm đềm làm tôi lãng quên những nỗi hiểm nghèo đã trải qua hai chuyến

đi . nhưng bởi vì đang tuổi tráng niên, tôi đâm chán cảnh sống an nhàn ; và say sưa nghĩ tới những gian nguy mới mình sẽ đương đầu, tôi rời Bátđa với nhiều hàng hóa đắt tiền của địa phương mà tôi cho mua và chuyển đến Banxôra. Ở đây tôi lại xuống tàu cùng với nhiều nhà buôn khác. Chúng tôi tiến hành một chuyến đi biển dài và cập bến nhiều hải cảng để mua bán một số hàng hóa lớn.

Một hôm đang đi giữa biển khơi, chúng tôi bị một cơn bão dữ dội làm mất phương hướng. Bão kéo dài nhiều ngày, và đẩy tàu chúng tôi đến trước bến cảng của một hòn đảo. Viên thuyền trưởng hết sức mong làm sao có thể tránh không phải ghé vào, song chúng tôi bắt buộc phải vào buông neo ở đây. Khi buồm đã cuốn lại rồi, viên thuyền trưởng bảo chúng tôi : « Đảo này và các đảo lân cận có một giống người dã man mình đầy lông lá, sẽ đến tiến công chúng ta. Mặc dù chúng lùn tịt, song chúng ta không được kháng cự lại một chút nào, bởi vì chúng đông như châu chấu : nếu nhỡ ra chúng ta làm chết một đứa, thì tất cả chúng nó sẽ đổ xô đến giết sạch chúng ta ».

Lời viên thuyền trưởng làm cho tất cả mọi người trên tàu hết sức lo lắng, và chẳng mấy chốc chúng tôi được biết những điều ông nói quả đúng sự thật. Chúng tôi thấy xuất hiện một đám đông không thể nào kể xiết những tên man rợ xấu xí, mình mẩy mọc đầy lông màu hung và chỉ cao chừng hai bộ. Chúng nhảy xuống biển bơi và, chỉ một lát sau, vây quanh chiếc tàu của chúng tôi. Chúng vừa tiến đến gần vừa nói nhưng chúng tôi không hiểu được tiếng của chúng. Chúng bám lấy mạn tàu và các dây dợ, rồi từ mọi phía leo lên tới sàn tàu, khéo léo và thoăn thoắt như thể chân không chạm vào đâu cả.

Chúng tôi nhìn chúng làm việc đó với một nỗi kinh hoàng chắc các vị có thể tưởng tượng được, không dám chống cự hoặc nói lên một lời nào hòng làm chúng thay đổi ý định, mà chúng tôi ngờ là sẽ tai hại cho mình. Quả nhiên, chúng mở buồm ra, cắt dây neo chớ không buồn kéo neo lên nữa, và sau khi cho tàu ghé sát vào bờ, chúng đuổi tất cả chúng tôi lên cạn. Sau đó, chúng mang tàu đến một hòn đảo khác, nơi chúng ở. Tất cả mọi người đi biển bao giờ cũng chú ý tránh hòn đảo chúng tôi ghé vào lúc đó, dừng lại chốn ấy rất nguy hiểm bởi lý do mà quý vị vừa nghe; nhưng chúng tôi không có cách nào khác đành phải kiên nhẫn chịu đựng điều không may của mình.

Chúng tôi đi xa dần bờ biển, và vừa đi vừa tìm hái vài thứ quả và lá ăn để cố kéo dài giây phút cuối cùng của cuộc đời, bởi vì chúng tôi tin chắc sẽ lâm vào cái chết không thể nào tránh khỏi. Đang đi, chúng tôi trông thấy đằng xa có một tòa nhà lớn liền rảo bước về phía đó. Đấy là một tòa lâu đài xây dựng khéo léo và rất cao; một cái cửa có hai cánh bằng gỗ mun mở ra ngay khi chúng tôi đưa tay đẩy. Chúng tôi bước vào trong sân; trước mắt hiện ra một ngôi nhà rộng, phía trước có gian trống chứa một bên này một đống xương người, bên kia vô số những cái xiên dùng để quay thịt. Chúng tôi run lên khi nhìn thấy cảnh tượng đó, nhưng vì đi bộ đã quá mệt, chân cứ khuỵu xuống, chúng tôi ngã lăn ra đất, kinh hoàng khủng khiếp và nằm đờ ra như vậy rất lâu.

Mặt trời lặn. Trong lúc chúng tôi đang ở trong trạng thái thảm thương đó, thì cửa gian nhà ầm ầm mở ra, và ngay lúc đó xuất hiện bộ mặt gớm ghiếc của một tên da đen cao tựa một cây cọ lớn. Nó chỉ có một mắt ở chính giữa trán, đỏ hừng hực như than hồng; những chiếc răng cửa rất dài và rất nhọn thò

ra ngoài cái miệng trông không kém gì một cái mõm ngựa : môi dưới xệ xuống đến tận ngực, hai tai giống như hai tai voi phủ kín cả vai, móng tay nhọn sắc và dài như thể móng những con chim to nhất. Trông thấy một tên khổng lồ khủng khiếp như vậy, chúng tôi ngất đi và nằm im như chết.

Cuối cùng tỉnh lại, chúng tôi trông thấy nó ngồi dưới mái nhà ngoài, giương mỗi con mắt độc nhất ngắm nghía chúng tôi. Khi đã xem xét chán, nó tiến đến gần chúng tôi và đưa tay túm lấy gáy nhấc bổng người tôi lên lật đi lật lại như một anh đồ tể sờ nắn cái sỏ cừu. Sau khi nhìn thật kỹ thấy tôi gầy gò quá, chỉ có da bọc xương, nó buông tôi ra. Nó lần lượt túm những người khác và cùng xem xét theo cách ấy ; và bởi vì viên thuyền trưởng là người béo hơn tất cả bọn, cho nên một tay nó túm ông như ta cầm một con chim sẻ, và tay kia lấy cái xiên xuyên suốt qua người ấy. Rồi nó đốt to lửa lên, quay chín thuyền trưởng và đưa vào nhà trong ăn tối. Ăn xong, nó lại trở ra nhà ngoài nằm ngủ, cất tiếng ngáy ầm ầm như sấm cho đến sáng hôm sau. Về phần chúng tôi, không ai có thể nghỉ ngơi được lấy một chút, suốt đêm lo âu sợ hãi đến tột độ. Trời sáng, tên khổng lồ thức dậy, đứng lên đi ra, bỏ chúng tôi lại trong tòa lâu đài.

Khi cho rằng nó đã đi xa, chúng tôi phá tan sự im lặng kéo dài cả đêm, và như thể đua nhau, chúng tôi kêu khóc, than vãn vang dậy cả lâu đài. Mặc dù chúng tôi khá đông và chỉ có mỗi một kẻ thù, lúc đầu chúng tôi cũng không hề nảy ra ý nghĩ tìm cách giết chết nó để thoát thân. Việc đó mặc dù khó thực hiện thật đấy, nhưng vẫn là việc đương nhiên cần phải làm.

Chúng tôi bàn bạc nhiều cách, song không quyết định được cách nào, và định phó thác số phận của

mình cho Thượng đế định đoạt ; suốt ngày chúng tôi đi quanh đảo kiếm rau quả để ăn như ngày hôm trước. Chiều đến, chúng tôi cố tìm một chỗ ngủ để che sương nhưng không tìm được, đành buộc lòng phải trở lại tòa lâu đài.

Tên khổng lồ lại trở về và lại chén nốt một người nữa trong bọn chúng tôi ; sau đó nó lại lăn ra ngủ và ngáy ầm ầm cho tới sáng, rồi lại bỏ ra đi để chúng tôi đấy y như ngày hôm trước. Hoàn cảnh chúng tôi tệ hại quá đến nỗi nhiều bạn của chúng tôi gần như định nhảy ào xuống biển trầm mình còn hơn là chờ đợi một cái chết kỳ cục ; những người đó khuyến khích bạn bè cùng làm theo lời họ. Nhưng một người trong bọn chúng tôi cất lời, anh ta nói : « Chúng ta cấm không được tự sát, và giả dụ có được phép chăng nữa, chẳng phải là hợp lý hơn không, nếu chúng ta nghĩ cách thoát khỏi tên man rợ, đang bắt chúng ta chết một cách khốn khổ thế này ? ».

Trong trí tôi chợt nảy ra một dự kiến về việc đó, tôi liền trao đổi với các bạn tôi, họ đều tán thành. Tôi liền nói với họ : « Anh em ơi, các anh em đều biết ở ven biển có nhiều gỗ : nếu anh em nghe tôi, chúng ta hãy làm nhiều chiếc bè có thể chở được chúng ta : làm xong sẽ để lại ở bờ, lúc nào cần đến thì dùng. Trong thời gian ấy, chúng ta sẽ thực hiện cách thức giải thoát chúng ta khỏi tay tên khổng lồ. Nếu việc đó thành công, chúng ta có thể chờ cho đến khi có một chiếc tàu nào đến đưa chúng ta ra khỏi hòn đảo tai họa này, ngược lại nếu thất bại, chúng ta mau mau xuống bè và bơi ra giữa biển. Dấn thân cho sóng dữ trên những chiếc bè mong manh như vậy, chúng ta có thể có nguy cơ bỏ mạng ; song dù có phải chết đi nữa, vùi thân dưới đáy biển chẳng nhẹ nhàng hơn là bị nuốt vào trong bụng con quỷ đã ăn thịt mất hai anh em trong bọn chúng ta

Ý kiến của tôi được tán thưởng, và chúng tôi bắt tay làm ngay những chiếc bè mỗi chiếc có thể chở được ba người.

Cuối ngày hôm ấy, chúng tôi lại trở về tòa lâu đài và một lát sau, tên khổng lồ lại đến. Chúng tôi đành phải chịu nhìn nó quay chín một người bạn nữa. Nhưng cuối cùng, chúng tôi vẫn trả thù được tên khổng lồ ví, sau khi ăn xong bữa ăn tối đáng ghê tởm, nó nằm ngửa ra ngủ, chúng tôi vừa nghe nó ngáy như thường lệ, thì chín người bạo dạn nhất trong bọn chúng tôi và tôi, mỗi người lấy một cái xiên, cho đầu nhọn vào lửa nung đỏ lên, rồi cùng một lúc đâm vỡ mắt nó.

Tên khổng lồ đau đớn thét lên một tiếng khủng khiếp. Nó vùng dậy, quờ tay ra bốn phía hòng tóm được một người nào trong bọn chúng tôi để bóp chết cho hả cơn điên dại. Nhưng chúng tôi đã kịp chạy ra xa và nằm xuống đất vào những chỗ mà chân nó không thể chạm tới. Sau khi bắt chúng tôi không được, nó dò dẫm tìm cửa ra, vừa đi vừa thét lên những tiếng ghê rợn.

Chúng tôi lập tức rời khỏi lâu đài và đi đến bờ biển, nơi để những chiếc bè. Chúng tôi hạ thủy, rồi chờ cho trời sáng là nhảy lên bè trong trường hợp tên khổng lồ được một tên đồng loại nào dẫn đường tới đây ; nhưng chúng tôi lại có ý định nếu nó không xuất hiện sau khi mặt trời mọc và nếu không còn nghe những tiếng nó gào thét nữa, điều chứng tỏ nó đã bỏ mạng, trong trường hợp này, chúng tôi sẽ ở lại đảo chứ không mạo hiểm đi bằng bè. Nhưng trời vừa mới sáng, chúng tôi đã trông thấy kẻ thù hung ác có hai tên khổng lồ to gần bằng nó đi theo dẫn đường, và trước nó một số khá đông những tên khác bước vội vàng.

Trông thấy cảnh đó, chúng tôi không trù trừ nữa, nhảy vội xuống bè, và bắt đầu chèo lấy chèo để ra xa. Bọn khổng lồ nhìn thấy, liền nhặt những hòn đá lớn, chạy đến lội xuống nước đến ngập nửa người rồi ném theo chúng tôi khéo đến nỗi, trừ chiếc bè của tôi, tất cả những chiếc khác đều vỡ tan, làm không một người nào trên đó thoát khỏi chết đuối. Về phần tôi và hai người bạn đồng hành, chúng tôi chèo cật lực cho nên ra xa hơn cả, ngoài tầm ném đá của chúng...

Ra khỏi, chúng tôi trở thành đồ chơi của gió và sóng, khi bị xô sang bên này, lúc thì giạt sang phía kia. Suốt ngày hôm ấy và đêm tiếp theo, chúng tôi sống trong sự đau khổ phân vân, không biết số phận mình sẽ ra sao ; nhưng ngày hôm sau, chúng tôi may mắn giạt vào một hòn đảo, và hết sức vui mừng là được thoát chết. Ở đây có nhiều loại quả rất ngon, giúp cho chúng tôi lấy lại sức khỏe.

Chiều đến, chúng tôi đang ngủ ở bờ biển thì bị đánh thức dậy bởi tiếng rít phát ra từ những vảy của một con rắn dài bằng một cây cọ khi bò trên mặt đất chạm vào nhau. Con rắn đã đến rất gần và đớp được một người bạn của tôi, mặc cho anh ta la hét và cố gắng để thoát, nó quẫy anh ta mấy cái rất dữ rồi quật xuống đất và nuốt chửng. Anh bạn còn lại và tôi chạy trốn, và mặc dù chạy đã khá xa, chúng tôi vẫn còn nghe được một thứ tiếng mà chúng tôi đoán rằng tiếng con rắn nhả xương anh bạn đáng thương vừa bị nó chộp được. Quả nhiên, sáng hôm sau chúng tôi ghê rợn nhìn thấy đống xương. « Hỡi Thượng đế ! — tôi kêu lên — sao chúng tôi phải trải qua lắm tai ương thế này. Hôm qua chúng tôi vừa mừng thoát được sự hung ác của một tên khổng lồ và cơn giận dữ của sóng nước thì hôm nay đã lại sa vào một nỗi hiểm nghèo không kém phần ghê gớm ! ».

Trong khi dạo, chúng tôi trông thấy một cây cổ thụ rất cao, và dự định đêm tối sẽ leo lên đấy ngủ cho an toàn. Chúng tôi lại đi tìm quả dại để ăn như ngày hôm trước, rồi tối đến chúng tôi leo lên cây. Chẳng mấy chốc nghe tiếng con rắn, nó vừa bò vừa rít đến tận gốc cây chúng tôi nấp. Nó cất cao mình lên dọc thân cây, bắt gặp anh bạn tôi ở chỗ thấp hơn tôi, nó đớp lấy nuốt chửng và bỏ đi luôn.

Tôi ngồi trên cây cho đến sáng mới tụt xuống, sống dở chết dở. Thấy vậy, tôi không thể trông chờ một số phận nào khác hơn số phận hai người bạn đồng hành; và ý nghĩ ấy làm cho tôi sợ run lên, tôi bước mấy bước định nhảy xuống biển; song vì con người bao giờ cũng muốn sống thêm được lúc nào hay lúc ấy, tôi gượng lại, không đi vào hành động tuyệt vọng ấy, tôi phó thác số phận mình cho Thượng đế định đoạt.

Tuy vậy, tôi vẫn nhặt nhanh một số lớn những mảnh gỗ nhỏ, dây dợ và gai khô. Tôi bó thành nhiều bó, xếp thành một vòng tròn lớn quanh thân cây và buộc chặt lại. Làm xong, đến chập tối tôi tự nhốt vào giữa vòng tròn ấy, với niềm an ủi đáng buồn là mình đã không bỏ qua không làm bất cứ một việc gì để thoát khỏi một số phận tai ác đang đe dọa. Con rắn lại đến và bò quanh gốc cây, tìm cách ăn thịt tôi. Nhưng nó không thực hiện được nhờ các lũy tôi tạo nên, và cho tới sáng nó quanh quẩn giống như một con mèo chạy quanh một con chuột nấp ở một nơi không thể xông vào. Cuối cùng trời sáng ra, nó bỏ đi, tuy vậy tôi vẫn không dám ra khỏi thành lũy của mình trước khi mặt trời mọc.

Tôi quá mệt nhọc vì những công việc đã làm và quá đau khổ vì chịu đựng cái hơi thở hôi thối của con rắn đến nỗi thấy rằng thà chết đi còn dễ chịu hơn là phải chịu sự kinh khủng này; tôi rời gốc cây.

và không còn nhớ đến sự nhẫn nhục hôm qua nữa, tôi chạy thẳng ra bờ biển định đâm đầu xuống nước.

Thượng đế thương hại tôi! Đúng vào lúc tuyệt vọng, tôi chợt nhận thấy một chiếc tàu ở cách bờ khá xa. Tôi ráng hết sức kêu và tháo tấm vải khăn đội đầu ra vẫy. Việc đó không phải là vô ích, người trên tàu nhìn thấy tôi, thuyền trưởng cho đưa xuồng vào cứu. Khi tôi lên được trên tàu, các nhà buôn và thủy thủ đều vồn vã hỏi do đâu tôi giạt lên hoang đảo, và sau khi tôi thuật lại tất cả những gì đã xảy ra, những người lâu năm nhất cho biết họ đã nhiều lần nghe nói đến những tên khổng lồ sống trên hòn đảo này, người ta quả quyết với họ rằng đấy là những kẻ ăn thịt người, chúng ăn sống cũng như ăn những người đã quay chín; còn về rắn thì họ nói thêm rằng trên hòn đảo ấy có rất nhiều, ban ngày chúng ẩn kín, đến tối mới bò ra. Sau khi vui mừng thấy tôi thoát khỏi bấy nhiêu hiểm nghèo, họ chắc tôi đang đói, liền sốt sắng đãi tôi những món ăn ngon nhất; viên thuyền trưởng thấy áo quần tôi rách như xơ mướp, hào hiệp cho tôi một bộ.

Chúng tôi đi biển một thời gian; chúng tôi ghé qua nhiều hòn đảo và cuối cùng đến đảo Xalahát, nơi người ta khai thác đàn hương, một thứ gỗ rất cần dùng trong y học. Chúng tôi vào cảng và thả neo ở đó. Các nhà buôn bắt đầu dỡ hàng của họ để bán hoặc đổi chác. Trong thời gian ấy, viên thuyền trưởng gọi tôi đến và bảo: « Người anh em ạ, trong kho tôi có nhiều hàng của một nhà buôn trước đây có đi một thời gian trên tàu của tôi, vì nhà buôn ấy đã qua đời, tôi muốn cho bán đi lấy lãi trao lại cho những kẻ thừa kế ông ta, nếu may ra có lúc nào gặp được. » Các kiện hàng đó ở trên tàu, ông chỉ cho tôi thấy và nói: « Kia là những hàng hóa tôi vừa nói: tôi mong

rằng bạn vui lòng nhận bán hộ, với điều kiện là bạn sẽ hưởng một phần do công lao vất vả của bạn.» Tôi nhận lời và cảm ơn ông đã cho tôi cơ hội để đỡ phải ăn không ngồi rồi.

Thư ký của tàu ghi sổ tất cả hàng hóa và tên chủ hàng. Anh ta hỏi viên thuyền trưởng những hàng giao cho tôi bán nên ghi tên của ai, ông trả lời : « Hãy ghi tên Xinbát người đi biển ». Tôi không thể không xúc động khi nghe nói đến tên mình ; nhìn kỹ thuyền trưởng và nhận ra chính ông là người, trong chuyến đi thứ hai của tôi, bỏ rơi tôi trên hòn đảo khi tôi ngủ quên bên bờ suối, và cho tàu nhổ neo mà không chờ đợi hoặc cho người tìm kiếm tôi. Lúc đầu tôi không nhận ra, bởi vì người ông đã đổi khác nhiều kể từ lần tôi gặp.

Về phần ông ta, vì tưởng tôi đã chết cho nên không có gì đáng ngạc nhiên là ông không nhận ngay ra tôi. Tôi hỏi ông : « Thưa thuyền trưởng, có phải là nhà buôn chủ những kiện hàng tên là Xinbát ? »

— Vâng, tên ông ta đúng là như vậy : ông ta là người Bátđa và xuống tàu tôi ở Banxora. Một hôm, chúng tôi ghé vào một hòn đảo để lấy nước ngọt và nghỉ ngơi, tôi không hiểu đã nhầm lẫn thế nào mà cho tàu chạy, không để ý rằng ông ta chưa trở lại tàu cùng với những người khác. Mãi bốn giờ sau, các nhà buôn và tôi mới nhận ra điều đó. Lúc ấy gió thổi từ đằng lái và mạnh đến nỗi chúng tôi không thể cho tàu quay vòng trở lại đón anh ta.

— Ông tưởng người ấy chết rồi sao ? — tôi lại hỏi.

— Chắc chắn như vậy — thuyền trưởng đáp.

— Nếu vậy thì, thưa thuyền trưởng, xin ông hãy mở to mắt và nhận ra anh chàng Xinbát mà ông đã

bỏ rơi trên hoang đảo. Hôm ấy, tôi ngủ quên bên bờ một con suối, và khi thức dậy không còn trông thấy một ai trong đoàn cùng đi trên tàu.

Nghe nói như vậy, thuyền trưởng chăm chăm nhìn tôi.

Sau khi quan sát thật chăm chú, cuối cùng ông nhận ra :

— Tạ ơn Thượng đế ! — ông kêu lên và ôm hôn tôi — tôi rất vui lòng là định mệnh đã sửa chữa sai lầm cho tôi. Kia là hàng hóa của ông, tôi vẫn luôn luôn chú ý gìn giữ, và cập bến cảng nào tôi cũng đều làm cho nó sinh lợi thêm ; giờ tôi trả lại ông với tất cả số tiền lãi thu được.

Tôi nhận lại hàng và tỏ lòng biết ơn sâu sắc thuyền trưởng.

Từ đảo Xalahát, chúng tôi sang một đảo khác, ở đây tôi mua đinh hương, quế và nhiều hàng tạp hóa khác. Rời đảo này, chúng tôi trông thấy một con rùa lớn ngang dọc mỗi bề đến hai mươi cánh tay ; chúng tôi cũng chú ý một con cá tương tự con bò cái ; nó có sữa, và da thì rắn đến mức người ta thường dùng để làm khiên ; tôi cũng thấy một con cá khác nữa hình dạng và màu sắc giống một con lạc đà. Sau một chuyến đi dài, cuối cùng tôi đến Banxôra, rồi trở về thành phố Bátđa với rất nhiều của cải, nhiều đến mức tôi cũng không rõ số lượng bao nhiêu. Tôi lại dành một phần đáng kể bố thí cho những kẻ nghèo, rồi tậu thêm nhiều đất đai rộng lớn thêm vào chỗ đã tậu từ trước.

Xinbát chấm dứt ở đây câu chuyện về chuyến đi thứ ba của ông. Ông lại sai đưa biếu Hinbát một trăm đồng xơcanh khác, và mời lão sáng mai lại đến ăn cơm và nghe kể về chuyến đi thứ tư. Hinbát cùng mọi người

khách ra về. Hôm sau, họ trở lại, và đến cuối bữa ăn Xinbát lại cất lời kể tiếp những bước đường phiêu lưu của ông :

CHUYẾN ĐI THỨ TƯ CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Những cuộc vui chơi giải trí sau chuyến đi thứ ba không có sức hấp dẫn đủ mạnh để ngăn tôi thôi không đi xa nữa. Tôi lại để mình bị lôi cuốn vào sự say mê buôn bán và nhìn xem những điều mới lạ. Tôi sắp xếp công việc ở nhà, rồi mua nhiều hàng hóa có thể tiêu thụ ở những nơi mình định đến và lên đường. Tôi sang Ba-tư, đi qua nhiều tỉnh của nước này, đến một hải cảng, rồi từ đây đáp tàu bể. Tàu giương buồm, trên đường đi đã ghé qua nhiều cảng thuộc đất liền và một số đảo miền Đông. Bỗng một hôm, trong một chặng đường dài, một cơn gió xoáy nổi nên buộc thuyền trưởng phải cho hạ buồm và ra những mệnh lệnh cần thiết để đề phòng nguy hiểm. Nhưng mọi sự thận trọng đều vô ích: hệ thống thừng chão, bánh lái đã trục trặc, các cánh buồm đã bị xé rách tả tơi, và con tàu không điều khiển được nữa, xô vào đá ngầm (1) và vỡ tan, làm một số đông nhà buôn cùng thủy thủ chết đuối, hàng hóa mất sạch. Cùng với nhiều thủy thủ và nhà buôn khác, tôi may mắn bám được vào một tấm ván. Một dòng nước đẩy chúng tôi giạt vào một hòn đảo trước mặt. Ở đấy, chúng tôi tìm được quả dại và nước ngọt ăn uống cho lại sức. Đêm đến, chúng tôi nghỉ ngay tại

(1) Có bản viết : "... xô vào một bãi cạn" (ND).

nơi sông vừa đẩy tới, mà cũng chưa quyết định được là cần phải làm những gì vì còn chưa hoàn hồn, sau những điều không may mới xảy ra.

Ngày hôm sau, mặt trời vừa mọc, chúng tôi đã rời bờ biển đi sâu vào trong đảo ; thấy có nhà cửa, chúng tôi liền tìm đến. Bọn người da đen, rất đông, vây quanh chúng tôi, và, làm như thể chia phần với nhau, chúng phân chúng tôi ra thành những toán nhỏ đưa về nhà chúng.

Tôi và năm người bạn được dẫn về cùng một nơi. Thoạt tiên, chúng bảo chúng tôi ngồi xuống và ra hiệu mời chúng tôi ăn một thứ lá. Các bạn tôi không suy nghĩ về việc những người đó không cùng ăn với mình, chỉ biết nghe theo cơn đói đang thôi thúc, liền ăn ngấu nghiến ngay những thức đó. Về phần tôi, linh cảm thấy có một sự lừa dối nào đó, tôi không động đến thức ăn và như vậy thật may cho tôi, vì chỉ một lát sau, tôi nhận thấy tâm trí các bạn tôi rối loạn : họ trò chuyện với tôi mà không còn hiểu họ đang nói những gì.

Sau đó, bọn da đen cho chúng tôi ăn cơm thổi với dầu dừa ; các bạn tôi, giờ đây không còn lý trí nữa, ăn rất nhiều. Tôi cũng ăn nhưng rất ít. Thì ra bọn da đen trước hết cho bọn chúng tôi ăn thứ lá ấy để làm rối loạn trí khôn và do đó để khỏi buồn phiền vì biết rõ số phận đáng thương của mình, rồi sau đấy, cho chúng tôi ăn cơm để vỗ béo. Bọn này là những tên ăn thịt người, ý đồ của chúng là cho chúng tôi béo lên sẽ ăn thịt. Các bạn tôi đã mất hết trí khôn, họ không rõ số phận của mình sẽ ra sao, cho nên quả cố béo lên thật. Vì tôi còn giữ được đầu óc minh mẫn, chắc các vị có thể hiểu được là không những tôi không béo lên mà còn gầy hơn lúc trước. Cái chết luôn luôn ám ảnh, làm cho mọi thức ăn vào người tôi

đều trở thành thuốc độc. Tôi đâm ra đờ đẫn, cái chứng bệnh này đã cứu sống tôi, bởi vì những tên da đen sau khi đã đập chết và ăn thịt hết các bạn tôi thì dừng lại : thấy tôi khô khan, gầy đét, đau yếu, chúng hoãn việc giết thịt tôi vào một dịp khác.

Trong thời gian ấy, tôi được tự do hơn, và hầu như chúng không còn chú ý đến hành động của tôi. Nhờ vậy một hôm, tôi có cơ hội đi xa chỗ ở của bọn da đen và chạy trốn. Một lão già trông thấy, nghi ngờ ý định của tôi, ráng hết sức gọi tôi quay trở lại : nhưng tôi không nghe mà còn đi nhanh hơn, và chẳng mấy chốc khuất tầm mắt lão. Trong xóm, lúc ấy chỉ còn mỗi lão già, những tên da đen khác đều đã đi vắng, và thông thường đến tối mới về. Bởi vậy, tin chắc là khi chúng biết tôi chạy trốn chúng cũng không có thì giờ đuổi theo nữa, tôi đi một mạch cho đến tối, chỉ dừng lại nghỉ ngơi chút ít và ăn mấy miếng thức ăn mang theo, rồi lại lên đường ngay, và đi liền bảy ngày qua những nơi tôi cho là không có người ở. Tôi sống nhờ những quả dừa, lấy nó vừa làm thức ăn vừa làm nước uống.

Ngày thứ tám, tôi đến gần bờ biển, và đột nhiên trông thấy nhiều người da trắng như mình, đang mải mê hái hồ tiêu mọc rất nhiều ở vùng này. Công việc ấy là điềm lành cho tôi, tôi chẳng ngần ngại gì mà không đến gần họ.

Những người hái hồ tiêu tiến về phía tôi. Vừa trông thấy tôi, họ hỏi bằng tiếng Å-rập tôi là ai, từ đâu đến. Sung sướng được nghe nói tiếng giống mình, tôi vui lòng thuật lại cho họ nghe đầu đuôi câu chuyện tôi đắm tàu và trôi giạt đến đảo này, rồi sa vào tay bọn người da đen. Họ hỏi tôi : « Nhưng những tên da đen ấy ăn thịt người kia mà. Nhờ sự thần kỳ nào mà bạn thoát được sự

độc ác của chúng? »Tôi kể cho họ đúng như các vị vừa nghe, và họ kinh ngạc vô cùng.

Tôi ở lại với họ, chờ cho đến khi họ hái đủ số hồ tiêu cần thiết. Sau đó, họ cho tôi xuống chiếc tàu đã đưa họ đến đây, và sau cũng về đảo của họ. Họ giới thiệu tôi với quốc vương họ, một nhà vua tốt. Nhà vua nghe câu chuyện phiêu lưu của tôi từ đầu đến cuối và rất lấy làm lạ. Sau đó, sai ban cho tôi áo quần và truyền cho triều đình và dân chúng phải chăm sóc tôi.

Hòn đảo tôi ở rất đông dân và có nhiều sản vật việc buôn bán ở kinh đô khá thịnh vượng. Nơi trú ngụ dễ chịu ấy bắt đầu an ủi niềm bất hạnh của tôi, và lòng tốt của nhà vua hảo hiệp rốt cuộc làm cho tôi hài lòng. Quả vậy, đối với nhà vua, không có ai hơn tôi, và do đó trong triều đình cũng như ngoài thành phố không một người nào không tìm dịp làm vui lòng tôi. Chẳng bao lâu, tôi được xem như một người sinh trưởng ở thành phố này chứ không phải một người xứ khác đến.

Tôi nhận xét một điều mà tôi cho là kỳ lạ. Mọi người kể cả nhà vua, đi ngựa đều không có yên cương. Một hôm tôi mạo muội hỏi nhà vua vì sao không dùng những thứ tiện nghi đó. Nhà vua đáp ở nước ông chưa hề biết dùng những thứ tôi vừa nói.

Tôi liền đến nhà một người thợ, vẽ kiểu và bảo làm một cái cốt yên ngựa bằng gỗ. Xong xuôi, tôi tự tay nhồi đệm và bọc da rồi trang trí bằng một tấm vải thêu kim tuyến. Sau đó, tôi lại đến nhà một người thợ sắt ra kiểu cho anh ta làm cho một cái hàm thiếc, cùng một đôi bàn đạp đặt chân nữa.

Khi mọi việc đã hoàn hảo, tôi mang tất cả những vật ấy đến dâng nhà vua và thắng thử vào một con ngựa của ông ta. Nhà vua cưỡi lên, rất vừa ý về sáng

chế ấy, và thưởng cho tôi nhiều của cải để biểu lộ sự vui thích. Tôi cũng không khước từ, mà nhận làm nhiều bộ yên cương khác cho các vị thượng thư và quan chức chính trong triều, họ biếu lại tôi nhiều tặng phẩm làm cho tôi chẳng mấy chốc mà giàu lên. Tôi cũng làm cho cả những người có danh vọng trong thành phố, khiến tôi nổi tiếng và được tất cả mọi người trọng thị.

Tôi đến chầu vua rất đều đặn, bởi vậy một hôm nhà vua bảo tôi :« Xinbát à, ta mến ông, và ta biết tất cả những người dân của ta quen biết ông đều noi gương ta. Ta có một lời yêu cầu, và ông phải đồng ý điều ta sắp ngỏ với ông đây ».

— Tâu bệ hạ, không có điều gì mà tôi không sẵn sàng làm để phục tùng bệ hạ, người có uy quyền tuyệt đối đối với tôi — tôi đáp.

— Ta muốn cưới vợ cho ông, — nhà vua nói tiếp — để cho cuộc hôn nhân ấy giữ ông lại ở nước ta, và để cho ông không nghĩ tới đất nước mình nữa.

Tôi không dám cưỡng lại ý muốn của nhà vua, ông gả cho tôi một công nương cao quý, xinh đẹp, khôn ngoan và giàu có. Sau lễ cưới, tôi đến ở nhà nàng. Hai chúng tôi cùng sống với nhau một thời gian hoàn toàn hòa thuận. Tuy nhiên, tôi không quá hài lòng về hoàn cảnh mới của mình ; mơ ước của tôi vẫn là hễ có dịp là sẽ thoát về Bátđa, ở đấy cơ ngơi của tôi rất to lớn, không thể bỗng chốc làm cho tôi quên lãng được.

Tôi đang nuôi những ý nghĩ đó, thì vợ một người láng giềng tôi rất thân, lâm bệnh và qua đời. Tôi đến nhà an ủi ông ta thì thấy ông ta hết sức buồn bã. Tôi đến gần và nói : « Cầu Thượng đế giữ gìn cho bác được sống lâu ! »

— Than ôi ! làm sao tôi có thể hưởng điều phúc bác chúc mừng? Tôi chỉ còn sống được một giờ nữa thôi.

— Ồ, xin bác chớ có suy nghĩ bi thương như vậy. Tôi mong điều đó không xảy ra, và tôi tin bác còn sống với tôi lâu dài.

— Tôi xin chúc bác sống lâu ; — ông ta nói — còn về phần tôi, thế là hết, tôi xin báo để bác biết người ta sẽ chôn tôi cùng với nhà tôi ngày hôm nay ; tục lệ của ông cha chúng tôi từ xưa đặt ra và truyền lại trên đảo này là như vậy, nhất thiết không ai được làm sai. Vợ chết thì chôn sống chồng ; chồng chết thì chôn sống vợ theo. Không còn có gì có thể cứu sống tôi, tất cả mọi người đều phải tuân theo luật pháp ấy.

Trong lúc ông nói cho tôi biết cái phong tục dã man lạ lùng đó làm cho tôi kinh hoảng, thì bà con, bạn bè và hàng xóm lũ lượt đến dự lễ tang. Người ta mặc cho thi hài người đàn bà những quần áo sang trọng nhất như trong ngày cưới và tô điểm cho bà đủ mọi đồ trang sức. Tiếp đó, người ta đặt thi hài vào một chiếc quan tài mở nắp, rồi cả đám tang lên đường. Người chồng đi theo ngay sau thi hài vợ, dẫn đầu đám tang. Người ta lên một ngọn núi cao, và khi đến nơi, nâng một tảng đá lớn che miệng một cái giếng sâu, rồi hạ thi hài xuống mà không lấy lại quần áo hay một chút đồ trang sức nào. Sau đó người chồng ôm hôn bà con bạn bè, rồi để yên cho người ta bỏ mình vào một chiếc quan tài, cùng một vò nước và bảy chiếc bánh nhỏ đặt bên cạnh mình. Người ta lại hạ ông ta xuống giếng, đúng như cách thức hạ huyệt người vợ. Ngọn núi chạy dài, làm thành bờ của biển, và cái giếng thì rất sâu. Buổi lễ kết thúc, tảng đá lại được lấp lên miệng giếng như cũ.

Thưa các vị, không cần nói với các vị rằng tôi hết sức buồn rầu chứng kiến đám ma ấy. Tất cả những người khác dự lễ hầu như không tỏ vẻ gì xúc động, bởi lẽ họ đã quen nhìn thấy cái cảnh tượng ấy rồi. Tôi không cầm được phải tâu với nhà vua điều suy nghĩ của mình : « Tâu bệ hạ, tôi hết sức ngạc nhiên về phong tục lạ lùng ở quý quốc là đi chôn người sống cùng với người chết. Tôi đã đi nhiều nơi, đã giao du với đủ hạng người ở vô số nước khác nhau, thế mà chưa bao giờ nghe nói đến một luật pháp khắt khe như vậy. »

— Biết làm sao được, Xinbát, — nhà vua đáp — đó là luật pháp chung, bản thân ta cũng phải tuân theo : nếu hoàng hậu của ta qua đời trước thì ta cũng phải chôn sống theo nàng.

— Nhưng, tâu bệ hạ, tôi có được phép hỏi bệ hạ rằng người nước ngoài có bắt buộc phải tuân theo tục lệ ấy không ?

— Có, — vua trả lời và mỉm cười vì biết tại sao tôi lại hỏi câu đó — nếu họ lấy vợ ở đảo này thì vẫn không được ngoại trừ.

Tôi buồn bã trở về nhà với câu trả lời đó. Lo sợ vợ tôi sẽ chết trước và người ta sẽ chôn sống tôi cùng với nàng, tôi suy nghĩ, xót xa và tủi nhục. Tuy nhiên, có cách nào tránh được ? Thôi đành phải kiên nhẫn và phó thác thân mình vào ý muốn của Thượng đế. Tôi run lên mỗi lần nhà tôi hơi se mình, và than ôi ! chẳng bao lâu tôi lâm vào cơn khủng khiếp, hoàn toàn : nàng ốm nặng thật sự và qua đời sau mấy ngày.

Các vị thử tưởng tượng nỗi đau khổ của tôi : Bị chôn sống thì có gì là kém thảm thương hơn bị kẻ ăn thịt người nuốt chửng ! Ấy thế mà vẫn phải chịu cảnh ấy thôi. Nhà vua cùng với tất cả triều đình muốn tham gia đưa

đám cho thêm phần trọng thể, và những người danh giá nhất trong thành phố cũng cho tôi vinh dự được họ đến dự lễ chôn tôi.

Khi mọi việc đã chuẩn bị xong xuôi để bắt đầu buổi lễ, người ta đặt thi hài vợ tôi vào một chiếc quan tài với tất cả đồ trang sức và những áo quần đẹp nhất của nàng. Cuộc đi bắt đầu. Là nhân vật thứ hai của tấn bi kịch thảm thương ấy, tôi đi ngay sau quan tài vợ tôi, đầm đìa nước mắt, xót xa cho số phận khốn khổ của mình. Trước khi đi đến ngọn núi, tôi thử tác động vào tinh thần những người đến dự xem sao. Trước hết, tôi tâu với nhà vua, rồi sau đó nói với tất cả những chung quanh: tôi cúi rạp người xuống tận đất trước mặt họ để hôn gấu áo của họ, tôi van họ đoái thương: « Xin các ngài hãy xét cho tôi là người nước ngoài, tôi không đáng chịu một luật pháp khắt khe như vậy, tôi còn một vợ nữa và con cái ở nước tôi ». Tôi nói những lời ấy với vẻ xúc động nhưng vô ích. Không một ai mủi lòng, ngược lại người ta còn vội vã hạ thi hài vợ tôi xuống giếng, rồi lát sau dòng tôi xuống trong một chiếc quan tài mở nắp khác cùng một vò đầy nước và bảy chiếc bánh. Cuối cùng, cái buổi lễ tai hại cho tôi ấy kết thúc: người ta đặt lại tảng đá lấp lên miệng giếng, bất chấp sự đau đớn cùng cực và những tiếng kêu gào thảm thiết của tôi.

Trong lúc xuống dần đến đáy, nhờ chút ánh sáng từ bên trên lọt xuống, tôi nhận ra được hình thể các nơi dưới mặt đất ấy. Đó là một cái hang rất rộng và có thể sâu khoảng năm mươi cánh tay. Một mùi hôi thối không thể nào chịu nổi xông lên từ cơ man xác chết bên phải và bên trái đập vào mũi tôi, và hình như còn nghe được tiếng một vài người trong số mới bị chôn sống gần đây nhất, thở những hơi cuối cùng. Tuy nhiên, khi xuống tới nơi, tôi mau chóng bước ra khỏi quan

thì vừa đưa tay bịt mũi. Tôi nằm dài ra đất, và cứ như vậy mà khóc một hồi lâu. Rồi suy nghĩ về số phận của mình, tôi nói : « Đúng là Thượng đế định đoạt chúng ta theo ý của Người. Song, hỡi Xinbát đáng thương, phải chăng tại lỗi ở mày, cho nên mày mới phải lâm vào cái chết kỳ quặc thế này ? Giá mà trời cho mày chết quách đi trong một trận đắm tàu mà mày đã thoát được ! Mày đã không phải lìa đời một cách chậm chạp và ghê gớm thế này. Nhưng, chính tự mày đã gây nên cái chết ấy do sự bủn xỉn đáng nguyền rủa của mày. A, khốn nạn, tại sao mày không ở nhà, để mà hưởng thụ một cách bình yên kết quả những công việc lao động của mày từ trước ? »

Những lời than vãn vô ích của tôi làm vang động cả hang. Tôi đập đầu đấm bụng vì tức giận điên cuồng và tuyệt vọng ; tôi hoàn toàn mê mẩn trong những ý nghĩ bi thương nhất. Tuy nhiên, có nên nói với quý vị chăng ? Là dù khốn khổ đến đâu, lòng yêu cuộc sống vẫn còn ở trong tôi, nó thúc đẩy tôi kéo dài số kiếp của mình chứ không tìm cách chết ngay đi cho nhẹ tôi, tôi vừa đưa tay bịt mũi vừa dò dẫm bước đi tìm lấy bánh mì và nước để trong quan tài mà ăn cho qua cơn đói khát.

Mặc dù trong hang tối như bưng đến mức không phân biệt được ngày đêm, tôi vẫn tìm lại được chiếc quan tài của tôi, và hình như cái hang rộng hơn và chứa nhiều xác chết hơn là tôi tưởng lúc đầu. Tôi sống mấy ngày bằng bánh mì và nước của mình, nhưng cuối cùng ăn hết, tôi chờ chết.

Tôi chỉ còn chờ đợi cái chết nữa thôi, thì chợt nghe có tiếng nâng tảng đá. Người ta hạ xuống một xác chết và một người sống. Người chết là một người đàn ông. Có những quyết định tuyệt cùng vào những lúc tuyệt cùng nhất, cũng là điều tự nhiên thôi ; trong lúc người

ta hạ người đàn bà xuống, tôi đến gần quan tài bà ta, và khi nhận thấy ở trên đã lấp kín miệng giếng rồi tôi cầm một ống xương to và quật hai, ba cái thật mạnh vào đầu người đàn bà tội nghiệp. Bà ta ngất đi, hay đúng hơn là bị tôi giết chết, và nhờ có hành động vô nhân đạo ấy mà tôi chiếm được bánh mì và nước trong quan tài của bà, cho nên có thức ăn sống thêm mấy ngày. Cuối thời gian đó, người ta lại hạ xuống một phụ nữ chết và một người đàn ông sống ; tôi lại giết người đàn ông bằng cách ấy, và may mắn cho tôi dạo ấy trong thành phố có nhiều người chết, tôi không thiếu hụt lương thực nhờ thực hiện cái cung cách nói trên.

Một hôm, tôi vừa giết chết một người đàn bà, thì nghe có tiếng thở và bước chân đi. Tôi tiến đến phía phát ra tiếng động : tôi nghe tiếng thở mạnh hơn, rồi hình như trông thấy một vật gì đang chạy trốn. Tôi đi theo cái bóng ấy, thỉnh thoảng nó dừng lại, rồi lại vừa thở vừa chạy trốn khi tôi đến gần. Tôi theo nó rất lâu và đi rất xa ; cuối cùng trông thấy một đốm sáng như một ngôi sao. Tôi tiếp tục đi về phía ánh sáng ấy, lúc ẩn lúc hiện, do vị trí những vật cản che, nhưng lần nào tôi cũng tìm lại được, và cuối cùng tôi phát hiện ra ánh sáng ấy lọt qua một lỗ trống trong núi đá, khá rộng, người có thể chui qua lọt.

Phát hiện được chỗ đó rồi, tôi đứng lại một lúc chờ lắng dịu bớt nỗi xúc động khi đang đi, rồi tiến tới chỗ lỗ trống. Tôi chui qua và thấy mình đứng trên bờ biển. Các vị thử tưởng tượng nỗi vui mừng tột độ của tôi, đến nỗi tôi phải khó khăn mới tin được rằng đây không phải là cõi mộng. Khi đã tin chắc đây là điều có thật và khi mọi giác quan của tôi đã trở lại bình thường, tôi hiểu ra cái vật tôi nghe thở phì phò mà

tôi đã đi theo, là một con vật từ dưới biển lên, nó có thói quen chui vào hang để ăn các xác chết.

Tôi quan sát ngọn núi và nhận thấy nó nằm giữa thành phố và biển, không có một con đường nào thông thương với nhau, bởi vì núi quá hiểm trở đến nỗi thiên nhiên cũng không tạo được thành đường. Tôi quỳ xuống bờ biển để cảm tạ Thượng đế. Sau đó, tôi quay vào hang lấy bánh mì, và mang ra ăn dưới ánh sáng ban ngày, bữa ăn ngon lành nhất từ hôm tôi bị chôn sống trong chốn tối tăm này.

Tôi còn quay vào hang lần nữa, mò mẫm thu nhặt trong các quan tài tất cả các loại kim cương, châu báu, vòng đeo tay bằng vàng và tất cả các loại vải vóc đẹp tìm thấy được. Tôi mang tất cả những thứ đó ra bờ biển. Tôi gói thành nhiều kiện và buộc cẩn thận bằng những sợi thừng người ta dùng để dòng quan tài xuống, trong hang có rất nhiều. Tôi để những thứ đó trên bờ biển chờ dịp tốt mà không sợ mưa làm hỏng, bởi vì dạo ấy không phải là mùa mưa.

Hai hoặc ba ngày sau, tôi trông thấy một chiếc tàu vừa ra khỏi cảng và đi qua khá gần nơi tôi đang ở. Tôi lột tấm khăn đội đầu ra làm hiệu, và rằng hết sức gọi to cho người ta nghe tiếng. Người trên tàu nghe được, cho thả xuồng vào đón. Các thủy thủ hỏi tôi vì sao không may ở chốn này. Tôi đáp tôi vừa thoát một trận đắm tàu từ hai ngày nay cùng với các hàng hóa họ trông thấy đây. May mắn cho tôi, họ không chú ý nơi tôi đứng, bằng lòng với câu trả lời ấy và cho tôi đi theo cùng với các kiện hàng.

Khi tôi lên tới trên tàu, viên thuyền trưởng hài lòng về việc cứu giúp được tôi và vì đang bận chỉ huy con tàu, cũng bằng lòng với câu chuyện đắm tàu tôi bịa đặt ra. Tôi đưa biếu ông một vài viên ngọc nhưng ông không chịu nhận.

Chúng tôi đi ngang qua trước nhiều hòn đảo, trong số đó có đảo Chuông, cách đảo Xèrenđíp (1) mười ngày tàu buồm với sức gió bình thường đều đặn, và cũng cách đảo Kêla đúng mười ngày đường. Chúng tôi ghé vào đảo. Ở đây có những mỏ chì, mía Ấn-độ (2) và long não rất tốt.

Chúa đảo Kêla là một ông vua rất giàu và hùng mạnh. Uy quyền ông lan tới toàn đảo Chuông. Đảo này rộng đến hai ngày đường, và dân cư còn dã man đến mức vẫn ăn thịt người. Sau khi mua bán nhiều hàng hóa ở đảo này, chúng tôi lại lên đường và cập bến nhiều hòn đảo khác. Cuối cùng, tôi yên lành về đến Bátđa với không biết bao nhiêu là của cải, không cần kể chi tiết với quý vị. Để tạ ơn Thượng đế vì bao nhiêu ân huệ Người ban cho tôi, tôi làm nhiều điều phúc, nào là sửa sang đền chùa nào là giúp đỡ những người nghèo khó : tôi hoàn toàn sống với họ hàng bè bạn, cùng với họ vui chơi, chè chén thỏa thuê.

Đến đây, Xinbát kết thúc câu chuyện về chuyến đi thứ tư của ông, nó càng làm cho các người nghe càng ham thích hơn cả ba chuyến đi đầu. Ông lại biếu Hinbát một trăm đồng xơcanh nữa và mời lão cùng tất cả mọi người ngày hôm sau, cũng vào giờ này, đến nhà ông ăn cơm và nghe kể chi tiết về chuyến đi thứ năm của ông.

Hinbát và các người khách cáo từ ra về. Ngày hôm sau, khi đã tề tựu đông đủ, họ lại ngồi vào bàn ăn : bữa ăn kéo dài không kém các bữa ăn trước, và đến cuối bữa, Xinbát bắt đầu kể về chuyến đi thứ năm của ông :

---

(1) Tên người Ả-rập gọi đảo Xâylan (nay là Sri Lanca)

(2) Cây mía nguồn gốc ở Ấn-độ, được đưa vào các nước Ả-rập từ thế kỷ thứ 3, sau đó mới sang nhiều nước Châu Âu (N.D.)

CHUYẾN ĐI THỨ NĂM CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Các niềm lạc thú chỉ có đủ sức hấp dẫn để xóa nhòa khỏi ký ức tôi tất cả những nỗi vất vả gian lao mà tôi đã chịu đựng, nhưng không thể làm cho tôi bỏ được lòng ham mê tiến hành những chuyến đi mới. Bởi vậy tôi mua hàng hóa, cho đóng gói và chất lên xe rồi tôi theo đến hải cảng gần nhất. Ở đấy, để khỏi phụ thuộc vào một viên thuyền trưởng và để có một chiếc tàu do mình chỉ huy, tôi dành thời giờ cho đóng một chiếc và trang bị bằng tiền của tôi. Tàu vừa đóng xong, tôi cho bốc hàng hóa lên, nhưng vì chưa hết tải của nó, tôi nhận chở thêm nhiều nhà buôn thuộc nhiều nước khác nhau cùng với hàng hóa của họ.

Vừa bắt đầu có gió thuận, chúng tôi cho kéo buồm ra khơi. Sau một chuyến đi dài, nơi đầu tiên tàu cập bến là một hoang đảo, ở đấy chúng tôi thấy trứng một con chim đại bàng to bằng cái mà các vị đã nghe tôi kể. Trong trứng có một con đại bàng con gần nở, cái mỏ của nó đã bắt đầu thò ra ngoài.

Các nhà buôn cùng đi một chuyến tàu và cùng lên bộ với tôi, vác rìu bổ vỡ quả trứng, khoét một lỗ rồi xé con chim con thành từng mảnh để lấy ra và đưa lên bếp quay chín. Tôi đã nghiêm chỉnh cảnh cáo họ chớ có đụng vào cái trứng, song họ chẳng chịu nghe.

Họ vừa ăn xong bữa tiệc tự tay làm lấy thì ở trên trời, cách chúng tôi khá xa, hiện ra hai đám mây lớn. Viên thuyền trưởng tôi thuê để chỉ huy con tàu vốn có kinh nghiệm, liền kêu lên rằng đấy chính là chim bố và chim mẹ con đại bàng con, ông ta thúc chúng tôi xuống tàu thật nhanh để tránh cái tai hoạ

mà ông thấy trước. Chúng tôi vội vã nghe theo lời khuyên của ông, gấp rút giương buồm chạy.

Trong lúc đó, hai con đại bàng đến gần, vừa bay vừa kêu lên những tiếng dữ tợn ; khi trông thấy quả trứng bị đập vỡ, không còn con của chúng trong đó nữa, chúng bay trở lại hướng cũ và biến mất. Đột nhiên, một lát sau, hai con chim quay trở lại. Chúng tôi nhận thấy mỗi con quặp ở chân một hòn đá hết sức to. Khi bay đúng bên trên tàu chúng tôi, một con buông hòn đá xuống, nhưng nhờ người lái khéo lái quặt chiếc tàu sang một bên, hòn đá không trúng đích mà rơi xuống biển, làm xô mặt nước đến nỗi chúng tôi gần như trông thấy đáy. Rủi cho chúng tôi, con chim kia ném hòn đá đúng vào chính giữa chiếc tàu, làm tàu vỡ tan thành hàng nghìn mảnh. Các thủy thủ và nhà buôn đều bị dập nát ngay hoặc chìm nghỉm. Chính tôi cũng bị chìm, nhưng khi nhoi lên mặt nước, tôi may mắn vớ được một mảnh tàu vỡ. Tôi liền bám chắc vào, khi thì bơi bằng tay này, khi thì bằng tay kia, lựa theo luồng gió và dòng nước thuận lợi cho tôi. Cuối cùng, tôi đến được một hòn đảo, bờ rất hiểm trở. Tuy nhiên, tôi vẫn vượt qua được khó khăn ấy và thoát chết. Tôi ngồi lên bãi cỏ nghỉ một chốc cho đỡ mệt ; sau đó đứng dậy và đi sâu vào đảo xem xét địa hình. Tưởng chừng như đây là một cái vườn tuyệt diệu ; ở đâu cũng thấy cây cối trĩu quả, đầy hoa, các con suối nước ngọt và trong uốn khúc rất đẹp mắt. Quả ăn thấy rất ngon và nước thì càng uống càng thấy thích

Đêm đến, tôi ngủ trên cỏ ở một nơi khá thoải mái, nhưng không ngủ trọn được một giờ, giấc ngủ thường chập chờn bởi nỗi lo sợ thấy chỉ có mỗi một mình ở một nơi hoang vắng quá. Thế là tôi để cả phần lớn đêm ấy buồn cho thân phận và tự trách mình quá dại dột sao không chịu ở nhà mà lao vào chuyến đi cuối cùng

này. Những suy nghĩ ấy đen tối đến nỗi tôi bắt đầu nảy ra ý muốn hủy hoại bản thân; nhưng may sao khi trời vừa sáng, ánh sáng ban ngày làm tiêu tan nỗi tuyệt vọng ấy. Tôi đứng lên đi giữa hàng cây, lòng vẫn bồn chồn.

Đi khá sâu vào trong đảo một ít, tôi gặp một lão già có vẻ rất hom hem. Lão ta ngồi trên bờ một con suối. Thoạt tiên, tôi nghĩ đấy chắc là một người cũng bị đắm tàu như tôi. Tôi đến gần, chào; lão ta chỉ gật đầu đáp lại. Tôi hỏi lão đang làm gì đấy, nhưng lão không đáp mà chỉ ra hiệu bảo tôi cõng lão lên vai đưa qua bên suối, vừa đưa tay làm hiệu cho tôi rõ, sang bên ấy để hái quả.

Tôi ngỡ lão ta cần tôi giúp đỡ thật; bởi vậy tôi cõng lão lên lưng và lội qua suối. Đến nơi, tôi bảo: « Cụ xuống đi » và cúi người để cho lão dễ xuống; nhưng lão già ấy mà tôi ngỡ là kiệt lực, không tụt xuống đất (mỗi lần nghĩ lại chuyện này tôi vẫn còn bật cười), lại nhẹ nhàng đưa hai chân kẹp lấy cổ tôi — da chân lão ta giống hệt da bò cái — rồi ngồi vắt vẻo trên vai tôi; chân lão kẹp cổ tôi chặt đến nỗi tôi gần như bị bóp nghẹt. Lúc ấy tôi khiếp đảm quá, liền ngã xuống và và ngất đi.

Mặc cho tôi bất tỉnh nhân sự, lão già quái ác ấy vẫn bám riết lấy cổ tôi: lão chỉ hơi nới chân ra một ít để cho tôi hồi tỉnh. Khi tôi tỉnh lại rồi lão ta tì một chân vào bụng tôi, chân kia đạp mạnh vào mạng mỡ, bắt buộc tôi phải đứng lên. Tôi đứng được lên, lão bắt tôi đi dưới các cây; mỗi lần gặp quả, lão buộc tôi đứng lại cho lão hái ăn. Suốt ngày, lão không rời tôi ra; và cho đến tối lúc tôi muốn ngủ, lão nằm cùng nhưng hai chân vẫn ghì riết lấy cổ tôi. Sáng nào lão cũng không quên đánh thức tôi dậy và đưa chân

thúc vào người tôi, bắt kiệu lão đi. Các vị thử tưởng tượng nỗi cực nhục của tôi phải mang cái gánh nặng ấy mà không tài nào gỡ ra được.

Một hôm, tôi bắt gặp trên đường nhiều quả bầu khô rụng từ cây xuống, tôi nhặt một quả khá to, rồi sau khi lau rửa sạch sẽ, tôi vắt vào trong đó nước nhiều chùm nho, loại quả sẵn có trên đảo, đi đến đâu cũng gặp. Khi đã vắt đầy quả bầu rồi, tôi để ở một nơi, và nhiều ngày sau tôi khéo léo dẫn lão già đến đó. Đến nơi, tôi bẻ quả bầu đưa lên miệng, uống một thứ rượu nho rất ngon, làm cho tôi tạm khuây khỏa được một chốc nỗi buồn chết người. Nó làm cho tôi phấn chấn lên. Tôi còn thấy hứng thú đến nỗi cất tiếng hát và nhảy nhót trong khi đi.

Lão già nhận thấy hiệu quả của thứ nước ấy đối với tôi, và thấy tôi cõng lão có vẻ nhẹ nhõm hơn thường lệ, liền ra hiệu bảo tôi đưa cho lão uống. Tôi đưa quả bầu cho lão, lão cầm lấy và bởi vì thứ nước ngọt có vẻ ngon, lão nốc một hơi cho đến giọt cuối cùng. Bỗng lão say, và lão say thật. Chẳng mấy chốc hơi rượu bốc lên đầu, lão bắt đầu hát ê a theo lối của lão và lảo đảo trên vai tôi. Vì lắc lư quá mạnh, lão nôn thốc nôn tháo những thứ trong dạ dày ra, đôi chân lão doãi ra dần dần ; đến khi thấy lão không ghì chặt được nữa, tôi hất lão xuống đất, thì lão nằm thẳng cẳng, không cựa quậy. Thế là tôi vác một hòn đá rất to đập vỡ đầu lão.

Tôi cảm thấy rất vui mừng được giải thoát vĩnh viễn khỏi lão già chết tiệt ấy, và đi về phía bờ biển : ở đây tôi gặp nhiều người từ một con tàu vừa ghé vào lấy nước ngọt và một ít chất tươi. Họ cực kỳ ngạc nhiên lúc gặp tôi và được nghe tôi thuật lại cho nghe đầu đuôi câu chuyện. Họ bảo tôi : « Bạn đã sa vào tay lão già người biển, và bạn là người đầu tiên không bị lão

chẹt chết. Lão không bao giờ rời bỏ những người lão bắt được mà không bóp chết ; và lão đã làm cho hòn đảo này nổi tiếng về số người chết về tay lão. Các thủy thủ và nhà buôn xuống đảo này chỉ dám đi sâu vào lúc đã hợp thành đoàn đông người. »

Sau khi nói cho biết những điều đó, họ cho tôi theo về tàu, thuyền trưởng cũng vui lòng nhận khi nghe thuật tất cả những điều đã xảy ra cho tôi. Tàu lại giương buồm, và sau mấy ngày đường, chúng tôi cập bến một thành phố lớn, nhà cửa xây bằng đá tốt.

Một nhà buôn trên tàu có cảm tình với tôi, cho đi theo đến một nơi dành làm chỗ nghỉ cho các người buôn nước ngoài. Ông ta đưa cho tôi một cái bị lớn, sau đó ông gửi tôi cho một vài người trong thành phố cũng mang một cái bị như tôi, và yêu cầu họ cho tôi cùng đi theo lấy quả dừa : « Bác hãy đi đi — ông bảo tôi — hãy đi theo họ, thấy họ làm thế nào cứ làm theo thế ấy và chớ có rời xa họ mà nguy hiểm đến tính mạng đấy. » Ông ta cho tôi thức ăn trong ngày, rồi tôi đi cùng với những người ấy.

Chúng tôi đến một rừng lớn có những cây cực cao và rất thẳng, thân cây thì nhẵn nhụi đến mức không thể nào bám vào để leo lên hái quả ở trên ngọn được. Đấy là những cây dừa, mà chúng tôi muốn hái quả cho vào bị. Vừa vào đến rừng, chúng tôi trông thấy một số lớn những con khỉ to và khỉ nhỏ, chúng bỏ chạy khi thấy có người và leo tót lên tận các ngọn cây một cách nhanh nhẹn lạ kỳ.

Những người buôn cùng đi với tôi nhặt đá và ráng hết sức ném lên lũ khỉ trên các ngọn cây. Tôi làm theo họ, và thấy các con khỉ bị lừa bởi cái mẹo của chúng tôi, hùng hổ hái các quả dừa và ném trả lại ; cử chỉ của chúng biểu thị sự giận dữ và thù địch rõ rệt.

Chúng tôi nhặt các quả dừa cho vào bị và thỉnh thoảng lại ném đá khiêu khích các con khỉ. Bằng cái mẹo đó chúng tôi nhặt dừa đầy bị, mà ngoài ra không thể có cách nào hái được.

Khi đã nhặt đầy bị rồi, chúng tôi trở về thành phố: nhà buôn ban sáng bảo tôi vào rừng trả tôi tiền mua toàn bộ số dừa tôi mang về. Ông bảo tôi : « Bác cứ tiếp tục, ngày nào cũng đi làm như vậy cho đến lúc nào kiếm ra đủ tiền trở về nhà ». Tôi cám ơn ông ta về lời khuyên nhủ tốt ấy, và chẳng bao lâu tôi nhặt được một đống dừa lớn, nhờ đó thu thập một số tiền đáng kể.

Chiếc tàu đưa tôi đến đây lên đường cùng với các nhà buôn, chở đầy những quả dừa họ mua được. Tôi chờ một chiếc tàu khác đến, chiếc này cũng cập bến cảng của thành phố để mua cùng loại hàng ấy. Tôi cho chuyển xuống tàu tất cả dừa thuộc về tôi, và khi tàu chuẩn bị khởi hành, tôi đến cáo từ nhà buôn mà tôi rất chịu ơn. Ông ta chưa thể xuống tàu cùng với tôi bởi vì còn nhiều công việc chưa thu xếp xong.

Chúng tôi giương buồm, lên đường đi về hòn đảo có rất nhiều cây hồ tiêu. Từ đó chúng tôi sang đảo Cômari (1), ở đây có loại gỗ trầm hương tốt nhất, và dân cư tự ghép mình vào một luật lệ khắt khe là không uống rượu và không trác táng. Tôi đổi dừa lấy hồ tiêu và trầm hương. Rồi cùng với các nhà buôn khác đến nơi mò ngọc trai. Tôi thuê thợ lặn mò ngọc. Họ lấy được cho tôi một số lớn những viên ngọc trai rất to và rất hoàn chỉnh. Tôi vui vẻ lên đường, tiếp tục ra khơi trên một chiếc tàu đưa tôi thuận buồm xuôi gió đến

---

(1) Đây là bán đảo bên kia sông Hằng, nơi tận cùng là mũi Cômoranh. (chú thích của Ăngtoan Galăng).

Banxòra: từ đấy tôi trở về Bátđa, bán hồ tiêu, trầm hương và ngọc được rất nhiều tiền. Tôi dùng một phần mười số tiền thu được làm của bố thí; rồi cũng như sau các chuyến đi trước, tôi tìm đủ mọi thú vui chơi giải trí cho bõ những nỗi nhọc nhằn trải qua.

Nói đến đấy, Xinbát sai đưa biếu Hinbát một trăm đồng xơcanh, lão cùng khách khứa ra về. Ngày hôm sau, vẫn những người đó lại đến nhà ông Xinbát giàu có. Sau khi thết đãi họ y như những lần trước, ông yêu cầu mọi người chú ý nghe ông kể về chuyến đi thứ sáu của ông:

CHUYẾN ĐI THỨ SÁU CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Thưa các vị, chắc các vị khó hiểu vì sao, sau năm lần đắm tàu và trải qua biết bao nhiêu nguy hiểm, tôi vẫn chưa chịu thôi dấn thân vào nơi gian khổ và tìm kiếm những điều không may mới. Chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên mỗi lần nghĩ đến điều đó, có lẽ tại ngôi sao chiếu mệnh của tôi nó cứ lôi cuốn tôi vào con đường ấy. Dù sao đi nữa, sau một năm nghỉ ngơi, tôi chuẩn bị làm một chuyến đi thứ sáu, bất chấp những lời khẩn cầu của bà con, bè bạn, họ tìm đủ mọi cách để giữ tôi ở nhà.

Không đi đường biển qua vịnh Ba-tư, một lần nữa tôi lại đi đường bộ qua nhiều tỉnh của nước này và của Ấn-độ (1), đến một hải cảng, ở đây tôi xuống một chiếc

(1) Người Ả-rập quen gọi tất cả những đất đai ở phương Đông bằng một cái tên chung: Ấn-độ.

tàu tốt, mà viên thuyền trưởng quyết tâm làm một chuyến đi dài. Trên thực tế, chuyến đi ấy dài thật và đồng thời cũng rất không may: thuyền trưởng và hoa tiêu đều lạc đường, đến nỗi không biết rõ tàu đang ở đâu. Cuối cùng, họ cũng nhận ra được, nhưng hành khách chúng tôi chẳng có gì để mà vui mừng.

Một hôm, chúng tôi cực kỳ ngạc nhiên thấy viên thuyền trưởng kêu thét lên và rời bỏ vị trí của mình. Ông ta giật khăn đội đầu ném xuống đất, bứt râu và đập đầu như thể một con người mất trí vì tuyệt vọng. Chúng tôi hỏi vì sao ông buồn bực như vậy. Ông ta đáp: « Tôi xin báo tin với các bạn rằng chúng ta đang ở vào một nơi nguy hiểm nhất giữa biển. Một dòng nước rất mạnh cuốn con tàu đi, và tất cả chúng ta sẽ bỏ mạng trong vòng một khắc nữa. Các bạn hãy cầu Thượng đế giải thoát cho chúng ta khỏi tai họa này: chúng ta sẽ không có cách nào thoát chết đâu trừ phi được trời đoái thương ». Nói xong, ông ra lệnh cuốn buồm, nhưng các dây đứt trong khi vận hành, và con tàu bị luồng nước cuốn mà không có cách nào tránh được đến chân một hòn núi không có lối lên. Tàu xô vào đá vỡ tan, tuy vậy chúng tôi vẫn kịp thoát thân và có đủ thời giờ để chuyển thực phẩm và những hàng hóa quý nhất lên bờ.

Làm xong những công việc đó, viên thuyền trưởng bảo chúng tôi: « Thượng đế vừa làm điều Người muốn. Mỗi người chúng ta có thể đào huyệt chôn mình ở đây, và cùng vĩnh biệt nhau, bởi vì chúng ta đang ở vào một nơi tử địa đến nỗi không một ai trước chúng ta bị giạt vào đây có thể về được đến nhà ». Câu nói của ông làm tất cả chúng tôi buồn bã đến chết người: chúng tôi ôm hôn nhau nước mắt ròng ròng và than thở cho số phận khốn khổ của mình.

Dãy núi mà chúng tôi đang ở dưới chân ấy tạo thành bờ của một hòn đảo rất dài và rất rộng. Đoạn bờ biển ấy phủ đầy những mảnh vỡ của các con tàu bị đắm, và nhìn vô số những bộ xương người rải rác khắp nơi đến kinh tởm, chúng tôi biết ở đây đã bỏ mạng biết bao nhiêu người rồi. Và cũng thật khó mà tin được cái số lượng nhiều không kể xiết hàng hoa và của cải phơi ra trước mắt chúng tôi. Tất cả những vật ấy chỉ càng làm tăng thêm vẻ hoang vắng của chốn này. Khác với tất cả mọi nơi, sông đổ nước về biển ; ở đây ngược lại, một con sông nước ngọt lớn từ biển chảy sâu vào bờ qua một cái hang tối tăm, miệng hang cực kỳ cao và rộng. Điều đáng chú ý nhất ở nơi này là đá ở hòn núi đều là thạch anh, hồng ngọc hoặc nhiều loại đá quý khác. Một con suối tuôn ra biển một loại nhựa thông hay dầu gì đấy, mà cá ăn vào thì nhả ra hổ phách ; những thứ này bị sóng đánh giạt vào, nằm la liệt đầy bãi biển. Cây mọc ở đây phần lớn là cây gỗ trầm hương, mà chất lượng không hề thua kém loại trầm hương mọc ở đảo Cômari.

Còn một chi tiết cuối cùng về cái chốn ấy, mà người ta có thể gọi là một cái vực không đáy, bởi vì không bao giờ một vật gì đã vào đấy có thể trở ra, tàu bè không thể nào thoát khi đã vào đến một khoảng cách nhất định. Nếu chiếc tàu nào bị gió biển đẩy vào, thì sức gió và luồng nước sẽ đẩy nó xô vào đá ; còn nếu chiếc tàu nào lọt vào nơi đó khi gió từ đất liền thổi ra, và lẽ ra nhờ vậy có thể giúp cho nó rời xa chốn này, thì ngọn núi cao đã cản hết gió và tạo nên cơn lặng, để cho luồng nước cuốn nó vào bờ rồi xô vào đá, khiến nó vỡ tan như chiếc tàu của chúng tôi vừa lâm nạn. Tệ hại hơn nữa, là không có cách gì trèo lên đỉnh núi và thoát ra được bằng bất cứ một lối nào.

Chúng tôi ở lại trên bờ biển như những con người mất trí và chờ đợi cái chết từng ngày. Chúng tôi bắt đầu chia đều lương thực, như vậy kẻ nào sống được lâu ít nhiều hơn những kẻ khác, là tùy thuộc vào tính tình và tùy theo cách sử dụng thức ăn của người đó.

Những kẻ chết đầu tiên được những người khác chôn cất ; riêng về tôi, tôi dự lễ tống táng tất cả bạn đường. Xin các vị chớ lấy làm ngạc nhiên về điều đó, bởi vì ngoài việc sử dụng dè sẻn hơn họ khẩu phần được chia, tôi còn giữ riêng được một ít thức ăn nữa mà không cho bạn bè biết. Tuy nhiên, khi chôn người bạn cuối cùng, tôi còn quá ít lương thực đến nỗi tôi biết rằng mình sẽ chẳng còn sống được bao lâu nữa, thành ra tôi tự đào sẵn lấy huyệt của mình, định bụng sẽ nằm vào đấy, bởi vì chẳng có ai còn sống để chôn tôi nữa. Xin thú thật với các vị rằng trong khi làm công việc đó, tôi không khỏi tự nhận rằng chính mình đã gây nên cái chết của mình, và không khỏi hối tiếc là đã thực hiện chuyến đi này. Không chỉ có hối hận suông, tôi còn cắn tay đến chảy cả máu, và thiếu chút nữa thì đã tự sát để được chết sớm hơn.

Nhưng Thượng đế còn thương đến tôi, ủn dủi tôi đi đến gần con sông, nơi nó chảy mất hút vào cửa hang. Đến đấy, sau khi hết sức chăm chú xem xét con sông, tôi tự bảo : « Con sông này chui vào đất ở chỗ này, tất phải thoát ra ở một nơi nào đó. Nếu ta làm một chiếc bè, ngồi lên trên và thả cho trôi theo dòng nước, ta sẽ đến một nơi có người ở, hoặc là ta sẽ chết ; nếu ta chết, ta chỉ làm cái việc là đổi thay cách chết mà thôi ; ngược lại, nếu ta thoát khỏi cái nơi tai họa này, không những ta tránh được số phận đáng buồn của các bạn ta, mà biết đâu chẳng tìm ra một cơ hội mới để làm giàu. Biết đâu vận may chẳng cho ta ra khỏi cơn vận hạn thật khủng khiếp này, để

đền bù quá mức những thiệt hại do nạn đắm tàu của ta gây nên ? »

Sau khi luận lý như vậy, tôi không ngần ngại bắt ngay vào việc làm bè ; tôi làm một chiếc bằng những tấm gỗ tốt và dây thừng to ở đây tha hồ mà chọn ; rồi buộc chặt tất cả lại, kết thành một chiếc tàu con khá vững chắc. Làm xong, tôi xếp lên đấy mấy kiện hồng ngọc, bích ngọc, hổ phách, đá thạch anh và vải vóc quý. Xếp cho cân bằng và buộc chặt lại những thứ đó xong xuôi đâu đấy, tôi lên bè cùng hai chiếc chèo con mà tôi không quên làm sẵn, mặc cho dòng nước cuốn đi, phó thác thân phận mình cho Thượng đế.

Vừa lọt vào hang, tôi không còn thấy ti ánh sáng nào nữa, và cứ để cho dòng nước cuốn đi mà chẳng rõ sẽ về đâu. Tôi lênh đênh mấy ngày trong cảnh mịt mùng ấy, chẳng bao giờ thấy được một tia ánh sáng. Một lần, vòm hang quá thấp đến nỗi đầu tôi chạm phải suýt bị thương, khiến tôi hết sức chú ý tránh vấp lại điều nguy hiểm đó. Trong thời gian ấy, tôi ăn những thức ăn còn lại, đương nhiên với lượng chỉ đủ cầm hơi. Nhưng cho dù sống thanh đạm đến bao nhiêu, cuối cùng rồi thức ăn cũng cạn. Thế là không thể cưỡng được nữa, một giấc ngủ nhẹ nhàng xâm chiếm lấy người tôi. Tôi không thể nói với các vị tôi ngủ bao lâu ; nhưng khi tỉnh dậy thì ngạc nhiên thấy mình ở giữa một đồng bằng rộng, bên bờ một con sông, một đám đông những người da đen xúm xít chung quanh. Chiếc bè của tôi được buộc vào bờ sông. Vừa trông thấy họ, tôi đứng lên chào. Họ nói với tôi, nhưng tôi không hiểu được tiếng của họ.

Lúc ấy tôi cảm thấy vui mừng quá sức, đến nỗi không rõ có nên tin thật là mình đang thức hay không. Biết chắc không phải là đang mơ, tôi thốt lên lời và

đọc mấy vần thơ Ả Rập : «Hãy cầu khẩn Đấng tối thiêng liêng. Người sẽ đến cứu giúp mi. Chẳng cần phải chăm lo việc gì khác. Hãy nhắm mắt lại, và trong khi mi ngủ, Thượng đế sẽ đổi số phận mi từ khốn khó trở thành hạnh phúc».

Một người da đen hiểu được tiếng Ả-rập, nghe tôi đọc như vậy, liền tiến lên và nói : « Người anh em ơi, bạn chớ ngạc nhiên là đã gặp chúng tôi. Chúng tôi sống trong đồng bằng bạn thấy đấy : hôm nay chúng tôi đến dẫn nước con sông chảy từ quả núi kia vào các con mương để tưới cho đồng ruộng, nhân thấy dòng nước cuốn theo một vật gì, chúng tôi vội chạy lại xem thì ra chiếc bè này ; một người trong bọn chúng tôi bơi ra kéo vào bờ. Chúng tôi giữ lại và buộc vào như bạn thấy đấy, chờ cho bạn tỉnh giấc. Xin bạn hãy kể cho nghe câu chuyện của bạn chắc kỳ lạ lắm. Xin hãy cho chúng tôi biết tại sao bạn lênh đênh trên dòng nước này và từ đâu đến ». Tôi bảo họ trước hết hãy cho tôi ăn, rồi tôi sẽ làm vui lòng họ.

Họ đưa cho tôi nhiều món ăn, và khi đỡ đói rồi, tôi thuật lại đầy đủ tất cả những việc xảy ra cho tôi, họ nghe và có vẻ thán phục. Tôi vừa thuật xong, họ đã nói thông qua người phiên dịch : «Thật là một câu chuyện dị kỳ nhất. Bạn nên thân hành đến tâu để nhà vua rõ. Câu chuyện kỳ lạ thế này, không thể để cho ai thuật lại với nhà vua ngoài chính người đã sống trong cuộc ». Tôi đáp tôi sẵn sàng làm tất cả những gì họ muốn.

Các người da đen liền cho đi tìm một con ngựa. Một lát sau ngựa được dẫn đến, họ cho tôi cưỡi lên : một số đi trước dẫn đường, còn những người khác khỏe mạnh hơn, vác lên vai nguyên cả chiếc bè cùng với các kiện hàng đi theo.

Chúng tôi cùng đi cho tới thành phố Xêrenđip, vì tôi đang ở trong hòn đảo này. Những người da đen trình tôi lên quốc vương của họ. Tôi tiến đến gần chiếc ngai nhà vua đang ngồi, và chào theo tục lệ người ta vẫn chào các ông vua Ấn-độ, tức là phủ phục xuống chân vua và hôn mặt đất dưới chân người. Nhà vua cho đỡ tôi đứng lên, tiếp đón rất lịch sự ; lại còn mời tôi đến ngồi bên cạnh. Trước tiên vua hỏi tôi tên họ là gì. Tôi đáp tôi tên là Xinbát, biệt hiệu Người đi biển, bởi vì tôi đi lại nhiều chuyến trên các biển, và nói thêm tôi là công dân thành phố Bátđa. Nhà vua lại hỏi : « Nhưng làm sao ông đến được đất nước của ta và đến bằng đường nào ? »

Không giấu giếm chút gì, tôi thuật lại với nhà vua câu chuyện mà các vị vừa nghe, nhà vua vừa ngạc nhiên vừa rất lấy làm thú vị, liền truyền cho chép lại câu chuyện ấy bằng chữ vàng để giữ lại trong sở lưu trữ quốc gia. Sau đó, người ta mang cái bè vào và mở các kiện hàng ra trước mặt nhà vua. Vua ngắm nghía số gỗ trầm hương và hổ phách, nhưng nhất là các viên hồng ngọc và bích ngọc bởi vì trong kho tàng của Người, không có những viên nào đẹp bằng.

Trông thấy nhà vua thích thú ngắm nghía những viên ngọc đó, xem xét kỹ từng viên đặc biệt nhất, tôi quỳ xuống và mạo muội nói : « Tâu bệ hạ, không riêng gì cá nhân tôi thuộc quyền bệ hạ, mà tất cả hàng hóa trên chiếc bè này đều thuộc quyền Người, tôi kính xin bệ hạ hãy tùy ý sử dụng như tài sản của Người ». Nhà vua mỉm cười đáp : « Xinbát ạ, ta hoàn toàn không ham muốn cũng như không lấy của ông một chút gì trong các thứ Thượng đế ban cho ông. Không những thế, ta còn muốn làm tăng thêm của cải của ông, ta không muốn ông từ giã nước ta mà không mang theo những vật biểu hiện sự hào phóng của ta » Tôi chỉ

biết đáp lại những lời đó bằng cách chúc tụng nhà vua phồn vinh và ca ngợi lòng nhân từ độ lượng của người. Vua giao cho một ông quan săn sóc tôi và cử những người hầu hạ tôi, chi phí do nhà vua trả. Viên quan ấy thực hiện đúng đắn mọi mệnh lệnh, dẫn tôi về nơi ở và cho chuyển đến đấy tất cả các kiện hàng trên cái bè của tôi.

Ngày nào cũng vậy, đến một giờ nhất định, tôi vào chầu vua, thời giờ còn lại tôi đi xem thành phố và tất cả những gì hợp với tính hiếu kỳ của tôi nhất.

Đảo Xêrenđip nằm ngay dưới đường hoàng đạo, bởi vậy ngày và đêm và ở đây bao giờ cũng dài đúng mười hai giờ. Đảo rộng tám mươi paraxăng (1) chiều dài và tám mươi paraxăng chiều rộng. Thủ đô nằm vào cuối một thung lũng đẹp hình thành bởi một ngọn núi ở chính giữa đảo, và có lẽ cũng là ngọn núi cao nhất thế giới. Quả vậy, ở ngoài biển cách ba ngày đường đã trông thấy nó. Trong núi có hồng ngọc, nhiều loại khoáng sản ; và phần lớn đá ở đây thuộc loại sa thạch tức là một thứ đá kim loại dùng để làm đồ ngọc. Cây cối có nhiều loại, hiếm nhất là cây bá hương và cây dừa. Dọc bờ biển và ở các cửa sông, dân làm nghề mò ngọc trai. Một vài thung lũng có cả kim cương. Vì sùng tín, tôi cũng có làm một chuyến đi chơi lên núi, thăm nơi Ađam ngày xưa bị đày ải, sau khi bị đuổi khỏi thiên đường hạ giới : tôi tò mò leo lên đến tận đỉnh núi.

Trở lại thành phố, tôi xin vua cho phép trở về xứ sở, nhà vua chuẩn y với thái độ rất lịch sự và rất đáng kính. Vua buộc tôi phải nhận một tặng phẩm đắt tiền lấy từ kho tàng của Người ; và khi tôi

---

(1) Đơn vị đo đường dài của người Ba-tư cổ, dài khoảng hơn một dặm.

đến chào từ biệt, vua còn giao thêm một tặng phẩm có giá trị hơn nhiều, kèm một bức thư gửi Đấng thống lĩnh các tín đồ, hoàng đế của chúng ta, và nói : « Ta nhờ ông dâng món quà mọn và bức thư này của ta lên Hoàng đế Harun An-Rasit, và chuyển đến Người tình hữu nghị của ta ». Tôi kính cẩn nhận tặng phẩm và bức thư, và hứa với nhà vua là sẽ thực hiện đầy đủ các mệnh lệnh Người hạ cố giao cho. Trước khi tôi xuống tàu, nhà vua cho triệu viên thuyền trưởng và các nhà buôn cùng đi chuyến ấy, truyền cho họ phải hết sức quan tâm đến tôi.

Bức thư của vua Xérenđip viết trên một tấm da một con thú gì đó rất quý vì rất hiếm, màu của nó hơi ngả sang màu vàng. Chữ viết màu xanh da trời, và nội dung bằng tiếng Ấn-độ như sau :

« Quốc vương Ấn-độ có nghìn thớt voi đi trước mặt, sống trong cung mái lợp bằng mười vạn viên hồng ngọc, và có trong kho tàng hai vạn vòng hoa nạm kim cương, gửi Hoàng đế Harun An-Rasit :

« Mặc dù tặng phẩm chúng tôi gửi đến bệ hạ không đáng bao nhiêu, mong bệ hạ lấy tư cách anh em và bè bạn mà vui lòng nhận lấy, để chiếu cố đến tình hữu nghị xuất phát tự đáy lòng tôi đối với ngài, mà món quà này là một biểu hiện. Tôi mong ngài cũng cho phép tôi được hưởng tình hữu nghị của ngài : tôi tự xét mình xứng đáng với điều đó, bởi cùng ngang địa vị với ngài. Với tư cách là người anh em, tôi cầu xin bệ hạ điều đó. Kính chào. »

Tặng phẩm bao gồm : thứ nhất, một chiếc lọ làm bằng nguyên một viên hồng ngọc, được khoét rỗng và chạm trổ, cao nửa bộ và dày một ngón tay, đựng đầy những viên ngọc rất tròn, viên nào cũng nặng

đung nữa *đrasmơ*, thứ hai, một tấm da rắn vẩy to bằng những đồng tiền vàng bình thường, nó có đặc tính là ai ngủ trên đó thì tránh được bệnh tật : thứ ba, năm vạn *đrasmơ* gỗ trầm hương loại tốt nhất, cùng ba mươi viên long não to bằng củ lạc : và cuối cùng tất cả những vật đó được kèm theo một nữ nô lệ có sắc đẹp quyến rũ, mặc áo quần kết đầy châu báu.

Tàu nhổ neo, và sau một chuyến đi dài ngày thuận buồm xuôi gió, chúng tôi cập bến Banxôra, từ đấy tôi trở về Bátđa. Việc đầu tiên của tôi sau khi về tới nơi là làm tròn nhiệm vụ được giao phó.

Tôi mang bức thư của quốc vương Xêrenđip, đến trước cung Đấng thống lĩnh các tín đồ, theo sau là người nữ nô lệ xinh đẹp và những người trong gia đình tôi mang những tặng phẩm mà tôi được ký thác. Tôi trình bày lý do đưa tôi đến, và lập tức được dẫn vào trước ngai hoàng đế. Tôi quỳ lạy, chúc tụng Người và dâng bức thư của quốc vương Xêrenđip. Hoàng đế hỏi tôi có đúng là nhà vua ấy hùng mạnh và giàu có như tả trong bức thư không. Tôi lại quỳ xuống lạy rồi đứng lên : « Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi có thể quả quyết rằng nhà vua đã không nói quá đi về của cải và oai danh của người, tôi đã từng được chứng kiến. Không có gì có thể gợi lên lòng khâm phục sâu sắc hơn là vẻ tráng lệ của cung điện nhà vua. Mỗi lần nhà vua muốn xuất hiện trước công chúng, người ta sắp sẵn một cái ngai lên lưng voi, nhà vua ngự trên đó, và đi giữa hai hàng người gồm các quan thượng thư, các cận thần và các quan chức khác trong triều đình. Phía trước nhà vua, một võ quan cầm ở tay một chiếc giáo bằng vàng, cũng cưỡi trên lưng voi, và phía

sau ngai, một võ quan khác đứng, cầm một chiếc trượng bằng vàng, bên trên có một viên bích ngọc dài chừng nửa bộ và dày một lóng tay. Trước mặt nhà vua là đội vệ binh một nghìn người, trang phục bằng dạ vàng và lụa, cưỡi trên những con voi, bành yên rất sang trọng.

Trong khi nhà vua đang tuần du, viên sĩ quan ngồi trên lưng voi đằng trước, thỉnh thoảng lớn tiếng xướng lên: «Đây là đấng thiên tử vĩ đại, là hoàng đế nước Ấn-độ hùng cường và đáng kính phục, sống trong cung điện lợp bằng trăm nghìn viên hồng ngọc, và có hai vạn vòng hoa bằng kim cương. Đây là đấng thiên tử vĩ đại hơn cả vua Xêrima (1) vĩ đại, hơn cả vua Mira (2) vĩ đại».

Lời tung hô vừa dứt, viên quan võ đứng sau ngai nhà vua lại hô tiếp: « Đấng thiên tử hết sức hùng cường và hết sức vĩ đại ấy rồi phải qua đời, phải qua đời, phải qua đời». Viên võ quan đằng trước tiếp lời, và hô luôn: « Ngợi ca Đấng hằng sống, Đấng không bao giờ chết! »

Ngoài ra quốc vương Xêrenđíp rất công minh, đến nỗi không cần có pháp quan ở thủ đô cũng như trong cả nước: dân chúng ở đây không cần có quan tòa, họ hiểu biết pháp luật và tự mình tôn trọng đúng đắn pháp luật, và không bao giờ lơ là nghĩa vụ của mình. Bởi vậy, ở nước họ các tòa án và pháp quan đều vô ích.»

Hoàng đế rất bằng lòng về những điều tôi vừa trình bày. Người phán: «Sự anh minh của quốc vương Xêrenđíp biểu lộ trong bức thư của ông, và theo những lời người vừa nói, thì phải nhận rằng sự anh minh

---

(1) Tức Xalômông.

(2) Một nhà vua trên hải đảo cùng tên, ở biển Ấn-độ, rất nổi tiếng trong người Ả-rập về sự hùng mạnh và tài trí.

của nhà vua kia xứng đáng với thần dân ấy, và thần dân ấy thật xứng đáng với sự anh minh của nhà vua kia».

Nói xong, hoàng đế cho tôi lui chầu và ban thưởng cho tôi rất hậu.

Đến đây Xinbát ngừng lời, những người nghe ra về; nhưng trước đó, Hinbát lại đã được biếu một trăm đồng xơcanh. Ngày hôm sau, họ lại đến nhà Xinbát, ông thuật cho họ nghe về chuyến đi thứ bảy và cuối cùng của ông.

CHUYẾN ĐI THỨ BẢY VÀ CUỐI CÙNG CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Sau chuyến đi thứ sáu trở về, tôi bỏ hẳn ý định đi bất cứ một chuyến nào nữa. Ngoài việc đã đến cái tuổi chỉ muốn được nghỉ ngơi, tôi còn tự hứa với mình sẽ không dấn thân vào những nỗi hiểm nghèo đã bao lần từng trải. Bởi vậy, tôi chỉ nghĩ đến việc sống an nhàn trong những ngày còn lại của đời mình. Một hôm, tôi đang đãi tiệc một số bạn bè, thì một tên người nhà vào báo cho biết có một vị quan của hoàng đế muốn gặp tôi. Tôi đứng lên khỏi bàn tiệc, đi ra đón. Viên quan nói: «Hoàng đế sai tôi đến báo cho ngài biết Người muốn nói chuyện với ngài». Tôi theo viên quan vào hoàng cung: trình diện hoàng đế, tôi quỳ lạy dưới chân Người. Nhà vua phán: «Xinbát à, ta cần đến ông, ông phải giúp ta một việc, ông hãy mang thư phúc đáp và các tặng phẩm của ta đến cho quốc vương Xêrenđip. Ta phải đáp lại thái độ lịch sự của quốc vương đối với ta.»

Mệnh lệnh của hoàng đế là một tiếng sét đối với tôi. Tôi đáp : « Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi sẵn sàng thực hiện mọi mệnh lệnh của Người ; nhưng tôi cúi xin bệ hạ xét cho : tôi đã chán chường vì biết bao nỗi gian lao phải chịu đựng ; hơn nữa, tôi đã nguyện là sẽ không bao giờ rời khỏi Bátđa ». Tôi thừa dịp thuật lại cho vua nghe chi tiết đầy đủ về các chuyến phiêu lưu của tôi ; hoàng đế kiên nhẫn nghe cho kỳ hết.

Tôi vừa dứt lời, vua liền phán : « Ta nhận rằng đấy quả là những hiện tượng hết sức lạ kỳ ; nhưng dù vậy, không nên bởi những việc đó mà ông không vì ta thực hiện chuyến đi ta yêu cầu. Chỉ cần đi đến đảo Xêrenđíp làm tròn sứ mệnh ta giao phó thôi. Sau đấy, ông có thể tùy tiện trở về ; nhưng phải đi tới nơi, bởi vì chắc ông cũng thấy rằng chừng nào chưa đáp lễ quốc vương đảo ấy thì vẫn còn là không phải phép lịch sự và không xứng với tư thế lịch sự của ta. » Thấy hoàng đế khăng khăng đòi hỏi tôi phải làm việc đó, tôi đành tỏ ra sẵn sàng tuân lệnh. Hoàng đế rất vui mừng, sai ban cho tôi một nghìn đồng xơcanh để làm chi phí đi đường.

Tôi chuẩn bị mất ít ngày, và khi vừa được giao các tặng phẩm của hoàng đế và một bức thư tự tay Người viết, tôi khởi hành ngay, đi về Banxôra, từ đấy tôi xuống tàu biển. Chuyến đi của tôi rất thuận buồm xuôi gió. Đến đảo Xêrenđíp, tôi trình bày với các quan sứ mệnh tôi được giao, và yêu cầu họ cho phép tôi được vào triều yết kiến quốc vương ngay, họ làm không chút chậm trễ. Người ta dẫn tôi vào hoàng cung rất trọng thể ; tôi quỳ xuống vái chào nhà vua đúng như tục lệ.

Nhà vua nhận ra tôi ngay, và tỏ vẻ đặc biệt vui mừng được gặp lại : « A, ông Xinbát, xin chào mừng

ông. Ta thề với ông là từ ngày ông ra đi ta luôn luôn nghĩ tới ông. Ta tạ ơn ngày hôm nay, ngày chúng ta được gặp lại nhau một lần nữa. » Tôi chúc tụng nhà vua, và sau khi cám ơn lòng nhân hậu của Người, tôi dâng trình bức thư và tặng phẩm của hoàng đế : nhà vua tỏ ý rất hài lòng tiếp nhận.

Hoàng đế gửi tặng nhà vua một bộ giường ngủ hoàn chỉnh phủ dạ vàng, ước giá một nghìn xơ-canh ; năm mươi chiếc áo bằng một loại vải rất đắt tiền ; một trăm chiếc khác bằng vải trắng loại tốt nhất của Cairô, Xuyê, Cufa và Alếchzanđri (1) ; một chiếc giường khác màu tía, và một chiếc nữa làm theo một kiểu khác ; một chiếc bình bằng mã não rộng miệng, dày một ngón tay và rộng nửa bộ, đáy bình chạm nổi một người đàn ông một chân quỳ xuống đất, tay giương một chiếc cung đã lắp tên, sẵn sàng bắn vào một con sư tử : và cuối cùng là một chiếc bàn sang trọng tương truyền để lại từ đời vua Xalômông vĩ đại. Bức thư của hoàng đế lời lẽ như sau :

« *Nhân danh Đấng dẫn đường cao cả, xin gửi đến hoàng đế hùng cường và hạnh phúc lời chào của Harun An-Rasít, được Thượng đế cho phép nối ngôi các đấng tổ tiên vinh hiển của chúng tôi.*

« *Chúng tôi rất vui mừng nhận được thư bệ hạ, và xin gửi đến bệ hạ bức thư này từ triều đình chúng tôi, hi vọng nó được bệ hạ ngự lãm, và qua đó mà hiểu rõ và tán thành ý nguyện tốt lành của chúng tôi. Kính chào.* »

Quốc vương đảo Xêrenđip rất vui lòng thấy hoàng đế đáp lại mối tình hữu nghị của mình. Ít lâu sau

---

(1) Cairô, Xuyê, Alếchzanđri : các thành phố ở Ai-cập.

Cufa : thành phố thuộc Irắc, trên nhánh phía tây của sông Ơphơrát, cách Bátđa 50 dặm về tây nam.

buổi triều kiến ấy, tôi lại xin vào chầu vua để cáo biệt nhưng nhiều lần vẫn chưa được nhà vua chấp thuận. Cuối cùng tôi cũng được phép ; và nhà vua, trước khi cho lui, còn ban cho một tặng phẩm có giá trị. Tôi xuống tàu trở về Bátđa ; nhưng tôi không được may mắn về đến chốn như mình mong ước : Thượng đế lại định đoạt một cách khác hẳn.

Ba hoặc bốn ngày sau khi khởi hành, chúng tôi bị bọn cướp biển chặn đường. Chúng chẳng khó khăn gì mà không chiếm được tàu chúng tôi, bởi vì trên tàu hoàn toàn không chuẩn bị đối phó. Mấy người trên tàu muốn kháng cự, họ bị giết chết, còn về phần tôi và tất cả những người còn lại, vì không chống lại bọn cướp biển nên bị bắt làm nô lệ.

Sau khi bọn cướp tước đoạt hết và lột quần áo chúng tôi, rồi cho mặc những bộ đồ xấu xí, chúng đưa chúng tôi đến bán ở một hòn đảo lớn rất xa.

Tôi sa vào tay một người buôn giàu, ông ta mua xong liền dẫn ngay tôi về nhà, cho ăn ngon và mặc đúng như nô lệ. Mấy hôm sau, vì chưa thật rõ tôi là ai, ông ta hỏi tôi có biết nghề nghiệp gì không. Không để lộ rõ hơn nữa mình là ai, tôi chỉ đáp tôi không phải là dân thợ, mà là một người buôn bán chuyên nghiệp : bọn cướp biển bán tôi đã tước đoạt mất tất cả những gì tôi có. « Nhưng — ông ta lại hỏi — anh hãy cho ta biết, anh có biết bắn cung chứ ? ». Tôi đáp đấy là một trong những môn tôi luyện tập thời còn trẻ tuổi, và từ bấy vẫn chưa quên.

Thế là ông ta đưa cho tôi một bộ cung và tên, rồi cho tôi cưỡi lên voi ngồi sau lưng ông, dẫn tôi vào một khu rừng rất rộng cách xa thành phố chừng mấy giờ đường. Chúng tôi đi vào thật sâu, và khi thấy đã đến

xác dừng lại, ông ta bảo tôi xuống. Tiếp đó, trỏ một cây cao, ông ta bảo: «Chú hãy leo lên ngọn cây này, hễ thấy voi đi qua thì bắn, trong rừng này voi nhiều vô số. Nếu bắn ngã được một con nào, về báo tin cho ta biết.» Nói xong, ông ta để thức ăn lại cho tôi, lên đường trở về thành phố; còn tôi ngồi rình suốt cả đêm trên ngọn cây.

Suốt đêm không thấy có con voi nào; nhưng ngày hôm sau, mặt trời vừa mọc tôi thấy xuất hiện một đàn khá lớn. Tôi bắn nhiều mũi tên, và cuối cùng một con ngã xuống. Các con khác chạy đi ngay, để cho tôi tự do về báo ông chủ biết kết quả vừa đạt được. Hay tin, ông khao tôi một bữa ngon, khen ngợi tài thiện xạ và vỗ về tôi. Xong, chúng tôi cùng đi vào rừng, đào một cái hố chôn con voi vừa bị bắn chết. Ông chủ dự định sẽ trở lại đây sau khi xác con vật đã thối rữa, lấy ngà đưa đi bán.

Tôi tiếp tục cuộc săn bắn như vậy trong hai tháng; và không ngày nào không giết chết một con voi. Không phải ngày nào cũng phục trên cùng một cây; khi ở cây, này khi chuyển sang cây khác. Một buổi sáng, tôi đang chờ đàn voi đến thì hết sức ngạc nhiên thấy chúng không đi băng qua rừng ngang trước mặt tôi như thường lệ, mà đứng dừng lại và xông thẳng đến phía tôi với một tiếng ào ào kinh khủng và đông đến nỗi mặt đất kín đặc những voi và rung lên dưới bước chân chúng. Trước cảnh tượng kỳ lạ ấy, tôi sửng sốt và khiếp đảm đến nỗi cung tên tuột khỏi tay rơi xuống đất.

Tôi lo sợ không phải không có lý do; đàn voi sau khi nhìn tôi một lát, một con lớn nhất đo vòi ôm quàng lấy gốc cây, lắc mạnh, nhổ bật rễ và quật ngã ra đất. Tôi lăn xuống cùng với cây, nhưng con voi đưa vòi

nhấc bổng tôi đặt lên lưng nó, tôi ngồi trên đó táng đởm kinh hồn, vai vẫn còn mang túi tên. Con voi ấy dẫn đàn đưa tôi đến một nơi, bỏ tôi xuống đất rồi tất cả bỏ đi. Các vị thử hình dung tình cảnh của tôi lúc đó: tôi tưởng như mình ngủ mê chứ không phải thức. Cuối cùng, sau khi nằm dài ra một lúc tại chỗ, không thấy còn có voi nữa, tôi đứng lên và nhận ra đây là một quả đồi khá dài và khá rộng, phủ đầy xương voi và ngà voi. Tôi xin thú thật những điều trông thấy làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi khâm phục bản năng những con vật ấy. Không nghi ngờ gì nữa, đây chính là nghĩa địa của chúng, chúng đưa tôi đến là nhằm cho tôi biết để tôi thôi không giết hại chúng nữa, bởi vì tôi giết chúng chẳng qua cũng chỉ để lấy ngà của chúng mà thôi. Tôi không nán lại trên quả đồi, mà quay trở lại ngay thành phố; sau khi đi bộ suốt một ngày một đêm, tôi về đến nhà chủ tôi. Dọc đường đi không gặp một con voi nào, điều đó làm cho tôi nghĩ rằng chúng đã vào sâu hơn nữa trong rừng, để cho con đường dẫn đến quả đồi không gặp trở ngại.

Ông chủ vừa trông thấy tôi liền kêu lên: « Ôi, Xinbát tội nghiệp ơi, ta rất đau khổ khi hiểu việc gì đã xảy ra với chú. Ta đã đi vào rừng, trông thấy một cây to vừa bị nhổ bật rễ, dưới đất có cung tên; và sau khi tìm chú mãi không thấy, ta đã tưởng không bao giờ được gặp lại chú nữa. Nào, chú hãy thuật lại cho ta nghe điều gì đã xảy ra. Nhờ đâu chú may mắn còn sống sót? » Tôi đáp ứng sự hiếu kỳ của ông. Và ngày hôm sau, cả hai chúng tôi đến quả đồi, ông cực kỳ vui mừng nhận thấy những điều tôi nói là đúng sự thật. Chúng tôi chất cật lực rất nhiều ngà lên lưng con voi đưa chúng tôi đến đây. Trên đường về, ông chủ bảo tôi: « Người anh em ạ — ta gọi là người anh em bởi vì ta không muốn đối xử với chú như nô lệ nữa — ta

cầu mong, sự phát hiện của chú sẽ làm cho ta giàu có. Thượng đế sẽ ban cho chú đủ mọi thứ của cải và phồn vinh. Ta tuyên bố trước Thượng đế rằng ta trả lại tự do cho chú. Ta đã giấu không cho chú biết điều chú sắp nghe đây.

« Các con voi trong rừng hằng năm làm chúng ta thiệt mất rất nhiều nô lệ được sai đi lấy ngà. Dù chúng ta dặn dò chúng đến thế nào đi nữa, sớm hay muộn rồi cũng bị những con vật tinh khôn ấy làm thiệt mạng. Thượng đế đã giải thoát chú khỏi sự hung tợn của chúng và chỉ ban phúc ấy cho chú mà thôi. Điều đó chứng tỏ Thượng đế đã thương chú, và cần có chú trong trần thế này để chú làm những việc tốt lành. Chú mang lại cho ta một mối lợi không thể tưởng tượng : từ trước tới nay chúng ta chỉ có thể lấy được ngà voi bằng cách hy sinh tính mạng của nô lệ ; còn bây giờ, cả thành phố giàu lên nhờ cách của chú. Chú chớ tưởng là ta cho rằng trả lại tự do cho chú như vậy đã đủ thưởng công chú rồi ; ta còn biếu chú thêm nhiều của cải đáng kể nữa. Ta có thể mời cả thành phố gây dựng cơ đồ cho chú, nhưng ta muốn chỉ riêng mình ta được hưởng vinh dự đó mà thôi .»

Nghe những lời nói chí tình ấy, tôi đáp : « Thưa chủ nhân, cầu Thượng đế giữ gìn ngài ! Riêng việc trả lại tự do cho tôi đủ đền công tôi rồi ; và để thưởng cho tôi chút công lao mà tôi được vinh hạnh đưa lại cho ngài và cho thành phố ngài, tôi chỉ xin phép ngài cho tôi được trở về xứ sở.»

— Được lắm ! — ông ta đáp — gió mùa sắp đưa tàu bè tới đây ăn ngà voi. Lúc ấy, ta sẽ gửi chú về và sẽ cho chú các thứ để đưa về nhà ».

Tôi lại cảm ơn ông lần nữa về việc trả lại tự do cho tôi, về những dự định tốt lành đối với tôi. Tôi ở

tại nhà ông chờ đợi gió mùa, và trong thời gian ấy chúng tôi đi lấy ngà voi ở quả đồi, nhiều đến nỗi các kho của ông đầy ắp. Tất cả các nhà buôn bán ngà voi đều làm như vậy, bởi vì không thể giấu lâu không cho họ biết sự phát hiện ấy.

Cuối cùng các tàu buôn đến, và ông chủ của tôi tự mình chọn chiếc tàu tôi sẽ đi, rồi cho xếp lên đến một nửa tàu ngà voi dành cho tôi. Ông cũng không quên cho đưa xuống tàu nhiều thức ăn uống cần cho chuyến đi ; hơn nữa, ông còn buộc tôi dự những buổi chiêu đãi đắt tiền và nhận những vật lạ của địa phương. Tôi hết lời cám ơn lòng tốt của ông, rồi xuống tàu. Trường hợp tôi được trả lại tự do kỳ lạ quá, khiến tôi không khỏi bàng hoàng...

Chúng tôi dừng lại ở một vài hòn đảo để lấy các thức ăn tươi. Chiếc tàu trước đây xuất phát từ một cảng thuộc đất liền nước Ấn-độ, chúng tôi lại về cập bến ấy ; ở đấy, để tránh những nỗi nguy hiểm trên đường biển đến Banxôra, tôi cho bốc hết số ngà voi của mình, quyết tâm tiếp tục chuyến trở về bằng đường bộ. Tôi bán ngà voi được một số tiền rất lớn, mua nhiều vật hiếm để làm tặng phẩm ; và khi đoàn của tôi chuẩn bị xong xuôi, tôi nhập vào một đoàn rất đông các nhà buôn. Đường đi rất lâu dài, trải qua nhiều gian khổ nhưng tôi kiên nhẫn chịu đựng khi nghĩ rằng thế là không còn sợ những cơn bão táp, cướp biển, rắn độc hoặc tất cả những hiểm nghèo tôi đã từng trải qua.

Mọi nỗi gian lao ấy rồi cũng qua khỏi ; tôi về tới Bátđa êm đẹp. Trước hết, tôi đến chầu hoàng đế để tường trình về chuyến đi sứ của tôi. Nhà vua nói chuyến đi của tôi quá lâu làm cho Người lo lắng, tuy vậy Người bao giờ cũng vẫn hy vọng Thượng đế sẽ không bỏ tôi. Khi tôi thuật lại câu chuyện về các con

vui. Người tỏ ra hết sức kinh ngạc, có lẽ Người đã không tin là chuyện đó có thật nếu không biết rõ sự trung thực của tôi từ trước. Người thấy chuyện ấy và các câu chuyện khác của tôi thuật lại khá kỳ lạ, liền giao cho một viên quan văn ghi chép lại bằng chữ vàng để gìn giữ trong kho tàng của Người. Tôi ra về, rất hài lòng về vinh dự và những tặng phẩm Người ban cho ; sau đó tôi hoàn toàn dành cuộc sống của mình cho gia đình, bà con và bè bạn.

Xinbát kết thúc câu chuyện kể về chuyến đi thứ bảy và cuối cùng của ông. Hướng về Hinbát, ông nói thêm : « Thế nào, ông bạn, bạn có bao giờ nghe ai đã từng trải qua nhiều khổ ải bằng tôi không ; hoặc có ai đã từng sống trong những tình huống gian nan dường ấy ? Sau bấy nhiêu việc làm, tôi hưởng thụ một cuộc sống dễ chịu và bình yên, chẳng phải là điều công bằng sao ? » Ông nói xong, Hinbát tiến đến gần, hôn tay ông và nói : « Thưa ngài, phải nhận rằng ngài đã trải qua nhiều nỗi nguy hiểm khủng khiếp. Những nỗi vất vả của tôi không thể so sánh với những nỗi vất vả của ngài ; nếu nó có làm cho tôi buồn bực trong chốc lát thì tôi cũng còn được an ủi bằng món lợi nhỏ thu được sau đấy. Không những ngài đáng hưởng thụ một cuộc sống an nhàn, mà ngài còn xứng đáng với tất cả những của cải ngài có, bởi vì ngài biết cách sử dụng tiền của và hào phóng xiết bao. Xin ngài cứ tiếp tục sống trong niềm vui đó cho đến trọn đời. »

Xinbát lại sai biếu lão một trăm đồng xơcanh ; ông nhận lão vào số bạn bè của mình, bảo lão hãy thôi nghề khuân vác và tiếp tục đến ăn cơm ở nhà ông để cho lão có lý do mà trọn đời nhớ tới Xinbát Người đi biển.

CHUYỆN NUARÊTĐIN ALI VÀ BÊTRÊTĐIN HATXAN

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ [1], ngày xưa ở Ai cập, có một vị hoàng đế rất công minh, hay làm việc nghĩa, thương người và hào phóng. Tài thao lược của vua làm cho các nước láng giềng đều kinh sợ. Nhà vua thương yêu những người nghèo khó, che chở các nhà bác học và cất nhắc họ lên giữ những chức vụ trọng yếu. Thượng thư của hoàng đế là một con người thận trọng, khôn ngoan, sâu sắc, tinh thông văn chương cũng như tất cả các môn khoa học. Ông có hai người con trai rất khôi ngô, cả hai đều nối chí cha : người con đầu tên là Sêmxêtđin Môhamêt [2], người con thứ hai tên là Nuarêtđin Ali [3], người này đặc biệt có đủ mọi phẩm cách trên đời. Viên đại thần qua đời, hoàng đế cho triệu hai con trai của ông đến, ban cho mỗi người một chiếc áo thượng thư và phán : « Ta rất buồn về sự tổn thất của các ngươi. Ta cũng bị thiệt thòi không kém các ngươi. Ta muốn chứng tỏ điều đó cho các ngươi thấy, và bởi vì ta biết các ngươi sống chung với nhau, ta phong cho hai anh em cùng một phẩm trật như nhau. Các ngươi hãy ra về, và hãy noi gương phụ thân các ngươi. »

Hai viên tân thượng thư tạ ơn vua, rồi trở về nhà lo việc tổ chức lễ tang cha. Sau một tháng, họ mới ra khỏi nhà lần đầu, đến dự hội đồng cơ mật của nhà vua lần đầu và từ đấy tiếp tục dự đều đặn tất cả các buổi thiết triều. Mỗi lần hoàng đế đi săn.

---

(1) Chuyện này do tể tướng Giapha kể (N. D)

(2) Sêmxêtđin có nghĩa là « *Mặt trời của đạo* ». Môhamêt cũng như Mahômêt.

(3) Nuarêtđin có nghĩa là : « *Ánh sáng của đạo* ».

một trong hai anh em theo hầu, và hai người cứ thay nhau hưởng vinh dự ấy. Một hôm, sau bữa cơm chiều (trước hôm người anh sẽ theo hầu hoàng đế đi săn), hai anh em ngồi tán chuyện với nhau, người anh chợt bảo em trai : « Chú ạ, cả hai anh em ta đều chưa vợ và chúng ta sống với nhau rất thuận hòa, anh vừa nảy ra một ý : chúng ta sẽ cưới cùng một ngày hai chị em ruột mà chúng ta chọn trong một gia đình môn đăng hộ đối. Chú nghĩ thế nào về ý kiến ấy ? »

— Anh ạ. — Nuarêtđin Ali đáp — tôi nghĩ rằng ý kiến của anh thật xứng đáng với tình thân thiết giữa anh em ta. Không thể nào có ý hay hơn, và về phần tôi, tôi sẵn sàng làm tất cả những gì anh muốn.

— Ấy, nhưng chưa hết đâu, — Sêmxêtđin Môhamêt lại nói — trí tưởng tượng của anh còn đi xa hơn nữa kia : giả dụ vợ chúng ta có mang ngay tối tân hôn, và sau đấy sinh đẻ cùng một ngày, chú sinh con trai và anh sinh con gái thì chúng ta sẽ gả cho nhau khi nào chúng đến tuổi thành gia thất.

— Ồ, — Nuarêtđin Ali thốt lên, — đến thế thì phải nhận rằng thật là một dự kiến tuyệt vời ! Đám cưới ấy sẽ đánh dấu sự thuận hòa giữa anh em ta, và tôi vui lòng chấp nhận. Nhưng anh ạ, nếu cuộc hôn nhân ấy trở thành sự thật, anh có định là con trai tôi sẽ cho con gái anh một món tiền để cháu làm của hồi môn không ?

— Điều ấy chẳng khó khăn gì, — người anh cả lại nói — anh tin rằng ngoài những quy ước thông thường trong giấy giá thú, chú sẽ đồng ý cho cháu ít nhất ba nghìn đồng xơcanh, ba thửa đất tốt và ba tên nô lệ.

— Điều ấy thì tôi không tán thành, — người em nói. — Chúng ta chẳng phải là anh em và đồng liêu, lại cùng một tước vị như nhau hay sao ? Với lại anh và

tôi, chúng ta há chẳng biết thế nào là lẽ công bằng ư? Người nam bao giờ cũng quý hơn người nữ, thế không phải là chính anh phải cho con gái anh một món tiền hồi môn lớn sao? Theo nhận xét của tôi, anh đúng là người xoay xở trên lưng kẻ khác ».

Mặc dù Nuarêtđin Ali vừa nói vừa cười, người anh vốn không thông minh lắm, cho là mình bị xúc phạm, liền nổi nóng: «Khốn nạn cho con trai chú! chú lại dám đánh giá nó hơn con gái ta. Ta lấy làm lạ sao chú lại cả gan cho rằng chỉ có nó là xứng đáng với con gái ta. Đúng là chú đã mất hết đầu óc suy nghĩ cho nên mới đặt chú bằng vai phải lứa với ta và nói rằng chú với ta là đồng liêu. Này, con người bạo gan này, ta nói cho mà biết vì chú láo xược như thế, ta không đồng ý gả con gái ta cho con trai chú nữa đâu dù chú có cho nó nhiều hơn tất cả của cải chú có ». Câu chuyện đấu khẩu buồn cười giữa hai anh em với cái đám cưới của những đứa con chưa ra đời, thế mà rồi đi khá xa. Sêmxêtđin Môhamết nổi nóng đến mức đe dọa: « Nếu ngày mai ta không phải theo hầu hoàng đế, thì ta sửa cho chú một trận nên thân; nhưng hôm nào trở về ta sẽ cho chú biết xem thử em có quyền được ăn nói hỗn láo với anh cả như chú nói với ta vừa rồi hay không?» Nói đến đấy, anh lui về buồng riêng, và người em cũng về buồng mình nghỉ.

Sáng hôm sau, Sêmxêtđin Môhamết dậy thật sớm, đến hoàng cung để theo hoàng đế đi săn, ngược lên mãi miền thượng thành phố Cairô, phía các kim tự tháp. Về phần Nuarêtđin Ali, chàng trải qua một đêm đầy băn khoăn lo lắng; và suy đi nghĩ lại, chàng thấy không thể nào sống chung với một ông anh đối xử với mình kiêu căng như vậy, chàng đi đến một quyết định. Chàng sai chuẩn bị một con lừa tốt, mang theo tiền

bao, chăn bàn và một ít thức ăn, rồi bảo với người nhà rằng mình muốn đi chơi vài ba hôm và chỉ muốn đi một mình, xong đâu đấy chàng lên đường.

Ra khỏi thành phố Cairô, chàng đi qua sa mạc về phía Arabi. Nhưng con lừa kiệt sức chết gục trên đường, chàng bắt buộc phải đi bộ. May sao, một người đưa thư trên đường đi Banxôra gặp chàng liền cho chàng ngồi ghé đằng sau, trên lưng ngựa của anh ta. Đến Banxôra, Nuarêtđin Ali nhảy xuống và cảm ơn người đưa thư đã vui lòng giúp đỡ mình. Trong lúc chàng đang đi qua các phố định tìm một nơi trọ, thì một vị quan to có rất đông tùy tùng đi tới ; tất cả nhân dân hai bên đường đều kính cẩn dừng lại chờ cho đoàn đi qua. Nuarêtđin Ali cũng đứng lại như mọi người. Đấy là tể tướng của hoàng đế xứ Banxôra đang đích thân đi tuần tra để lấy uy của mình duy trì trật tự và thanh bình trong thành phố.

Vị đại thần ấy tình cờ trông thấy chàng trai trẻ và thấy khuôn mặt chàng rất đáng mến. Ông nhìn chàng đầy cảm tình ; và khi đi ngang qua trước mặt, thấy chàng ăn mặc áo quần đi đường, liền dừng lại hỏi chàng là ai và từ đâu đến. « Bẩm quan lớn, — Nuarêtđin Ali đáp — tôi là người Ai cập và sinh ở Cairô ; tôi từ giã đất nước tôi vì có chuyện quá bực mình đối với một người bà con, đến nỗi tôi quyết định sẽ đi khắp thế gian và chết còn hơn là trở về nước nhà ». Tể tướng, một cụ già đáng kính, nghe như vậy liền nói : « Con ạ, con chớ nên làm như vậy. Trên thế gian này chỉ toàn có khổ ải và con chưa biết hết những nỗi gian truân con sẽ phải chịu đựng đâu. Tốt hơn hết là con hãy lại đây, hãy đi theo ta, có lẽ ta sẽ làm cho con quên được cái chuyện đã buộc con phải rời bỏ quê nhà. »

Nuarêtđin Ali đi theo tể tướng xứ Banxôra, ông này chẳng bao lâu biết rõ các đức tính của chàng liền đem lòng yêu mến ; và một hôm bảo riêng với chàng « Con ạ, ta đã cao tuổi lắm rồi, như ngọn đèn trước gió, chắc là ta chẳng còn sống được bao lâu nữa. Trời cho ta được một mụn con gái cũng đẹp không kém gì con, và hiện nay nó đã đến tuổi lấy chồng. Nhiều vị quan to có thế lực trong triều đình đã hỏi xin ta cho con trai họ ; nhưng ta vẫn chưa bằng lòng gả cho ai. Đối với con, ta yêu con và thấy con xứng đáng làm bạn với con ta ; ta chuộng con hơn tất cả các đám hỏi khác, và sẵn sàng nhận con là rể. Nếu con vui lòng nhận lời, ta sẽ tâu với hoàng đế là đã nhận con làm con nuôi, và cầu xin người cho phép con được thế tập thay ta giữ cương vị tể tướng của vương quốc Banxôra ; đồng thời vì ta đã già yếu cần được nghỉ ngơi, ta sẽ cho con không những quyền sử dụng tất cả tài sản của ta, mà còn giao cho quyền cai quản mọi công việc của đất nước nữa. »

Tể tướng nước Banxôra chưa nói dứt những lời đầy lòng nhân từ và hào hiệp, Nuarêtđin Ali đã phủ phục xuống dưới chân ông, biểu lộ nỗi mừng vui và lòng biết ơn sâu sắc tự đáy lòng, chàng nói với ông rằng chàng sẵn sàng làm mọi việc ông dạy bảo. Thế là tể tướng cho mời các quan chức chính trong dinh ông lại, bảo họ trang trí phòng lớn và chuẩn bị một bữa tiệc to. Tiếp đó, ông cho người đi gặp tất cả các vị đại thần trong triều và trong thành phố, mời họ vui lòng hạ cố đến nhà ông. Vì Nuarêtđin Ali đã nói cho ông biết rõ gia thế của mình, khi mọi người tề tựu đông đủ, tể tướng trình bày như sau — ông cho rằng cần làm như vậy để khỏi mất lòng những người cầu hôn bị khước từ — : « Thưa các ngài, tôi rất sung sướng được báo để quý ngài rõ một điều tôi giữ kín cho đến tận hôm nay. Tôi có một ông anh là tể tướng

của hoàng đế nước Ai-cập, cũng như tôi có vinh dự là tể tướng của hoàng đế nước ta vậy. Ông anh tôi chỉ có một con trai, ông chẳng muốn hỏi vợ cho cháu ở bên triều đình Ai-cập mà gửi sang đây xin con cháu bé nhất nhà tôi, để qua đó mà đoàn tụ hai chi trong họ. Cháu trai ấy, mà tôi đã nhận là cháu họ khi vừa mới đến, và bây giờ tôi coi như con rể, chính là công tử các ngài trông thấy đấy, và tôi hân hạnh giới thiệu với các ngài. Tôi rất lấy làm vinh hạnh được các ngài vui lòng đến dự lễ thành hôn của các cháu, mà tôi dự định tổ chức hôm nay. » Không một vị khách nào có thể cho là tể tướng không đúng khi chọn cháu họ mình chứ không phải là một đám cầu hôn có vai vế nào khác để gả con gái, cho nên đều tuyên bố rằng tể tướng cho tổ chức lễ thành hôn thế này là phải ; họ vui lòng chứng kiến buổi lễ, và cầu chúc Thượng đế cho ông trường thọ để được nhìn thấy kết quả của cuộc hôn phối tốt đẹp này.

Các quan tề tựu ở dinh tể tướng nước Banxôra biểu lộ lòng hân hoan được dự lễ cưới con gái ông kết hôn cùng Nuarêtđin Ali, mọi người ngồi vào bàn và yến tiệc rất lâu. Cuối bữa tiệc, mứt kẹo được bày ra, và theo phong tục, ai mang về được bao nhiêu cứ lấy. Giữa lúc ấy, các pháp quan bước vào, giấy giá thú cầm sẵn ở tay. Các vị quan chủ chốt ký tên vào làm chứng, sau đấy mọi người ra về.

Khi trong nhà không còn có ai nữa, tể tướng giao cho những người chuyên trông nom buồng tắm, đã được ông ra lệnh chuẩn bị từ trước, dẫn Nuarêtdin Ali vào ; ở đấy đã sẵn có vải khăn chưa bao giờ dùng tới, trang nhã và sạch sẽ đến thích mắt, cũng như mọi thứ vật dụng cần thiết khác. Chàng rể sau khi được người ta tắm gội rửa ráy, kỳ cọ xong, lại muốn mặc lại bộ quần áo vừa cởi ra, nhưng người ta đã đưa cho chàng

một bộ khác cực kỳ lộng lẫy. Ăn mặc sang trọng như vậy, và xức những loại nước hoa tuyệt hảo nhất, chàng đến gặp tể tướng nhạc phụ. Ông rất hài lòng về vẻ lịch lãm của chàng, cho chàng ngồi xuống bên cạnh, và bảo: « Con à, con đã cho cha biết tên tuổi và địa vị của con bên triều đình Ai-cập, con cũng đã nói với cha là, vì bất hòa với anh con, con từ giã quê hương. Hôm nay, cha yêu cầu con hãy tâm sự hết với cha. Con phải hoàn toàn tin cậy cha, không được giấu giếm cha một điều gì. »

Nuarètđin Ali thuật lại hoàn cảnh xảy ra sự cãi cọ giữa anh em. Tể tướng nghe chuyện mà không nhịn được cười : « Thật là chuyện kỳ cục nhất trần gian! Làm sao các con lại đến mức như vậy chỉ vì một cuộc hôn nhân tưởng tượng, hả con ? Ta tiếc là con với anh cả con giận nhau do một chuyện chẳng ra sao : ta cũng thấy rằng chính anh con sai khi tự cho rằng mình bị xúc phạm vì một câu nói đùa, tuy vậy ta cũng cảm ơn trời đất về cái sự bất đồng đã đưa lại cho ta một chàng rể như con. Nhưng đêm đã quá muộn rồi, và bây giờ là lúc con nên đi nghỉ. Con đi đi, vợ con đang chờ con. Ngày mai, cha sẽ tiến cử con với hoàng đế, cha hi vọng Người sẽ tiếp đón con bằng một cách mà cả hai cha con ta đều hài lòng. »

Nuarètđin Ali từ giã nhạc phụ để trở về buồng của vợ.

Điều đáng chú ý là, cùng một ngày, đám cưới của Nuarètđin Ali diễn ra ở Banxôra, thì ở Cairô, Sèmxètđin Môhamét cũng cưới vợ. Số là, sau khi Nuarètđin Ali bỏ Cairô đi xa với ý định không bao giờ trở lại nữa, người anh cả Sèmxètđin Môhamét phải theo hầu hoàng đế Ai-cập đi săn mãi một tháng sau mới trở về. Chàng chạy vội đến buồng Nuarètđin Ali

sẽ rất ngạc nhiên hay tin rằng, lấy cớ đi chơi vài ba ngày, Nuarètđin cưỡi lừa ra khỏi nhà, đúng vào hôm hoàng đế đi săn, và từ bấy đến nay, không trở lại. Chàng càng băn khoăn, vì không nghi ngờ gì nữa, chính những lời nói gay gắt của chàng là nguyên nhân gây nên việc đó. Chàng cho một người mang thư sang Hamát và đến tận Alep ; song lúc bấy giờ Nuarètđin đã ở Banxòra. Người đưa thư quay trở về nói rằng không biết được tin tức gì, Sèmxètđin Mòhamèt định bụng sẽ cử anh ta đi nơi khác tìm, và trong khi chờ đợi, chàng quyết định lấy vợ. Chàng kết hôn với con gái một trong các vị đại thần có thế lực nhất ở Cairô, cùng ngày với đám cưới người em trai lấy con gái tể tướng xứ Banxòra.

Chuyện chưa phải đã hết, còn nhiều điều nữa xảy ra : sau chín tháng, vợ Sèmxèđin Mòhamèt sinh một con gái ở Cairò, cùng ngày hôm ấy vợ Nuarètđin Ali ở Banxòra cũng cho ra đời một chú bé được đặt tên là Bètrètđin Hátxan (1). Tể tướng nước Banxòra hết sức vui mừng, ông ban ơn rộng rãi và cho tổ chức những cuộc vui chơi công cộng nhân dịp sinh hạ cháu trai. Sau đấy, để tỏ cho con rể thấy ông rất hài lòng về chàng, ông đến hoàng cung khúm núm khẩn cầu hoàng đế cho phép Nuarètđin Ali được thế tập chức vụ của ông để, theo lời ông, cho ông được có niềm an ủi trước khi nhắm mắt thấy con rể thay mình trong cương vị tể tướng.

Hoàng đế đã gặp Nuarèđin Ali với rất nhiều cảm tình hôm chàng đến ra mắt sau ngày lễ kết hôn, và từ hôm ấy vẫn nghe nói những điều tốt đẹp về chàng, liền vui lòng ban ân từ đó. Nhà vua truyền mặc áo tể tướng cho chàng ngay trước mặt mình.

---

(1) Bètrètđin có nghĩa là « *Trăng tròn của đạo* »

Ngày hôm sau, khi tể tướng trông thấy con rể thay mình chủ tọa hội đồng nội các, làm đủ mọi chức năng của vị quan đầu triều, thì niềm vui của ông bố vợ thật là trọn vẹn. Nuarêtđin Ali làm nhiệm vụ đó thành thạo như suốt cả đời chàng đã quen với chức trách này. Sau đây, chàng tiếp tục tham dự tất cả những phiên họp nội các mà ông bố vợ vì già yếu không thể có mặt được. Bốn năm sau cuộc hôn nhân ấy, cụ già nhân hậu qua đời, mãn nguyện vì được nhìn thấy một kẻ nối dõi đầy hứa hẹn giữ vững một cách xuất sắc gia thanh của mình.

Nuarêtđin Ali tổ chức đám tang bố vợ với tất cả tình thương yêu và lòng biết ơn sâu sắc. Và khi Bêtrếtđin Hátxan, con trai chàng vừa lên bảy, chàng giao phó con cho một thầy giáo rất giỏi. Thầy bắt đầu dạy dỗ chú bé sao cho xứng đáng với dòng dõi của nó. Thầy thấy chú bé này quả thật thông minh, sâu sắc, có khả năng tiếp thu mọi điều mình chỉ bảo.

Hai năm sau, Bêtrếtđin Hátxan đã đọc thông viết thạo, thuộc lòng toàn bộ kinh Côran. Nuarêtđin Ali liền mời thêm nhiều thầy giáo khác đến vun đắp trí tuệ cho con đến nỗi mới mười hai tuổi, chú không phải nhờ các thầy hướng dẫn nữa. Khuôn mặt chú lúc bấy giờ đã phát triển đầy đủ, chú xinh trai đến nỗi không ai không muốn nhìn.

Tới thời gian ấy, Nuarêtđin Ali vẫn chỉ nghĩ đến chuyện cho con học tập, và chưa hề cho chú đi đâu. Chàng đưa con vào hoàng cung cho chú được vinh dự lạy hoàng đế. Chú được nhà vua tiếp đón rất ân cần. Những người đầu tiên trông thấy chú đi ngoài đường phố đều say mê vẻ xinh trai của chú; mọi người đều thốt lên những tiếng kinh ngạc và không tiếc lời ngợi khen.

Nurêtđin Ali định bụng đào tạo con trai đủ năng lực để một ngày kia thay thế địa vị của mình, cho nên chàng không tiếc một thứ gì và cho con tham dự những công việc khó khăn nhất để cho chú sớm làm quen. Chàng không coi nhẹ một việc gì có quan hệ đến sự tiến bộ của đứa con trai thân yêu. Vừa lúc chàng bắt đầu trông thấy công lao khó nhọc của mình ra hoa kết quả, chàng đột nhiên bị một cơn bệnh ác liệt đến nỗi chàng cảm thấy rất rõ là mình sắp gần đất xa trời. Biết mình không hi vọng gì có thể qua được, chàng chuẩn bị để qua đời như một người hồi giáo chân chính. Trong giờ phút quý báu ấy, chàng không quên con trai Bêtrêtđin thân yêu ; chàng cho gọi đến và bảo : « Con ạ, con đã biết thế gian có thể hủy diệt, chỉ có nơi mà cha sắp đến mới thật là vĩnh cửu mà thôi. Ngay từ bây giờ, con phải sẵn sàng như cha đây ; con hãy chuẩn bị ra đi mà không chút nuối tiếc, và lương tâm không hề bị cắn rứt vì chưa làm tròn các bổn phận của một tín đồ hồi giáo hoặc của một con người trung hậu hoàn toàn. Về tôn giáo, con đã có hiểu biết đầy đủ nhờ những điều các thầy giáo của con dạy bảo và qua kinh sách. Về phần con người trung hậu, cha sẽ chỉ bảo cho con một vài điều, con cố mà ghi nhớ. Vì mọi người đều cần phải tự biết mình, mà con sẽ không thể nào tự biết mình đầy đủ nếu chưa biết rõ cha là ai, bởi vậy cha sẽ nói cho con tường.

Cha ra đời ở Ai-cập, — chàng nói tiếp, — thân sinh cha, tức tổ phụ của con, là tể tướng của hoàng đế nước ấy. Chính cha cũng từng được vinh dự là một thượng thư của hoàng đế Ai-cập cùng với anh trai cha tức là bác ruột con, mà cha tin là hiện nay còn sống, bác tên là Sêmxêtđin Môhamét. Cha bắt buộc phải xa bác, rồi cha đến đất nước này, đạt được địa vị mà cha giữ cho tới ngày nay. Nhưng con sẽ hiểu kỹ lưỡng hơn về tất

cả những điều đó qua một cuốn sổ mà cha sẽ đưa cho con đây ».

– Vừa nói, Nuarètđin Ali vừa rút cuốn sổ tự tay chàng ghi chép và luôn luôn mang theo bên người, trao cho Bètrètđin Hátxan : « Con hãy cầm lấy, lúc nào rỗi rãi sẽ đọc ; con sẽ tìm thấy trong ấy, giữa nhiều chuyện khác, ngày cưới của cha và ngày sinh của con. Những chi tiết đó có lẽ con sẽ cần đến sau này, vì vậy con phải giữ cuốn sổ cẩn thận ». Bètrètđin Hatxan, đang buồn rầu vì thấy cha đau yếu, càng thêm xúc động khi nghe những lời nói ấy, chú nhận cuốn sổ mà nước mắt ròng ròng, chú hứa với cha sẽ không bao giờ xa rời nó.

Vừa lúc ấy, Nuarètđin Ali bị một cơn choáng làm chàng tưởng sắp thở hơi cuối cùng. Nhưng chàng hồi tỉnh được và nói tiếp : « Con ạ ! Phương châm đầu tiên mà cha dạy con là không nên giao du bừa bãi với đủ loại người. Cách sống yên ổn là hoàn toàn sống với nội tâm và không chuyện trò dễ dãi với kẻ khác. Phương châm thứ hai là không dùng bạo lực với bất kỳ ai, bởi vì nếu làm như vậy, tất cả mọi người sẽ nổi dậy chống lại con ; con phải xem cuộc đời như một người chủ nợ mà con phải trả bằng sự ôn hòa, tình thương yêu và tính khoan dung. Phương châm thứ ba là không hé răng khi người khác chửi rủa mình. Tục ngữ có câu : ai im lặng thì sẽ thoát khỏi cơn nguy biến. Con phải thực hành điều đó đặc biệt trong trường hợp này. Con cũng đã biết một nhà thơ của chúng ta đã nói : im lặng là vật trang trí và điều bảo vệ cuộc sống, không nên nói ra như cơn dông làm hỏng mất những thứ đó. Không bao giờ người ta hối hận là đã im không nói, ngược lại thường lấy làm buồn mình vì đã trót nói ra. Phương châm thứ tư là không nên uống rượu, vì đấy là cội nguồn của mọi tội lỗi. Phương

Châm thứ năm là điều khiển tốt tài sản của con. Nếu con không hoang phí, nó sẽ giúp con khi con cần đến. Tuy nhiên cũng không nên quá bủn xỉn ; dù con có ít tiền nhưng tiêu pha đúng lúc thì vẫn có nhiều bạn bè, ngược lại, nếu con rất giàu có nhưng dùng tiền của không đúng cách, thì mọi người sẽ xa lánh và từ bỏ con »

Tóm lại, cho đến lúc lâm chung, Nuarêđin Ali vẫn tiếp tục khuyên bảo con trai ; và khi chàng qua đời, lễ tang được tổ chức trọng thể.

Bêtrêđin Hátxan ở Banxôra — người ta gọi như vậy, bởi vì chàng sinh ra ở thành phố này — vô cùng đau đớn trước tang cha. Đáng lẽ chỉ cử tang một tháng như phong tục, chàng ngồi ở nhà suốt hai tháng liền để than khóc, không hề tiếp một ai, không ra khỏi cửa ngay cả vào chầu hoàng đế. Nhà vua bực mình về sự chểnh mảng ấy, coi đấy là một dấu hiệu miệt thị triều đình và bản thân mình, liền nổi cơn thịnh nộ. Trong cơn nóng giận, nhà vua cho gọi tể tướng mới đến — nhà vua đã cử người thay thế Nuarêtđin Ali ngay khi được tin ông qua đời — và ra lệnh cho ông đến ngay nhà người mới mất không những tịch thu tất cả nhà cửa đất đai và tài sản, không để lại một tí gì cho Bêtrêđin Hátxan, mà lại còn ra lệnh bắt giữ cả chàng nữa.

Tân tể tướng, có một số đông lính tráng ở hoàng cung, nhân viên tư pháp và nhiều quan chức khác đi theo, lập tức kéo nhau lên đường thực hành mệnh lệnh đó. Một nô lệ của Bêtrêđin Hátxan, tình cờ đi giữa đám đông, vừa biết được ý định của tể tướng liền ba chân bốn cẳng chạy về báo trước cho chủ biết. Lúc ấy, chàng đang ngồi ở nhà ngoài, vẫn buồn bã như khi cha vừa mới mất. Anh ta phủ phục dưới chân chàng, thở không ra hơi, và sau khi hôn gấu áo chàng, anh

ta nói : « Xin ngài hãy chạy trốn đi, hãy chạy trốn nhanh lên. »

— Có việc gì vậy? — Bêtrêtđin ngẩng đầu hỏi — mày có tin tức gì cho ta hay?

— Thưa ngài — anh đáp — không nên để mất thì giờ. Hoàng đế đang nổi trận lôi-đình và đang sai người đến định thu gia sản của ngài, và tống giam cả ngài nữa đấy.

Lời tên nô lệ trung thành và yêu mến làm cho Bêtrêtđin Hátxan hết sức lưỡng lự. Chàng nói : « Nhưng ta còn kịp quay vào nhà. Ít ra cũng phải lấy mang theo một ít liền bạc, châu báu chứ ? »

— Không đâu, thưa ngài, Tể tướng sẽ đến đây ngay trong giây lát. Ngài phải đi ngay tức khắc, hãy trốn đi mau.

Bêtrêtđin Hátxan vội đứng lên, xỏ chân vào dép, rồi kéo một tà áo lên che mặt và chạy trốn, mà cũng chẳng rõ nên đi về hướng nào để tránh tai họa đang đe dọa. Ý nghĩ đầu tiên đến với chàng là mau mau tới được cái cổng gần nhất để thoát ra ngoài thành phố. Chàng chạy một mạch đến tận nghĩa địa công cộng. Vì trời sắp tối, chàng quyết định sẽ nghỉ đêm tại mộ cha chàng. Đấy là một công trình hình vòm cao, vẻ bên ngoài khá đẹp, mà tể tướng Nuarêtđin Ali đã cho xây dựng khi ông còn sống. Dọc đường, Bêtrêtđin gặp một người do thái rất giàu chuyên nghề cho vay lãi và buôn bán. Lão ta vừa đến một nơi nào đó có công việc làm ăn và đang trên đường trở về thành phố.

Nhận ra Bêtrêtđin, lão do thái dừng lại và chào rất cung kính.

Lão do thái ấy tên là Isác, sau khi đã hôn tay chàng xong liền nói : « Thưa ngài, tôi có được phép hỏi thăm ngài đi đâu trong giờ này, hình như chỉ có một mình, và vẻ hơi xúc động không? Có việc gì làm cho ngài phiền lòng chăng?

— Vâng. — Bêtrètdin đáp — tôi vừa mới ngủ và mơ thấy phụ thân tôi hiện lên. Người quắc mắt nhìn tôi như thể đang giận tôi ghê lắm. Tôi giật mình tỉnh giấc và hoảng hốt, đến đây ngay để cầu nguyện bên mộ người.

Lão do thái không biết nguyên nhân vì sao Bêtrêtdin Alí ra khỏi thành phố. « Thưa ngài, — lão nói — cụ tể tướng quá cố thân sinh ra ngài và cũng là chúa công thương tiếc của tôi có nhiều hàng hóa xếp trên nhiều chiếc tàu hiện đang ngoài mặt biển và thuộc quyền sở hữu của ngài, tôi yêu cầu ngài hãy vui lòng bán cho tôi chứ đừng bán cho bất kỳ nhà buôn nào khác. Tôi có thể mua bằng tiền mặt tất cả các hàng hóa chở trên các tàu của ngài ; và để bắt đầu, nếu ngài đồng ý nhường cho chuyến đầu tiên sắp về tới cảng, tôi xin trả ngài một nghìn đồng xơcanh. Tôi có sẵn món tiền ấy trong hầu bao đây, tôi sẵn sàng ứng trước cho ngài. » Vừa nói lão vừa rút một túi tiền lớn đeo ở cánh tay, bên trong áo, và chỉ cho chàng thấy dấu xi niêm phong.

Trong tình thế lúc bấy giờ, bị xua đuổi khỏi nhà và tước đoạt mất mọi thứ trên đời, Bêtrètdin Hatxan coi lời đòi hỏi của lão do thái như là một ân huệ trời cho. Chàng hết sức mừng rỡ nhận lời. Lão do thái nhắc lại : « Thưa ngài, thế là ngài đồng ý để cho tôi số hàng hóa chở trên chiếc tàu đầu tiên của ngài sẽ cập bến cảng này với giá một nghìn đồng xơcanh ? »

— Vâng, tôi đồng ý bán cho ngài với giá một nghìn xơcanh — Bêtrêtđin Hátxan đáp — việc ấy coi như xong.

Lão do thái lập tức đặt vào tay chàng chiếc túi đựng một nghìn xơcanh và xin đếm cho chàng xem. Nhưng Bêtrêtđin miễn cho lão việc ấy, chàng nói chàng rất tin ở lão. « Nếu như vậy thì, — lão do thái lại nói, — xin ngài làm ơn biên cho mấy chữ về chuyện mua bán mà chúng ta vừa thỏa thuận với nhau. » Vừa nói, lão vừa rút cái túi giấy đeo ở thắt lưng, lấy ra một cây bút đã gọt sẵn, cùng một mảnh giấy đưa cho chàng, rồi trong khi lão nâng lọ mực, Bêtrêtđin Hátxan cầm bút viết :

Văn tự này là để làm bằng rằng Bêtrêtđin Hátxan ở Banxôra đã bán cho ông do thái Ixắc, với giá tiền một nghìn đồng xơcanh đã nhận đủ, toàn bộ hàng hóa chở trên chiếc đầu tiên trong đoàn tàu thủy của tôi sẽ cập bến cảng này mai.

« Bêtrêtđin Hátxan ở Banxôra »

Viết xong chàng trao cho lão do thái, lão bỏ vào cặp giấy và cáo từ. Trong khi Ixắc tiếp tục đi về thành phố, Bêtrêtđin Hátxan tiếp tục đi đến mộ Nuarêtđin Ali cha chàng. Đến nơi, chàng quỳ dập mặt xuống đất, nước mắt đầm đìa, và thở than cho nỗi cơ cực của mình. « Hỡi ôi ! hỡi Bêtrêtđin không may, thân phận mày sẽ ra sao? Mày sẽ đi đâu để trốn tránh một nhà vua bất công đang làm tình làm tội mày ? Đau khổ vì mất một người cha thân yêu chưa đủ hay sao ? Làm sao số phận lại nỡ quảng thêm cho tôi một tai họa mới thế này ? »

Chàng quỳ như vậy hồi lâu rồi mới ngẩng lên. Lòng càng quặn đau như thắt, chàng dựa đầu vào thành mộ cha và luôn miệng thở dài than vãn cho đến khi buồn ngủ quá, gục xuống, nằm dài ra nền nghĩa địa và thiếp đi.

Chàng vừa thiu thiu được một chốc thì một thần linh ban ngày vẫn trú ẩn trong nghĩa địa, đêm nay như thường lệ sắp sửa xuống trần gian, trông thấy chàng trai trẻ trong mộ Nuarêtđin Ali. Thần vào mộ; và vì Bêtrêtđin nằm ngửa, thần hết sức xúc động trước vẻ đẹp của chàng. Thần thầm bảo: «Con người này, qua vẻ đẹp bên ngoài, có thể là một thiên thần ở thiên đường hạ giới, Thượng đế sai xuống để làm cho thế gian điên đảo vì sắc đẹp của chàng». Sau khi ngắm nghía kỹ lưỡng, thần bay lên không trung, ở đây tình cờ gặp một tiên nữ. Hai bên chào nhau xong, thần nói: «Xin mời bạn cùng với tôi xuống cái nghĩa địa tôi ẩn, tôi sẽ cho bạn xem một con người đẹp diệu kỳ xứng đáng cho bạn cũng như tôi khâm phục». Tiên nữ đồng ý, cả hai cùng bay xuống. Khi đã vào trong mộ, thần chỉ Bêtrêtđin Hátxan và bảo tiên nữ: «Nào! có bao giờ bạn trông thấy một thanh niên khôi ngô tuấn tú hơn chàng này không?»

Tiên nữ ngắm nghía cẩn thận Bêtrêtđin, rồi quay lại nói với thần: «Xin thú thật với bạn là chàng rất khôi ngô: nhưng tôi vừa trông thấy ở Cairô, ngay lúc này thôi, một người còn kỳ diệu hơn, nếu bạn vui lòng nghe, tôi xin kể cho bạn rõ.»

— Bạn sẽ làm cho tôi rất thích thú — thần đáp.

— Chắc bạn đã rõ, — tiên nữ nói tiếp — hoàng đế Ai-cập có một vị thượng thư tên là Sèmxêtđin Môhamét. Ông này có một người con gái trạc hai mươi tuổi. Đây là con người xinh đẹp nhất, hoàn hảo nhất, tuyệt thế vô song. Nghe đồn đại về sắc đẹp của tiểu thư, cách đây mấy ngày, hoàng đế cho triệu vị thượng thư thân sinh ra nàng đến và phán: «Ta được biết khanh có một người con gái đến tuổi gả chồng, ta muốn kết hôn với nàng. khanh có đồng ý gả cho ta không?» Thượng thư không chờ đợi một lời cầu hôn như vậy, hơi bối rối, nhưng cũng

không choáng lên về việc đó, và đáng lẽ vui mừng nhận lời, điều mà bất kỳ ai khác ở vào địa vị ông ta cũng sẽ làm như vậy, ông lại trả lời hoàng đế như sau: « Tâu bệ hạ, tôi tự xét mình không xứng đáng với vinh dự bệ hạ ban cho, và tôi khúm núm cầu xin Người chớ bất bình về việc tôi không thuận theo ý muốn của Người. Bệ hạ đã biết là tôi có một chú em tên là Nuarêtđin Ali, đã từng được vinh dự là một bầy tôi của bệ hạ, giống như tôi. Anh em chúng tôi có một lần cãi nhau, và đó là nguyên nhân làm cho chú em tôi đột nhiên biến mất, tôi không hề được tin tức gì từ bấy cho mãi đến cách đây bốn ngày, mới biết là chú đã qua đời ở Banxôra khi đang giữ chức tể tướng của nước ấy. Chú để lại một đứa con trai, xưa kia, chúng tôi đã hứa sẽ gả con cho nhau, tôi tin chắc rằng khi qua đời chú vẫn giữ ý định tác thành cho các cháu. Bởi vậy về phía tôi, tôi cũng muốn giữ lời hứa của mình, tôi cầu xin bệ hạ cho phép làm việc đó. Trong triều đình ta, có nhiều vị đại thần cũng có con gái lớn như tôi, bệ hạ có thể ban cho họ cái vinh dự được cho con vào hầu bệ hạ ».

Hoàng đế Ai-cập, bực bội về việc Sêmxêđin Môhamết dám cả gan từ chối, liền nổi trận lôi đình không thể nào kiềm chế nổi. « Thế ra ngươi đáp lại lòng tốt của ta đến mức hạ mình kết bạn với ngươi bằng cách như vậy đấy ư? — hoàng đế nói — Ta sẽ cho ngươi biết tay về cái tội ngươi dám chuộng một kẻ khác hơn ta, ta thề rằng con gái ngươi sẽ chẳng được lấy chồng nào khác ngoài tên nô lệ hèn hạ nhất và xấu xí nhất trong tất cả đám nô lệ của ta. » Nói xong, nhà vua đuổi ngay thượng thư ra, ông này trở về nhà, hết sức hoang mang và tủi nhục.

Sáng hôm nay, hoàng đế cho gọi một tên chăn ngựa của Người vừa gù lưng vừa gió ngực đến kinh

người ; và sau khi ra lệnh buộc Sêmxêtđin Môhamét phải đồng ý để con gái kết hôn với tên nô lệ gớm ghiếc ấy, nhà vua cho lập giấy giá thú và sai các người làm chứng ký ngay trước mặt mình. Mọi việc sửa soạn cho đám cưới kỳ quặc ấy đã làm xong, và trong giờ phút tôi đang nói chuyện với bạn đây, tất cả nô lệ của các quan trong triều đình Ai-cập đang chầu chực trước cửa một nhà tắm, mỗi đứa cầm một cây đuốc. Chúng chờ cho tên chăn ngựa gù lưng ở trong ấy tắm xong và đi ra, để rước nó đến nhà vợ. Cô dâu về phần mình cũng đã vấn khăn mặc áo xong. Lúc tôi rời Cairô, các bà tề tựu sẵn sàng rước cô dâu với đủ mọi trang sức ngày cưới, đến gian phòng nàng sẽ tiếp anh chàng gù, và hiện nàng đang chờ hắn ta ở đó. Tôi đã trông thấy cô ta và tôi quả quyết với bạn rằng không thể nào nhìn cô mà không tấm tắc ngợi khen. »

Tiên nữ dứt lời, thần đáp : « Bạn muốn nói gì thì nói, tôi không thể tin rằng sắc đẹp của cô gái ấy có thể vượt được chàng trai này. »

— Tôi không muốn tranh cãi với bạn ; — tiên nữ đáp — xin thú thật là chàng ta đáng kết duyên với con người xinh đẹp người ta gán cho thằng gù, và tôi cho rằng chúng ta sẽ làm một việc đúng mực. Nếu có thể đưa chàng trai trẻ này thay cho tên nô lệ, để phản đối sự bất công của hoàng đế Ai-cập.

— Bạn có lý đấy — thần nói — tôi hết sức hoan nghênh ý kiến của bạn. Tôi bằng lòng là chúng ta nên đánh tráo không cho hoàng đế Ai-cập trả thù, chúng ta hãy an ủi một người cha đang sầu não, chúng ta hãy mang lại hạnh phúc cho một người con gái đang đau khổ ; và để cho dự kiến này thành công, tôi sẽ không từ nan bất cứ một việc gì, chắc bạn cũng vậy. Tôi xin đảm nhận việc đưa chàng ta đến Cairô mà không làm

chàng tỉnh giấc; và xin nhường chỗ bạn việc đưa chàng đi nơi khác sau khi đã thực hiện xong ý muốn của chúng ta. »

Sau khi cùng bà tiên bàn bạc xong những việc phải làm, ông thần nhẹ nhàng nâng bổng Bètrètdin, đưa chàng bay lên không trung với một tốc độ không thể nào tưởng tượng nổi, và đặt chàng trước cửa một ngôi nhà ở công cộng, cạnh cái nhà tắm mà gã gù lưng sắp sửa đi ra cùng với đoàn tùy tùng nô lệ đang chờ.

Bètrètdin Hátxan lúc ấy cũng vừa thức dậy, hết sức ngạc nhiên thấy mình ở giữa một thành phố xa lạ. Chàng muốn kêu lên để hỏi xem đang ở đâu; nhưng ông thần đã vỗ nhẹ vào vai bảo chàng lặng im. Tiếp đấy, thần đặt vào tay chàng một cây đuốc và dặn: « Hãy đi đi, hãy trà trộn vào đám đông mà anh thấy ở cửa nhà tắm kia, và cùng đi với họ cho đến lúc vào trong gian phòng người ta sắp làm lễ cưới. Chàng rể là một gã gù lưng mà anh sẽ nhận ra một cách dễ dàng. Vào tới nơi, anh hãy đứng ở bên phải hắn ta và ngay từ bây giờ hãy mở cái túi tiền vàng anh mang trong người, mà chia cho các nhạc công, vũ công và vũ nữ trong lúc đi đường. Khi đã vào trong phòng tới chớ nên quên cho cả những nữ nô tì anh trông thấy đứng quanh cô dâu, mỗi lần họ đến gần anh. Cứ mỗi lần cho tay vào túi là anh hãy hốt ra một nắm đầy xơcanh mà cho, không cần phải dè xẻn làm gì. Anh hãy làm tất cả những điều ta dặn một cách nhanh trí, chớ ngạc nhiên về điều gì cả, chớ có sợ ai cả. Hãy tin tưởng vào một sức mạnh cao siêu sẽ quyết định mọi sự theo ý mình.

Chàng Bètrètdin trẻ tuổi, được chỉ dẫn đầy đủ những việc cần làm, tới cửa nhà tắm: việc đầu tiên của chàng là châm cây đuốc của mình vào cây đuốc của một tên

nô lệ ; rồi trà trộn vào giữa các tên khác, như thể mình cũng là người nhà một vị quan nào ở Cairô ; chàng cùng họ đi theo gã gù lưng vừa ra khỏi nhà tắm, cưỡi lên lưng một con ngựa lấy trong đàn ngựa của nhà vua. Bètrètđin Hátxan đi bên cạnh những người chơi nhạc, các vũ công và vũ nữ ngay đằng trước gã gù lưng, thỉnh thoảng chàng lại cho tay vào túi, lấy ra hàng nắm tiền vàng chia cho họ. Chàng cho tiền với một vẻ duyên dáng vô song và thái độ rất từ tốn, khiến tất cả những người nhận tiền đều quay lại nhìn, và khi đã trông thấy mặt, mọi người đều thấy chàng khôi ngô và đẹp trai quá, đến nỗi không một ai rời mắt đi nơi khác được nữa.

Cuối cùng, mọi người đến trước cổng dinh thượng thư Sèmxètđin Môhamèt, bác của Bètrèđin Hátxan, ông này không mảy may tưởng tượng là người cháu trai lúc này đang ở gần mình như vậy. Bọn lính gác, đề phòng sự lộn xộn, ngăn cả bọn nô lệ cầm đuốc lại, không cho chúng vào nhà. Họ đẩy lui cả Bètrètđin Hátxan ; nhưng các nhạc công vốn được mời vào, dừng đứng lại và phản kháng là họ sẽ không vào nếu không để cho chàng cùng đi. Họ nói : « Anh ta không phải cùng đám với bọn nô lệ đâu, cứ nhìn anh ta thì khác rõ. Có lẽ đây là một chàng trẻ tuổi, từ xa mới đến và vì hiếu kỳ, muốn xem các nghi tiết của lễ cưới ở thành phố ta thôi. » Vừa nói, họ cho chàng đứng vào giữa bọn họ rồi kèm chàng vào nhà, bất chấp bọn lính gác. Họ lấy cây đuốc ở tay chàng trao cho người đầu tiên họ gặp, rồi sau khi đưa chàng vào trong phòng cưới, họ để chàng ngồi bên phải tên gù lưng đang chễm chệ trên một chiếc ngai trang hoàng lộng lẫy, cạnh tiểu thư con gái thượng thư.

Nàng trang điểm không thiếu một thứ gì ; nhưng trên mặt hiện lên vẻ u sầu, hay đúng hơn là một nỗi

buồn thê thảm, chẳng khó gì mà không đoán được nguyên nhân, khi trông thấy cô gái ấy bên cạnh một ông chồng hình dạng dị kỳ và không chút xứng đáng được hưởng tình yêu của nàng. Chiếc ngai của đôi vợ chồng không xứng đôi ấy đặt chính giữa một cái bục. Phu nhân các vị đại thần, thượng thư và quan chức của hoàng đế, cùng nhiều bà lớn khác trong triều đình và trong thành phố ngồi ở hai bên, thấp hơn một chút, tùy theo phẩm trật, tất cả đều ăn mặc đỏm dáng và sang trọng đến thích mắt. Tay họ cầm những ngọn nến lớn đang cháy sáng.

Thấy Bêtrêtdin Hátxan bước vào, các bà đưa mắt nhìn và thầm ca ngợi tầm vóc, dáng điệu và nét mặt thanh tú của chàng; họ ngắm chàng không biết chán. Khi chàng ngồi yên vị, không một bà nào không rời chỗ của mình và đến gần để ngắm nghía cho kỹ hơn: và hầu như không một ai khi trở về chỗ cũ của mình, lại không cảm thấy trong lòng ngọt ngào rung động.

Sự khác biệt giữa Bêtrêtđin Hátxan và gã chăn ngựa gù lưng mặt mũi xấu đến kinh người, gây nên nhiều tiếng xì xào trong cử tọa. Các bà thốt lên: « Đáng ra là nên gả cô dâu của chúng ta cho chàng trai xinh đẹp này chứ không phải cho tên gù lưng xấu xí kia mới phải. » Các bà không dừng lại ở đấy: họ còn cả gan phàn nàn sao hoàng đế lạm dụng quyền lực tuyệt đối của mình, bắt cái đẹp kết đôi cùng cái xấu như vậy. Họ xỉ vả tên gù lưng, làm cho gã mất bình tĩnh, những người đến xem thú vị về việc đó, và những tiếng chế cười huyên [illegible] của họ làm gián đoạn một lúc bản nhạc giao hưởng vừa bắt đầu vang lên trong gian phòng. Cuối cùng, các nhạc công phải bắt đầu lại cuộc hòa nhạc, trong khi các người hầu chuyên lo việc mặc áo cho cô dâu tiến đến gần nàng.

Mỗi lần thay áo mới, cô dâu lại đứng lên, và cô các người hầu theo sau, nàng lượn qua trước mặt gã gù mà chẳng thèm nhìn hắn, rồi đi qua trước mặt Bêtrêtđin Hátxan để khoe với chàng vẻ đẹp của mình trong cách trang điểm mới. Thế là, theo lời dặn của ông thần, Bêtrêtđin Hátxan cho tay vào túi tiền lấy ra hàng nắm đồng vàng phân phát cho những người hầu đi theo cô dâu. Không quên các nhạc công và vũ nữ, chàng cũng ném tiền cho họ nữa. Thật là thích mắt khi nhìn những người ấy xô đẩy, tranh nhau nhặt; họ tỏ ý biết ơn chàng và ra hiệu nói rằng họ muốn cô dâu thuộc về chàng chứ không phải thuộc về gã gù lưng kia. Các cô hầu xúm xít xung quanh cô dâu cũng nói lên điều đó mà chẳng cần quan tâm là gã gù có nghe được hay không, các cô còn trêu chọc gã đủ điều, làm cho tất cả những người xem rất thích thú.

Khi lễ thay áo nhiều lần kết thúc, các nhạc công ngừng cử nhạc và ra về, và vừa đi vừa ra hiệu bảo Bêtrêtđin Hátxan cứ ở lại. Các phu nhân cũng làm như vậy khi ra về tiếp sau các nhạc công, cũng như tất cả những ai không phải là người nhà. Cô dâu sang một căn buồng để cho các cô hầu cởi áo; trong phòng cưới chỉ còn lại gã chăn ngựa gù lưng, Bêtrêtđin Hátxan và một vài tên đầy tớ. Gã gù lưng rất căm ghét Bêtrêtđin đã làm cho mình bị lu mờ, hắn lườm chàng và nói: « Còn thằng kia, mày chờ gì? Sao mày không ra về như những người khác? Hãy đi đi. » Bêtrêtđin không còn có gì để ở lại, chàng đành đi ra và hơi bối rối; nhưng chàng chưa ra khỏi hàng lang, ông thần và bà tiên đã hiện lên ngăn chàng lại: « Anh đi đâu? — thần bảo — hãy ở lại, gã gù không còn trong phòng nữa, hắn vừa đi ra có việc cần: anh cứ việc trở lại và đi vào buồng cô dâu. Khi chỉ có mỗi mình anh với nàng, hãy mạnh dạn nói rằng anh là chồng nàng; chẳng qua

hoàng đế muốn trêu gã gù lưng này một tí thôi, và để làm yên lòng anh chồng hờ ấy, anh đã sai chuẩn bị cho hắn một đĩa kem thật ngon trong chuồng ngựa rồi. Sau đấy, anh hãy nói với nàng tất cả những gì anh nghĩ ra để cho nàng tin chắc. Với vẻ người như anh, việc ấy sẽ không khó khăn đâu, và nàng sẽ sung sướng vì được đánh lừa một cách thú vị như vậy. Trong lúc ấy bọn ta sẽ đi truyền cho gã gù cấm hắn không được vào cản trở anh ăn ở với vợ anh đêm nay : vì cô ấy đúng là vợ anh chứ không phải là vợ nó. »

Trong khi ông thần khích lệ Bètrètđin và bày cho chàng nên làm những gì, thì gã gù lưng đi ra khỏi buồng thật. Thần đến chỗ gã đang đứng, hóa phép trở thành một con mèo đen lớn và cất tiếng gào rất dữ tợn. Gã gù mắng con mèo và vỗ tay xua nó đi, nhưng con mèo không những không chạy đi mà còn rướn mình lên, giương đôi mắt nảy lửa, ngạo nghễ nhìn gã và gào lớn hơn trước. Mình nó cứ phình lên, chẳng mấy chốc to bằng một chú lừa con. Trông thấy như vậy, gã gù muốn kêu cứu nhưng vì khiếp đảm quá, miệng há ra mà ríu lưỡi lại không thốt lên được một tiếng nào. Không cho hắn kịp hoàn hồn, thần lập tức biến thành một con trâu to khỏe, rồi thét lên, giọng ông càng làm cho hắn sợ gấp bội : « Tên gù xấu xí kia ! » Nghe mấy tiếng đó, gã chăn ngựa khiếp sợ lăn ?nh ra nền nhà : gã kéo áo che mặt để khỏi nhìn thấy con vật ghê gớm ấy, rồi vừa run vừa đáp : « Tâu lạy ngài vua trâu, ngài gọi gì con ạ ?

— Khốn nạn cho mày — thần lại tiếp — sao mày dám to gan đi lấy người yêu của ta làm vợ ?

«Ôi ! lạy ngài — gã gù lưng nói — con van ngài hãy tha thứ cho : nếu con nhỡ phạm tội cũng chỉ vì ngu dốt thôi, con không biết rằng bà nhà ta có một người yêu là trâu. Ngài cần gì xin cứ truyền, con xin thề sẵn sàng tuân lệnh.»

Thần nói :

— Nếu mày đi ra khỏi nơi đây, hoặc nếu mày không chịu câm mồm cho tới khi mặt trời mọc mà thốt ra một tiếng nhỏ nhặt nào, thì ta sẽ nghiền nát đầu mày. Bao giờ mặt trời mọc, ta sẽ cho phép mày đi khỏi nhà này, nhưng truyền cho mày phải đi nhanh và không được ngoái đầu nhìn lại ; nếu mày dám cả gan trở lại ta sẽ bóp chết.

Nói xong, thần lại hóa thành người, túm lấy đôi chân gã gù nhấc bổng lên đặt dựa vào tường, đầu xuống đất, chân lên trời như trồng cây chuối : « Từ bây giờ đến lúc mặt trời mọc, nếu mày cựa quậy, thì như ta đã nói trước, ta sẽ túm lấy chân và quật đầu mày vào bức tường này cho vỡ tan ra thành muôn nghìn mảnh.»

Lại nói về Bètrètđin Hátxan, được ông thần và bà tiên khích lệ, chàng quay trở lại phòng cưới rồi lẻn sang phòng tân hôn, ngồi xuống đấy chờ cho câu chuyện mạo hiểm của mình đưa lại kết quả tốt đẹp. Lát sau, một bà già dẫn cô dâu đến, bà dừng lại ở cửa, khuyến khích chú rể làm tốt phận sự của mình mà chẳng buồn nhìn xem đấy là gã gù lưng hay là ai khác, rồi đóng cửa lại và ra về.

Cô dâu hết sức ngạc nhiên thấy không phải gã gù lưng xấu xí mà là chàng Bètrètđin Hátxan duyên dáng nhất trần đời. « Thế nào ! anh bạn thân mến — nàng nói — giờ này mà anh còn ở đây ư ? Như vậy, hẳn anh là bạn của chồng tôi.

— Thưa không, Bètrètđin đáp — địa vị của tôi không phải cùng hàng với tên gù lưng xấu xí ấy.

— Ấy chết, anh không để ý là đang nói xấu chồng tôi sao ?

— «Thưa cô, nó mà là chồng cô ư ! —chàng đáp — sao cô có thể giữ ý nghĩ ấy lâu đến vậy ? Xin hãy thôi đừng để bị lừa nữa. Vẻ đẹp kiều diễm thế kia đâu phải để làm vật hy sinh cho tên đáng khinh bỉ nhất trong toàn thể loài người. Thưa cô, chính tôi mới là con người hạnh phúc được hưởng vẻ đẹp kiều diễm ấy. Hoàng đế muốn đùa chơi cho nên mới gây ra cái chuyện này để bỡn cợt thân phận cô, và hoàng thượng đã chọn tôi làm người chồng chân chính của cô. Cô đã nhận thấy các phu nhân, các nhạc công, vũ nữ, các người hầu và tất cả gia nhân trong nhà ta đều tỏ ra vui thích biết bao về tấn hài kịch ấy rồi chứ ? Chính tôi đã đuổi tên gù khốn khổ ấy về, và trong giờ phút này, hắn ta đang chén một đĩa kem trong chuồng ngựa ; cô có thể tin rằng không bao giờ hắn còn dám xuất hiện trước đôi mắt đẹp của cô nữa ».

Nghe những lời đó, cô con gái thượng thư lúc nãy bước vào buồng tân hôn buồn thỉu buồn thiu, giờ đây đổi hẳn sắc mặt, trở nên tươi tỉnh làm cho nàng càng đẹp càng xinh đến nỗi Bêtrêtdin mê mẩn. Nàng nói : « Tôi không chờ đợi một sự bất ngờ thú vị thế này, và tôi đã tưởng là số mình sẽ đau khổ cho đến trọn đời. Nhưng hạnh phúc của tôi càng lớn hơn bởi vì được gặp chàng, một người xứng đáng cho tôi yêu dấu. » Nàng vừa nói vừa cởi áo ngoài và lên giường. Bêtrêt-đin cởi áo vắt lên một chiếc ghế, phủ lên cái túi tiền lão do thái cho, nó hãy còn đầy mặc dù chàng đã lấy ra không biết bao nhiêu. Chàng cất cả khăn để đội một chiếc khăn ngủ mà người ta sắp sẵn cho gã gù lưng ; rồi mặc quần áo lót đi nằm. Chiếc quần lót sa-tanh xanh buộc bằng chiếc giải rút thêu kim tuyến.

Khi hai người yêu nhau đã ngủ say, ông thần lại đến tìm bà tiên bảo đã đến lúc kết thúc cái việc họ đã bắt

đầu một cách tốt đẹp và dẫn dắt cho đến bây giờ. Thần nói thêm : « Chúng ta chớ nên để bị bất chợt vì trời sắp sáng ; bạn hãy đi đi, hãy mang chàng trai này đi mà chớ làm chàng tỉnh giấc.»

Bà tiên vào trong buồng cô dâu chú rể đang ngủ say sưa ; nhấc bổng Bètrêtđin Hátxan vẫn mặc áo quần ngủ, tức là áo lót và quần đùi, rồi cùng với ông thần bay với một tốc độ thần kỳ đến tận cổng thành Đamát ở nước Xyri, vừa đúng lúc các vị trông nom các nhà thờ đang làm phận sự lớn tiếng rao gọi nhân dân đọc kinh tầm sáng. Bà tiên nhẹ nhàng đặt Bètrêtđin Hátxan xuống đất, để chàng nằm cạnh cổng thành rồi cùng ông thần rời đi nơi khác.

Người canh gác mở cổng thành, và dân chúng tụ tập đông đảo ở đấy để đi ra ngoài hết sức ngạc nhiên khi thấy Bètrêtđin Hátxan mặc áo lót quần đùi nằm dài ra đất. Một người nói : « Hắn ta rời nhà tình nhân vội vã quá đến nỗi không kịp mặc cả áo quần.

— Các bạn xem — một người khác nói — tai nạn bất ngờ là như vậy đấy. Có lẽ hắn ta đã thức thâu đêm chè rượu với bạn bè ; quá chén rồi đi ra ngoài có việc gì cần đó, đáng lẽ quay trở vào thì hắn ta lại đi mãi đến đây mà không biết, cuối cùng buồn ngủ quá nằm lăn ra đất mà thiếp đi.»

Mỗi người nói một phách, không ai đoán được tại sao chàng tới đây. Một làn gió nhẹ bắt đầu thổi tới, nâng tà áo lót và để lộ một mảng ngực của chàng trắng như tuyết. Tất cả mọi người đều kinh ngạc trước màu da ấy, họ thốt lên những tiếng khen ngợi làm chàng trai tỉnh giấc. Chàng cũng ngạc nhiên không kém họ, khi thấy mình ở trước cổng một thành phố chưa bao giờ đặt chân tới, xung quanh là một đám đông đang chăm chú ngắm nghía mình. «Thưa các ngài — chàng nói —

xin các ngài làm ơn cho biết tôi đang ở đâu và các ngài muốn gì ở tôi?» Một người trong đám đông đáp: «Chàng trai ạ, người ta vừa mới mở cổng thành, và lúc đi ra, chúng tôi bắt gặp anh đang nằm ở đây ăn mặc như thế đó. Chúng tôi dừng lại nhìn anh. Có phải anh ngủ suốt đêm ở đây không? Và anh có biết là anh đang ở bên ngoài một cổng thành Đamát?»

— Ở bên ngoài một cổng của thành Đamát! — Bêtrêđin đáp — các ngài đùa tôi; tối hôm qua lúc đi ngủ, tôi ở Cairô.»

Nghe như vậy, một vài người thương hại nói: «Đáng tiếc một chàng trai khôi ngô như vậy lại mất trí khôn» rồi bỏ đi.

Một cụ già tốt bụng bảo chàng:

«Con ạ, con nhầm rồi, sáng nay con đang ở Đamát thì làm sao tối qua con lại có thể ở Cairô? Không thể nào như thế được.»

— «Ấy thế mà đúng như vậy đấy, — Bêtrêđin cãi — tôi xin thề với các ngài rằng suốt ngày hôm qua tôi ở Banxôra.»

Chàng vừa dứt lời, tất cả mọi người đều phá ra cười và kêu lên: «Đấy là một thằng điên! Đấy là một thằng điên!» Tuy vậy một vài người thấy chàng còn ít tuổi quá cũng thương hại, một người bảo chàng: «Con ạ, con mất trí mất rồi, con không nghĩ tới những điều con nói. Làm sao một con người có thể ban ngày ở Banxôra, ban đêm ở Cairô và sáng hôm sau ở Đamát? Có lẽ con chưa tỉnh hẳn: con hãy tỉnh lại đi.

— «Những điều tôi nói là đúng sự thật, — Bêtrêđin Hátxan lại cãi — hôm qua tôi còn cưới vợ ở thành phố Cairô nữa kia.»

Những người lúc nãy cười nghe nói như vậy càng cười to hơn. Người vừa nói chuyện với chàng lại bảo : « Hãy coi chừng đấy, chắc là anh mơ trong khi ngủ và ảo tưởng ấy còn lại trong trí anh. »

— Tôi biết rõ điều tôi nói — chàng đáp — xin các ngài cho biết làm sao tôi có thể nằm mơ thấy đi Cairô, còn tôi thì tôi quả quyết là có đến đấy thật, ở đấy người ta bảy lần dẫn vợ tôi đến trước mắt tôi, mỗi lần thay một bộ quần áo mới, và cũng ở đấy tôi thấy một tên gù lưng gớm ghiếc người ta định gán cho nàng. Xin các ngài hãy cho tôi biết nữa : chiếc áo dài, khăn đội đầu và túi tiền vàng của tôi ở Cairô đâu cả rồi ? »

Mặc dù chàng quả quyết tất cả những chuyện ấy là có thật, những người nghe chỉ có cười ; điều đó làm cho chàng bối rối, chính mình cũng không hiểu nên nghĩ thế nào về tất cả những việc vừa xảy ra.

Bêtrêtđin Hátxan vẫn bướng bỉnh quả quyết rằng tất cả những điều mình nói là có thật, và đứng dậy đi vào thành phố. Mọi người liền kéo theo và kêu : « Một thằng điên ! Một thằng điên ! » Nghe những tiếng đó, dân phố người thì thò đầu ra cửa sổ, người thì ra đứng ở cửa lớn ; những người khác thì nhập thêm vào đám đông đang vây quanh Bêtrêtđin, và cùng kêu lên như họ : « Một thằng điên ! » mà không biết chuyện gì vừa xảy ra. Trong cơn bối rối, chàng trẻ tuổi đi đến trước nhà một người làm bánh ngọt vừa mở cửa hiệu ; chàng chạy vào nhà để tránh những tiếng la ó của đám đông đang đi theo.

Người làm bánh ngọt ấy xưa kia vốn là đầu lĩnh một nhóm lưu manh chuyên đi đón cướp các đoàn người đi đường, mặc dù từ khi gã đến trú ngụ tại Đamát, chẳng ai có lý do gì để phàn nàn, gã vẫn không khỏi làm cho tất cả những ai từng biết gã phải kinh sợ. Bởi

vậy, gã vừa ngước mắt nhìn ra đám đông đang kéo theo Bêtrêtđin, thì mọi người đều giải tán. Thấy không còn có ai nữa, người làm bánh ngọt hỏi chàng trẻ tuổi mấy câu : gã hỏi chàng là ai và vì sao đến Đamát, Bêtrêđin kể hết cho gã nghe về dòng dõi cũng như về cái chết của tể tướng thân phụ chàng. Tiếp đó, chàng thuật lại đã ra khỏi Banxôra bằng cách nào, rồi trước cái hôm ngủ thiếp trên mộ phụ thân, chàng tỉnh dậy thấy mình ở Cairô, ở đây chàng kết hôn với một tiểu thư ra làm sao. Cuối cùng, chàng ngạc nhiên thấy mình ở Đamát mà không hiểu nổi làm sao tất cả những điều thần diệu ấy lại xảy ra.

Người làm bánh ngọt nói : « Câu chuyện của cậu là một trong những chuyện lạ lùng nhất ; nhưng nếu cậu muốn nghe lời khuyên nhủ của tôi, thì cậu chớ có tâm sự với ai về tất cả những điều vừa cho tôi biết, và hãy kiên nhẫn chờ cho trời đoái nhìn lại mà chấm dứt những điều ghét bỏ đối với cậu. Cậu chỉ việc ở đây với tôi chờ cho đến ngày đó, và vì tôi không có con, tôi sẵn sàng nhận cậu là con, nếu cậu bằng lòng. Sau khi được tôi nhận làm con nuôi, cậu sẽ tự do đi ra ngoài phố mà không sợ bị quần chúng phỉ báng nữa ».

Mặc dù việc nhận làm bố con ấy chẳng vinh dự gì cho con trai một tể tướng, Bêtrêtđin đành phải đồng ý đề nghị của người làm bánh kẹo, vì hiểu rằng đây là cách tốt nhất trong hoàn cảnh mà số phận của chàng đưa đến. Người làm bánh kẹo lấy áo quần cho chàng mặc, gọi người làm chứng rồi đến gặp pháp quan khai rằng ông ta nhận chàng làm con nuôi ; sau đấy Bêtrêtđin ở lại nhà ông với cái tên giản dị là Hátxan, và học nghề làm bánh kẹo.

Trong khi những việc ấy xảy ra ở Đamát, thì tiểu thư con gái của Sèmxètđin Môhamét tỉnh giấc và không thấy Bêtrêtđin bên cạnh, cho là chàng đã dậy mà không

muốn làm nàng mất giấc ngủ, và chắc sẽ trở lại ngay. Nàng đang chờ chồng trở vào, thì thân phụ nàng thượng thư Sèmxètđin Môhamêt, hết sức đau khổ vì điều xỉ nhục mà ông cho là hoàng đế Ai-cập gây nên cho mình, đến gõ cửa để chia xẻ số phận đáng buồn của con. Vừa nghe tiếng ông gọi, nàng đã vội vàng ra mở cửa. Nàng hôn tay cha và chào đón ông với một vẻ thỏa thuê đến nỗi làm cho thượng thư, cực kỳ kinh ngạc vì ông đang chờ đợi cảnh con gái đầm đìa nước mắt và cũng buồn bã như ông. Ông nổi giận bảo nàng : « Con khốn nạn ! Mày đến với ta như vậy đấy ư ? Sau khi phải chịu làm cái vật hy sinh kinh tởm, mày còn có thể dương dương cái mặt thỏa thuê như vậy trước mắt ta sao ? »

Cô dâu mới thấy cha trách mắng vì mình để lộ nỗi vui mừng, liền đáp : « Thưa phụ thân, xin chớ mắng oan con ; không phải tên gù lưng mà con ghét hơn cả cái chết, không phải tên quỷ sứ ấy là chồng con đâu : mọi người đã làm cho nó bối rối đến mức nó phải lảnh đi nhường chỗ cho một chàng trai trẻ xinh đẹp, chàng mới đúng là chồng thật của con.

— Con nói với cha chuyện vớ vẩn gì đấy ? — Sèmxètđin Môhamêt đột ngột ngắt lời — Thế nào ? vậy ra tên gù lưng hôm qua không ăn ở với con sao ?

— «Trình phụ thân, không, con chẳng ăn ở với ai khác ngoài chàng trai trẻ con vừa nói đến, chàng có đôi mắt to và lông mày đen rậm. »

Nghe đến đấy, thượng thư càng sốt ruột và lại nổi khùng với con gái :

« A, con độc ác này, mày muốn làm cho ta mất trí vì những câu chuyện của mày hay sao đấy ?

— Thưa cha — nàng đáp — chính cha mới làm cho con mất trí vì không tin lời con.

— Thế cô thật đúng là tên gù lưng... — thượng thư hỏi.

— Thôi, chúng ta hãy để mặc thây tên gù lưng — nàng vội ngắt lời cha — nó thật đáng nguyền rủa : Thưa cha, con xin lặp lại với cha rằng đêm qua con không ăn ở với nó, mà với người chồng thân yêu mà con đã thưa với cha, và chắc chàng cũng đang ở đâu đây thôi.

Sèmxètđin Môhamêt đi ra ngoài để tìm chàng, nhưng không thấy chàng đâu mà lại cực kỳ kinh ngạc khi thấy gã gù lưng trồng cây chuối, đầu cắm xuống đất chân chổng lên trời, vẫn trong tư thế mà ông thần đã đặt xuống từ đêm hôm qua. «Thế này là thế nào ? — ông hỏi — Ai làm cho mày ra nông nỗi này ? » Nhận ra thượng thư, gã gù lưng đáp : «Ối, ối ! vậy ra chính ngài là người muốn đem nhân tình của một con trâu, nhân ngãi của một lão hung thần gả cho tôi đấy ư ? Tôi không mắc lừa ngài nữa, mà ngài cũng chẳng bắt buộc được tôi nữa đâu »

Nghe mấy lời nói đó, Sèmxètđin Môhamêt tưởng gã gù lưng nói cuồng, liền bảo :

« Thôi, hãy cút đi, và đứng thẳng người lên nào ! »

— Tôi chẳng dám — gã gù đáp — trừ phi là mặt trời đã mọc. Xin ngài biết cho rằng hôm qua tôi đi ra đây, bỗng dưng hiện lên trước mặt tôi một con mèo đen, rồi tự nhiên nó lớn lên bằng một con trâu, tôi chưa quên những điều nó dặn ; bởi vậy xin ngài hãy đi làm công việc của ngài và cứ để mặc tôi ở đây ».

Thượng thư không đi mà túm lấy chân gã gù, buộc hắn phải đứng xuống đất như người thường. chân vừa chạm đất gã ba chân bốn cẳng chạy một mạch ra khỏi nhà, không quay đầu nhìn lại. Gã vừa

hoàng cung, xin được gặp hoàng đế Ai-cập, và làm cho vua cười hằng thích qua câu chuyện về cách ông thầy đã đối xử với gã như thế nào.

Trở lại buồng riêng của con gái, Sèmxètđin Môhamèt càng ngạc nhiên, càng phân vân hơn trước về những điều mình đang muốn hiểu biết. « Thế nào, con gái tội nghiệp của cha — ông nói — con có cách gì làm cho cha sáng tỏ hơn không về câu chuyện đang làm cho cha rất lo sợ và bối rối ? »

— Thưa phụ thân, con chẳng biết gì nhiều hơn nữa ngoài những điều con đã được phép thưa với cha. Nhưng đây là quần áo của chồng con, chàng đã để trên chiếc ghế này : có lẽ chàng sẽ trình bày để cha rõ hơn về những điều cha muốn biết.

Nàng vừa nói vừa đưa cho cha chiếc khăn đội đầu của Bètrètđin, thượng thư cầm lấy ngắm nghía kỹ rồi nói : « Ta ngỡ là một chiếc khăn của một vị thượng thư nào, nếu đây không phải là thời trang ở Mútxun. » Chợt nhận ra có một vật gì thêu giữa vải khăn và lần lót, ông sai lấy kéo, cắt và rút ra một cuộn giấy gấp nhỏ. Đấy là cuốn sổ mà Nuarếtđin Ali trao cho con lúc làm chung. Bètrètđin đã cất vào đây để dễ giữ gìn. Sèmxètđin Môhamêt mở cuốn sổ, nhận ra nét chữ của người em Nuarètđin Ali, và đọc dòng tiêu đề : « *Gửi con trai ta Bêtrêtđin Hátxan* » Ông chưa kịp nhận xét gì, thì cô con gái đã đặt vào tay ông túi tiền nàng tìm thấy bên dưới áo. Ông mở ra và thấy cái túi vẫn còn những đồng tiền vàng, bởi vì mặc dù Bêtrètđin Hátxan đã cho đi rất nhiều, ông thần và bà tiên vẫn hóa phép làm cho cái túi vẫn luôn luôn đầy. Trên chiếc túi có cái nhãn mang dòng chữ : « *Nghìn đồng xơcanh của người do thái Ixắc* » và bên dưới là những dòng sau đây mà lão do thái đã viết trước khi chia tay Bètrètđin Hátxan : « *Trả cho Bètrètđin Hátxan để mua số*

hàng hóa trên chiếc tàu đầu tiên trong số tàu thủy trước đây thuộc sở hữu của cụ Nuarêtđin Ali, thân sinh đáng thương tiếc của chàng, chừng nào tàu cập bến cảng này ». Ông chưa đọc xong, đã thét lên một tiếng và ngất đi.

Được con gái và những cô hầu nàng gọi đến cấp cứu, thượng thư Sèmxêtđin Môhamêt tỉnh lại. Ông bảo con : « Con ạ, con đừng ngạc nhiên về tai nạn vừa xảy đến cho cha. Nguyên nhân gây nên, con khó mà tin được. Người chồng tối qua ăn nằm với con chính là em họ con, con trai của Nuarêtđin Ali. Nghìn đồng xơcanh đựng trong túi tiền này làm cha nhớ đến câu chuyện cãi cọ giữa cha và chú con : đó có lẽ là món quà ngày cưới chồng con tặng con. Cảm tạ trời đất đã giun giủi nên tất cả những việc đó, và đặc biệt là câu chuyện diệu kỳ đó chứng minh rất rõ quyền lực của Thượng đế. » Tiếp đó, ông nhìn chữ viết của em trai, và vừa khóc như mưa vừa hôn lên đấy nhiều lần « Giá mà, cùng với những nét chữ làm cho ta xiết bao vui mừng ta có thể gặp được Nuarêtđin Ali ở đây và làm lành với chú ấy ! »

Ông đọc cuốn sổ từ đầu chí cuối, trong sổ ghi rõ ngày người em ông đến Banxôra, ngày Nuarêtđin lấy vợ, ngày sinh Bêtrêtđin Hátxan, và sau khi đối chiếu những thời điểm ấy với ngày cưới vợ và sinh con gái ở Cairô, ông rất thú vị về mối quan hệ giữa các thời điểm đó. Cuối cùng, khi nghĩ rằng con rể lại chính là cháu họ mình, ông hết sức vui mừng. Ông cầm cuốn sổ tay và cái nhẫn của túi tiền, mang đến tâu với hoàng đế. Nhà vua tha thứ cho ông về những việc đã qua, và lấy làm thú vị về câu chuyện ấy đến nỗi cho chép lại đầy đủ mọi tình tiết, để lưu truyền hậu thế.

Tuy nhiên, thượng thư Sêmxêtđin Môhamết vẫn không hiểu nổi tại sao cháu họ của mình lại biến mất, mặc dù ông hi vọng chàng xuất hiện bất cứ lúc nào, và hết sức sốt ruột trông chờ cái lúc được ôm hôn chàng. Sau khi chờ đợi suốt bảy ngày không kết quả, ông cho người đi dò hỏi khắp thành phố Cairô, nhưng dù khám xét kỹ đến đâu vẫn không tìm ra manh mối. Điều đó gây cho ông rất nhiều lo lắng: «Đây thật là một câu chuyện đặc biệt chưa từng có ai gặp thế bao giờ!»

Băn khoăn không biết rồi đây việc gì sẽ xảy ra, ông nghĩ nên tự tay ghi lại hiện trạng nhà cửa của mình, đám cưới đã diễn ra như thế nào, phòng cưới và buồng riêng con gái ông bàn ghế bày biện ra làm sao. Ông cũng sai gói gắm chiếc khăn đội đầu, túi tiền và những áo quần của Bêtrêtđin để lại thành một cuộn, cho vào tủ khóa chặt.

Mấy ngày sau, con gái thượng thư Sêmxêtđin Môhamêt nhận ra mình đã thụ thai, và quả nhiên sau chín tháng sinh một con trai. Người ta mướn cho chú một vú em, cùng nhiều con đòi và nô lệ để trông nom. Ông ngoại chú đặt tên chú là Agip. (1)

Khi chú bé Agip lên bảy, thượng thư Sêmxêtđin Môhamêt không cho cháu học ở nhà, mà đưa đến thụ giáo ở trường của một thầy giáo nổi tiếng; hàng ngày hai tên nô lệ chuyên lo việc đưa chú đi học và đón chú về nhà. Agip kết bạn với nhiều học sinh; và bởi vì tất cả các bạn bè của chú đều thấy điều kiện xã hội mình kém hơn chú, nên ai cũng trọng vọng chú, và như vậy chẳng qua cũng là noi gương thầy: thầy giáo bỏ qua cho Agip nhiều lỗi mà đối với các học sinh khác, hẳn thầy đã không tha thứ. Sự chiều chuộng mù quáng

---

(1) Tên chung chỉ các xứ ở bờ sông Địa trung hải xưa kia.

làm hỏng Agip: chú sinh ra kiêu căng, hỗn láo; chú muốn tất cả bạn bè chịu khổ vì mình mà chẳng muốn chịu đựng một chút gì vì bạn. Chú lấn át tất, và nếu có ai cả gan dám cưỡng lại ý muốn của chú, chú chửi mắng đủ điều, thậm chí nhiều khi còn đấm đá nữa. Cuối cùng chú làm cho tất cả học sinh không ai chịu nổi, phải đi thưa với thầy giáo. Lúc đầu, thầy giáo khuyên nhủ các cháu nên kiên nhẫn; nhưng ông nhận ra như vậy chỉ càng kích thích thêm sự hỗn láo của Agip, và bản thân thầy cũng quá mệt vì những chuyện chú gây ra, ông liền bảo các học sinh: « Các con ạ, thầy thấy rõ Agip là một chú bé hỗn; thầy muốn bày cho các con một cách làm cho nó tủi thân để nó thôi không quấy rầy các con nữa, thầy còn cho là nó không đến học nữa là khác. Ngày mai, khi nó đến trường, vào lúc các con chơi chung với nhau, các con hãy xếp hàng chung quanh nó rồi một người nào đó sẽ nói to lên: « chúng ta muốn chơi, nhưng với điều kiện là những người tham dự trò chơi phải nói rõ tên mình, tên bố và tên mẹ mình. Sẽ bị coi là con hoang nếu người nào không chịu làm như vậy, và chúng ta không đồng ý cho người đó chơi cùng. » Thầy giáo nói cho học sinh hiểu rằng, làm như vậy, các cháu sẽ làm cho Agip bối rối; và tất cả đều rất vui vẻ trở về nhà.

Ngày hôm sau, khi vừa tề tựu đông đủ, các học sinh không quên làm theo điều thầy giáo đã dạy. Chúng vây quanh Agip, và một em nói: « Chúng ta hãy chơi một trò đi, nhưng với điều kiện là kẻ nào không nói rõ được tên của mình, tên mẹ và tên bố mình, thì sẽ không được chơi. » Tất cả, kể cả Agip, đều trả lời đồng ý. Thế là em vừa nói lần lượt hỏi từng người, em nào cũng thỏa mãn được điều kiện đó, trừ Agip, chú trả lời: « Tôi tên là Agip, mẹ tôi là Người Đẹp,

còn cha tôi là Sêmxêtđin Môhamêt, thượng thư của hoàng đế. »

Nghe như vậy, cả bọn trẻ đều kêu lên : « Cậu nói gì vậy, Agip ? đấy không phải là tên cha cậu đâu, đấy là tên ông ngoại cậu. »

— Trời bắt tội chúng mày ! — Agíp giận dữ đáp —Sao! chúng mày dám nói rằng thượng thư Sêmxêtđin Môhamêt không phải là cha tao ư ?

Bọn học sinh đều cười ồ lên và đáp : « Không phải, không phải, ông ta chỉ là ông ngoại cậu thôi, cậu không được chơi nữa, mà chúng mình cũng tránh chẳng đến gần cậu đâu. » Vừa nói chúng vừa bỏ ra xa và chế giễu chú, rồi tiếp tục cười đùa với nhau. Agíp, rất tủi thân về những lời chế giễu ấy òa lên khóc.

Thầy giáo vẫn theo dõi và nghe được tất cả câu chuyện, lúc ấy liền bước vào và bảo Agíp : « Agíp à, con vẫn chưa biết là thượng thư Sêmxêtđin Môhamêt không phải là cha con ư? Ông là ông ngoại con, thân sinh ra mẹ con, bà Người Đẹp. Chúng ta cũng không rõ tên bố con như con thôi. Chúng ta chỉ biết rằng trước đây hoàng đế muốn gả mẹ con cho một tên chăn ngựa của người, vốn gù lưng, nhưng một hung thần đã ngủ với bà. Điều đó khá phiền cho con đấy, nó dạy con phải bớt kiêu căng trong cách đối xử với bạn bè, không nên cứ giữ thái độ như con đã đối với họ từ trước tới giờ. »

Chú bé Agíp, cay cú vì những điều giễu cợt của bạn bè, đùng đùng bỏ trường học trở về nhà, vừa đi vừa khóc. Đến nhà, chú chạy ngay vào buồng riêng của mẹ, bà Người Đẹp hoảng hốt thấy con buồn rầu, vội hỏi nguyên nhân. Chú vừa trả lời vừa khóc nức nở, câu nói bị ngắt quãng vì quá hấp tấp trong cơn đau khổ, phải mất nhiều lần mới nói rõ được cái nguyên nhân

làm cho chú tủi thân. Kể xong chú nói thêm : « Mẹ ơi, nhân danh Thượng đế, xin mẹ hãy nói cho con rõ, cha con là ai. »

— Con ạ, cha con là Thượng thư Sêmxêtđin Môhamêt ngày nào con cũng hôn đấy thôi.

— Mẹ không nói thật, đấy không phải là cha con mà là cha của mẹ. Nhưng còn con, con là con của cha nào?

Nghe con hỏi, Người đẹp nhớ lại đêm tân hôn, rồi sau đấy là cảnh góa bụa lâu dài, bắt đầu rơi nước mắt, xót xa thương tiếc một người chồng thật đáng quí như Bêtrêtđin.

Trong lúc Người Đẹp khóc ở góc này và Agíp khóc ở góc kia thì thượng thư Sêmxêtđin bước vào, ông muốn biết vì đâu hai mẹ con buồn bã. Người đẹp nói cho ông rõ và thuật lại đầu đuôi việc Agíp bị làm nhục ở trương. Câu chuyện ấy làm thượng thư xúc động mạnh, ông cũng rơi nước mắt cùng con gái và cháu ngoại, và qua việc đó ông suy rộng ra có lẽ thiên hạ đang bàn tán xúc phạm đến danh dự con gái mình, cho nên gần như tuyệt vọng. Bị dày vò vì ý nghĩ đau đớn ấy, ông đến hoàng cung, phủ phục dưới chân hoàng đế xin nhà vua cho phép ông được đi đến các tỉnh trong nước Lơvăng[1] đặc biệt là đến Banxòra, tìm người cháu họ Bêtrêtđin Hátxan ; ông nói ông không thể nào chịu nổi cái điều trong thành phố, người ta nghĩ có một thần linh nào đó đã ăn nằm với con gái ông là Người Đẹp. Hoàng đế thông cảm nỗi khổ tâm của thượng thư, tán thành quyết định của ông và cho phép ông thực hiện. Nhà vua còn cho gửi một bức thư lời lẽ rất khiêm tốn yêu cầu các bậc vương hầu những xứ Bêtrêtđin có thể đang trú ngụ đồng ý cho thượng thư đưa chàng về.

---

(1) Tên chung chỉ các xứ ở bờ đông Địa trung hải xưa kia, (nghĩa đen là nước ở về phía mặt trời mọc).

Sèmxêtđin Môhamét không tìm đủ lời lẽ xứng đáng để cảm tạ lòng tốt của hoàng đế đối với mình. Ông chỉ biết phủ phục dưới chân nhà vua một lần nữa ; nhưng những giọt nước mắt tuôn từ mắt ông cũng đủ biết rõ lòng biết ơn. Cuối cùng ông bái biệt hoàng đế, sau khi đã chúc tụng Người vạn thọ vô cương. Trở về nhà, ông chỉ lo đến việc sắm sanh mọi thứ để khởi hành. Công việc chuẩn bị tiến hành rất khẩn trương, chỉ sau bốn ngày, ông đã lên đường cùng Người Đẹp, con gái, và Agíp, cháu ngoại ông.

Họ đi ròng rã mười chín ngày liền không nghỉ chân ở lại một chỗ nào ; tới ngày thứ hai mươi, đến một bãi cỏ đẹp gần cổng thành Đamát, họ xuống ngựa và cho dựng trại ven bờ một con sông chảy qua thành phố và tô điểm cho phong cảnh quanh vùng.

Thượng thư Sèmxêtđin Môhamét tuyên bố ông muốn nghỉ lại hai ngày ở cái chốn đẹp đẽ này, sang ngày thứ ba sẽ lại tiếp tục lên đường. Trong thời gian ấy ông cho phép gia nhân tùy tòng được vào Đamát. Hầu như tất cả tùy tòng của ông đều tận hưởng cái phép đó, người thì tò mò muốn xem cái thành phố đã từng được nghe nhiều lời ca ngợi, người thì vào bán những hàng hóa mang theo từ Ai cập hoặc mua vải vóc hay sắm vật lạ ở địa phương. Người Đẹp muốn cho con trai mình cũng được cái thú dạo chơi trong thành phố nổi tiếng ấy, liền ra lệnh cho viên hoạn nô đã đến chuyên trông nom dạy dỗ chú dẫn chú đi, và căn dặn phải hết sức cẩn thận chớ để xảy ra cho chú tai nạn gì.

Agíp ăn mặc đẹp đẽ, rồi lên đường với viên hoạn nô cầm một cái gậy to ở tay. Hai người vừa vào đến phố xá thì Agíp, vốn rất xinh trai, thu hút sự chú ý của mọi người. Những kẻ này thì ra khỏi nhà để xem cho tận mắt ; những người khác thì thò đầu ra cửa sổ, còn những

ai đang đi trên đường thì không chỉ bằng lòng dừng lại để nhìn mà còn đi theo chú để nhìn ngắm lâu hơn cho thỏa thích. Tóm lại, không một ai không trầm trồ khen ngợi và ca tụng người mẹ người cha nào khéo sinh đứa con trai xinh đến như vậy. Viên quan hoạn và Agip tình cờ đi đến trước cửa hiệu của Bêtrêtđin Hátxan, thì bị một đám đông vây chặt đến nỗi hai người phải dừng lại.

Ông thợ làm bánh nhận Bêtrêtđin Hátxan làm con nuôi đã qua đời mấy năm rồi, để lại cho chàng thừa kế cái cửa hiệu và tất cả tài sản khác của ông. Bêtrêtđin như vậy đã trở thành chủ hiệu, và chàng làm nghề làm bánh ngọt rất khéo, chẳng bao lâu nổi tiếng khắp thành Đamát. Thấy bao nhiêu người tụ tập trước cửa nhà mình và chăm chú nhìn Agip cùng viên quan hoạn da đen, chàng cũng nhìn ra.

Mắt Bêtrêtđin Hátxan vừa trông thấy Agip, tự nhiên lòng anh cảm động xốn xang mà không hiểu tại sao. Không phải chàng chỉ bị thu hút, như mọi người, vì vẻ đẹp rực rỡ của chú bé mà mối băn khoăn và niềm xúc động của chàng có một nguyên nhân khác mà chàng không hay biết : ấy là sức mạnh của huyết thống tác động trong lòng người cha trìu mến. Chàng ngừng công việc đang làm dở, đến gần Agip và nói thiết tha : « Cậu ấm ơi, cậu làm tôi mê mẩn, xin cậu hãy vui lòng tạm ghé cửa hiệu tôi và ăn một thứ gì tự tay tôi làm ra, để cho tôi được có đủ thời giờ nhìn ngắm cậu cho thỏa thích. » Chàng nói những lời âu yếm đó đến rưng rưng nước mắt. Chú bé Agip cũng cảm động, chú quay lại nói với viên hoạn nô : « Ông này có vẻ mặt tôi rất thích, giọng ông nói với tôi tha thiết đến nỗi tôi không thể nào từ chối điều ông ta yêu cầu. Chúng ta hãy ghé vào cửa hiệu và ăn bánh ngọt của ông ta đi. »

— Thôi đi, một công tử con quan thượng thư như cậu, ai lại vào hiệu bánh ngọt ăn quà, thế thì còn ra làm sao nữa. Cậu chớ có bướng, tôi không chịu để cho cậu làm việc đó đâu.

— Than ôi ! Cậu ấm của tôi ơi — Bêtrêtđin Hátxan kêu lên — người ta mới độc ác làm sao, ai lại đi phó thác cậu cho một con người đối xử khắc nghiệt thế kia đời đất bao giờ ! »

Rồi, quay về phía viên quan hoạn chàng nói : « Anh bạn của tôi ơi, xin bạn chớ ngăn cản cậu ấm đây vui lòng chấp nhận việc tôi yêu cầu : bạn chớ làm cho tôi tủi phận. Mời bạn hãy cùng với cậu quá bước vào nhà tôi : qua việc làm đó bạn sẽ chứng tỏ rằng bạn như cái hạt dẻ, mặc dù bên ngoài vỏ nó màu nâu nhưng bên trong nhân nó trắng ngần. Bạn có biết không — chàng nói tiếp — là tôi nắm được cái bí quyết làm cho bạn đang đen như thế kia mà trở thành trắng nõn ra đấy. » Nghe đến đấy viên hoạn nô phá ra cười và hỏi cái bí quyết ấy là gì. Chàng đáp : « Tôi hãy nói cho bạn hay ». Lập tức chàng đọc những câu thơ ngợi ca các viên hoạn nô da đen, nói rằng chính nhờ vai trò của họ mà danh dự các hoàng đế, vương công và các vị đại thần được bảo toàn. Viên hoạn nô thú vị về những câu thơ ấy, thôi không chống lại những lời mời mọc của Bêtrêtđin Hátxan nữa, để cho Agip vào cửa hiệu, và gã cũng vào theo.

Bêtrêtđin Hátxan cảm thấy vui mừng cực độ khi cái điều chàng cầu mong tha thiết xiết bao ấy đã đạt được, chàng tiếp tục công việc đang làm dở và nói : « Tôi đang làm bánh nướng nhân kem : mời cậu thế nào cũng nếm thử : tôi tin chắc là cậu sẽ thấy ngon, bởi vì chính ba mẹ tôi xưa là người làm bánh này tuyệt giỏi đã truyền lại cho tôi : khắp nơi trong thành phố

này mọi người đều dồ đến đây mua. » Nói xong, chàng lấy trong lò ra một cái bánh kem, rắc hạt lựu và đường lên mặt, rồi mời Agip ăn: cậu thấy bánh rất ngon. Viên hoạn nô được Bêtrêtđin mời, cũng tán đồng là bánh ngon.

Trong khi hai người ăn bánh, Bêtrêtđin Hátxan chăm chú ngắm nhìn Agip: chàng vừa nhìn chú vừa nghĩ có lẽ mình cũng có một đứa con trai thế này với người vợ yêu kiều mà chàng đã phải sớm đứt ruột xa lìa; ý nghĩ ấy làm chàng rơi mấy giọt lệ. Chàng sắp sửa hỏi chuyện chú bé Agip đến Đamat có việc gì nhưng chú không có đủ thì giờ để chuyện trò với chàng bởi vì viên hoạn nô sốt ruột muốn dục chú trở về lều ông ngoại chú ngay, cho nên chú vừa ăn xong gã đã vội đưa chú đi ngay. Bêtrêtđin Hátxan không chỉ bằng lòng đưa mắt nhìn theo; chàng vội vã đóng cửa hiệu, đi theo và đuổi kịp họ trước khi hai người ra đến cổng thành. Viên hoạn nô thấy chàng đi theo, rất ngạc nhiên. Gã giận dữ hỏi: «Anh thật hay làm phiền quá, anh muốn gì chúng tôi nào?

— Anh bạn ơi — Bêtrêtđin đáp — bạn chớ bực mình tôi chợt nhớ có chút việc ở ngoài thành phố, cần phải đi ra lo liệu cho xong.

Câu trả lời ấy không làm cho viên hoạn nô yên tâm, gã quay lại bảo Agip: «Đấy cậu xem, tại cậu gây nên đấy nhá. Tôi đã đoán trước mà, thế nào rồi tôi cũng có ngày phải hối hận vì quá chiều cậu; hồi nãy cậu muốn vào cửa hiệu lão này, chẳng hiểu làm sao tôi lại không khôn ngoan mà cứ đồng ý với cậu.»

— Có lẽ ông ta quả có việc cần đi ra ngoài thành phố thật — Agip đáp — thiên hạ muốn đi đường nào là quyền tự do của người ta.»

Vừa nói, hai người vừa tiếp tục đi, không quay đầu ngó lại, cho đến khi về gần nơi thượng thư hạ trại, họ mới nhìn xem Bètrètđin có vẫn bám sát họ không. Thế là Agíp, thấy chàng chỉ cách mình có hai bước, đỏ mặt lên rồi lại tái đi, tùy theo những xúc cảm đang khuấy động trong lòng chú. Chú sợ ông ngoại biết chú đã ghé vào một cửa hiệu ăn bánh ngọt. Trong cơn lo sợ, chú nhặt một hòn đá to dưới chân, và ném trúng vào giữa trán chàng, làm cho máu chảy đầm đìa mặt mũi, sau đấy chú ba chân bốn cẳng chạy thật nhanh cùng với viên hoạn nô trốn vào lều ; tên này dặn Bètrètđin không nên phàn nàn về chuyện không may đã xảy ra ; chàng đã gây nên thì chàng phải chịu lấy hậu quả.

Bètrètđin đưa tấm tạp dề mà hồi nãy chàng đã không kịp cởi ra, để cầm máu ở vết thương trên mặt và quay trở vào thành phố. Chàng tự nhủ ; « Ta đã sai khi bỏ nhà tới đây để gây nên bao lo âu cho thằng bé này, nó đối xử với ta như vậy, có lẽ vì nó tưởng là ta có mưu đồ gì ám hại nó đây.» Về đến nhà, chàng nhờ băng bó vết thương, và để an ủi tai nạn vừa xảy ra, chàng tự nhủ trên đời này khối người còn khổ hơn mình.

Bètrètđin tiếp tục làm nghề bán bánh ngọt ở Đamát, còn ông bác Sèmxètđin Môhamét của chàng thì ra đi sau ba ngày nghỉ lại ở thành phố. Ông lên đường về Emedơ, từ đấy sang Hamát rồi đến Alep, ở đây ông lưu lại hai ngày. Từ Alep ông qua sông Ơphơrat, vào miền Lưỡng Hà, và sau khi đi qua Macđin, Mútxun, Xengira, Điabêkia và nhiều thành phố khác, cuối cùng tới Banxôra (1). Ông xin yết kiến hoàng đế, nhà vua biết rõ cương vị của Sèmxètđin Môhamét, liền đồng ý

(1) Emedơ và Hamát, là các thành phố thuộc Xyri.

cho gặp ngay. Nhà vua tiếp ông rất ân cần và hỏi ông có việc gì đến Banxòra.

— Tâu bệ hạ — thượng thư Sèmxètđin Môhamêt đáp — tôi đến đây hỏi thăm tin tức con trai của Nuarètđin Ali em tôi, kẻ đã từng có vinh dự phục vụ bệ hạ.

— Nuarètđin Ali mất đã lâu rồi — hoàng đế nói — về phần con trai ông ta, tất cả những gì mà ta biết ta có thể nói cho ông rõ ; khoảng hai tháng, sau ngày thân phụ cậu ta từ trần, cậu ta đột nhiên biến mất, từ đấy chẳng ai trông thấy nữa mặc dù ta đã hết sức cho tìm. Nhưng thân mẫu cậu ta, vốn là con gái một thượng thư của ta, hiện nay còn sống.

Sèmxètđin Môhamêt xin phép hoàng đế được gặp bà và đưa về Ai-cập. Được nhà vua đồng ý, ông không chịu để việc vui mừng ấy lui đến ngày hôm sau : ông sai hỏi nơi bà ở rồi cùng với con gái và cháu ngoại đến thăm ngay.

Bà quả phụ Nuarètđin Ali vẫn sống trong cái biệt thự mà chồng bà ở cho đến lúc mất. Đây là một ngôi nhà rất đẹp, xây dựng nguy nga và được trang trí bằng những hàng cột cẩm thạch ; nhưng Sèmxètđin Môhamêt không dừng lại để ngắm nhà. Vừa đến nơi, ông hôn cánh cửa và phiến đá cẩm thạch mang tên em trai ông viết bằng những chữ vàng. Ông xin nói chuyện với người em dâu ; bọn gia nhân cho biết bà đang ở trong một ngôi nhà nhỏ xây theo kiểu có vòm cao như một cái lăng ở giữa một cái sân rất rộng, họ chỉ cho ông thấy ngôi nhà đó. Đúng vậy, người mẹ hiền từ ấy thường có thói quen hầu như suốt ngày đêm sống trong ngôi nhà nhỏ bà cho xây dựng để tượng trưng cho ngôi mộ của Bêtrètđin Hátxan, mà sau khi chờ đợi một thời gian dài không thấy, bà cho rằng đã chết. Lúc ấy bà cũng đang ngồi khóc đứa con trai thân yêu. Khi Sèmxètđin Môhamêt bước vào, ông thấy bà hết sức rầu rĩ.

Ông cắt lời chào hỏi, rồi sau khi xin bà hãy tạm gác những lời khóc than, ông nói rõ ông được vinh hạnh là anh chồng bà, và vì sao ông buộc phải rời Cai-rô để đến Banxòra.

Sèmxètđin Môhamêt thuật lại cho em dâu nghe tất cả những gì đã xảy ra trong đêm tân hôn của con gái ông, và nỗi ngạc nhiên của ông khi phát hiện cuốn sổ khâu trong chiếc khăn đội đầu của Bètrêtđin, rồi giới thiệu với bà Agíp và Người Đẹp.

Bà quả phụ Nuarètđin Ali vẫn ngồi yên như một người đàn bà không thiết gì đến việc đời nữa ; nhưng khi qua lời ông kể, biết được rằng đứa con trai bà thương tiếc xiết bao ấy có thể đang còn sống, bà liền đứng lên ôm hôn Người đẹp cùng chú bé Agíp, mà bà nhận ra những nét giống Bètrêtđin. Bà òa lên khóc nhưng những giọt nước mắt lần này khác hẳn những giọt vẫn tuôn ra từ trước đến nay. Bà hôn hít chú bé không biết chán, và chú, về phần mình, cũng cố hết sức biểu lộ nỗi mừng vui đối với bà nội.

— Cô ạ, — Sèmxètđin Môhamêt nói — đã đến lúc tạm xếp những nỗi tiếc thương và lau khô nước mắt cô hãy chuẩn bị trở về Ai-cập cùng với chúng tôi. Hoàng đế Banxòra đã cho phép tôi đưa cô đi, và tôi tin rằng cô cũng bằng lòng. Tôi hy vọng cuối cùng là chúng ta sẽ gặp con trai cô, cháu của tôi, và nếu việc đó xảy ra, thì chuyện của nó, chuyện của cô, của con gái tôi và của tôi nữa thật xứng đáng được ghi vào sử sách để lưu truyền hậu thế.

Bà quả phụ Nuarètđin Ali rất vui lòng về điều gợi ý đó, và ngay tức khắc, cho thu xếp để lên đường. Trong thời gian ấy, Sèmxètđin Môhamêt xin yết kiến hoàng đế một lần nữa để từ biệt, nhà vua cho ông ra về với đầy đủ nghi tiết, kèm theo một món

quà tặng đáng kể và một món quà còn sang hơn nữa gửi biếu hoàng đế Ai-cập. Sau đó, ông rời Banxôra lên đường trở về Đamát.

Đến gần thành phố này, ông cho hạ trại phía ngoài cổng đi vào thành, và nói sẽ lưu lại đây ba ngày để cho đoàn tùy tùng nghỉ ngơi và để mua sắm những vật gì hay ho nhất và xứng đáng nhất để dâng lên hoàng đế Ai-cập.

Trong thời gian ông mải bận tự mình chọn lựa những loại vải đẹp nhất mà các nhà buôn bán chính mang đến trại của ông, Agíp yêu cầu viên hoạn nô da đen, người hướng dẫn chú, đưa đi dạo chơi trong thành phố. Chú nói chú muốn xem những vật đã không có thời giờ xem lúc đi ngang qua, và chú cũng rất muốn được biết tin tức về người làm bánh ngọt bị chú ném đá hôm nào. Viên hoạn nô đồng ý và cùng với chú đi vào thành phố sau khi được mẹ chú, bà Người Đẹp cho phép.

Họ vào thành phố Đamát qua cổng Thiên đường, là cổng gần nơi thượng thư Sêmxètđin Môhamét cắm trại nhất. Hai người đi qua các quảng trường lớn, những nơi công cộng và những đình quán bán các thứ hàng hóa đắt tiền nhất, và xem nhà thờ cổ xây từ triều đại Ômiat, vào lúc nhân dân tụ tập để đọc kinh vào khoảng từ sau buổi trưa đến khi mặt trời lặn. Sau đó, họ đi ngang qua trước cửa hiệu của Bêtrêtđin Hátxan vào lúc chàng cũng đang bận làm bánh nướng nhân kem. Agíp nói. « Xin chào bác, bác hãy nhìn cháu đây. Bác có còn nhớ là đã gặp cháu không ? ». Nghe nói, Bêtrêtđin ngước mắt nhìn và khi nhận ra chú, ôi hiệu lực diệu kỳ của tình phụ tử ! chàng lại cảm thấy nỗi xúc động y như lần đầu : chàng đâm bối rối, và đáng lẽ đáp lời chú, chàng lặng ngắt hồi lâu, chẳng thốt lên được một tiếng nào. Tuy vậy, tỉnh trí lại, chàng nói :

« Cậu ấm ạ, mời cậu hãy vui lòng quá bước cùng với người trông coi cậu vào nhà tôi chơi một lần nữa ; mời cậu nếm thử một miếng bánh nướng nhân kem. Tôi xin cậu tha thứ cho tôi về việc đã làm phiền cậu hôm tôi đi theo cậu ra ngoài thành phố ; hôm đó, tôi mất tự chủ, tôi không biết mình đang làm gì ; cậu cuốn hút tôi đi theo đến nỗi tôi không làm sao cưỡng lại được. »

Agíp ngạc nhiên về những điều Bêtrêtđin nói, chú đáp : « Tình thân mật của bác đối với cháu có cái gì hơi quá đấy : cháu nhất định không muốn vào nhà bác nếu bác không thề là sẽ không đi theo cháu lúc cháu ra về. Nếu bác hứa với cháu, và bác giữ lời hứa, thì ngày mai cháu sẽ lại chơi nữa, trong khi thượng thư ông ngoại cháu còn mải mua sắm cái gì để dâng lên hoàng đế.

— Cậu ấm ạ — Bêtrêtđin Hátxan đáp — tôi làm tất cả những gì cậu truyền.

Nghe câu nói đó, Agíp cùng viên hoạn nô bước vào hiệu bánh ngọt.

Bêtrêtđin liền lấy ngay ra mời họ ăn một chiếc bánh nướng nhân kem cũng ngon ngọt không kém chiếc chàng mời họ lần trước. Agíp nói với chàng : « Bác lại đây, ngồi xuống cạnh cháu và cùng ăn với bọn cháu. » Bêtrêtđin ngồi xuống, đoạn muốn ôm hôn Agíp để biểu lộ niềm hoan lạc được ngồi cạnh chú ; song Agíp đẩy ra mà nói : « Bác hãy ngồi yên, tình cảm của bác mãnh liệt quá. Bác hãy bằng lòng chỉ nhìn và nói chuyện với cháu thôi ». Bêtrêtđin vâng lời, và bắt đầu hát một bài hát chàng vừa soạn lời tức thì để ngợi ca Agíp : chàng không ăn và chẳng làm gì khác ngoài việc phục vụ hai người khách của mình. Khi họ ăn xong, chàng đưa nước cho họ rửa và một chiếc khăn rất trắng để họ lau tay. Tiếp đó, chàng lấy một lọ

nước hoa quả, làm cho họ một bát sứ đầy và bỏ tuyệt sạch vào. Đưa bát sứ cho chú bé Agip, chàng nói : « Cậu hãy uống đi, đây là nước ép hoa hồng, loại ngon nhất thành phố này ; chưa bao giờ cậu được uống thứ nước nào ngon hơn đâu ». Agip uống rất thích thú, Bètrètđin Hátxan đỡ lấy cái bát sứ rồi cũng đưa mời cả viên hoạn nô, gã uống ừng ực cho đến hết.

Cuối cùng Agip và người trông coi chú no nê, cám ơn chủ hàng bánh ngọt đã mời họ món quà ngon, rồi vội vã ra về, bởi vì cũng đã hơi muộn. Hai người về tới trại của Sèmxètđin Mòhamèt và trước hết là đi đến lều vải của các bà. Bà nội Agip rất sung sướng được gặp lại cháu, và bởi vì đầu óc bà lúc nào cũng chỉ nghĩ tới Bètrètđin, bà không thể cầm được nước mắt khi ôm hôn Agip..«Chao ơi, cháu của bà ! — bà nói — giá mà bà được sung sướng ôm hôn cả Bètrètđin Hátxan cha cháu như bà đang hôn cháu đây thì niềm vui của bà sẽ trọn vẹn xiết bao ! » Thế rồi bà ngồi vào bàn ăn tối cho Agip ngồi ngay bên cạnh và hỏi han ân cần về chuyến đi chơi của chú ; rồi vừa nói chắc hẳn cháu đang đói lắm, bà vừa đưa cho Agip một mẩu bánh nướng nhân kem tự tay bà làm bởi vì như đã nói ở trên, bà làm loại bánh này cừ hơn cả những thợ làm bánh giỏi nhất. Bà cũng đưa cho viên hoạn nô ăn, nhưng cả hai người đã chén quá nhiều ở nhà Bètrètđin cho nên không thể nào nếm thêm được một tí nào.

Agip vừa động đến món bánh nướng nhân kem bà đưa cho, đã vờ làm như bánh không ngon, bỏ lại nguyên cả chiếc ; Saban, — tên viên hoạn nô — cũng làm như vậy. Bà quả phụ Nuarètđin Ali buồn rầu nhận thấy cháu nội mình không thú vị gì cái bánh : « Thế nào cháu của bà, có thể nào cháu khinh thường một công trình tự tay bà làm như vậy. Cháu nên biết không có ai trên đời này có khả năng làm được những chiếc

bánh nướng nhân kem ngon như thế này đâu, trừ Bêrrêtđin Hátxan cha của cháu, mà bà đã truyền cho nghề thuật làm ra những chiếc bánh loại này.

— Ồ, thưa bà — Agíp thốt lên — cháu xin phép bà, bà không biết có ai làm bánh ngon hơn, nhưng cháu thì cháu biết ở trong thành phố này có một bác thợ làm bánh ngọt còn thạo gấp mấy bà: chúng cháu vừa ăn một chiếc ở nhà bác ta ngon hơn chiếc bánh này nhiều.

Bà nội nghe cháu nói liền lườm viên hoạn nô: « Thế nào, Saban — bà giận dữ đáp — người ta giao cháu nội ta cho anh trông nom để anh đưa vào các hiệu bánh ngon ăn quà như những kẻ đầu đường xó chợ ư? »

— Bẩm bà — viên hoạn nô đáp — đúng là chúng cháu có vào nói chuyện một chốc với một người làm bánh ngọt, song chúng cháu không ăn quà ở nhà ông ta.

— Xin bà hãy tha thứ cho cháu — Agíp ngắt lời — chúng cháu có vào cửa hiệu ông ta, và có ăn bánh nướng nhân kem.

Bà cụ càng nổi nóng, càng giận viên hoạn nô hơn trước, bà đùng đùng đứng lên rời bàn ăn và chạy đến lều Sêmxêtđin Môhamêt báo cho ông biết việc sai trái của viên hoạn nô, với những lời lẽ cốt làm cho thượng thư càng thêm bực bội với gã hơn là để làm giảm nhẹ tội cho gã.

Sêmxêtđin Môhamêt, bản tính vốn nóng nảy, không thể bỏ qua câu chuyện mà không lên cơn thịnh nộ. Ông lập tức đến lều của bà em dâu, mắng viên hoạn nô. « Tên khốn nạn, sao mày dám cả gan lợi dụng lòng tin cậy của ta? » Mặc dù biết rõ là có Agíp làm chứng, Saban vẫn cố tình chối cãi. Nhưng chú bé thì cứ khăng khăng nói ngược lại. Chú nói với Sêmxêtđin Môhamêt: « Thưa ông ngoại, cháu quả quyết cả hai

chúng cháu ăn no đến mức không cần phải dùng cơm tối nữa. Bác hàng bánh còn đãi chúng cháu thêm cả một bát to tưởng nước quả. »

— Thấy chưa, tên nô lệ xấu xa kia — thượng thư quay lại nhìn viên hoạn nô và hét lớn — đã thế mà mày vẫn không chịu nhận là cả hai chúng mày đã vào một nhà làm bánh ngọt và ăn bánh ở đấy ư?

Saban vẫn ngoan cố và thề rằng quả thật không có chuyện đó. Thượng thư liền bảo :

— Mày là một thằng nói dối, ta tin cháu ta hơn là tin mày. Tuy vậy, nếu mày có thể ăn hết chiếc bánh nướng nhân kem trên bàn kia, thì ta sẽ cho là mày nói thật.

Mặc dù đã no đến tận họng. Saban vẫn cố chịu qua cơn thử thách, song mới cầm một miếng bánh cho vào miệng gã đã phải bỏ ra vì lợm giọng. Tuy nhiên gã vẫn một mực nói dối, gã nói rằng vì hôm trước ăn quá nhiều cho nên đến hôm nay vẫn chưa thấy thèm ăn. Thượng thư cáu tiết về bấy nhiêu điều dối trá càng tin chắc gã đúng là thủ phạm, bắt gã nằm xuống và ra lệnh đánh đòn. Bị đòn phạt, tên khốn khổ kêu toáng lên và đành phải thú thật : « Quả là chúng con có ăn một chiếc bánh nướng nhân kem ở một hàng bánh ngọt, và nó một trăm lần ngon hơn chiếc bánh trên bàn này. » Bà quả phụ Nuarètđin Ali cho là vì tức bà và để làm nhục bà nên Saban mới khen chiếc bánh ở hiệu, bởi vậy bà bảo gã : « Ta không thể nào tin được bánh nhân kem ở cửa hiệu có thể ngon hơn bánh ta làm. Ta muốn được sáng tỏ việc này ; mày đã biết chỗ rồi ; vậy mày hãy đến cửa hiệu ấy và mang về ngay lập tức cho ta một chiếc. » Vừa nói, bà vừa sai đưa tiền cho viên hoạn nô để gã đi mua bánh. Gã đi ngay. Đến hiệu bánh ngọt của Bètrètđin Hătxan, gã nói : « Bác làm bánh đi, đây, tiền đây, bác hãy bán cho tôi một-

chiếc bánh kem, một bà ở chỗ chúng tôi muốn nếm thử bánh bác làm. » Đang có sẵn nhiều chiếc nóng ròn, Bêtrêtđin Hátxan chọn chiếc ngon nhất đưa cho viên hoạn nô : « Bạn hãy cầm lấy chiếc này, tôi bảo đảm là tuyệt ngon, và tôi có thể khẳng định không có ai trên đời này làm được những chiếc bánh như vậy, trừ phi mẹ tôi, bà cụ hiện nay có lẽ cũng đang còn sống. »

Saban vội vàng mang chiếc bánh kem trở về trại đưa cho bà quả phụ Nuarêtđin Ali. Bà nhanh nhẹn cầm lấy và bẻ một mẩu định ăn, nhưng vừa cho vào miệng đã thét lên một tiếng lớn và ngã xuống ngất đi. Sèmxêtđin Môhamêt lúc ấy đang có mặt, rất lấy làm ngạc nhiên về tai nạn đó. Ông tự tay dấp nước lạnh lên mặt em dâu và vội vàng cứu chữa. Bà vừa hồi tỉnh đã thốt lên :

— Ôi lạy Thượng đế ! chắc phải là con trai tôi, thằng Bêtrêtđin Hátxan thân yêu của tôi, đã làm ra chiếc bánh này.

Khi thượng thư Sèmxêtđin Môhamêt nghe bà em dâu nói rằng chắc hẳn Bêtrêtđin Hátxan, đã làm ra chiếc bánh ngọt viên quan hoạn vừa mang về, ông mừng không tả xiết ; song nghĩ lại niềm vui này vô căn cứ, và xét về mọi mặt lời dự đoán của bà có thể sai, ông hỏi : « Nhưng tại sao cô lại có ý nghĩ ấy ? Trên đời này không thể có một người thợ bánh nào biết làm bánh giỏi như cô sao ?»

Bà đáp :

— Đành rằng có thể có những người làm được những chiếc bánh ngon không kém, nhưng tôi có một cách làm riêng, và không có ai ngoài con trai tôi biết rõ bí quyết đó, vậy cho nên tuyệt đối chỉ có nó làm ra chiếc bánh này thôi. Chúng ta hãy vui mừng đi, thưa anh — bà sôi nổi nói tiếp — cuối cùng chúng ta đã thấy

được người chúng ta tìm kiếm và mong đợi từ bao lâu nay rồi.

— Xin cô hãy kiềm chế bớt lòng nôn nóng ; chúng ta sẽ biết được ngay là cái việc này hư thực thế nào. Chỉ cần cho gọi người làm bánh ngọt đến đây. Nếu quả đúng là Bètrèlđin Hátxan thì con gái tôi và cô sẽ nhận ra ngay. Có điều là cả hai người cần phải lánh mặt, để có thể nhìn thấy nó mà không cho nó trông ra mình, bởi vì tôi không muốn chúng ta sẽ nhận ra nhau ở Đamát. Tôi có ý được hoãn việc đó lại cho đến khi chúng ta trở về đến Cairô, đến đấy tôi sẽ có một cách rất thú vị để báo tin cho các người.

Nói xong, ông từ giã các bà trở về lều của mình. Ở đây, ông cho gọi năm mươi gia nhân đến bảo : « Hãy cầm mỗi người một cái gậy đi theo Saban, hắn sẽ dẫn các anh đến nhà một người làm bánh ngọt trong thành phố này. Đến nơi, các anh sẽ đập phá tất cả mọi thứ trong cửa hiệu của anh ta ? » Nếu anh ta hỏi vì sao các anh gây chuyện lộn xộn như vậy, các anh chỉ hỏi lại : « có phải, chính anh là người đã làm chiếc bánh ngọt nhân kem người ta vừa mua về không ? » Nếu anh ta đáp phải thì các anh hãy túm lấy anh ta, trói chặt lại và đưa về đây cho ta ; nhưng chú ý chớ có đánh đập hoặc làm cho anh ta đau đớn một chút nào. Thôi đi đi, đừng để mất thời giờ. » Lệnh của thượng thư lập tức được tuân theo ; gia nhân của ông cầm gậy gộc, theo viên hoạn nô da đen dẫn đường, rầm rộ kéo đến nhà Bètrèt-đin Hátxan, xông vào đập phá đĩa bát, nồi soong, bàn ghế cùng tất cả đồ tế nhuyễn của riêng tây, và đổ vung vãi ra ngập nền nhà những nước quả, kem và mứt. Trước cảnh tượng đó, Bètrèlđin Hátxan cực kỳ kinh ngạc, chàng thảm thiết hỏi : « Các ông ơi, vì sao các ông đối xử với tôi như vậy ? Có việc gì thế ? Tôi đã làm gì nên tội ? »

— Có phải chính anh đã làm ra chiếc bánh ngọt nhân kem vừa bán cho viên hoạn nô da đen anh trông thấy kia không ?

— Vâng ! chính tôi làm — chàng đáp — thế thì đã làm sao ? Tôi thách ai có thể làm được chiếc bánh ngon hơn.

Bọn gia nhân không đáp mà tiếp tục đập phá hết, cho đến chiếc lò nướng bánh cũng không chừa.

Trong lúc đó, hàng xóm láng giềng nghe tiếng ồn ào chạy đến và hết sức ngạc nhiên khi trông thấy năm mươi con người tay gậy gày nên một cảnh loạn đả như vậy. Bà con hỏi nguyên nhân vì đâu có chuyện xảy ra và Bêtrêtđin một lần nữa lại van vỉ bọn gia nhân : « Xin hãy làm ơn cho tôi biết, tôi đã phạm tội ác gì để đến nỗi đập phá hết đồ đạc trong nhà tôi như thế ? » Bọn gia nhân đáp :

— Có phải chính anh đã làm chiếc bánh nướng nhân kem vừa bán cho viên hoạn nô kia không?

— Đúng, đúng, chính tôi, tôi quả quyết rằng bánh rất ngon, và tôi không đáng để các ngài đối xử bất công như vậy.

Bọn gia nhân không cho chàng nói nữa mà túm lấy giật chiếc khăn đội đầu của chàng xuống, trói giật cánh khuỷu lại rồi dùng sức lực kéo chàng ra khỏi cửa hiệu và bắt đầu dẫn đi.

Quần chúng tụ tập trước nhà, thương hại Bêtrêtđin Hátxan, bênh chàng và muốn chống lại bọn gia nhân của Sêmxêtđin Môhamêt, nhưng vừa lúc ấy quan quân của thống đốc thành phố ập đến, rẽ đám đông ra và giúp cho việc bắt cóc Bêtrêtđin Hátxan được dễ dàng. Số là Sêmxêtđin Môhamêt trong thời gian ấy đã đến dinh viên thống đốc thành phố Đamát báo cho ông

này biết lệnh của mình và yêu cầu trợ lực. Viên thống đốc này vốn chỉ huy toàn nước Xyri dưới quyền của hoàng đế Ai-cập, cho nên không thể khước từ vị thượng thư của chúa tể mình bất cứ một điều gì. Thành thử Bêtrêtđin Hátxan cứ bị lôi đi mặc cho chàng kêu gào, khóc lóc.

Dọc đường, Bêtrêtđin Hátxan cố hỏi những kẻ dẫn đường xem người ta đã tìm thấy gì trong chiếc bánh của chàng, song vô ích, không một ai trả lời. Cuối cùng chàng đến nơi hạ trại, và phải chờ cho đến khi Sêmxêtđin Môhamêt ở nhà viên thống đốc Damát trở về.

Vừa về tới nơi, thượng thư hỏi tin tức về anh chàng làm bánh ngọt. Người ta dẫn chàng đến. Bêtrêtđin Hátxan nước mắt rưng rưng hỏi: « Bẩm ngài, xin ngài làm ơn cho biết tôi đã làm gì xúc phạm đến ngài? »

— A, tên khốn nạn — thượng thư đáp — có phải chính mày đã làm chiếc bánh nướng nhân kem kia đưa đến cho ta không?

— Tôi xin thú nhận chính tôi làm: tôi phạm tội ác gì qua việc đó?

— Ta sẽ trừng trị cho đúng tội của mày, — Sêmxêtđin Môhamêt nói — mày đáng tội chết vì đã làm ra chiếc bánh tồi tệ như vậy.

— Ôi lạy thượng đế! Bêtrêtđin Hátxan kêu lên — tôi nghe gì thế này? Làm một chiếc bánh nướng dở mà phải chịu tội chết hay sao?

— Đúng — thượng thư nói — mày đừng hòng chờ đợi ở ta một cách đối xử nào khác hơn.

Trong khi hai người nói chuyện, thì các bà nấp kín, chăm chú quan sát Bêtrêtđin Hátxan, và chẳng khó khăn gì mà không nhận ra, mặc dù đã lâu rồi không gặp. Hai bà sung sướng quá đến nỗi ngã xuống ngất đi.

Tỉnh lại, họ muốn nhảy ra bá lấy cổ chàng, song vì đã chót hứa với thượng thư cho nên đành phải kiềm chế tình cảm thương mến tự nhiên lại.

Sèmxếtđin Môhamét quyết định khởi hành ngay đêm hôm ấy, ông cho cuốn lều trại và chuẩn bị xe cộ để lên đường ; riêng về Bètrếtđin Hátxan, ông truyền nhốt chàng vào một chiếc hòm khóa chặt chở lên lưng một con lạc đà. Công việc chuẩn bị vừa xong, thượng thư cùng các gia nhân tùy tòng lập tức lên đường. Họ đi suốt đêm hôm đó và cả ngày hôm sau không nghỉ. Họ chỉ dừng lại chập tối, và lúc ấy mới lôi Bètrếtđin Hátxan ra khỏi cái hòm cho ăn uống, nhưng chú ý để chàng ở cách xa mẹ và vợ. Suốt hai mươi ngày đi đường chàng đều bị đối xử theo cách ấy.

Đến Cairô, trại được hạ gần thành phố. Sèmxếtđin Môhamét sai dẫn Bètrếtđin Hátxan đến, rồi cho gọi người thợ mộc tới bảo trước mặt chàng : « hãy đi lấy gỗ và đóng ngay cho ta một cái cọc ».

— Kìa, thưa ngài, — Bètrếtđin Hátxan nói — ngài định dùng cái cọc ấy để làm gì ?

— Để trói mày vào đấy, rồi cho diễu khắp phố phường, cho mọi người thấy một anh chàng làm bánh ngọt thiếu lương tâm đã làm bánh nướng nhân kem mà không bỏ hạt tiêu vào.

Nghe nói, Bètrèđin Hátxan kêu lên, dáng điệu buồn cười đến nỗi Sèmxếtđin Môhamét có lắm mới giữ được vẻ nghiêm trang : « Lạy Thượng đế tối cao, vậy ra vì không cho hạt tiêu vào bánh nướng nhân kem mà người ta muốn bắt tôi chịu một cái chết đau đớn và nhục nhã thế này sao, hả trời ! »

« Lạ chưa ! — Bètrếtđin Hátxan nói — làm sao người ta đập phá hết đồ đạc trong nhà tôi, nhốt tôi vào một cái hòm, rồi cuối cùng sửa soạn treo cổ tôi

já cọc mà tất cả những việc đó chỉ tại vì tôi không cho hạt tiêu vào bánh nướng nhân kem ! Trời cao đất dày ôi ! có ai bao giờ nghe chuyện như vậy không? Có phải đấy là hành động của những người hồi giáo, những người làm đủ việc từ thiện ? » Nói đến đây chàng òa lên khóc, rồi lại tiếp tục than vãn : « Không chưa từng có ai từng bị đối xử bất công và khe khắt thế này. Làm sao có thể có chuyện giết chết một con người vì đã không cho hạt tiêu vào bánh ngọt bao giờ ! Hãy chết tiệt đi tất cả các loại bánh nướng nhân kem, cũng như cái giờ tôi chào đời ! Cầu trời cho tôi chết đi ngay trong lúc này ! »

Chàng Bètrếtđin Hátxan tuyệt vọng không ngớt lời than thở ; và khi người ta mang cái cọc gỗ và đinh đến để đóng chàng vào đấy, trông thấy cảnh tượng khủng khiếp ấy chàng hét tướng lên. « Trời đất ơi, sao lại để cho tôi phải chết cái chết ô nhục và đau đớn thế này ! và chết vì tội gì ? Không phải vì cướp của, chẳng phải vì giết người, cũng không vì chối đạo : ấy chỉ vì mỗi một tội không cho hạt tiêu vào chiếc bánh nướng nhân kem mà thôi. »

Vì đêm đã muộn rồi, thượng thư Sêmxếtđin Môhamết sai nhốt Bètrếtđin Hátxan lại vào hòm và bảo chàng : « Hãy ở đây cho đến sáng mai, nội nhật ngày mai ta sẽ cho giết mày. » Người ta mang chiếc hòm đặt lên lưng con lạc đà đã chở chàng từ Đamát đến đây. Tất cả đồ đạc khác cũng đều được xếp lên lưng lạc đà, rồi thượng thư lại lên ngựa, theo sau con lạc đà chở cháu họ ông, và kéo cả đoàn tùy tùng đi vào thành phố. Sau khi qua nhiều đường phố chẳng ai trông thấy vì mọi người đã đi ngủ, ông về dinh của mình, cho hạ cái hòm xuống, và cấm không được mở cho đến khi có lệnh ông truyền.

Trong khi gia nhân đang dỡ hàng trên lưng các con lạc đà khác, ông gặp riêng bà mẹ của Bètrếtđin Hátxan và con gái ông, rồi nói với nàng : « Tạ ơn Thượng đế đã cho chúng ta cái may mắn gặp được anh họ con và là chồng con ! Chắc là con còn nhớ rõ quang cảnh buồng riêng của con tối tân hôn. Con hãy cho xếp đặt mọi vật đúng hệt như hồi đó. Nếu con không nhớ rõ, cha có thể giúp thêm bằng bản mô tả mà cha đã cho làm trước đây. Về phần cha, cha sẽ sai bảo cho làm những việc còn lại. »

Bà người Đẹp sung sướng đi thực hiện những điều cha ra lệnh, ông cũng bắt đầu cho bày biện các vật trong phòng đúng như đạo Bètrêtđin Hátxan đến đấy cùng với gã gù lưng chăn ngựa của hoàng đế Ai-cập. Ông đi đến đâu, bọn gia nhân sắp xếp bàn ghế lại chỗ ấy. Chiếc ngai cũng như cái ngọn nến đang cháy đều không bị bỏ quên. Khi gian buồng được bày biện xong, thượng thư bước vào buồng riêng của con gái và để áo quần của Bètrêtđin Hátxan với cái túi tiền vào chỗ cũ. Xong đâu đấy, ông bảo Người Đẹp : « Con hãy thay quần áo và lên giường nằm. Khi nào Bètrếtđin Hátxan vào, con hãy phàn nàn sao chàng đi ra ngoài lâu thế, và nói rằng con rất ngạc nhiên khi tỉnh giấc không thấy có chàng ở bên cạnh. Con hãy giục chàng đi ngủ lại, và sáng sớm mai con sẽ cho mẹ chồng con và ta cười vui, khi thuật lại những gì xảy ra giữa con và chồng con tối hôm nay. » Nói xong, ông đi ra, để cho con gái được nghỉ ngơi thỏa mái.

Sèmxếtdin Mòhamêt cho tất cả gia nhân ra khỏi buồng đi nơi khác, chỉ giữ lại có hai, ba tên. Ông sai chúng mở chiếc hòm thả Bètrếtđin Hátxan ra, chỉ cho chàng mặc chiếc quần đùi áo lót, cứ như vậy dẫn chàng vào buồng, để một mình chàng ở lại đấy rồi đóng cửa lại.

Trong thời gian ấy, tuy đau khổ, Bêtrếtđin Hátxan vẫn ngủ thiếp đi, khi bọn người nhà của thượng thư lôi chàng ra khỏi hòm, cởi quần áo ngoài và mang nhanh vào trong phòng, chàng vẫn chưa tỉnh hẳn. Khi thấy một mình ở trong buồng, chàng đưa mắt nhìn khắp nơi ; những đồ vật trông thấy gợi lên trong trí chàng kỷ niệm về lễ cưới của mình, và chàng ngạc nhiên nhận ra đây chính là nơi chàng đã gặp gã chăn ngựa gù lưng. Sự ngạc nhiên càng tăng thêm khi, nhẹ nhàng tiến đến một căn buồng cửa để ngỏ, chàng nhìn vào và thấy bộ quần áo của mình ở đúng cái nơi mà chàng còn nhớ là đêm tân hôn. Chàng dụi mắt : « Trời đất ! tôi mê chăng? hay là tôi tỉnh ? »

Người Đẹp đang quan sát và rất lấy làm thú vị về sự ngạc nhiên của chàng, đột nhiên vén bức màn che và thò đầu ra nói, giọng âu yếm : « Chàng thân yêu ơi, chàng làm gì ở cửa thế ? Hãy vào ngủ lại đi. Chàng đi ra ngoài lâu quá. Em rất ngạc nhiên khi tỉnh giấc thấy không có chàng bên cạnh.» Bêtrếtđin Hátxan biến sắc khi nhận ra người đàn bà đang nói chuyện với mình chính là con người xinh đẹp mà chàng nhớ đã từng chung chăn gối. Chàng đi vào buồng nhưng không đến gần giường, vì trong đầu óc còn nóng hổi những điều xảy ra suốt mười năm qua, chàng không thể tin chắc rằng tất cả những sự kiện đó chỉ xảy ra trong một đêm thôi, chàng tiến gần đến chiếc ghế đặt bộ quần áo và túi tiền của mình, ngắm nghía kỹ rồi kêu lên : « Có Thượng đế chứng giám cho, đây thật là những điều tôi không tài nào hiểu nổi !» Người Đẹp vui thích trước sự bối rối của chồng, liền hỏi : « Chàng ơi, một lần nữa, xin mời chàng đi nằm lại. Chàng mải vui việc gì thế ?» Nghe câu hỏi, chàng tiến đến gần nàng : « Thưa bà — chàng nói — xin bà cho tôi biết tôi ở bên cạnh bà đã lâu chưa ?»

— Câu hỏi lạ quá — nàng đáp — chẳng phải là chàng vừa từ đây đứng lên lúc nãy đó sao? Chắc là tâm trí chàng đang mải suy nghĩ việc gì.

— Bà ơi — Bêtrếtđin Hátxan nói — tâm trí tôi quả là không được thanh thản. Đúng là tôi có nhớ đã nằm bên cạnh bà; song tôi cũng nhớ rằng đã từng sống mười năm ở Đamát. Nếu quả là tôi có ăn nằm với bà đêm nay, thì tôi không thể ở xa đây lâu đến vậy. Hai việc đó trái ngược nhau. Xin bà làm ơn cho biết tôi nên tin cái gì đây; hoặc là hôn nhân giữa tôi với bà là một ảo ảnh, hoặc là sự vắng mặt của tôi chẳng qua là một giấc mộng mà thôi.

— Vâng, chàng ạ, có lẽ chàng đã mơ thấy mình sống ở Đamát đấy.

— Vậy thì không có gì vui thích hơn, — Bêtrếtđin Hátxan phá ra cười và nói — Tôi tin rằng giấc mơ ấy sẽ làm cho bà thú vị. Xin bà cứ tưởng tượng là tôi trông thấy mình ở Đamát, người mặc áo lót quần đùi y như lúc này: rồi tôi đi vào thành phố giữa những tiếng la ó của đám đông đi theo chửi rủa, rồi tôi chạy trốn vào nhà một người làm bánh ngọt, ông ta nhận tôi làm con nuôi, truyền nghề cho và khi qua đời để lại cho tôi tất cả của cải; sau khi ông mất, tôi trông nom cửa hiệu của ông. Tóm lại, đã xảy ra cho tôi không biết cơ man nào là chuyện, nếu kể ra, tôi e dài dòng; tất cả những gì tôi có thể nói với bà là may lắm sao tôi tỉnh giấc đúng lúc, nếu không người ta đã đóng đinh tôi lên một cái giá rồi.

Người Đẹp vờ ra vẻ ngạc nhiên:

— Vì cớ gì mà người ta đối xử độc ác với chàng như vậy? Chắc hẳn chàng phạm tội gì to tát lắm.

— Không đâu — Bètrếtđin Hátxan đáp — chỉ vì chuyện kỳ lạ và lố bịch nhất trần đời. Tất cả tội ác của tôi là đã bán một chiếc bánh nướng nhân kem mà không cho hạt tiêu vào.

— Ôi, chỉ vì thế thôi ư?—Người Đẹp vừa nói vừa cười như nắc nẻ — phải nhận quả là người ta bắt chàng chịu một nỗi bất công ghê gớm.

— Ồ, bà ơi, có phải chỉ có vậy thôi đâu; vì cái bánh kem khốn kiếp mà tôi bị trách sao không cho hạt tiêu vào ấy, người ta đã đập phá tất cả đồ đạc trong cửa hiệu tôi, người ta lấy thừng gô tôi lại và nhốt vào trong một chiếc hòm chật chội đến nỗi tới giờ đây tôi còn cảm thấy khó chịu. Cuối cùng, người ta gọi một anh thợ mộc đến, sai làm một chiếc cọc để treo cổ tôi lên. Nhưng ơn Thượng đế, may sao tất cả những việc ấy đều là chuyện trong mơ : »...

Bètrếtđin không yên giấc được đêm hôm ấy, thỉnh thoảng chàng tỉnh dậy, bâng khuâng tự hỏi mình đang mơ hay đang tỉnh. Chàng không tin ở hạnh phúc của mình. Cho thật yên tâm, chàng vén màn nhìn suốt căn buồng. « Ta không nhầm, — chàng nói — đây chính là căn buồng mà ta đã thay thế tên gù, và đã ăn nằm với tiểu thư xinh đẹp định gả cho nó. » Đến sáng, chàng vẫn chưa xua tan hết lo âu, thì thượng thư Sèmxètđin Môhamèt bác chàng đã gõ cửa và bước vào gần như ngay tức khắc để chào chàng.

Bètrètđin Hátxan cực kỳ ngạc nhiên khi trông thấy xuất hiện đột ngột một con người mà chàng rất quen biết, nhưng không còn dáng điệu của vị quan tòa ghê gớm đã tuyên án tử hình chàng. « A, vậy ra chính ngài đấy ư — chàng kêu lên — chính ngài đã đối xử với tôi một cách phũ phàng và khép tôi vào tội chết, làm cho

đến bây giờ còn ghê sợ, vì một chiếc bánh ngọt mà tôi không cho hạt tiêu vào ? » Thượng thư phá ra cười, và để chàng hết buồn phiền, kể cho chàng nghe, nhờ có sự giúp đỡ của một ông thần, chàng đến nhà ông và lấy con gái ông thay cho tên chăn ngựa của hoàng đế. Tiếp đó, ông cho chàng biết chính nhờ cuốn sổ tự tay Nuarếtđin Ali mà ông phát hiện ra chàng là cháu họ ông, và cũng do sự phát hiện đó mà ông từ giã Cairô đi đến tận Banxôra để tìm kiếm và dò la tin tức về chàng. Ông âu yếm hôn chàng và nói thêm : « cháu thân yêu ơi, bác xin lỗi về tất cả những điều bác làm khổ cháu từ ngày nhận ra được cháu. Bác muốn đưa cháu về nhà trước khi báo cho cháu biết niềm vui sướng của cháu, để cho cháu càng thấy nó thú vị hơn sau bao nhiêu khổ ải. Cháu hãy lấy niềm vui mà cháu đưa lại cho những người thân yêu nhất để tự an ủi về mọi điều buồn tủi cháu đã phải chịu đựng. Trong khi cháu mặc áo quần, bác sẽ đi báo tin cho mẹ cháu đang hết sức nóng lòng được ôm hôn cháu, bác sẽ dẫn con trai cháu đến đây, đứa con cháu đã gặp ở Đamát, và đã có bao nhiêu cảm tình tuy chưa nhận ra cháu. »

Không có những lời lẽ nào đủ sức mạnh để diễn tả nỗi mừng của Bêtrêtđin Hátxan lúc chàng gặp lại mẹ và con trai. Cả ba người ôm hôn nhau và biểu lộ tất cả sự nồng nhiệt của tình ruột thịt và lòng thương yêu mãnh liệt. Bà mẹ kể lại cho Bêtrêtđin Hátxan nghe những chuyện cảm động nhất : bà nói đến nỗi đau đớn và bao nước mắt bà đã tuôn rơi vì xa các con lâu ngày. Chú bé Agíp không còn thoái thác không cho cha ôm hôn như hồi ở Đamát nữa, và Bêtrêtđin Hátxan, bị chia xẻ giữa hai người rất xứng đáng với tình yêu của mình, không biết làm thế nào để có thể biểu lộ hết tình thân thương đối với họ.

Trong khi những việc đó xảy ra ở nhà thì thượng thư Sêmxêtđin Môhamêt đã đến cung tâu với hoàng đế về kết quả tốt đẹp chuyến đi của mình. Hoàng đế hết sức thú vị khi nghe kể câu chuyện diệu kỳ ấy, và cho chép lại để giữ gìn cẩn thận trong sổ lưu trữ của nước nhà. Sêmxêtđin Môhamêt đã cho sắp sẵn một tiệc lớn, vì vậy khi ông vừa trở về nhà, tất cả gia đình đều ngồi vào bàn tiệc, và cả nhà liên hoan tưng bừng suốt ngày hôm đó.

HẾT TẬP MỘT

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 3
Nghìn lẻ một đêm 23
Chuyện người đánh cá 43
Chuyện nhà vua trẻ nước các Đảo đen 63
Chuyện ba chàng khất sĩ con vua và năm thiếu phụ ở thành cổ Bátđa 79
Chuyện chàng khất sĩ thứ nhất, con vua 105
Chuyện chàng khất sĩ thứ hai, con vua 114
Chuyện kẻ ghen ghét và người bị ghen ghét 128
Chuyện chàng khất sĩ thứ ba, con vua 148
Chuyện nàng Zôbêít 180
Chuyện Xinbát, người đi biển 205
Chuyến đi đầu tiên của Xinbát, người đi biển 209
Chuyến đi thứ hai của Xinbát, người đi biển 216
Chuyến đi thứ ba của Xinbát, người đi biển 223
Chuyến đi thứ tư của Xinbát, người đi biển 231
Chuyến đi thứ năm của Xinbát, người đi biển 246
Chuyến đi thứ sáu của Xinbát, người đi biển 252
Chuyến đi thứ bảy và cuối cùng của Xinbát, người đi biển 263
Chuyện Nuarếtdin Ali và Bètrếtdin Hátxan 272

Chịu trách nhiệm xuất bản :
LÝ HẢI CHÂU

Biên tập nội dung : NGUYỄN NGỌC LÂN
Trình bày sách : TRẦN KHOÁT
Trình bày bìa : PHẠM NGỌC BỘI
Sửa bản in : NHẬT TUẤN

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM TẬP I

In 30.200 cuốn, tại Nhà in THANH NIÊN (Thành đoàn Tp. Hồ Chí Minh). Khuôn khổ 13×19. Số xuất bản 4/VH
In xong : tháng 9/1982. Nộp lưu chiểu : tháng 9/1982.

Đón đọc năm Tủ sách của Nhà xuất bản Văn học bao gồm những tác phẩm ưu tú nhất của nền văn học Việt Nam vã thế giới mở đầu kê hoạch 10 năm (1981—1990).

1— Tủ sách Văn học Cổ Cận đại Việt Nam.

2— Tủ sách Văn học Hiện đại Việt Nam.

3— Tủ sách Văn học Cổ điển nước ngoài.

4— Tủ sách Văn học Hiện đại nước ngoài.

5— Tủ sách Văn học mọi nhà.

Giá 27đ